

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

Của Cơ sở

**NHÀ MÁY SẢN XUẤT QUẦN ÁO MAY SẴN,
CÔNG SUẤT 6.074.580 SẢN PHẨM/NĂM**

Địa chỉ: Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa,
Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Bình Dương, tháng.../2024

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Của Cơ sở

**NHÀ MÁY SẢN XUẤT QUẦN ÁO MAY SẴN,
CÔNG SUẤT 6.074.580 SẢN PHẨM/NĂM**

Địa chỉ: Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa,
Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Chủ cơ sở

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC
BÌNH DƯƠNG**



TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Thành Đức

Đơn vị tư vấn

**CÔNG TY TNHH MTV XD-TM-DV
MÔI TRƯỜNG ĐÔNG Á**



Lưu Thị Bích Hiền

Bình Dương, tháng năm 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	i
DANH SÁCH BẢNG.....	ii
DANH SÁCH HÌNH ẢNH	iii
Chương I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	1
1. Thông tin về chủ cơ sở	1
2. Thông tin về cơ sở	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở	4
3.1. Công suất của cơ sở	4
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở	4
3.3. Sản phẩm của cơ sở	6
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	7
4.1. Nguyên, nhiên liệu sử dụng và hóa chất của cơ sở	7
4.2. Nhu cầu về sử dụng điện, nước của Cơ sở	7
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	11
5.1. Nhu cầu về nhân lực	11
5.2. Danh mục các máy móc thiết bị của cơ sở	11
5.3. Các hạng mục công trình của cơ sở.....	14
Chương II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	16
1. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	16
2. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	16
Chương III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	17
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	17
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	17
1.2. Thu gom, thoát nước thải	18
1.3. Xử lý nước thải	19
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	24
2.1. Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông	24
2.2. Bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng.....	25
2.3. Bụi, khí thải từ vận hành lò hơi.....	26
2.4. Bụi từ quá trình sản xuất	32
2.5. Biện pháp giảm thiểu mùi từ nhà vệ sinh, nhà lưu chứa rác và hệ thống thoát nước, xử lý nước thải.....	33
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	34
3.1. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	34
3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường	35
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	37
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	38
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	39

6.1. Phương án phòng ngừa sự cố về nước thải	39
6.2. Phương án phòng ngừa sự cố về khí thải	40
6.3. Phương án phòng ngừa sự cố khác	40
7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	47
7.1. Tổng hợp các nội dung thay đổi.....	47
7.2. Đánh giá các tác động liên quan việc cải tạo, nâng công suất các HTXL khí thải và biện pháp giảm thiểu các tác động liên quan đến môi trường cũng như nhà máy hiện hữu	50
Chương IV: nội dung đề nghị CẤP giấy phép môi trường	55
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	55
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	55
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	56
4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn.....	57
4.1. Quản lý chất thải nguy hại phát sinh	57
4.2. Quản lý chất thải sinh hoạt phát sinh	58
4.3. Quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh.....	58
Chương V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	61
1. Kết quả quan trắc môi trường năm 2022	61
1.1. Kết quả quan trắc nước thải.....	61
1.2. Kết quả quan trắc khí thải.....	61
2. Kết quả quan trắc môi trường năm 2023	63
2.1. Kết quả quan trắc nước thải.....	63
2.2. Kết quả quan trắc khí thải.....	64
chương vi: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	67
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở đầu tư	67
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	67
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	67
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật	68
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	68
2.2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường.....	69
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	69
Chương VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	70
Chương VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	71
PHỤ LỤC	72

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

ATLĐ	An toàn lao động	KDC	Khu dân cư
ATGT	An toàn giao thông	KT- XH	Kinh tế - xã hội
BOD	Nhu cầu oxy sinh học	NĐ	Nghị định
BXD	Bộ Xây dựng	NTSH	Nước thải sinh hoạt
BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường	OSHA	An toàn lao động và môi trường
BYT	Bộ Y tế	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
COD	Nhu cầu oxy hóa học	PCCN	Phòng chống cháy nổ
CP	Chính phủ	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
CTR	Chất thải rắn	QĐ	Quyết định
CTRXD	Chất thải rắn xây dựng	QH	Quốc hội
CTRSH	Chất thải rắn sinh hoạt	SP	Sản phẩm
CTNH	Chất thải nguy hại	TCKT	Tiêu chuẩn kỹ thuật
DO	Oxy hòa tan	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
GTVT	Giao thông vận tải	TSP	Bụi tổng
HTKT	Hạ tầng kỹ thuật	TSS	Tổng chất thải rắn lơ lửng
WHO	Tổ chức y tế thế giới	TT	Thông tư
NGĐ	Ngày.đêm		

DANH SÁCH BẢNG

Bảng 1.1: Nguyên liệu, nhiên liệu được sử dụng tại Cơ sở.....	7
Bảng 1.2: Thống kê lưu lượng dùng nước của cơ sở	8
Bảng 1.3: Chi tiết các đối tượng dùng nước của cơ sở.....	9
Bảng 1.4: Chi tiết các đối tượng xả thải của cơ sở.....	10
Bảng 1.5: Danh mục máy móc, thiết bị của Cơ sở.....	11
Bảng 1.6: Các hạng mục công trình của Cơ sở	14
Bảng 3.1: Thông số kỹ thuật của công trình thu gom và thoát nước mưa	17
Bảng 3.2: Thông số của các hạng mục công trình xử lý của cơ sở	22
Bảng 3.3: Chất lượng khí thải sau HTXL khí thải lò hơi (tham khảo)	29
Bảng 3.4: Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải lò hơi sau cải tạo nâng cấp ..	30
Bảng 3.5: Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường trong quá trình hoạt động của cơ sở	35
Bảng 3.6: Thành phần và khối lượng chất thải rắn nguy hại	37
Bảng 3.7: Thống kê các phương tiện chữa cháy của cơ sở	41
Bảng 3.8: Nguyên nhân gây nổ nhiên liệu trong buồng đốt lò hơi	44
Bảng 3.8: Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường	48
Bảng 4.1: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn đối với nước thải.....	55
Bảng 4.2: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn đối với khí thải.....	56
Bảng 5.1: Tổng hợp kết quả quan trắc nước thải năm 2022	61
Bảng 5.2: Tổng hợp kết quả quan trắc khí thải năm 2022	62
Bảng 5.3: Tổng hợp kết quả quan trắc nước thải năm 2023	63
Bảng 5.4: Tổng hợp kết quả quan trắc khí thải năm 2023	64
Bảng 6.1: Chương trình quan trắc trong giai đoạn vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải	67
Bảng 6.2: Kinh phí dành cho giám sát môi trường trong quá trình hoạt động trong 1 năm	69

DANH SÁCH HÌNH ẢNH

Hình 1: Vị trí và hình ảnh tổng quan của Cơ sở.....	2
Hình 2: Quy trình sản xuất tại Cơ sở.....	5
Hình 3.1: Sơ đồ thu gom nước mưa tại cơ sở.....	17
Hình 3.2: Sơ đồ thu gom nước thải tại cơ sở.....	18
Hình 3.3 Sơ đồ bể tự hoại 3 ngăn.....	19
Hình 3.4: Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải tại cơ sở, công suất 200 m ³ /ngày.đêm.....	20
Hình 3.5: Sơ đồ công nghệ xử lý khí thải lò hơi hiện hữu.....	26
Hình 3.6: Sơ đồ công nghệ xử lý khí thải lò hơi sau cải tạo nâng cấp.....	28
Hình 3.7: Sơ đồ nguyên lý thông thoáng nhà xưởng.....	33
Hình 3.8: Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ.....	43

CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

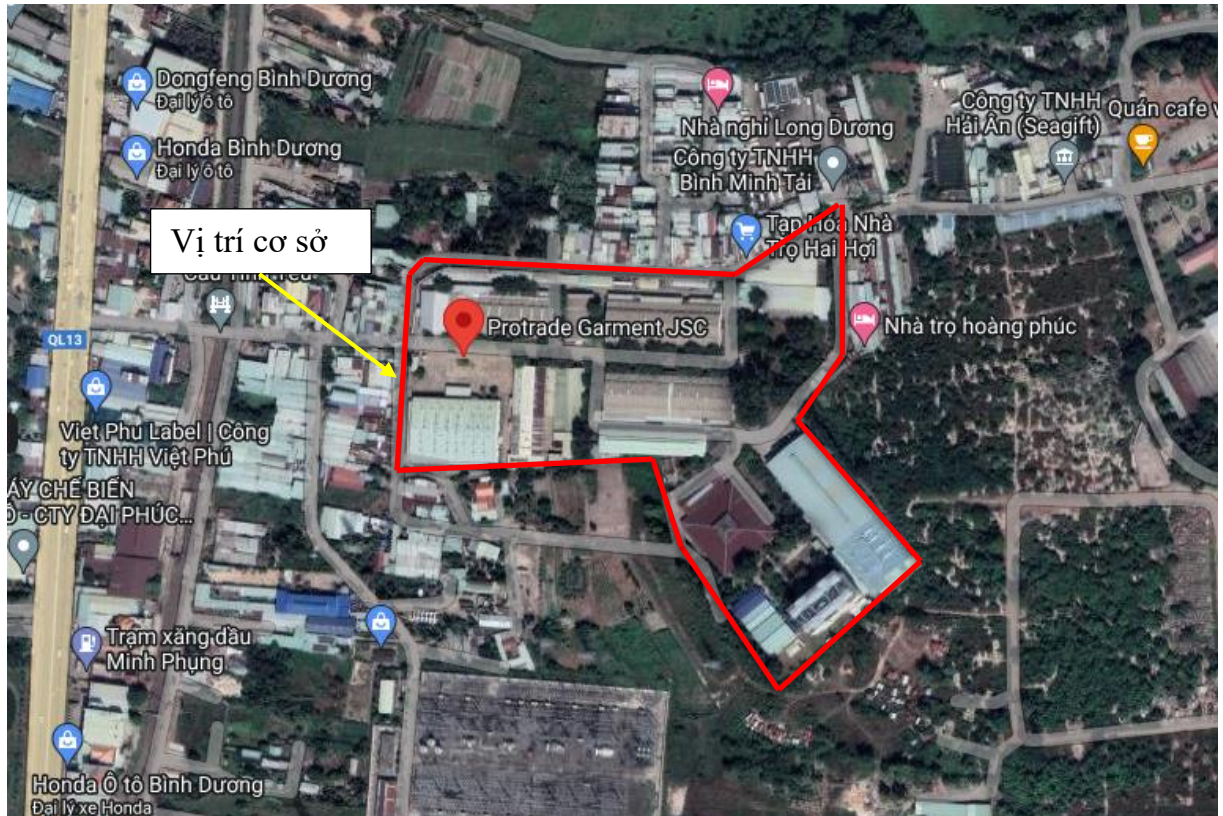
1. Thông tin về chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Công ty Cổ phần May Mặc Bình Dương
- Địa chỉ văn phòng: số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương.
- Người đại diện theo pháp luật:
 - + Ông: Phan Thành Đức Chức vụ: Tổng giám đốc
 - + Sinh ngày: 15/07/1971 Quốc tịch: Việt Nam
 - + CCCD số: 074071002450; ngày cấp: 01/05/2021; Nơi cấp: Cục trưởng Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự xã hội
 - + Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và địa chỉ liên lạc: 53/2 Thạnh Lộc, phường An Thạnh, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại: 0274 3755143 Fax: 0274 3755415
- Email: info@protradegarment.com Website: www.protradegarment.com
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700769438 đăng ký lần đầu ngày 23/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 27/01/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.
- Mã số thuế: 3700769438.

2. Thông tin về cơ sở

- Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất quần áo may sẵn, công suất 6.074.580 sản phẩm/năm.
- Địa điểm cơ sở: số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, Tp. Thuận An, tỉnh Bình Dương.
- Các vị trí tiếp giáp của Cơ sở như sau:
 - + Phía Bắc giáp: đường nhựa vào hãng sữa Duthlady (Cô gái Hà Lan).
 - + Phía Nam giáp: bãi đất trống của người dân.
 - + Phía Đông giáp: Nghĩa trang Triều Châu.
 - + Phía Tây giáp: nhà dân.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất quần áo may sẵn, công suất 6.074.580 sản phẩm/năm”



Hình 1: Vị trí và hình ảnh tổng quan của Cơ sở

- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt cơ sở:
 - + Quyết định số 09/2010/QĐ-CTY ngày 26/05/2010 của UBND tỉnh Bình Dương về việc giao quyền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương tại Điều 1 của Quyết định.
 - + Hợp đồng thuê tài sản số 01-19/12/HĐ-IMPCO ký ngày 19/12/2018 giữa Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Bình Dương và Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương.
 - + Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất số 02-19/12/HĐ-IMPCO ký ngày 19/12/2018 giữa Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Cơ sở Bình Dương và Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương (Diện tích 51.281,9 m², bao gồm thửa 1210, 1209 và 1211).
 - + Hợp đồng thuê nhà số 12/HĐ- IMPCO ký ngày 10/05/2024 giữa Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Cơ sở Bình Dương và Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương (Diện tích sử dụng 7.510,68 m²; diện tích xây dựng 1.073 m²).
 - + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 644267, thửa đất số 1209, tờ bản đồ số DC9 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/02/2018 (Diện tích 7.226,7 m²).
 - + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 644269, thửa đất số 1210, tờ bản đồ số DC9 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/02/2018 (Diện tích 43.226,9 m²).
 - + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 644268, thửa đất số 1211, tờ bản đồ số DC9 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/02/2018 (Diện tích 828,3 m²).
 - + Giấy chứng nhận chất lượng công trình xây dựng số 186/2023/GCN được chứng nhận vào ngày 11/09/2023 do Công ty CP Tư vấn Kiểm định Quốc tế (ICCI) kiểm định chất lượng công trình Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương.
 - + Giấy thẩm duyệt PCCC số 30/TD-PCCC (TA) được cấp ngày 08/11/2011 của Sở CS PCCC tỉnh Bình Dương cho Công ty Cổ phần May Mặc Bình Dương.
 - + Văn bản số 120/SCSPCCC-TA ngày 14/06/2012 của Sở CS PCCC tỉnh Bình Dương về việc xác nhận nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương.
 - + Giấy thẩm duyệt PCC số 761/TD-PCCC được cấp ngày 03/10/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH Công an tỉnh Bình Dương cấp.
- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần:
 - + Quyết định số 933/QĐ-STNMT ngày 29/12/2011 về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường Nhà máy sản xuất quần áo may sẵn, công suất 6.074.580 sản phẩm/năm của UBND tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH MTV May Mặc Bình Dương (nay là Công ty Cổ phần May Mặc Bình Dương).

- + Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 114/GP-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty Cổ phần May Mặc Bình Dương.
- + Sổ đăng ký quản lý chủ nguồn thải nguy hại số 74.000934.T ngày 26/08/2010 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH MTV May Mặc Bình Dương.
- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Cơ sở thuộc điểm d, khoản 4, Điều 8 (Cơ sở công nghiệp) và có tổng vốn đầu tư cơ sở là 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng) nên tiêu chí phân loại của cơ sở thuộc khoản 3 Điều 9 – thuộc nhóm B (có tổng mức đầu tư từ 60 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng) theo Luật đầu tư công 2019.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở

3.1. Công suất của cơ sở

Công suất đã đăng ký là 6.074.580 sản phẩm/năm, trong đó bao gồm:

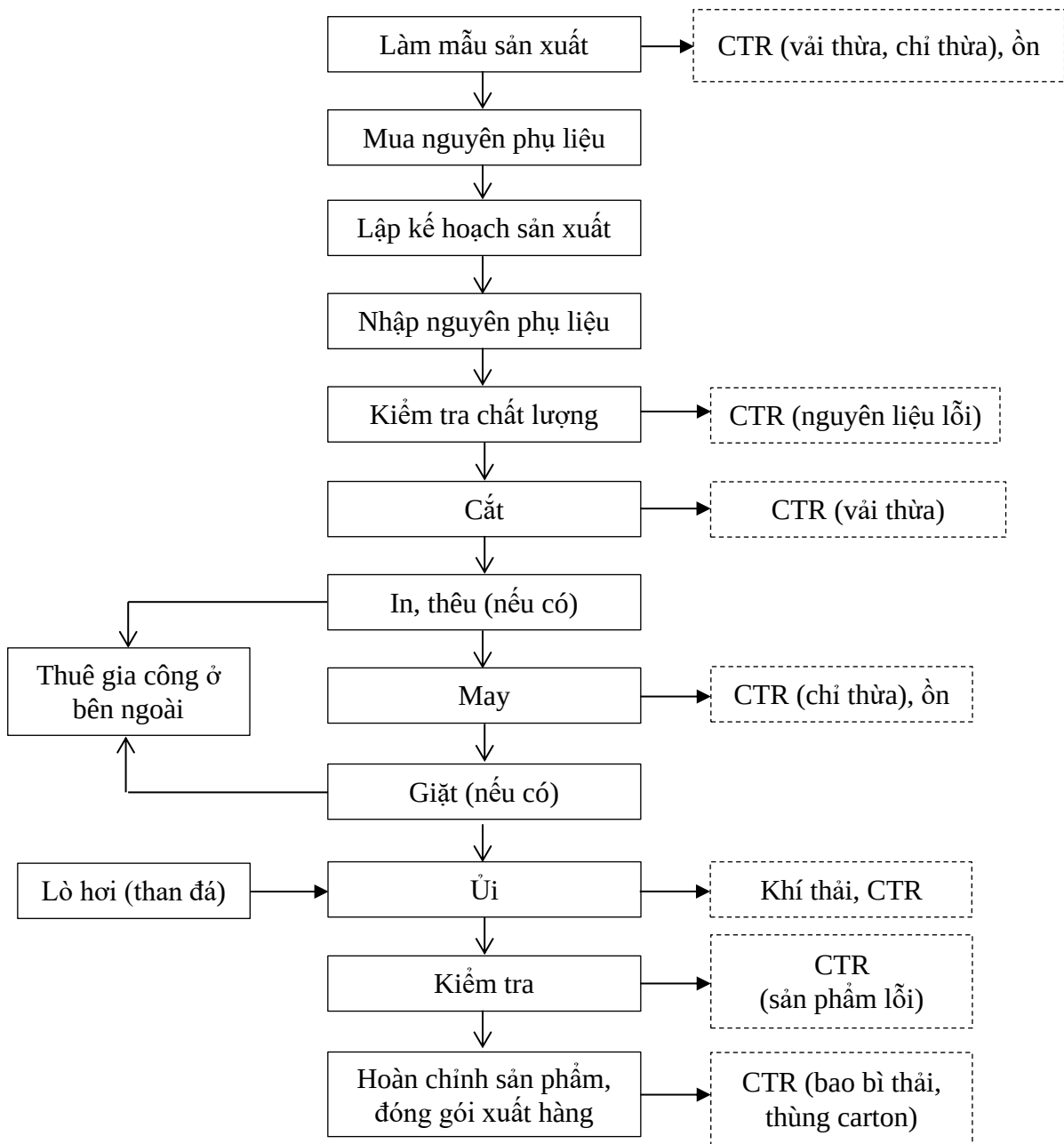
- Áo sơ mi : 2.058.324 sản phẩm/năm.
- Quần jean : 2.744.780 sản phẩm/năm.
- Quần thể thao: 1.271.476 sản phẩm/năm.

Công suất trong năm 2023 đạt 3.997.347 sản phẩm/năm, chiếm khoảng 66% so với công suất tối đa.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Cơ sở có quy trình sản xuất chuyên nghiệp, tiên tiến với công nghệ hiện đại, máy móc, thiết bị chuyên dụng được tự động hóa, chỉ có một số công đoạn nhỏ được thực hiện bằng thủ công.

Quy trình sản xuất được thể hiện chi tiết như hình sau:



Hình 2: Quy trình sản xuất tại Cơ sở

Thuyết minh quy trình sản xuất:

Sau khi có đơn đặt hàng theo mẫu thiết kế của khách hàng, Công ty sẽ sản xuất theo dây chuyền có thể được tóm tắt như sau:

- Làm mẫu sản xuất: ngay sau khi có đơn đặt theo mẫu thiết kế của khách hàng, bộ phận thiết kế sẽ lên sơ đồ, tính định mức, làm rập, may mẫu.
- Mua nguyên phụ liệu: song song với bộ phận làm mẫu thì bộ phận theo dõi đơn hàng cũng sẽ tiến hành đặt mua nguyên liệu từ nhà cung cấp.
- Lập kế hoạch sản xuất: bộ phận kế hoạch lập kế hoạch sản xuất cho đơn hàng mới.

- Nhập nguyên phụ liệu: sau khi bộ phận theo dõi đơn hàng đặt nguyên liệu đã đủ số lượng và có ngày giao hàng cụ thể sẽ được Phòng xuất nhập khẩu làm thủ tục Hải quan nhập về nhà máy.
- Kiểm tra chất lượng: toàn bộ nguyên liệu nhập về sẽ được bộ phận kho kiểm tra chất lượng trước khi cho vào sản xuất.
- Cắt: sau khi có sơ đồ, rập sản xuất, bộ phận cắt sẽ trải vải lên bàn cắt, đặt rập lên trên và cắt bằng máy, từng chi tiết sẽ được cắt, tách riêng và chuyển sang bộ phận khác làm công việc tiếp theo.
- In, thêu (nếu có): nếu đơn đặt hàng có yêu cầu in, thêu thì sẽ được chuyển đi gia công ở đơn vị bên ngoài sau đó chuyển lại về cơ sở.
- May: các chi tiết sẽ được may theo đúng yêu cầu của thiết kế thành sản phẩm hoàn chỉnh.
- Giặt (nếu có): tùy vào loại sản phẩm của đơn đặt hàng mà có tiêu chuẩn, kỹ thuật yêu cầu cần giặt, nếu có thì sẽ được chuyển ra gia công ở đơn vị bên ngoài sau đó chuyển lại về cơ sở.
- Ủi: sản phẩm sau khi được chuyển về từ công đoạn giặt về cơ sở sẽ qua ủi để tạo phẳng của sản phẩm trước khi hoàn thiện, nguồn nhiệt cung cấp cho bàn ủi là lò hơi. Tại công đoạn này phát sinh nhiệt dư gây nóng cho công nhân nên tại đây chủ cơ sở lắp đặt hệ thống quạt hút thông gió tạo điều kiện mát mẻ cho nhân viên khi làm việc.
- Kiểm tra: sản phẩm khi hoàn chỉnh sẽ được bộ phận QA kiểm tra lần cuối về yêu cầu kỹ thuật, tính thẩm mỹ của sản phẩm.
- Hoàn chỉnh sản phẩm: sau khi kiểm tra chất lượng, các sản phẩm đạt yêu cầu sẽ được ủi, treo và cuối cùng là cho vào túi nylon đóng gói.
- Xuất hàng: sau khi hoàn thành về mặt kiểm tra chất lượng sản phẩm, đóng gói Phòng xuất nhập khẩu sẽ làm thủ tục chuyển đến khách hàng.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm của cơ sở là: áo sơ mi, quần jean, quần thể thao.

Hình ảnh sản phẩm như sau:



4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nguyên, nhiên liệu sử dụng và hóa chất của cơ sở

Nguyên liệu chính phục vụ sản xuất của Cơ sở là vải và các phụ kiện kèm theo. Khối lượng nguyên phụ liệu, nhiên liệu được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1.1: Nguyên liệu, nhiên liệu được sử dụng tại Cơ sở

Stt	Tên nguyên liệu, nhiên liệu	Đvt	Khối lượng sử dụng	Công đoạn sử dụng	Xuất xứ
1.	Vải các loại	Mét/năm	7.048.641	May	Việt Nam/ Trung Quốc
2.	Keo lót	Mét/năm	592.711	Lắp ráp	Việt Nam
3.	Dây kéo	Sợi/năm	2.382.408	Lắp ráp	Việt Nam
4.	Nút	Cái/năm	28.368.792	Lắp ráp	Trung quốc
5.	Rivet	Bộ/năm	34.218.902	Hoàn chỉnh	Trung quốc
6.	Đệm nút các loại	Cái/năm	12.582.462	Hoàn chỉnh	Việt Nam
7.	Chỉ may	Cuộn/năm	466.068	May	Việt Nam
8.	Túi nylon	Cái/năm	4.443.946	Đóng gói	Việt Nam
9.	Băng keo	Cuộn/năm	162.683	Đóng gói	Việt Nam
10.	Thùng carton	Cái/năm	442.038	Đóng gói	Việt Nam
11.	Nhãn các loại	Cái/năm	26.039.987	Đóng gói	Việt Nam/ Trung Quốc
12.	Thẻ bài	Cái/năm	3.998.563	Đóng gói	Việt Nam
13.	Đạn nhựa	Cái/năm	3.756.721	Đóng gói	Việt Nam
14.	Kẹp nhựa	Cái/năm	78.188	Đóng gói	Việt Nam
15.	Kẹp sắt	Cái/năm	6.142.756	Đóng gói	Việt Nam
16.	Dầu DO	Kg/h	281	Máy phát điện dự phòng	Việt Nam
17.	Axeton	Lít/năm	120	Vệ sinh sản phẩm	Việt Nam
18.	Than	Tấn/năm	373,5	Lò hơi	Việt Nam

Nguồn: Công ty Cổ phần May Mặc Bình Dương, 2024

Ghi chú: Axetone được dùng với lượng rất ít, không đáng kể dùng để chấm tẩy những vết dơ trên quần áo khi cần thiết. Với khối lượng sử dụng chỉ khoảng 120 lít/năm tương đương 0,33 lít/ngày.

4.2. Nhu cầu về sử dụng điện, nước của Cơ sở

4.2.1. Nhu cầu dùng điện và nguồn cấp

- Nguồn cấp điện: Nguồn cấp điện cho cơ sở lấy từ lưới điện quốc gia qua trạm biến thế hạ áp bằng hợp đồng mua điện với Điện lực thành phố Thuận An tỉnh Bình Dương.
- Nhu cầu dùng điện: Ước tính nhu cầu dùng điện lớn nhất của Cơ sở trong 3 tháng gần nhất là 259.094 Kwh/tháng.

- Chủ cơ sở có trang bị 4 máy phát điện dự phòng có công suất lần lượt là: 660 KVA, 560 KVA, 380 KVA và 377 KVA. Chủ cơ sở chỉ sử dụng khi có sự cố cúp điện từ lưới điện quốc gia.

4.2.2. Nhu cầu dùng nước và nguồn cấp

- Nguồn cấp nước: lấy từ trạm cấp nước của Công ty CP Nước – Môi trường Bình Dương.
- Nhu cầu dùng nước: Hoạt động của Cơ sở chủ yếu dùng nước để cấp cho sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại Cơ sở, cho nhà ăn, cho lò hơi, cho hệ thống xử lý khí thải lò hơi, nước tưới cây, rửa đường và PCCC.
- Lưu lượng cấp nước sinh hoạt của Cơ sở trong thời gian vừa qua:

Bảng 1.2: Thống kê lưu lượng dùng nước của cơ sở

Stt	Thời gian	Số lượng (m ³)
1	Từ ngày 19/12/2023 – 18/01/2024	3.070
2	Từ ngày 19/01/2024 – 18/02/2024	2.106
3	Từ ngày 19/02/2024 – 18/03/2024	2.740
Tổng lưu lượng trung bình (m³/tháng)		2.638,67
Tổng lưu lượng trung bình (m³/ngày)		101,49
Tổng lưu lượng lớn nhất (m³/ngày)		118,08

Nguồn: Công ty Cổ phần May Mặc Bình Dương, 2024

Như vậy nhu cầu sử dụng nước của Cơ sở hiện tại dao động khoảng từ 100-118 m³/ngày (không tính nước PCCC).

Chi tiết các đối tượng dùng nước và xả thải trong giai đoạn vận hành ổn định được thể hiện dưới các bảng sau:

Bảng 1.3: Chi tiết các đối tượng dùng nước của cơ sở

Stt	Đối tượng dùng nước	Nước cấp theo Đề án 2011 (m³/ngày)		Nước cấp trong giai đoạn hoạt động ổn định (m³/ngày)		Ghi chú
		Quy mô/chỉ tiêu	Lưu lượng	Quy mô/chỉ tiêu	Lưu lượng	
1.	Quá trình sinh hoạt cho công nhân làm việc tại cơ sở	2.700 người 80 lít/người/ngày	216,0	2.000 người 45 lít/người/ngày (TCXDVN 33:2006)	90,0	Điều chỉnh quy mô và chỉ tiêu lại cho phù hợp với thực tế
2.	Nhà ăn	2.700 người 11 lít/người/ngày	30,0	2.000 người 30 lít/người/ngày	60,0	Điều chỉnh quy mô và chỉ tiêu lại cho phù hợp với thực tế
3.	Khu vực nhà ở của công nhân	700 người 120 lít/người/ngày	84,0	-	0,0	Không còn sử dụng
4.	Lò hơi	4 lò hơi	16,0	5 lò hơi	20,0	Tăng thêm để phù hợp với nhu cầu sản xuất
5.	Hệ thống xử lý khí thải lò hơi (Nước thay định kỳ tháp hấp thụ)	4 hệ thống	12,0	4 hệ thống	1,06	Tăng thêm để phù hợp với nhu cầu xử lý khí thải phát sinh Cấp 1 lần sử dụng và định kỳ thay 32 m³/tháng
6.	Hệ thống làm mát	-	-	01 hệ thống	70,0	Bổ sung thêm để phù hợp với thực tế Tuần hoàn tái sử dụng, chỉ bổ sung lượng hao hụt
7.	Tưới cây	-	2,0	-	2,0	Không thay đổi
8.	Rửa đường	-	0,0	-	0,5	Điều chỉnh lại cho phù hợp với thực tế
	TỔNG	-	360,0	-	243,56	

Nguồn: Công ty Cổ phần May Mặc Bình Dương, 2024

Vậy nhu cầu cấp nước của Cơ sở trong giai đoạn vận hành ổn định (không tính nước PCCC) khoảng **243,56 m³/ngày.đêm**, giảm so với Đề án được phê duyệt năm 2011.

Bảng 1.4: Chi tiết các đối tượng xả thải của cơ sở

Stt	Đối tượng dùng nước	Nước thải theo Đề án 2011 (m ³ /ngày)	Nước thải trong giai đoạn hoạt động ổn định (m ³ /ngày)	Ghi chú
1.	Quá trình sinh hoạt cho công nhân làm việc tại cơ sở	216,0	90,0	Phát sinh nước thải
2.	Nhà ăn	30,0	60,0	Phát sinh nước thải
3.	Khu vực nhà ở của công nhân	84,0	0,00	Không phát sinh nước thải
4.	Lò hơi	0,0	0,0	Không phát sinh nước thải
5.	Hệ thống xử lý khí thải lò hơi (Nước thay định kỳ tháo hấp thụ)	12,0	1,06	Định kỳ thay 32 m ³ /tháng
6.	Hệ thống làm mát	-	0,0	Không phát sinh nước thải
7.	Tưới cây	0,0	0,0	Không phát sinh nước thải
8.	Rửa đường	0,0	0,0	Không phát sinh nước thải
	TỔNG	342,0	151,06	-

Nguồn: Công ty Cổ phần May Mặc Bình Dương, 2024

- Lượng nước thải phát sinh của Cơ sở trong giai đoạn hiện tại khoảng 70 - 136 m³/ngày.đêm
- Lượng nước thải phát sinh của Cơ sở trong giai đoạn vận hành ổn định khoảng 151,06 m³/ngày.đêm.

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

5.1. Nhu cầu về nhân lực

- Tổng số cán bộ công nhân viên làm việc tại Cơ sở tối đa khoảng 2.000 người.
- Tổng số lượng công nhân viên làm việc tại Cơ sở trong giai đoạn hiện tại khoảng: 1.833 người.
- Thời gian làm việc 8h/ngày, 6 ngày/tuần, từ 7h30-16h30.

5.2. Danh mục các máy móc thiết bị của cơ sở

Cơ sở sử dụng các loại máy móc, thiết bị được trang bị tiên tiến, hiện đại, tự động hóa nên giúp cho công nhân dễ dàng vận hành. Các thiết bị được trình bày chi tiết như Bảng sau:

Bảng 1.5: Danh mục máy móc, thiết bị của Cơ sở

Stt	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	Tình trạng
1.	Máy may 1 kim	Bộ	1.072	400W	Nhật/Đài Loan/ Trung Quốc	70%
2.	Máy may 2 kim	Bộ	330	500W	Nhật/Đài Loan/ Trung Quốc	70%
3.	Máy móc xích	Bộ	117	300W	Nhật/Đài Loan/ Trung Quốc	70%
4.	Máy ziz zac	Bộ	4	300W	Nhật/Đài Loan/ Trung Quốc	70%
5.	Máy cuốn sườn	Bộ	76	500W	Nhật/Ý	70%
6.	Máy vắt sổ	Bộ	251	500W	Nhật/Trung Quốc	70%
7.	Máy may lai	Bộ	35	500W	Ý	70%
8.	Máy làm khuy	Bộ	70	500W	Nhật	70%
9.	Máy đóng nút	Bộ	41	500W	Nhật	70%
10.	Máy bọ	Bộ	119	500W	Nhật/Đài Loan	70%

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất quần áo may sẵn, công suất 6.074.580 sản phẩm/năm”

Stt	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	Tình trạng
11.	Máy dập nút đồng	Bộ	78	550W	Đài Loan	70%
12.	Máy lập trình	Bộ	62	500W	Nhật/Ý/Trung Quốc	70%
13.	Máy kansai	Bộ	40	500W	Nhật	70%
14.	Máy đánh bông	Bộ	16	300W	Nhật/Trung Quốc	70%
15.	Máy mổ túi	Bộ	2	500W	Nhật	70%
16.	Máy cắt tự động	Bộ	4	22.500W	Mỹ/Ý	70%
17.	Máy đánh chỉ	Bộ	10	180W	Trung Quốc/Hàn Quốc	70%
18.	Máp ép keo	Bộ	7	23.000W	Đức/Đài Loan	70%
19.	Máy ép các loại	Bộ	38	2.000W	Đức/Hàn Quốc	70%
20.	Lò hơi	Cái	5	0,5 tấn/h 0,3 tấn/h	Việt Nam	70%
21.	Máy nén khí	Bộ	22	11.250W	Đài Loan	70%
22.	Máy kiểm vải	Bộ	9	300W	Việt Nam	70%
23.	Máy lộn quần	Bộ	11	2.200W	Việt Nam/ Trung Quốc	70%
24.	Bàn hút	Bộ	100	500W	Trung Quốc	70%
25.	Máy cắt rập	Bộ	5	200W	Nhật	70%
26.	Máy vẽ sơ đồ	Bộ	3	200W	Mỹ	70%
27.	Máy phát điện dự phòng	Cái	4	660KVA, 560KVA, 380 KVA, 377 KVA	Mỹ/Singapore	80%
28.	Máy làm mát	Cái	187	1,5 HP – 1,1 kW Công suất gió: 18.000 m ³ /h	Việt Nam	85%
29.	Khung làm mát	Cái	5	Kích thước 6mx1,8m; 1,8mx2,5m	Việt Nam	70%

Nguồn: Công ty Cổ phần May Mặc Bình Dương, 2024

Một số hình ảnh máy móc thiết bị của dự án như sau:





5.3. Các hạng mục công trình của cơ sở

Tổng diện tích của cơ sở là 65.803,20 m². Các hạng mục công trình của cơ sở đã được xây dựng hoàn chỉnh đáp ứng nhu cầu sản xuất của Cơ sở.

Chi tiết các hạng mục công trình của Cơ sở như sau:

Bảng 1.6: Các hạng mục công trình của Cơ sở

Stt	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Mật độ (%)	Công năng
I	Các hạng mục công trình chính			
1.	Xưởng may 1	2.475,0	4,73	Xưởng may
2.	Xưởng may 2	2.700,0	5,16	Xưởng may
3.	Xưởng may 3	2.880,0	5,50	Xưởng may
4.	Xưởng may 4	3.200,0	6,11	Xưởng may
5.	Xưởng cắt	3.696,0	7,06	Xưởng cắt
6.	Xưởng hoàn tất (2 tầng) (Xưởng hoàn thiện)	1.724,0	2,62	Xưởng hoàn thiện sản phẩm
7.	Xưởng cơ điện	624,0	1,19	Bảo trì máy móc, thiết bị
8.	Nhà văn phòng	1.010,0	1,93	Hoạt động văn phòng
9.	Nhà ăn	2.940,0	5,62	Khu vực ăn uống của công nhân viên Nhà máy
10.	Xưởng may mẫu	1.170,0	2,24	Lên thiết kế mẫu

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất quần áo may sẵn, công suất 6.074.580 sản phẩm/năm”

Stt	Hạng mục công trình	Diện tích (m ³)	Mật độ (%)	Công năng
11.	Kho nguyên phụ liệu, thành phẩm	2.852,0	5,45	Lưu chứa nguyên liệu, thành phẩm
12.	Nhà vệ sinh	340,0	0,65	Vệ sinh của công nhân viên
13.	Nhà máy phát điện	65,0	0,12	Đặt máy phát điện
14.	Trạm y tế	100,0	0,19	Chăm sóc sức khỏe
15.	Chung cư công nhân (nhà ở của công nhân, 07 tầng)	1.073,0	2,05	Không hoạt động từ tháng 02/2021
16.	Nhà xe	2.124,0	4,06	Bố trí khu vực để xe
17	Hồ nước PCCC	258,0	0,49	Chứa nước PCCC
18.	Nhà bảo vệ	48,0	0,09	Điều phối giao thông
II	Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường			
1.	Khu vực chứa rác: - Kho chứa rác sinh hoạt: 39,1 m ² . - Kho chứa chất thải công nghiệp thông thường: 114,64 m ² . - Kho chứa rác nguy hại: 8,16 m ² .	161,9	0,31	Lưu chứa rác thải sinh hoạt, sản xuất và chất thải nguy hại.
2	Khu vực xử lý khí thải lò hơi	162,0	0,31	Thu gom và xử lý khí thải từ quá trình đốt lò hơi.
3	Khu vực xử lý nước thải	139,4	0,27	Thu gom và xử lý nước thải của Cơ sở.
III	Cây xanh	16.510,0	25,09	-
IV	Đường nội bộ, sân bãi	19.550,90	29,71	-
Tổng diện tích		65.803,20	100,00	-

Nguồn: Công ty Cổ phần May Mặc Bình Dương, 2024

CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Cơ sở “*Nhà máy sản xuất quần áo may sẵn, công suất 6.074.580 sản phẩm/năm*” tọa lạc tại số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, TP.Thuận An, tỉnh Bình Dương. Cơ sở được đầu tư xây dựng có quy mô diện tích phù hợp với quy hoạch là 65.803,20 m².

Căn cứ theo Quyết định 22/2023/QĐ-UBND ngày 06/07/2023 của UBND tỉnh Bình Dương về việc ban hành quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương, sự phù hợp của Cơ sở đối với quy hoạch sử dụng đất của TP.Thuận An cũng như sự phù hợp về quy hoạch bảo vệ môi trường theo quy hoạch tỉnh và phân vùng môi trường như sau:

- Cơ sở thuộc vùng bảo vệ nghiêm ngặt (Điểm a, Khoản 1, Điều 3).
- Căn cứ theo Khoản 2, Điều 4 của Quyết định 22/2023/QĐ-UBND ngày 06/07/2023 thì các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động không đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại khoản 1 Điều này, phải thực hiện chuyển đổi loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đổi mới công nghệ và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về môi trường đối với vùng bảo vệ môi trường quy định khoản 1 Điều này.

Như vậy, tại Cơ sở hoàn toàn phù hợp với các quy định phân vùng môi trường tại khu vực, vì hiện tại các nguồn phát thải như: nước thải và khí thải, Chủ cơ sở đã có công trình xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định trước khi xả ra môi trường.

2. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

Nội dung này đã được đánh giá trong quá trình thực hiện đề án bảo vệ môi trường và đã được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt đề án bảo vệ môi trường theo Quyết định số 933/QĐ-STNMT ngày 29/12/2011. Hiện tại sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch, khả năng chịu tải của môi trường không thay đổi so với nội dung đã được đánh giá trong quá trình lập báo cáo đề án bảo vệ môi trường. Do vậy báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường này chủ cơ sở không thực hiện đánh giá lại sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch, khả năng chịu tải môi trường.

CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

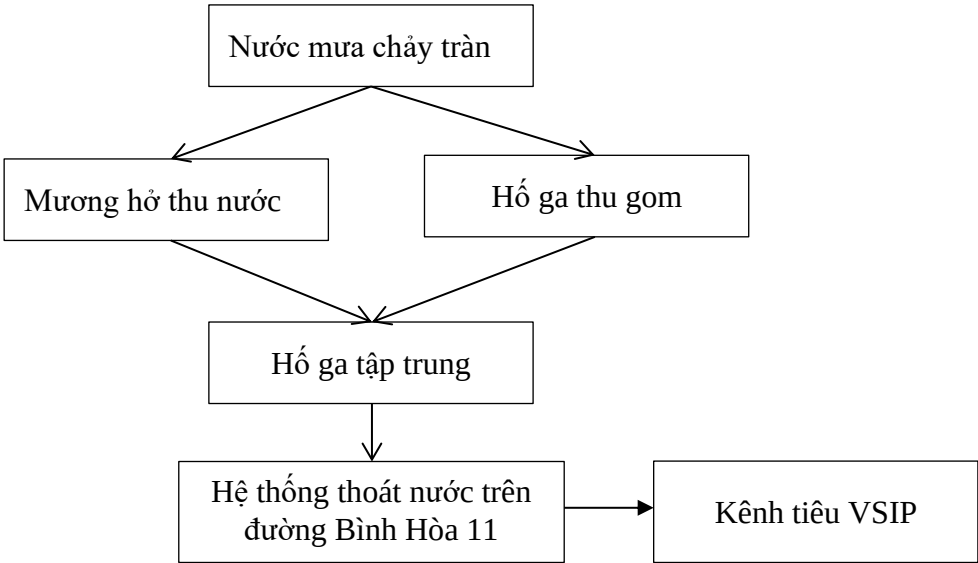
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

- Hệ thống thoát nước mưa xây dựng tách riêng với hệ thống thoát nước thải.
- Hệ thống thoát nước mưa thu gom từ sân mái, sânô mái bằng đường ống PVC D114 và các ban công đi vào các mương hở thu nước có bố trí song chắn rác để tạo điều kiện thoát nước mưa một cách triệt để.
- Các hố ga còn được bố trí rải rác để lắng cát do nước mưa cuốn trôi nước khi tự chảy vào bằng đường ống PVC có D114 và chảy vào hố ga tập trung có kích thước 1.400 x 1.400 x 1.300 mm và thoát ra hệ thống thoát nước của khu vực là kênh tiêu VSIP bằng cống tròn BTCT có D1000 nằm trên đường Bình Hòa 11 và chảy ra kênh tiêu Bình Hòa (rạch Ông Bó) → rạch Vĩnh Bình → sông Sài Gòn.
- Thông số kỹ thuật cơ bản của công trình thu gom và thoát nước mưa:

Bảng 3.1: Thông số kỹ thuật của công trình thu gom và thoát nước mưa

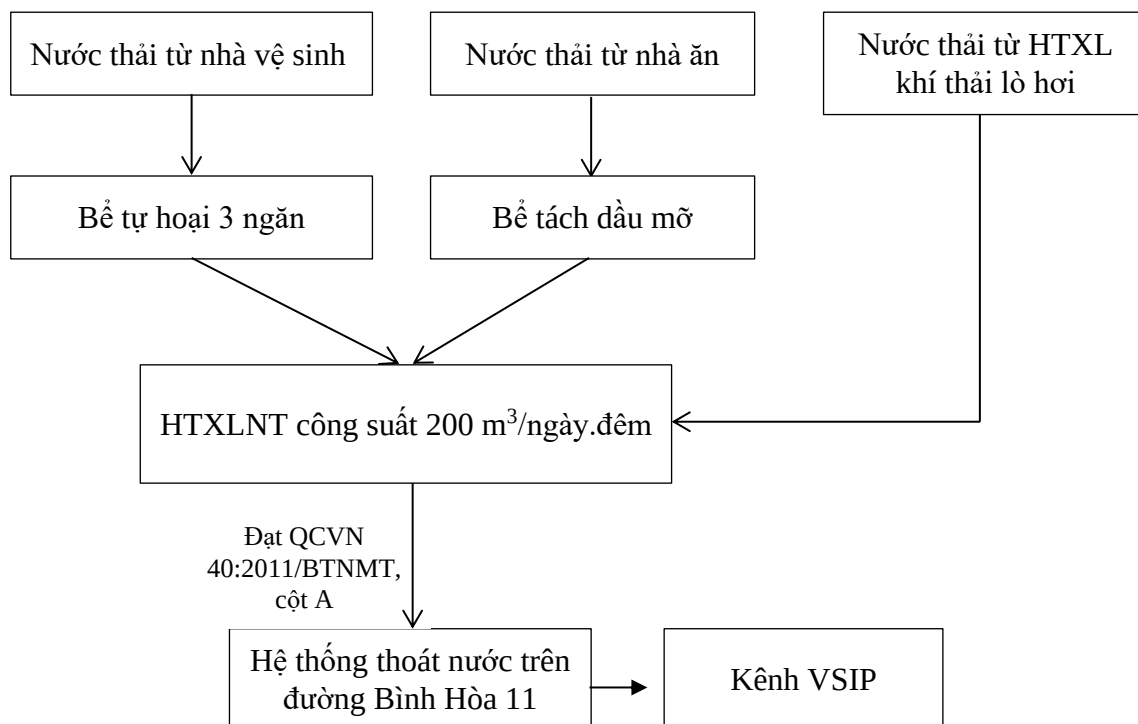
Stt	Công trình	Thông số	Số lượng	Kết cấu
1	Mương thu nước (cống dạng kín)	M800	1.004 m	BTCT
2	Hố ga thu gom	1.400 x 1400 mm x 1300 mm	33 hố ga	BTCT
3	Hố ga tập trung	1.400 x 1400 mm x 1300 mm	1 hố ga	BTCT



Hình 3.1: Sơ đồ thu gom nước mưa tại cơ sở

1.2. Thu gom, thoát nước thải

- Công trình thu gom và thoát nước thải của Cơ sở như sau:
 - + Nước thải sinh hoạt: phát sinh khoảng 112,5 m³/ngày được thu gom bằng đường ống PVC D60 từ các nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 cùng với nước thải từ lavabo được dẫn hệ thống xử lý tập trung của Cơ sở.
 - + Nước thải từ nhà ăn: phát sinh khoảng 62,5 m³/ngày được thu gom bằng đường ống PVC D60 và xử lý sơ bộ bằng bể tách dầu mỡ sau đó dẫn về HTXLNT tập trung của Cơ sở.
 - + Đối với nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi phát sinh khoảng 1,06 m³/ngày. Hệ thống xử lý dùng nước và có thêm dung dịch NaOH để hấp thụ bụi phát sinh từ lò hơi nên thành phần chủ yếu là bụi, TSS,...do vậy sẽ được thu gom bằng đường ống nhựa PPR D40 và dẫn về HTXLNT tập trung của Cơ sở.
 - + Toàn bộ nước thải được thu gom về HTXLNT có công suất 200 m³/ngày.đêm để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (Kq=0,9; Kf=1,1) trước khi xả ra môi trường tiếp nhận.
- Điểm xả nước thải sau xử lý: nước thải sau xử lý được dẫn ra bằng đường ống PVC 60 mm tại hố ga có kích thước 950 x 950 x 1160 mm và dẫn đường ống này nằm luồn trong hệ thống thoát nước của khu vực là kênh tiêu VSIP bằng đường ống tròn BTCT có D1000 nằm trên đường Bình Hòa 11 sau đó xả ra kênh VSIP → kênh tiêu Bình Hòa (rạch Ông Bó) → rạch Vĩnh Bình → sông Sài Gòn. Vị trí xả thải của cơ sở đã được UBND tỉnh Bình Dương cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 114/GP-UBND ngày 18/12/2019.

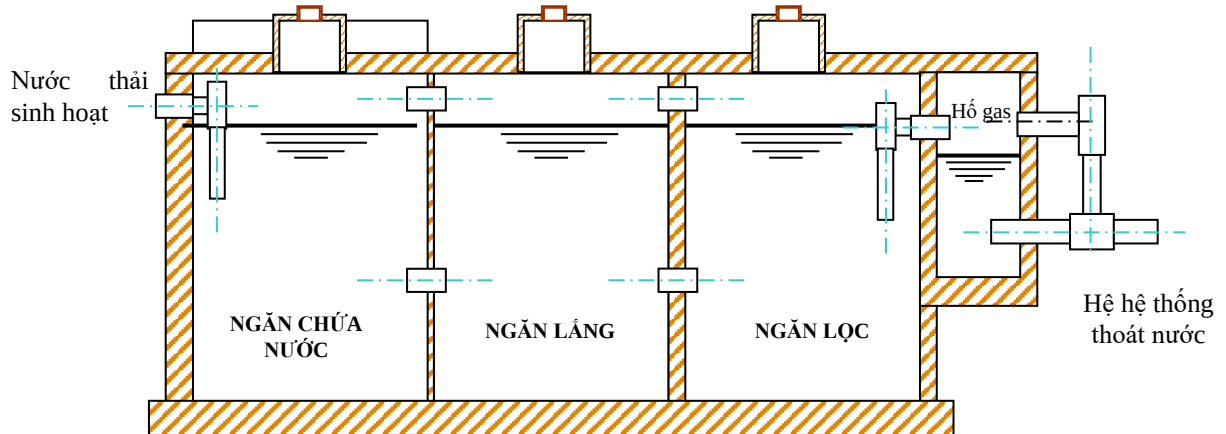


Hình 3.2: Sơ đồ thu gom nước thải tại cơ sở

1.3. Xử lý nước thải

1.3.1. Công trình xử lý sơ bộ

Nước thải từ nhà vệ sinh phát sinh (âu tiểu, bể xí) sẽ được thu gom bằng đường ống riêng, sau đó được xử lý cục bộ tại bể tự hoại 3 ngăn trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cơ sở. Cấu tạo các bể tự hoại như sau:



Hình 3.3 Sơ đồ bể tự hoại 3 ngăn

Tiêu chuẩn kết cấu của bể tự hoại:

- Không được thấm vào đất, vào nước ngầm.
- Thể tích hợp lý, xây dựng bằng bê tông M200.

Tính toán sơ lược bể tự hoại:

Theo tính toán lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh 112,5 m³/ngày.đêm (lấy bằng 100% nước cấp). Tuy nhiên nước đi vào bể xí chỉ khoảng 75 m³/ngày.đêm ($Q_{bể\ xí} = 30\text{ lít/ng.đ} \times 2.500\text{ người} = 75\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$). Kích thước cần thiết của bể tự hoại cho việc xử lý nước thải phát sinh từ Cơ sở như sau:

$$W_{bể} = W_{cặn} + W_{nước}$$

$$W_{nước} = Q \times K = 75\text{ m}^3 \times 1,2 = 90\text{ m}^3$$

(K: hệ số lưu lượng, K = 1,2)

$$W_{cặn} = a \times N \times t \times (100 - P_1) \times 0,7 \times 1,2 \times (100 - P_2)/100.000$$

- + A : Lượng cặn lắng trung bình của 1 người, a = 0,4 - 0,5 l/người.ngđ
- + N : Số người sống và hoạt động trong vùng Cơ sở = 2.500 người.
- + t : Thời gian tích lũy cặn trong bể tự hoại, t = 180 - 365 ngđ
- + 0,7 : Hệ số tính đến 30% giảm thể tích cặn đã được phân hủy
- + 1,2 : Hệ số tính đến 20% cặn được giữ lại bể tự hoại để lên men cặn
- + P₁ : Độ ẩm của cặn tươi, P₁ = 95%
- + P₂ : Độ ẩm của cặn trong bể tự hoại, P₂ = 90%

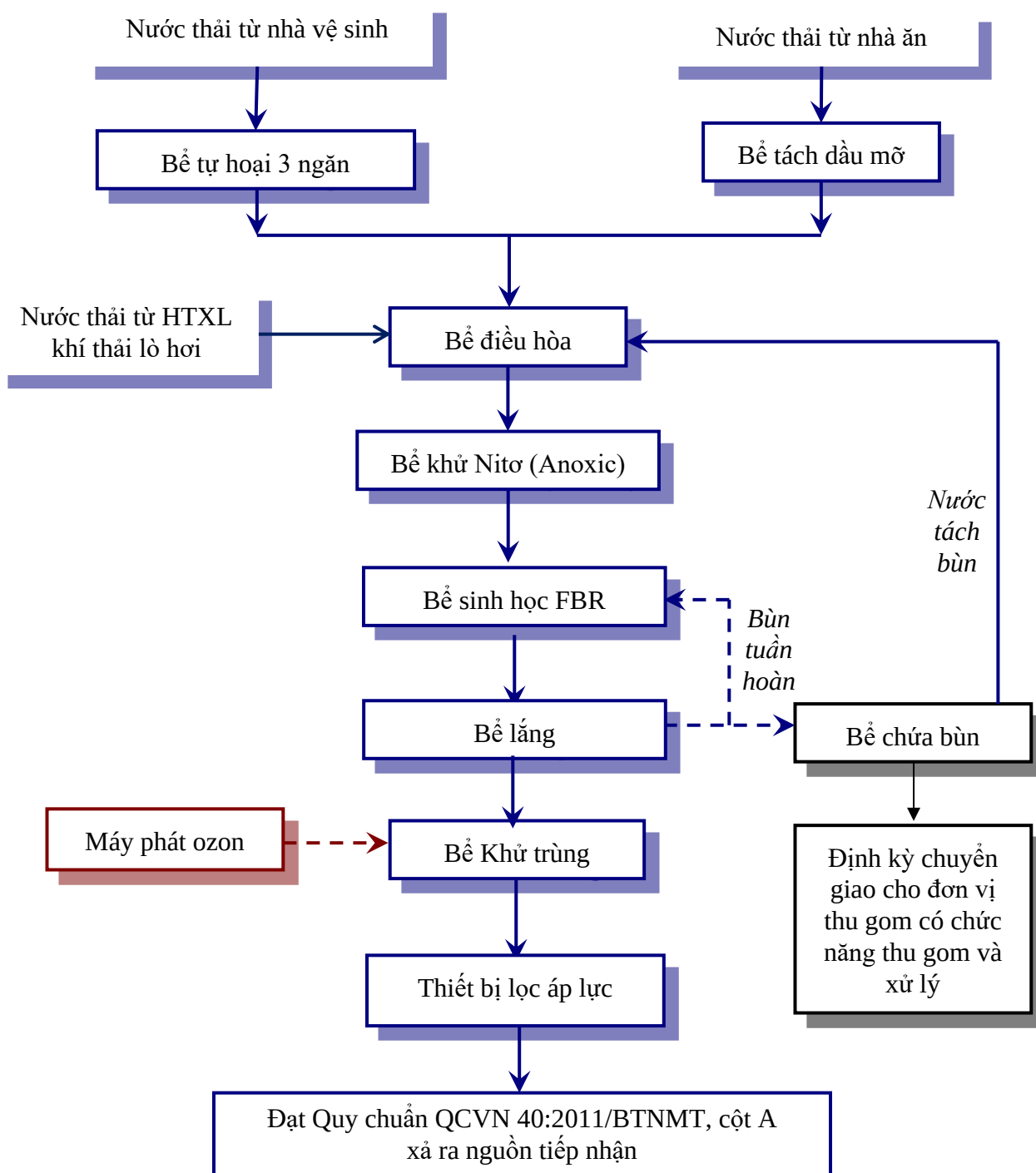
$$W_{cặn} = 0,4 \times 2.500 \times 180 \times (100-95) \times 0,7 \times 1,2 \times (100-90)/100.000 = 75,6\text{ m}^3$$

$$\rightarrow W_{bể} = W_{cặn} + W_{nước} = 90 + 75,6 = 165,6\text{ m}^3$$

Hiện trạng tại Cơ sở bố trí 5 bể tự hoại có $V = 70 \text{ m}^3/\text{bể}$ ($L \times B \times H = 6,7 \times 5,2 \times 2,0\text{m}$) được phân bố ở: Xưởng 3, giữa Xưởng cắt và Xưởng 4, Xưởng hoàn thành, Nhà ăn, giữa Xưởng 1 và văn phòng đáp ứng được nhu cầu xử lý sơ bộ nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh của Cơ sở.

1.3.2. Hệ thống xử lý nước thải

Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải công suất $200 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ như hình sau:



Hình 3.4: Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải tại cơ sở, công suất $200 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$

Thuyết minh quy trình:

Bể tách dầu mỡ

Bể tách dầu mỡ có nhiệm vụ tách dầu mỡ, bọt, chất tẩy rửa bề mặt... và chất rắn lơ lửng sẽ được loại bỏ. Dầu mỡ nổi lên bề mặt bể tách mỡ sẽ được công nhân vận hành vớt bỏ thường xuyên. Phần nước thải sau khi bể tách mỡ được bơm về bể điều hòa để xử lý chung với nước thải từ các nhà vệ sinh cũng đã xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn trước đó.

Bể điều hòa

- Bể điều hòa giữ nhiệm vụ điều hòa lưu lượng và ổn định nồng độ trước khi đưa nước thải đến các công trình đơn vị phía sau. Tránh sự biến động về hàm lượng các chất hữu cơ trong nước thải làm ảnh hưởng đến hoạt động của vi sinh vật trong quá trình xử lý sinh học. Tạo điều kiện cho các công trình phía sau ổn định và đạt được hiệu quả xử lý cao.
- Để tránh lắng cặn, giảm mùi hôi, ổn định nồng độ sẽ lắp đặt hệ thống thổi khí trong bể điều hòa.
- Từ bể điều hòa nước thải được bơm với lưu lượng ổn định vào Bể khử Nito (Anoxic).

Bể khử Nito (Anoxic)

Bể này giúp khử sạch N, các chất hữu cơ bị oxy hóa trong quá trình khử Nitrat làm tăng hiệu suất, giúp giảm lượng bùn, tăng khả năng lắng của bùn. Bể khử Nito (Anoxic) sẽ kết hợp với Bể sinh học FBR để mang lại hiệu quả cao.

Bể sinh học FBR

Quá trình sinh học hiếu khí sẽ giúp xử lý triệt để các chất hữu cơ còn lại trong nước thải như H_2S , Amoni, Nito,... dựa trên cơ sở hoạt động của vi sinh vật phân hủy chất hữu cơ gây ô nhiễm làm thức ăn để sinh trưởng và phát triển, hệ thống FBR tích hợp 3 quá trình sinh học bùn hoạt tính lơ lửng, quá trình tùy nghi khử nito, phospho và quá trình vi sinh vật sinh trưởng ở dạng bám dính trên bề mặt giá thể.

Bể lắng

Lắng cặn vi sinh từ bể sinh học FBR. Nước thải ra khỏi bể lắng có nồng độ BOD, COD giảm 70-75% (hiệu quả lắng đạt 85-95%). Phần nước trong sẽ chảy qua bể chứa trung gian và khử trùng. Phần bùn hoạt tính sẽ được bơm tuần hoàn cung cấp lại bể sinh học FBR, phần bùn dư được bơm về bể chứa bùn.

Bể chứa trung gian kết hợp khử trùng

Có nhiệm vụ thu nước từ bể lắng để bơm lên thiết bị lọc áp lực bằng bơm áp lực. Tại đây, nước thải được trộn chung với khí ozon từ máy phát ozon để tiêu diệt các vi sinh vật gây bệnh có hại cho sức khỏe.

Thiết bị lọc áp lực

- Nhiệm vụ của thiết bị lọc áp lực là khử mùi, màu và loại bỏ các cặn còn trong nước thải mà các quá trình xử lý trước chưa xử lý triệt để. Nước thải sau thiết bị lọc áp lực đã đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A được xả ra nguồn tiếp nhận.
- Bùn cặn chứa trong bể chứa bùn sẽ được định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom và thu gom xử lý theo đúng quy định (6-12 tháng/lần).
- Nước tách bùn từ chứa bùn được dẫn về bể điều hòa để tiếp tục xử lý.

Thông số kỹ thuật của các hạng mục công trình xử lý nước thải như Bảng sau:

Bảng 3.2: Thông số của các hạng mục công trình xử lý của cơ sở

Stt	Hạng mục	Kích thước	Số lượng	Vật liệu
1.	Bể tách dầu mỡ	LxBxH= 6,5 x 5,5 x 3,2 (m)	1	BTCT
2.	Bể điều hòa	LxBxH= 5,5x5,0x2,9 (m)	1	BTCT
3.	Bể Anoxic	LxBxH= 5,2x3,8x3,2 (m)	1	BTCT
4.	Bể sinh học FBR	LxBxH= 5,5x3,8x3,2 (m)	2	BTCT
5.	Bể lắng	LxBxH= 4,0x3,8x3,2 (m)	1	BTCT
6.	Bể khử trùng	LxBxH= 0,8x3,8x3,2 (m)	1	BTCT
7.	Bể chứa bùn	LxBxH= 5,5x2,6x2,9 (m)	1	BTCT
8.	Thiết bị lọc áp lực	DxH= 3,2 x 1,8 (m)	1	SUS 304

Nguồn: Công ty Cổ phần May Mặc Bình Dương, 2024





Hình ảnh hệ thống xử lý nước thải



Hồ ga thu gom nước thải nội bộ của cơ sở

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Tại hoạt động của cơ sở, các nguồn gây ô nhiễm không khí phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở bao gồm:

- Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông;
- Bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng;
- Bụi, khí thải từ vận hành lò hơi;
- Bụi từ quá trình sản xuất;
- Khí ô nhiễm từ hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tập trung;
- Khí ô nhiễm từ khu vực lưu trữ chất thải rắn.

2.1. Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông

Trong quá trình hoạt động ổn định của Cơ sở, hàng ngày có số lượng lớn phương tiện vận chuyển hàng hóa, các phương tiện di chuyển cá nhân. Các phương tiện giao thông gồm xe tải, xe ô tô con, mô tô 02 bánh. Trong quá trình hoạt động của các phương tiện này sẽ phát sinh ra khói thải có chứa bụi và các khí ô nhiễm như SO_2 , NO_x , CO, VOC,...

Chủ cơ sở sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp quản lý nội bộ nhằm giảm thiểu tác động từ hoạt động của các phương tiện giao thông để hạn chế đến mức thấp nhất ảnh hưởng đến chất lượng môi trường xung quanh như sau:

- Đường nội bộ trong khuôn viên Cơ sở được bê tông hóa và hàng ngày được quét dọn vệ sinh để tránh gây ra bụi bẩn.
- Cơ sở sử dụng nhiên liệu sạch (dầu DO có hàm lượng S = 0,05%) để vận hành các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ra vào Cơ sở.
- Khi các xe tải lưu thông trong khuôn viên Cơ sở phải giảm tốc độ và thực hiện chế độ tắt máy khi đang dừng chờ bốc dỡ hàng hóa.

- Đối với các phương tiện vận chuyển thuộc tài sản của Cơ sở tiến hành bảo dưỡng định kỳ, vận hành đúng trọng tải để giảm thiểu các khí độc hại của các phương tiện này. Không sử dụng các loại xe vận chuyển đã hết hạn sử dụng.
- Cơ sở bố trí cây xanh để tránh bụi phát tán nhiều vào không khí. Tán cây xanh dày có thể hấp thụ bức xạ mặt trời, điều hoà các yếu tố vi khí hậu, chống ồn, hấp thụ khói bụi và những hỗn hợp khí như: SO_2 , CO_2 , hợp chất chứa nitơ, phospho,...

2.2. Bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng

Tại cơ sở có 04 máy phát điện công suất 660 KVA, 560 KVA, 380 KVA và 377 kVA để dự phòng cho trường hợp mất điện. Máy phát điện sử dụng nhiên liệu là dầu DO, khi đốt dầu DO sẽ phát sinh các chất ô nhiễm gồm bụi, CO, NO_x , SO_2 . Tuy nhiên, nồng độ các chất ô nhiễm này nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 19:2009/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Ngoài ra, máy phát điện dự phòng chỉ sử dụng khi cần thiết (trong trường hợp cúp điện) nên tác động do khí thải từ máy phát điện là không đáng kể.

Chủ cơ sở sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường như giai đoạn hiện hữu.

- Máy phát điện dự phòng đặt trên nền BTCT dày 100mm.
- Sử dụng loại dầu có tỷ lệ %S thấp (dầu DO, 0,05%S) để giảm thiểu nồng độ SO_2 trong khí thải.
- Lắp thêm 04 miếng cao su ở dưới chân máy.
- Phát tán khí thải máy phát điện qua ống khói cao. Ống khói máy phát điện của cơ sở làm bằng sắt, đường kính 250mm và cao 2,0 m.
- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy phát điện.
- Chỉ sử dụng máy phát điện dự phòng khi bị cúp điện hoặc xảy ra sự cố liên quan đến lưới điện.



Khu vực máy phát điện

2.3. Bụi, khí thải từ vận hành lò hơi

Tại Cơ sở có sử dụng 05 lò hơi với nhiên liệu đốt là than đá. Các lò hơi được bố trí như sau:

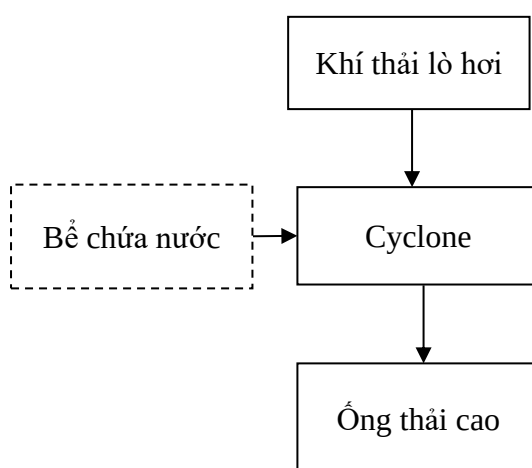
- Xưởng may 1 : 1 lò công suất 0,3 tấn/giờ.
- Xưởng may 2 : 1 lò công suất 0,5 tấn/giờ.
- Xưởng may 4 : 1 lò công suất 0,3 tấn/giờ.
- Xưởng hoàn tất : 2 lò công suất 0,3 tấn/giờ và 0,5 tấn/giờ.

Việc đốt than cung cấp nhiệt cho lò hơi sẽ phát sinh các chất ô nhiễm như bụi, SO_2 , SO_3 , NO_x , CO. Để giảm thiểu Chủ cơ sở đã tiến hành thu gom khí thải phát sinh bằng đường ống dẫn và đưa vào hệ thống xử lý dạng tháp hấp thụ bằng nước trước khi cho phát thải ra bên ngoài môi trường thông qua ống khói cao.

Theo Đề án được duyệt năm 2011 và hiện trạng:

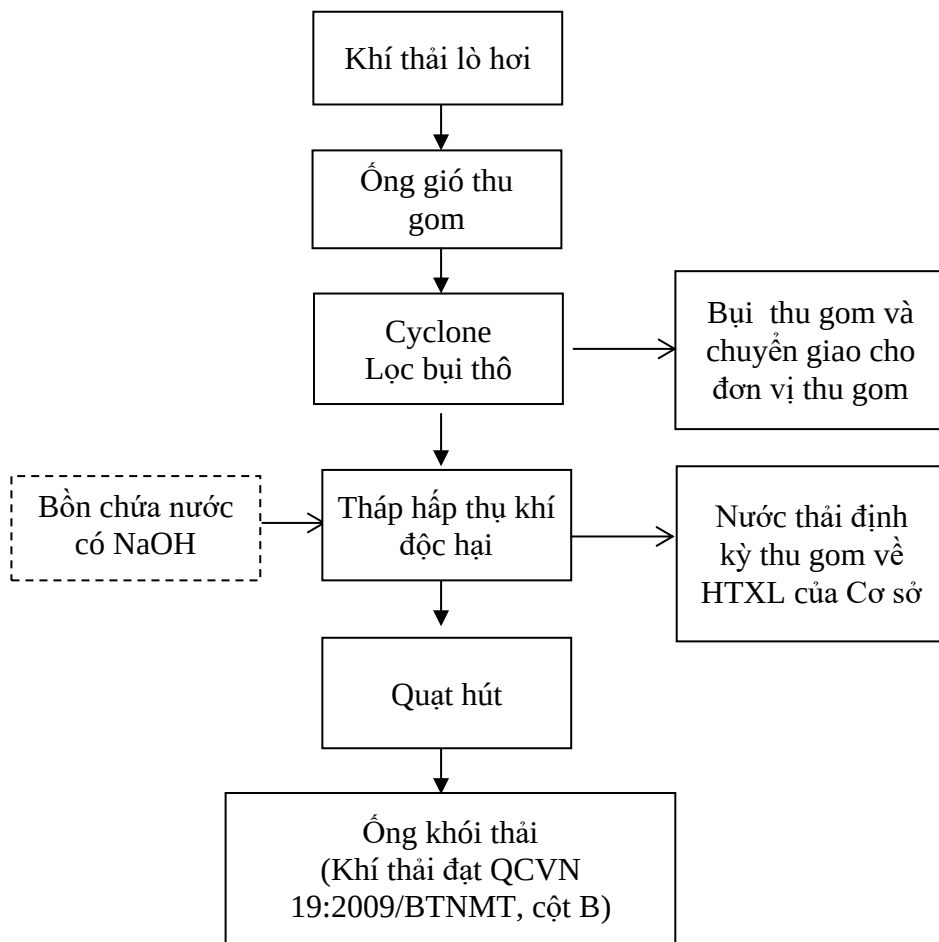
Cơ sở đã xây dựng 5 hệ thống xử lý khí thải tương ứng với 5 lò hơi với nhiên liệu đốt là than đá, chi tiết như sau:

- Xưởng may 1: Hệ thống xử lý khí thải lò hơi (0,3 tấn/giờ), lưu lượng 1.200 m³/h.
- Xưởng may 2: Hệ thống xử lý khí thải lò hơi (0,5 tấn/giờ), lưu lượng 1.300 m³/h.
- Xưởng may 4: Hệ thống xử lý khí thải lò hơi (0,3 tấn/giờ), lưu lượng 1.200 m³/h.
- Xưởng hoàn tất (nay gọi là Xưởng hoàn thiện):
 - + Hệ thống xử lý khí thải lò hơi (0,5 tấn/giờ), lưu lượng 1.300 m³/h.
 - + Hệ thống xử lý khí thải lò hơi (0,3 tấn/giờ), lưu lượng 1.200 m³/h.



Hình 3.5: Sơ đồ công nghệ xử lý khí thải lò hơi hiện hữu

Các hệ thống xử lý khí thải tại Cơ sở được xây lắp từ năm 2011 đến nay, thời gian sử dụng đã lâu nên các hệ thống đã xuống cấp, ngoài ra Chủ cơ sở rất quan tâm đến chất



Hình 3.6: Sơ đồ công nghệ xử lý khí thải lò hơi sau cải tạo nâng cấp

Thuyết minh quy trình

Khí thải đi vào Cyclone lọc bụi thô, những hạt bụi nhỏ và khí độc hại đi vào tháp hấp thụ từ phía dưới của tháp thông qua quạt hút khí, nước có NaOH được phun vào từ trên xuống dưới tháp và đổ đều lên bề mặt của các bộ lọc.

Khí cùng với nước được tiếp xúc và xảy ra quá trình truyền khối của chất, các chất ô nhiễm CO_2 , NO_x , VOCs, SO_2 trong khí thải sẽ hấp thụ vào nước thông qua bề mặt vật liệu lọc.

Các bộ lọc được làm bằng vật liệu gốm sứ. Nước hấp thụ dung môi chảy xuống đáy tháp và được chuyển đến bể chứa và hút định kỳ để xử lý.

Các quá trình xảy ra trong tháp hấp thụ:

- Quá trình hấp thụ: Tháp hấp thụ sử dụng chất xúc tác là NaOH. Khi khí thải đi qua Tháp hấp thụ, chất xúc tác hoặc chất hấp thụ được phun dạng sương mù trong Tháp hấp thụ để tạo ra một môi trường tương tác với khí thải. Các chất ô nhiễm trong khí thải sẽ phản ứng với chất xúc tác hoặc được hấp thụ bởi chất hấp thụ.
- Nồng độ chất xúc tác trong bể được quy định ở mức $\text{pH} \geq 8$ thông qua phương pháp bổ sung bằng bơm định lượng. Khi lượng chất xúc tác giảm đi ($\text{pH} < 8$) thì bơm định lượng sẽ bổ sung thêm xút mới để đảm bảo hệ thống hoạt động hiệu quả.

- Quá trình loại bỏ: Sau khi các chất ô nhiễm đã được hấp thụ, khí thải được tách ra khỏi chất xúc tác hoặc chất hấp thụ bằng quá trình cô đặc hoặc lắng đọng. Trong quá trình này, các chất ô nhiễm tạo thành hạt hay giọt lỏng lớn hơn và rơi xuống dưới, trong khi khí thải đã được xử lý được giải phóng ra ngoài.
- Xử lý chất thải: Các chất ô nhiễm đã bị tách ra từ khí thải thường được xử lý và loại bỏ một cách an toàn. Phương pháp xử lý chất thải có thể khác nhau tùy thuộc vào loại chất ô nhiễm và yêu cầu môi trường cụ thể. Thông thường, chất thải sẽ được thu gom và xử lý bằng cách tái chế hoặc tiêu hủy một cách an toàn, tuân theo quy định môi trường địa phương.
- Qua quá trình này, Tháp hấp thụ giúp loại bỏ chất ô nhiễm khỏi khí thải và giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường. Nguyên lý hoạt động này có thể được điều chỉnh và tùy chỉnh để đáp ứng yêu cầu cụ thể của từng ứng dụng và loại chất ô nhiễm.

Khí thải đã được xử lý thoát ra khỏi tháp từ ống khói phía trên của tháp và được thải ra môi trường.

Dòng khí sau khi ra khỏi thiết bị xử lý sẽ là khí sạch đạt các tiêu chuẩn môi trường theo QCVN 19:2009/BTNMT, cột B.

Đánh giá hiệu quả xử lý:

Báo cáo tham khảo kết quả quan trắc chất lượng khí thải của ống khói thải sau HTXL khí thải tại Cơ sở có áp dụng công nghệ xử lý tương tự như trên (Công ty CP Quốc tế Phong Phú), chi tiết như Bảng sau:

Bảng 3.3: Chất lượng khí thải sau HTXL khí thải lò hơi (tham khảo)

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT cột B
1	Lưu lượng	m ³ /h	1.410	-
2	Nhiệt độ	°C	75,1	-
3	Bụi	mg/Nm ³	80	200
4	SO ₂	mg/Nm ³	29	500
5	NO _x	mg/Nm ³	84	850
6	CO	mg/Nm ³	330	1.000

Nguồn: Tham khảo khí thải sau xử lý của Công ty CP Quốc tế Phong Phú, tháng 12/2022

Ghi chú: QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Nhận xét: Như vậy qua kết quả tham khảo ở Bảng trên cho thấy HTXL khí thải được áp dụng cơ sở sẽ giúp cho chất lượng khí thải đầu ra đạt tiêu chuẩn môi trường.

Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải lò hơi:

Bảng 3.4: Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải lò hơi sau cải tạo nâng cấp

Stt	Thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Vật liệu
I	HTXL Lò hơi ở XM1 (Lò hơi 0,3 tấn/h)			
1	Đường ống thu gom	D = 320 mm	1	Inox 304
2	Quạt hút	Q = 2.000 m ³ /h, P = 3,7kW	1	Thép CT3
3	Tháp hấp thụ	- H = 3,0m; D = 750mm. - Bơm nước rửa khí 0,37kW: 02 cái. - Sứ lọc bụi: 50 cái - Béc phun dập bụi: 06 cái DN15 cách nhau 150mm, - 02 tầng sole, ống kết nối DN40 INOX 304.	1	SUS 304
4	Ống khói thải	H = 3,6 m , D = 350 mm, Dày = 1,5mm	1	Inox 304
5	Bồn chứa NaOH	V = 500 lít	1	Nhựa PE
6	Bơm định lượng hóa chất	Q = 2,0-4,0 lít/h	2	Thép CT3
7	Sàn thao tác ống khói	- Kích thước: 1,5x1,5m - Cầu thang leo có vòng bảo vệ: V50, ống hàn 34mm. - Lan can: Cao 1200mm. Vật liệu: ống hàn 34mm, ống hàn 21mm - Lỗ đo khí thải: D114 (DN100) có bít chụp tháo nhanh ở đầu: 02 ống	1	Thép CT3
8	Thùng lắng tro	- Kích thước: 1,0 x 1,0 x 1,0 m - Vách ngăn: 3 vách.		SUS 304
II	HTXL Lò hơi ở XM2 (Lò hơi 0,5 tấn/h)			
1	Đường ống thu gom	D = 300 mm	1	Inox 304
2	Quạt hút	Q = 3.500 m ³ /h, P = 5,5kW	1	Thép CT3
3	Tháp hấp thụ	- H = 4,5 m; D = 750 mm - Bơm nước rửa khí 0,37kW: 02 cái. - Sứ lọc bụi: 95 cái. - Béc phun dập bụi: 06 cái DN15 cách nhau 150mm, 02 tầng sole, ống kết nối DN40 INOX 304	1	SUS 304
4	Ống khói thải	H = 3,6 m , D = 350mm, Dày = 1,5mm	1	Inox 304
5	Bồn chứa NaOH	V = 500 lít	1	Nhựa PE
6	Bơm định lượng hóa chất	Q = 2,0-4,0 lít/h	2	Thép CT3
7	Sàn thao tác ống khói	- Kích thước: 1,5x1,5m - Cầu thang leo có vòng bảo vệ: V50, ống hàn 34mm. - Lan can: Cao 1200mm. Vật liệu: ống hàn 34mm, ống hàn 21mm	1	Thép CT3

Stt	Thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Vật liệu
		- Lỗ đo khí thải: D114 (DN100) có bít chụp tháo nhanh ở đầu: 02 ống		
8	Thùng lắng tro	- Kích thước: 1,0 x 1,0 x 1,0 m - Vách ngăn: 3 vách.	1	SUS 304
III HTXL Lò hơi ở XM4 (Lò hơi 0,3 tấn/h)				
1	Đường ống thu gom	D = 320 mm	1	Inox 304
2	Quạt hút	Q = 2.000 m ³ /h, P = 3,7 kW	1	Thép CT3
3	Tháp hấp thụ	- H = 3,0 m; D = 750 mm - Bơm nước rửa khí 0,37kW: 02 cái. - Sứ lọc bụi: 50 cái - Béc phun dập bụi: 06 cái DN15 cách nhau 150 mm, 02 tầng sole, ống kết nối DN40 INOX 304	1	SUS 304
4	Ống khói thải	H = 3,6 m , D = 350 mm, Dày = 1,5mm	1	Inox 304
5	Bồn chứa NaOH	V = 500 lít	1	Nhựa PE
6	Bơm định lượng hóa chất	Q = 2,0 - 4,0 lít/h	2	Thép CT3
7	Sàn thao tác ống khói	- Kích thước: 1,5x1,5m - Cầu thang leo có vòng bảo vệ: V50, ống hàn 34mm. - Lan can: Cao 1200mm. Vật liệu: ống hàn 34mm, ống hàn 21mm - Lỗ đo khí thải: D114 (DN100) có bít chụp tháo nhanh ở đầu: 02 ống.	1	Thép CT3
8	Thùng lắng tro	- Kích thước: 1,0 x 1,0 x 1,0 m - Vách ngăn: 3 vách.	1	SUS 304
IV HTXL Lò hơi ở XHT (Lò hơi 0,3 tấn/h và Lò hơi 0,5 tấn/h)				
1	Đường ống thu gom	D = 320 mm	1	Inox 304
2	Quạt hút	Q = 5.000 m ³ /h, P = 7,5kW	1	Thép CT3
3	Tháp hấp thụ	- H = 3,0m; D = 750 mm. - Bơm nước rửa khí 0,37 kW: 02 cái. - Sứ lọc bụi: 150 cái. - Béc phun dập bụi: 06 cái DN15 cách nhau 150mm, 02 tầng sole, ống kết nối DN40 INOX 304.	1	SUS 304
4	Ống khói thải	H = 3,6 m , D = 350mm, Dày = 1,5mm	1	Inox 304
5	Bồn chứa NaOH	V = 500 lít	1	Nhựa PE
6	Bơm định lượng hóa chất	Q = 2,0-4,0 lít/h	2	Thép CT3
7	Sàn thao tác ống khói	- Kích thước: 1,5x1,5m - Cầu thang leo có vòng bảo vệ: V50, ống hàn 34mm.	1	Thép CT3

Stt	Thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Vật liệu
		- Lan can: Cao 1200mm. Vật liệu: ống hàn 34mm, ống hàn 21mm - Lỗ đo khí thải: D114 (DN100) có bít chụp tháo nhanh ở đầu: 02 ống		
8	Thùng lắng tro	- Kích thước: 1,0 x 1,0 x 1,0 m - Vách ngăn: 3 vách.	1	SUS 304

Nguồn: Công ty Cổ phần May Mặc Bình Dương, 2024

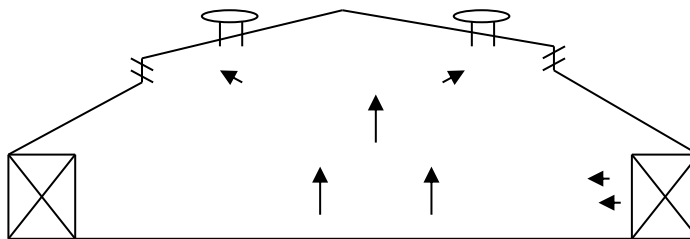
- Than đá được lưu trữ trong từng bao và cột kín, đặt tại gần khu vực lò hơi để thuận tiện trong quá trình cấp liệu, ngoài ra Chủ cơ sở cũng chú ý về độ cao đặt nguyên liệu để không bị rửa trôi khi có nước mưa, ngăn cản bụi khuếch tán từ quá trình đổ than đá từ xe tải xuống.
- Than đá được cấp vào lò hơi bằng thủ công, tuy nhiên than được đổ từ bao ra do đó khả năng khuếch tán bụi là không đáng kể và được Chủ cơ sở kiểm soát bằng việc trang bị bảo hộ lao động cho công nhân khi thực hiện thao tác.

2.4. Bụi từ quá trình sản xuất

Tại Cơ sở, theo được đánh giá bụi phát sinh chủ yếu từ công đoạn cắt, may sản phẩm sẽ chủ yếu làm phát sinh bụi vải, bụi chỉ. Khả năng lắng trọng lực của bụi phụ thuộc phần lớn vào kích thước và tỷ trọng của bụi. Đối với bụi có kích thước và tỷ trọng lớn thì tốc độ lắng trọng lực nhanh, ít xâm nhập vào cơ thể con người, chỉ ảnh hưởng ngoài da. Đối với các hạt bụi mịn, tỷ trọng nhỏ thì khả năng xâm nhập và gây ảnh hưởng tới sức khỏe người lao động là rất lớn.

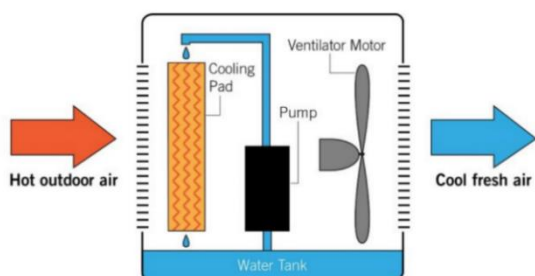
Để giảm thiểu tác động của bụi trong quá trình cắt, may, Chủ cơ sở đã áp dụng các biện pháp quản lý sau:

- Xưởng sản xuất thường xuyên được vệ sinh, tránh phát sinh bụi trong quá trình hoạt động sản xuất và phát tán bụi ra ngoài môi trường.
- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nhằm giảm thiểu phát sinh bụi, khí thải trong quá trình hoạt động.
- Định kỳ vệ sinh nhà xưởng và thiết bị sản xuất để tránh tích tụ bụi trong thời gian dài, ảnh hưởng đến chất lượng môi trường vệ sinh công nghiệp.
- Trang bị khẩu trang và bảo hộ lao động cho công nhân. Đồng thời có kế hoạch kiểm tra việc mang bảo hộ lao động của công nhân khi làm việc, tránh trường hợp có bảo hộ lao động mà không sử dụng.
- Thông gió tự nhiên trên mái xưởng và bố trí các cửa thông gió trên vách tường nhà xưởng.
- Trang bị quạt công nghiệp có gắn màn vải chắn trên lồng quạt có độ dày: 1.6 - 2 mm, độ thoáng khí: 14 m³/m² để giảm thiểu bụi từ công đoạn cắt, may, lạng. Màn vải sẽ được đem đi vệ sinh định kỳ 1 tuần 1 lần. Bụi hút vào màn vải chắn trên lồng quạt sau đó được lưu trữ ở khu vực chứa chất thải công nghiệp không nguy hại.



Hình 0.7: Sơ đồ nguyên lý thông thoáng nhà xưởng

- Trang bị quạt hút và hệ thống máy làm mát, khung làm mát (cooling pad) để phân phối không khí đồng đều trong tất cả các nhà xưởng, điều khiển nhiệt độ theo mong muốn, loại khí CO₂ và bụi bẩn ra ngoài.



2.5. Biện pháp giảm thiểu mùi từ nhà vệ sinh, nhà lưu chứa rác và hệ thống thoát nước, xử lý nước thải

❖ Giảm thiểu mùi từ khu vực tập trung chất thải rắn

Đối với khí phát sinh từ khu vực lưu giữ chất thải rắn của Cơ sở có thể khống chế bằng cách quản lý như sau:

- Bố trí các thùng thu gom rác có nắp đậy.
- Khu vực tập kết rác tách biệt các khu vực khác.
- Tổ chức thu gom rác thải hàng ngày.
- Tăng cường chất lượng công tác vệ sinh toàn khu vực cơ sở.

- Vệ sinh khu vực chứa rác sinh hoạt: sau khi đơn vị có chức năng đến thu gom chất thải rắn, Cơ sở tiến hành vệ sinh lại khu vực chứa rác sinh hoạt như quét dọn tránh tình trạng rác trong quá trình thu gom tràn đổ ra ngoài, bố trí túi nilong lót bên trong thùng và có đơn vị chức năng thu gom với tần suất 1 lần/ngày nên đảm bảo không rò rỉ nước rỉ rác ra các thùng, vệ sinh thùng rác định kỳ hàng ngày bằng cách dùng chổi cọ bên trong và bên ngoài, sàn khu vực chứa rác sinh hoạt sạch sẽ không đọng nước.

❖ Giảm thiểu hạn chế phát sinh mùi từ nhà vệ sinh

Ngoài vệ sinh sạch sẽ theo định kỳ thì Chủ cơ sở chú trọng việc bố trí hệ thống hút gió thải như sau:

- Mỗi khu vực vệ sinh của cơ sở được thiết kế hệ thống hút khí thải vệ sinh riêng.
- Hệ thống hút gió thải cho các khu vệ sinh luôn được hoạt động trong thời gian vận hành, nhằm đảm bảo lượng không khí trao đổi liên tục.

❖ Giảm thiểu mùi từ hệ thống thoát nước và hệ thống xử lý nước thải

Để giảm thiểu mùi hôi và hơi từ HTXLNT Chủ cơ sở đã thực hiện các biện pháp sau:

- Bố trí nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng quy trình, kỹ thuật.
- Thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra hệ thống, nồng độ các chất trong nước thải dòng vào theo đúng quy định.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo quản hệ thống phân phối khí và sục khí ở các bể điều hòa, hiếu khí để duy trì điều kiện hiếu khí, giảm thiểu việc phát sinh gây mùi H_2S , NH_3 ,...
- Kiểm tra tốc độ dòng chảy qua từng bể xử lý, đảm bảo thời gian lưu nước của các bể.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Nguồn phát sinh chủ yếu do từ hoạt động văn phòng và vệ sinh của công nhân viên. Thành phần chủ yếu trong chất thải rắn sinh hoạt bao gồm:

- Các hợp chất có nguồn gốc hữu cơ như thực phẩm, thức ăn dư thừa, rau quả.
- Các hợp chất có nguồn gốc giấy từ các loại bao gói đựng đồ ăn, thức uống.
- Các hợp chất có nguồn gốc kim loại như vỏ hộp lon chai đựng đồ ăn thức uống.

Khối lượng phát sinh chất thải rắn sinh hoạt theo thống kê khoảng 48,0 kg/ngày tương đương 1.250 kg/tháng. Chủ cơ sở thực hiện các biện pháp kiểm soát như sau:

- Chất thải rắn được thu gom và phân loại tại nguồn:
 - + Loại thùng màu vàng chứa chất thải không có khả năng tái chế như: Thức ăn dư thừa, bao bì nilong đựng thức ăn, phần thải bỏ từ quá trình chế biến thức ăn,....

- + Loại thùng màu xanh chứa chất thải có khả năng tái chế như: Chai nhựa đựng nước uống, lon kim loại đựng thức ăn nước uống, thùng carton,...
- Đặt các thùng rác có nắp đậy tại kho chứa có diện tích khoảng 39,1 m² với dung tích từ 125 lít đến 240 lít để thuận tiện cho công nhân bỏ rác vào.
- Chủ cơ sở sẽ chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.
- Chủ cơ sở đang ký hợp đồng với Chi nhánh xử lý chất thải - Công ty CP Nước - Môi trường Bình Dương theo Hợp đồng số 1195-RSH/HĐ-KT/23 ngày 01/06/2023 có hiệu lực đến ngày 31/05/2025 để thu gom và vận chuyển xử lý với tần suất 3 lần/tuần.
- Chủ cơ sở sẽ tiếp tục thực hiện theo đúng các quy định trong Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 về nội dung quản lý chất thải rắn sinh hoạt.



Kho lưu trữ chất thải sinh hoạt

3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

Nguồn phát sinh từ quá trình sản xuất, kiểm tra và đóng gói sản phẩm. Thành phần và khối lượng ước tính như bảng sau:

Bảng 3.5: Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường trong quá trình hoạt động của cơ sở

Stt	Loại chất thải	Đơn vị	Khối lượng
1	Vải vụn, nhả vải	kg/tháng	24.000
2	Chỉ vụn	kg/tháng	239
3	Nút, kẹp, nhả plastic, dụng cụ plastic, Lõi chỉ	kg/tháng	50
4	Bao nylon, túi nylon, dây luồn	kg/tháng	232
5	Thùng carton, nhả giấy, miếng lót lưng	kg/tháng	1.123
6	Nhả da	kg/tháng	10
7	Băng viên	kg/tháng	5

Stt	Loại chất thải	Đơn vị	Khối lượng
8	Đinh tán, nút kim loại, miếng kim loại trang trí	kg/tháng	60
9	Xi than (không chứa thành phần nguy hại)	kg/tháng	6.300
10	Kính vỡ	kg/tháng	3
Tổng		kg/tháng	32.022

Nguồn: Công ty Cổ phần May Mặc Bình Dương, 2024

Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường, Chủ cơ sở tiến hành các biện pháp quản lý, thu gom và xử lý như sau:

- Chất thải được phân loại, lưu trữ vào bao PP và cột kín. Tất cả các chất thải được lưu chứa ở các kho có tổng diện tích khoảng 114,64 m² bao gồm:
 - + Kho chất thải công nghiệp thông thường: 73,84 m²;
 - + Kho chứa xỉ than: 15,81 m²;
 - + Kho chứa vải vụn: 24,99 m².
- Chủ cơ sở sẽ xem xét khả năng tái chế, tái sử dụng của từng loại chất thải và các cam kết, thỏa thuận kinh doanh với khách hàng để lựa chọn hình thức, đơn vị nhận chuyển giao chất thải phù hợp.
- Chủ cơ sở đang ký hợp đồng với Chi nhánh xử lý chất thải - Công ty CP Nước - Môi trường Bình Dương theo Hợp đồng số 1612-TCN/HĐ-KT/22 ngày 21/09/2023 có hiệu lực đến ngày 20/09/2025 để thu gom vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường theo tuần suất yêu cầu của Chủ dự án.
- Chủ cơ sở đang hợp đồng với Công ty TNHH Giao nhận hàng hóa XNK Rồng Vàng theo Hợp đồng số 01-MMBD-RV/2023 ngày 01/04/2023 có hiệu lực đến ngày 31/05/2024 về việc mua bán phế liệu theo tuần suất thứ 2 hàng tuần.
- Hình thức chuyển giao chất thải: bán cho đơn vị có chức năng thu mua chất thải rắn công nghiệp thông thường hoặc thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định của pháp luật.
- Chủ cơ sở sẽ tiếp tục thực hiện theo đúng các quy định trong Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 về nội dung quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường.



Kho chất thải rắn công nghiệp thông thường

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Nguồn phát sinh từ quá trình hoạt động văn phòng và sản xuất. Thành phần và khối lượng ước tính như Bảng sau:

Bảng 3.6: Thành phần và khối lượng chất thải rắn nguy hại

Stt	Tên chất thải	Trạng thái	Đơn vị	Mã CTNH	Khối lượng
1.	Giẻ lau dính thành phần nguy hại	Rắn	kg/tháng	18 02 01	5
2.	Hộp mực in thải	Rắn	kg/tháng	08 02 04	3
3.	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	kg/tháng	16 01 06	44
4.	Dầu thủy lực tổng hợp thải	Lỏng	kg/tháng	17 01 06	40
5.	Thùng đựng dầu nhớt thải	Rắn	kg/tháng	18 01 01	25
6.	Thùng đựng acetone thải	Rắn	kg/tháng	18 01 03	20
7.	Nhớt thải	Lỏng	kg/tháng	17 02 04	20
8.	Rác y tế	Rắn	kg/tháng	13 01 01	9
9.	Linh kiện điện tử thải	Rắn	kg/tháng	19 02 05	4
10.	Pin, ắc quy thải	Rắn	kg/tháng	19 06 01	2
Tổng số lượng			kg/tháng	-	172
			kg/năm	-	2.064

Nguồn: Công ty Cổ phần May Mặc Bình Dương, 2024

- Chủ cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp quản lý CTNH như sau:
 - + Kê khai chất thải nguy hại theo quy định của Phụ lục Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về các nội dung quy định quản lý chất thải nguy hại.
 - + Thu gom chất thải nguy hại vào các thùng chứa quy định, có dán nhãn và đặt tại kho chứa chất thải nguy hại có diện tích khoảng 8,16 m². Nhãn dán CTNH bao gồm các thông tin sau:
 - Tên chất thải nguy hại, mã CTNH theo danh mục CTNH;
 - Mô tả về nguy cơ do CTNH có thể gây ra (dễ cháy, dễ nổ, dễ bị oxi hóa,...);
 - Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo TCVN 6707:2009 về “Chất thải nguy hại - dấu hiệu cảnh báo”;
 - Ngày bắt đầu được đóng gói, bảo quản.
- Kho chứa chất thải nguy hại đảm bảo các điều kiện như sau:
 - + Có cao độ nền đảm bảo để tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.
 - + Có sàn bảo đảm kín khít, không rạn nứt, bằng vật liệu chống thấm, chịu ăn mòn, không có khả năng phản ứng hoá học với CTNH; sàn có đủ độ bền chịu được tải trọng của lượng CTNH cao nhất theo tính toán; tường và vách ngăn bằng vật liệu không cháy;

- + Có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ CTNH bằng vật liệu không cháy;
- + Có biển cảnh báo đặt ở bên ngoài nhà kho lưu chứa. Có thùng phuy chứa cát khô, xẻng và giẻ khô, thiết bị bình phòng cháy chữa cháy.
- Chủ cơ sở đang ký hợp đồng với Chi nhánh xử lý chất thải - Công ty CP Nước - Môi trường Bình Dương theo Hợp đồng số 1195-RNH/HĐ-KT/23 ngày 01/06/2023 có hiệu lực đến ngày 31/05/2025 để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại với tần suất 04 lần/01 tháng.
- Chủ cơ sở cam kết quản lý chất thải nguy hại theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 về các nội dung quy định quản lý chất thải nguy hại.



Kho chất thải nguy hại

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn từ các hoạt động của cơ sở bao gồm:

- Hoạt động sản xuất từ các dây chuyền máy móc như máy may, máy vắt sổ, máy cắt, lò hơi,...
- Hoạt động của các phương tiện vận chuyển xe chở nguyên vật liệu, xe nâng, xe ra vào của người lao động, nhà thầu phụ, khách hàng,...

Để giảm thiểu các tác động từ tiếng ồn và độ rung phát sinh Chủ cơ sở sẽ áp dụng các biện pháp sau nhằm giảm thiểu tối đa tác động đến công nhân trực tiếp làm việc và cơ sở lân cận như:

- Đối với phương tiện vận chuyển:
 - + Xe ra vào yêu cầu đi với tốc độ chậm, không bóp còi.
 - + Không cho phương tiện ra vào cơ sở nổ máy trong lúc chờ hàng lên hoặc xuống.
 - + Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

- + Ngoài các xe chuyên chở nguyên vật liệu, sản phẩm và thu gom chất thải, các loại phương tiện còn lại đều phải gửi ngoài bãi xe.
- Đối với tiếng ồn, rung động trong sản xuất:
 - + Lắp chi tiết chống rung cho các máy móc thiết bị có độ rung cao.
 - + Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc thiết bị. Chu kỳ bảo dưỡng đối với thiết bị mới là 04 – 06 tháng/lần.
- Các biện pháp hạn chế ảnh hưởng của tiếng ồn, rung cho công nhân:
 - + Biện pháp chống ồn hiệu quả nhất là tự động hóa quá trình sản xuất, hạn chế tối đa số lượng lao động làm việc ở những khâu có độ ồn cao.
 - + Đối với công nhân làm việc tại các công đoạn có độ ồn cao được trang bị đầy đủ nút bịt tai.
 - + Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân. Các trang phục này bao gồm: Quần áo bảo hộ lao động, mũ, bịt tai, giày nhựa...

Chủ cơ sở sẽ tiếp tục quản lý và thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT) và độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT) theo quy định để tạo môi trường làm việc tốt nhất không gây ảnh hưởng đến sức khỏe dài lâu của công nhân.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Phương án phòng ngừa sự cố về nước thải

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra như:
 - + Tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc đường ống dẫn đến phân, nước tiểu không tiêu thoát được. Do đó, phải thông bồn cầu và đường ống dẫn để tiêu thoát phân và nước tiểu.
 - + Tắc đường ống thoát khi bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Trường hợp này phải tiến hành thông ống dẫn khí nhằm hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh.
- Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng hút hầm cầu.
- Đối với hệ thống xử lý nước thải: hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố như hư máy bơm, bồn, thiết bị châm hóa chất, chế độ vận hành, xác định sai tính chất nước thải,... Tất cả các nguyên nhân này đều dẫn đến việc xử lý nước thải không đạt yêu cầu, ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước mặt, nơi tiếp nhận nước thải của nhà máy, Chủ cơ sở sẽ có chế độ kiểm tra định kỳ máy móc thiết bị để đảm bảo máy móc vận hành ổn định. Ngoài ra:
 - + Tại các miệng cống thoát nước mưa có song chắn chất thải rắn, tránh tình trạng chất thải rắn làm bít miệng cống và làm tắc đường ống.
 - + Bùn tích tụ trong các mương thoát nước mưa, thu gom nước thải sẽ được nạo vét định kỳ, tránh để phát sinh các chất gây ô nhiễm.
 - + Có kế hoạch thường xuyên nạo vét các hố ga tránh lâu ngày đóng cặn tắc nghẽn.

- + Khi có sự cố xảy ra, nếu không khắc phục được cần báo cho đơn vị có chuyên ngành để đến xử lý hoặc các cơ sở, ban ngành có liên quan.

6.2. Phương án phòng ngừa sự cố về khí thải

Đối với hệ thống xử lý lò hơi, Chủ cơ sở đề ra các phương án như sau:

- Định kỳ bảo dưỡng thiết bị, đường ống dẫn để đảm bảo hệ thống vận hành ổn định.
- Bố trí cán bộ chuyên môn phụ trách về các vấn đề trong nhà máy.
- Sử dụng đúng công suất đã thiết kế, tránh trường hợp quá tải thì hệ thống sẽ không đạt hiệu quả cao trong việc xử lý.
- Lựa chọn nguyên liệu đốt đúng với yêu cầu của lò hơi.
- Quan trắc định kỳ để đảm bảo hệ thống xử lý đạt quy chuẩn đầu ra, trường hợp không đạt yêu cầu phải dừng sản xuất để khắc phục sự cố xong thì mới sản xuất tiếp.

6.3. Phương án phòng ngừa sự cố khác

a. Phương án phòng ngừa sự cố tai nạn lao động

Để đảm bảo an toàn lao động cho công nhân tham gia sản xuất, Chủ cơ sở đang thực hiện các biện pháp sau:

- Xây dựng chi tiết các bảng nội quy về an toàn lao động cho từng khâu và từng công đoạn sản xuất.
- Tuyên truyền, vận động người lao động chấp hành nội quy, quy trình làm việc an toàn.
- Tăng cường tổ chức kiểm tra việc tuân thủ quy trình, trình tự kỹ thuật.
- Bố trí phòng y tế và trang bị các dụng cụ y tế, thuốc cần thiết để kịp thời ứng cứu sơ bộ trước khi chuyển nạn nhân đến bệnh viện.
- Lên kế hoạch ứng cứu sự cố trong đó xác định những vị trí có khả năng xảy ra sự cố, bố trí nhân sự và trang thiết bị thông tin để đảm bảo thông tin khi có xảy ra sự cố.
- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức các buổi huấn luyện về thao tác ứng cứu khẩn cấp, thực hành cấp cứu y tế, sử dụng thành thạo các phương tiện thông tin, địa chỉ liên lạc khi có sự cố.
- Người lao động (kể cả học nghề) trước khi vào làm việc phải được khám sức khỏe; chủ cơ sở phải căn cứ vào sức khỏe của người lao động để bố trí việc làm và nghề nghiệp cho phù hợp với sức khỏe của người lao động.
- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân.
- Chủ cơ sở sẽ thực hiện đúng theo hướng dẫn của Thông tư 07/2016/TT-BLĐTBXH ngày 15/05/2016 – quy định một số nội dung tổ chức thực hiện công tác an toàn - vệ sinh lao động đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh.

b. Phương án phòng ngừa sự cố cháy nổ

Để kiểm soát, phòng chống cháy nổ do quá tải điện, chập mạch điện, rò rỉ điện và các sự cố do sấm sét, trong quá trình hoạt động sản xuất của cơ sở đã áp dụng các biện pháp sau:

- Các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất của cơ sở đã có hồ sơ lý lịch đi kèm, có đầy đủ các thông số kỹ thuật và thường xuyên được kiểm tra giám sát.
- Chủ cơ sở đã lắp đặt hệ thống chống sét tại các điểm cao nhất của nhà máy theo TCVN 9385:2012. Điện trở tiếp đất xung kích $< 10 \Omega$ khi điện trở suất của đất $< 50.000 \Omega/\text{cm}^2$. Điện trở tiếp đất xung kích $> 10 \Omega$ khi điện trở suất của đất $> 50.000 \Omega/\text{cm}^2$;
- Trong khu vực sản xuất, văn phòng làm việc đã lắp đặt các hệ thống báo cháy. Các phương tiện phòng cháy luôn trong tình thế sẵn sàng;
- Chủ cơ sở đã trang bị các dụng cụ chữa cháy như bể nước, hệ thống trạm bơm, bình CO_2 , thùng cát và thực hiện lắp đặt đầy đủ các trang thiết bị theo yêu cầu phòng cháy của cơ quan PCCC địa phương.
- Lắp đặt hệ thống báo động và phòng chống cháy theo tiêu chuẩn quy định.
- Khi tiến hành bảo trì, bảo dưỡng Quy định công nhân sửa chữa phải tuân thủ tuyệt đối Nội quy Công ty về an toàn lao động, không được hút thuốc lá và sử dụng các thiết bị gây bắt lửa trong khu vực sửa chữa, khu vực sản xuất...
- Không cho bất kì cá nhân nào mang các vật dụng có khả năng phát sinh lửa vào khu vực dễ cháy nổ như kho chứa nguyên liệu, hóa chất, kho chứa thành phẩm, bán thành phẩm, kho chứa chất thải rắn sản xuất, chất thải nguy hại,...
- Xây dựng các bảng hướng dẫn quy trình nghiêm ngặt trong việc bảo trì, sửa chữa các thiết bị máy móc tại các khu vực sản xuất.
- Tổng mặt bằng của Nhà máy khi thiết kế xây dựng phải tính đến mặt bằng PCCC nên khi có sự cố, xe chữa cháy có thể vào tận nơi để khắc phục. Hệ thống cấp điện cho Cơ sở và hệ thống chiếu sáng bảo vệ được thiết kế độc lập, an toàn, có bộ phận ngắt mạch khi có sự cố chập mạch trên đường dây tải điện.
- Chủ cơ sở đã có bố trí bể chứa nước PCCC có $V = 700 \text{ m}^3$ (xây dựng ngầm) cùng các phụ kiện đi kèm, ngoài ra cách Cơ sở có trụ nước PCCC có lưu lượng 14l/s. Như vậy, khi có sự cố xảy ra Cơ sở sẽ ứng phó kịp thời với các đám cháy. Phương tiện chữa cháy của Cơ sở như bảng sau:

Bảng 3.7: Thống kê các phương tiện chữa cháy của cơ sở

Stt	Tên phương tiện	Số lượng	Vị trí
1	Bình BC35	4	Xung quanh nhà xưởng
2	Bình MFZ4	10	Xung quanh văn phòng
3	Bình CO_2	23	Xung quanh nhà xưởng
4	Bình MFZ8	626	Xung quanh nhà xưởng
5	Hạng chữa cháy vách tường	75	Xung quanh nhà xưởng

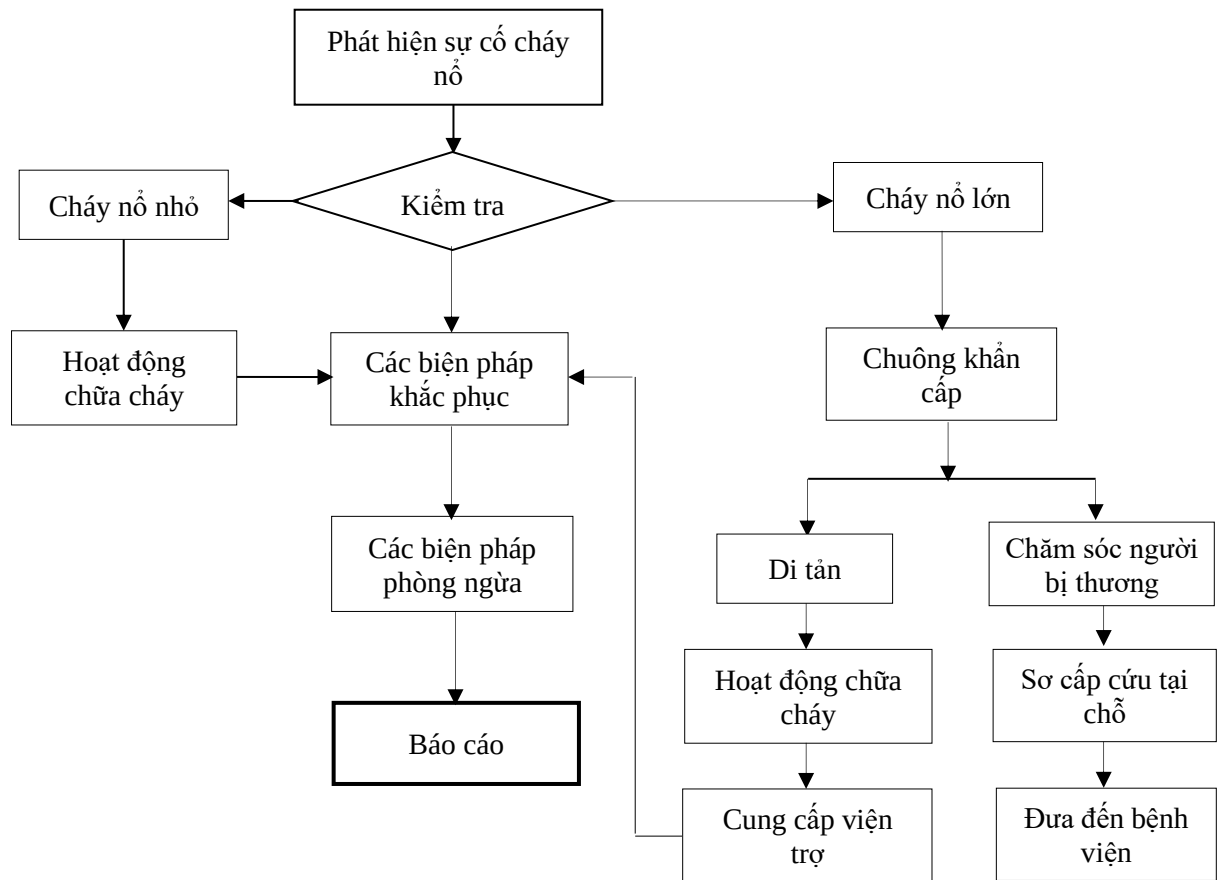
Stt	Tên phương tiện	Số lượng	Vị trí
6	Spinkler	1.404	Trong/ngoài nhà xưởng
7	Bình quả cầu 6Kg	37	Xung quanh nhà xe, kho chứa CTNH
8	Đầu báo cháy khói	545	Xung quanh nhà xưởng
9	Đầu báo cháy nhiệt	104	Khu chung cư
10	Đầu báo cháy Beam	11	Xung quanh Kho, Nhà xe
11	Còi báo cháy	94	Xung quanh nhà xưởng
12	Tủ báo cháy	4	Phòng bảo vệ

Nguồn: Phương án PCCC của Công ty Cổ phần May Mặc Bình Dương, 2024

Quy trình ứng cứu kịp thời khi có sự cố cháy nổ xảy ra:

- **Bước 1:** Báo động cho toàn bộ nhà máy, đồng thời thành viên trong đội PCCC hướng dẫn sơ tán công nhân viên tại nhà máy theo hướng thoát hiểm.
- **Bước 2:** Đối với đám cháy nhỏ, tập hợp đội PCCC nội bộ của Cơ sở và sử dụng những phương tiện PCCC tại chỗ của nhà máy để khống chế đám cháy, tránh tình trạng cháy lan sang khu vực khác.
- **Bước 3:** Gọi điện thoại đến các cơ quan chức năng khi xảy ra đám cháy, tùy theo quy mô của đám cháy mà ưu tiên như sau:
 - + Gọi điện thoại báo cho Lãnh đạo quản lý của Cơ sở;
 - + Gọi điện thoại đến cơ quan PCCC theo số điện thoại 114;
 - + Gọi cấp cứu 115 nếu có tai nạn xảy ra;
 - + Gọi đến cơ quan công an 113 để được sự hỗ trợ điều tiết giao thông, tránh tình trạng gây ùn tắc giao thông.
- **Bước 4:** Di tản những tài sản có giá trị mà có thể vận chuyển ra khỏi khu vực nhà máy.

Lưu đồ:



Hình 3.8: Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ



Bể chứa nước PCCC

c. Phương án phòng ngừa sự cố đối với lò hơi

Những nguyên nhân hàng đầu gây hư hỏng và nguy cơ phát nổ ở lò hơi thường gặp nhất là do:

- Hiện tượng phát nổ nhiên liệu trong buồng đốt;
- Do cạn nguồn nước cấp;
- Do hiệu quả xử lý nước kém;
- Do quá trình gia nhiệt không đúng cách;
- Do hiện tượng va đập lên thành ống;
- Lò hơi vận hành quá công suất;
- Nguồn nước cấp bị nhiễm bẩn quá mức;
- Không tiến hành xả đáy đúng;
- Chế độ chờ (stand by) vận hành không đúng.

Nổ nhiên liệu trong buồng đốt là một trong nguyên nhân gây phá hủy lò hơi phổ biến nhất, cụ thể có những nguyên nhân chính và biện pháp khắc phục để tránh phát sinh sự cố hư hỏng, cháy nổ lò hơi, chi tiết như bảng sau:

Bảng 3.8: Nguyên nhân gây nổ nhiên liệu trong buồng đốt lò hơi

Stt	Nguyên nhân	Các khắc phục
1.	Nhiên liệu đốt quá nhiều: nhiên liệu cháy không hết hoàn toàn sẽ tích tụ dần trong buồng đốt. Nếu nguồn cấp oxy gia tăng sẽ phát sinh cháy lớn, phát sinh nhiệt lượng cao trong 1 thời gian ngắn làm áp suất trong buồng đốt nâng cao lên đột ngột gây ra nổ lò hơi.	Đội nhiệt độ buồng đốt giảm xuống rồi tiến hành vệ sinh nhiên liệu dư thừa trong buồng đốt.
2.	Đầu phun dầu không đều: dầu được phun vào buồng đốt dưới dạng sương. Công đoạn tán sương không hiệu quả cùng với một lượng nhiên liệu cháy không hoàn toàn được tàng trữ ở thành buồng đốt.	Thường xuyên vệ sinh đầu phun dầu, điều chỉnh áp suất bơm dầu cũng như chọn lựa nhiệt độ và độ nhớt thích hợp.
3.	Tắc ống dẫn dầu: khi đường ống dẫn dầu bị tắc khiến cho ngọn lửa không ổn định và bị tắt. Người vận hành liên tiếp khởi động để châm lại lửa mà không nắm được nguyên nhân, dẫn đến dầu vẫn được liên tiếp đưa vào buồng đốt. Lúc bộ đánh lửa hoạt động trở lại là nguy cơ khiến ngọn lửa bùng cháy dữ dội gây ra nổ buồng đốt.	Phân tích nguyên nhân gây tắc nguồn nhiên liệu, vệ sinh lại buồng đốt mới vận hành lò hơi trở lại.

Stt	Nguyên nhân	Các khắc phục
4.	Nổ lò hơi do cạn nước: nước trong những ống tiếp xúc trực tiếp với lửa phải duy trì để khi nước cạn, nhiệt độ thành tăng cao làm độ bền của thép giảm xuống rất nhanh. Lò hơi sẽ bị phá hủy rất nhanh và mang nguy cơ phát nổ.	Người vận hành phải nắm rõ kỹ thuật và châm nước cho lò hơi theo hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất.
5.	Gia nhiệt lò hơi không đúng cách: lò hơi được chế tạo với nhiều chất liệu có độ dày và thuộc tính khác nhau. Do vậy, lúc vận hành không đúng sẽ gây ra những giãn nở nhiệt không đồng bộ dẫn tới nứt trên những mối nối, mối hàn hoặc biến dạng thành các hình dáng như cong, vênh...	Người vận hành lò phải tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành. Thường xuyên đào tạo, huấn luyện cho người vận hành lò hơi qua đó nâng cao tuổi thọ và giảm mức giá bảo trì, sửa chữa.
6.	Vận hành lò hơi quá công suất: những bộ phận như bơm nước, đường phễu ống, hệ thống xử lý nước....trong nồi hơi sẽ ko vận hành tốt nếu bị vận hành quá công suất.	Chỉ vận hành lò hơi ở công suất tối đa cho phép mà nhà sản xuất đã cung cấp.
7.	Nước cấp cho lò bị nhiễm bẩn: các chất như oxy, hóa chất xử lý, dầu, các hạt nhựa, kim khí nặng...là nguồn gốc làm nước cấp bị nhiễm bẩn. Cáu cặn trong nước cấp tàng trữ lên bề mặt kim loại là nguyên nhân gây ra phá hủy lò.	Sử dụng nguồn nước thủy cục cấp cho lò hơi. Thường xuyên vệ sinh định kỳ cẩu cặn cho lò hơi.

Các sự cố về hư hỏng, cháy nổ liên quan đến lò hơi sẽ gây thiệt hại và ảnh hưởng đến chất lượng sản xuất cũng như tính mạng con người. Do vậy, Chủ cơ sở đã và đang thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý chung để phòng ngừa tối thiểu các sự cố có thể xảy ra:

- Chủ cơ sở có lịch cụ thể hàng tháng về việc tháo các mặt bích thân lò, ống góp và các biện pháp theo hướng dẫn của đơn vị cung cấp lò hơi để làm sạch lò hơi, tránh hiện tượng cẩu cặn, bùn bám nhiều làm tắc các ống trao đổi nhiệt hoặc giảm khả năng trao đổi nhiệt gây ra nhiệt độ tăng cục bộ.
- Trong quá trình vận hành lò hơi phải có nhật ký vận hành để kiểm soát các thông số của lò hơi. Nhằm kịp thời phát hiện các sự sai khác trong quá trình vận hành để có phán đoán chính xác để hạn chế rủi ro ít nhất có thể.
- Thường xuyên kiểm tra các cảm biến, các thiết bị liên quan đến đo áp suất, nhiệt độ, mức nước. Ngoài các tín hiệu từ tủ điều khiển lò hơi thì các thiết bị hiển thị thông số theo dõi bằng mắt thường như: kính thủy sáng để kiểm tra mức nước trong lò hơi, áp kế dùng nhận biết áp suất nhiệt kế để kiểm tra nhiệt độ lò hơi.
- Van an toàn phải được cài đặt và cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn bởi các đơn vị độc lập, được cấp phép và có chức năng về an toàn lò hơi. Kiểm tra định kỳ theo khuyến cáo của các đơn vị kiểm định.

- Không nên sử dụng van an toàn khi đã tự xả hơi một lần ra ngoài, khi lò hơi quá áp và van an toàn tự nhảy để xả hơi ra ngoài, giảm áp lực trong lò hơi thì sau đó người vận hành tiến hành thay mới van an toàn.
- Khi phát hiện ra hiện tượng cạn nước trong lò hơi, người vận hành tuyệt đối không được bơm thêm nước vào lò hơi mà phải báo ngay cho người có trách nhiệm để có biện pháp xử lý theo hướng dẫn của nhà cung cấp lò hơi.
- Đào tạo công nhân vận hành lò hơi am hiểu quy trình vận hành và các kỹ năng xử lý sự cố kịp thời.

d. Phương án phòng ngừa sự cố ngộ độc thực phẩm

Cơ sở có bố trí một Nhà ăn phục vụ cho công nhân viên tại nhà máy, do đó việc phòng ngừa và ứng phó khi sự cố ngộ độc thực phẩm là cần thiết. Biện pháp phòng ngừa được Chủ cơ sở đang áp dụng như sau:

- Lựa chọn nguồn cung cấp thực phẩm uy tín. Đầu bếp phải có kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm.
- Khu vực ăn uống phải được vệ sinh hàng ngày và khử khuẩn định kỳ.
- Thường xuyên tập huấn về an toàn vệ sinh thực phẩm cho công nhân. Khuyến cáo công nhân có ý thức trước khi vào khu vực ăn uống phải vệ sinh tay chân và có ý thức vệ sinh chung khu vực ăn uống.
- Chủ Cơ sở có kế hoạch khám sức khỏe định kỳ cho công nhân lao động 06 -12 tháng/lần.
- Các biện pháp ứng cứu khi ngộ độc thực phẩm như sau:
 - + Những người khỏe mạnh không bị ngộ độc nên giúp đỡ những người bị ngộ độc và nhanh chóng thông báo đến nhân viên y tế của cơ sở.
 - + Nhanh chóng bổ sung nhiều nước lọc hoặc nước muối loãng để hạn chế tác động của độc tố. Tuyệt đối không dùng sữa. Đồng thời phải kích thích họng, bụng để đẩy thức ăn ra ngoài.
 - + Với các nạn nhân dần mê man, đồng nghiệp cần nhanh chóng sơ cứu thay vì đợi nhân viên y tế. Tiến hành gây nôn cho bệnh nhân còn nhận thức. Kê cao đầu để chất nôn không trào vào phổi. Cố gắng giúp nạn nhân nôn được nhiều nhất có thể. Sau đó cho nạn nhân uống **1 thìa cafe muối, 8 thìa đường pha trong 1 lít nước**.
 - + Đặt bệnh nhân nằm ngửa, đầu thấp. Khi thấy bệnh nhân khó thở cần kéo lưỡi nạn nhân ra ngoài, tránh ngạt. Thường xuyên theo dõi nhịp tim của nạn nhân bằng cách áp tai vào ngực. Tiến hành hô hấp nhân tạo nếu cần thiết.
 - + Cần làm cho chất độc hại thoát ra ngoài càng nhanh càng tốt. Sau đó Ban lãnh đạo cần sắp xếp để nhanh chóng đưa bệnh nhân đến trung tâm y tế/bệnh viện gần nhất để điều trị.
 - + **Lưu ý:** Tuyệt đối không gây nôn với nạn nhân đã mất ý thức, hôn mê. Việc này có thể khiến nạn nhân tắc thở vì sặc.

e. Phương án phòng ngừa sự cố bốc dỡ hàng hóa

Để tránh sự cố liên quan bốc dỡ hàng hóa, Chủ cơ sở đưa ra một số biện pháp sau:

- Kiểm tra khu vực bốc dỡ, hạn chế tập trung đông người, chỉ tập trung những công nhân liên quan đến quá trình bốc dỡ.
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân, nhắc nhở và xử lý khi công nhân không tuân thủ quy định an toàn lao động.
- Các tài xế lái xe cầu và xe nâng cần chú ý quan sát xung quanh khi tiến hành vận chuyển hàng hóa. Cần bố trí một người điều phối trong lúc vận chuyển hàng hóa.
- Khi có sự cố cần đưa nạn nhân đi sơ cứu ngay lập tức tại trạm y tế hoặc bệnh viện gần nhất.

7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

7.1. Tổng hợp các nội dung thay đổi

Các nội dung trong Báo cáo so với Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường số 933/QĐ-STNMT ngày 29/12/2011 do UBND tỉnh Bình Dương cấp cho Nhà máy sản xuất quần áo may sẵn, công suất 6.074.580 sản phẩm của Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương (Gọi tắt là Đề án BVMT năm 2011) là không thay đổi, ngoại trừ các nội dung như Bảng sau:

Bảng 3.8: Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường

Stt	Nội dung được duyệt trong Đề án BVMT năm 2011	Nội dung thay đổi khi cấp giấy phép môi trường	Tác động/ảnh hưởng khi thay đổi
1.	Số lượng lò hơi: 4 cái (1 cái: 0,2 tấn/h, 3 cái 0,3 tấn/h/lò hơi)	Số lượng lò hơi: 5 cái (2 cái: 0,5 tấn/h; 3 cái: 0,3 tấn/h). Tăng 1 lò hơi, thay đổi lưu lượng, thay đổi vị trí lò hơi Xưởng hoàn tất, từ sau Xưởng hoàn tất di chuyển về sau Chung cư công nhân (hạng mục không còn hoạt động)	Phát sinh thêm lưu lượng khí thải, tuy nhiên khí thải được thu gom và xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B trước khi xả thải.
2.	Số lượng hệ thống xử lý khí thải lò hơi: 4 lò hơi tương ứng với 4 hệ thống xử lý khí thải. - Xưởng may 1: Hệ thống xử lý khí thải lò hơi (0,3 tấn/giờ), lưu lượng 1.200 m ³ /h. - Xưởng may 2: Hệ thống xử lý khí thải lò hơi (0,3 tấn/giờ), lưu lượng 1.200 m ³ /h - Xưởng may 3: Hệ thống xử lý khí thải lò hơi (0,3 tấn/giờ), lưu lượng 1.200 m ³ /h - Xưởng may 4: Hệ thống xử lý khí thải lò hơi (0,2 tấn/giờ), lưu lượng 800 m ³ /h Tổng lượng khí thải: 4.400 m ³ /h	Số lượng hệ thống xử lý khí thải lò hơi: 5 lò hơi tương ứng với 4 hệ thống xử lý khí thải. - Xưởng may 1: Hệ thống xử lý khí thải lò hơi (0,3 tấn/giờ), lưu lượng 2.000 m ³ /h. - Xưởng may 2: Hệ thống xử lý khí thải lò hơi (0,5 tấn/giờ), lưu lượng 3.500 m ³ /h. - Xưởng may 4: Hệ thống xử lý khí thải lò hơi (0,3 tấn/giờ), lưu lượng 2.000 m ³ /h. - Xưởng hoàn tất: Hệ thống xử lý khí thải lò hơi (0,5 tấn/giờ và 0,3 tấn/giờ), lưu lượng 5.000 m ³ /h. Tổng lượng khí thải: 12.500 m ³ /h	Phát sinh thêm lưu lượng khí thải, tuy nhiên Chủ cơ sở bố trí hệ thống xử lý khí thải để đảm bảo đạt tiêu chuẩn đầu ra theo quy định trước khi xả vào môi trường bên ngoài.
3.	Số lượng máy phát điện: 3 máy với công suất lần lượt là 650 KVA, 576 KVA, 385 KVA	Số lượng máy phát điện: 4 máy với công suất lần lượt là 660 KVA, 560 KVA, 380 KVA, 377 KVA Tăng 1 cái.	Phát sinh thêm khí thải, nhưng máy phát điện không sử dụng thường xuyên chỉ đề phòng các trường hợp xảy ra sự cố cúp điện, khí thải phát điện được phát thải qua ống khói cao.
4.	Hệ thống xử lý nước thải công suất 410 m ³ /ngày.đêm (K=1,2)	Hệ thống xử lý nước thải công suất 200 m ³ /ngày.đêm (Kq=0,9 và Kf=1,1). Giảm công suất và thay đổi công nghệ xử lý.	Giảm công suất xử lý và thay đổi công nghệ xử lý cho phù hợp so với thực tế, không vượt công suất đã được phê duyệt.

Stt	Nội dung được duyệt trong Đề án BVMT năm 2011	Nội dung thay đổi khi cấp giấy phép môi trường	Tác động/ảnh hưởng khi thay đổi
			Lý do giảm công suất: Đối với công suất của HTXLNT được phê duyệt trong Đề án 2011 là 410 m³/ngày. Tuy nhiên sau một thời gian hoạt động, Cơ sở tạm dừng khu vực nhà ở cho công nhân và không còn sử dụng cho đến nay. Do vậy, dẫn đến nước thải phát sinh cũng sẽ giảm một phần. Việc nước thải giảm dẫn đến công suất HTXLNT được lắp đặt hiện nay cũng giảm, một phần vì không còn nhu cầu sử dụng nước cho khu nhà ở, ngoài ra, Cơ sở còn điều chỉnh về việc tính toán tiêu chuẩn và hệ số cho phù hợp với thực tế khi sử dụng nước, chi tiết trình bày ở Bảng 1.4, Bảng 1.5.
5.	Chung cư công nhân (nhà ở của công nhân)	Không hoạt động	Cơ sở không sử dụng nữa nên không có tác động và ảnh hưởng về mặt phát sinh nước, khí thải, chất thải rắn.
6.	Tổng diện tích lưu trữ chất thải rắn có diện tích: 84 m ² .	Tổng diện tích lưu trữ chất thải rắn có diện tích là: 161,9 m ² .	Điều chỉnh lại diện tích các kho lưu chứa rác với diện tích phù hợp để lưu trữ chất thải đảm bảo theo quy định (lưu chứa đủ, không quá tải, gây rơi vãi, phát tán ra bên ngoài môi trường) trước khi chuyển giao cho đơn vị thu gom.

Kết luận: Các thay đổi của cơ sở so với Đề án BVMT năm 2011 được phê duyệt không làm ảnh hưởng xấu đến môi trường đến mức phải thực hiện đánh giá tác động môi trường.

7.2. Đánh giá các tác động liên quan việc cải tạo, nâng công suất các HTXL khí thải và biện pháp giảm thiểu các tác động liên quan đến môi trường cũng như nhà máy hiện hữu

Chủ cơ sở sẽ phối hợp với Đơn vị có chức năng đề thiết kế thi công nhằm cải tạo, nâng công suất các Hệ thống xử lý khí thải tại Nhà máy hiện hữu.

- Một số máy móc, thiết bị của công trình hiện hữu sẽ tận dụng (ống thu gom, cyclone), hoặc cải tạo (ống khói, thiết bị xử lý hấp thụ, đường ống dẫn hóa chất, nước cấp, nước thải), ngoài ra một số thiết bị sẽ được lắp mới 100% (quạt hút, sàn thao tác lấy mẫu).
- Số lượng công nhân tham gia: 10 người;
- Thời gian thực hiện: 35 ngày.
- Phương án thi công:
 - + Do đặc điểm của công trình là cải tạo, nâng công suất các hạng mục cho phù hợp với tình hình, tính chất khí thải phát sinh thực tế tại Cơ sở. Cũng như đảm bảo được khí thải sau hệ thống xử lý có chất lượng đáp ứng theo tiêu chuẩn quy định.
 - + Ngoài ra, tính đến phương án sao cho hợp lý, Chủ Cơ sở vừa có thể hoạt động vận hành Cơ sở hiện hữu, Nhà thầu thi công vừa có thể thực hiện công tác cải tạo mà không ảnh hưởng nhiều đến công tác vận hành tạm Hệ thống xử lý hiện hữu của Chủ Cơ sở trong giai đoạn thi công này. Giảm thiểu tác động chất lượng khí thải đầu ra ảnh hưởng đến sự tiếp nhận của khu vực.
- Vì vậy, phương án thi công là sử dụng hình thức từng đợt là hợp lý nhất. Dự kiến quá trình thi công sẽ tiến hành trong 04 đợt (tương ứng cho 04 hệ thống xử lý khí thải), tuy nhiên tùy tình hình thực tế các tiến trình thực hiện trong các đợt có thể thay đổi cho phù hợp.
- Ngoài ra, việc thi công các thiết bị cho các hệ thống xử lý sẽ không thực hiện tại Cơ sở, Nhà thầu thi công sẽ thực hiện gia công ở các Cơ sở/đơn vị bên ngoài, nên hạn chế được các phát sinh liên quan đến khí thải và chất thải. Khi gia công hoàn thiện sẽ đem đến Cơ sở và kết nối đường ống, thiết bị. Quá trình lắp đặt sẽ tiến hành vào ngày cuối tuần và tạm ngưng sản xuất ở những khu vực lắp đặt.

Như vậy quá trình thi công, cải tạo sẽ có một số tác động ảnh hưởng đến môi trường xung quanh như sau:

7.2.1. Bụi từ quá trình vận chuyển thiết bị, máy móc để thi công, nâng công suất hệ thống xử lý khí thải (HTXLKT)

Với tiến độ thực hiện thi công, cải tạo HTXL dự kiến khoảng 35 ngày. Số công nhân tham gia cố định khoảng 10 người. Khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển nguyên thiết bị, máy móc ra vào Cơ sở, lượng phát thải này là không đáng kể so với lượng khí thải từ các máy móc thi công khác. Tuy nhiên, nếu không được quản lý chặt chẽ sẽ gây ảnh hưởng đến các khu vực xung quanh, đặc biệt là các xưởng đang hoạt động xung quanh nhà xưởng. Đây là các nguồn thải di động, rất khó quản lý.

Chủ cơ sở sẽ phối hợp với Đơn vị thi công để tiến hành thực hiện các biện pháp giảm

thiếu tác động như sau:

- Cung cấp đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân như mũ, khẩu trang, quần áo, giày tại những công đoạn cần thiết nhằm hạn chế bụi ảnh hưởng sức khỏe đến công nhân;
- Đề giảm bụi khói do động cơ Diezen và các máy móc khác gây ra, chủ dự án sẽ thường xuyên kiểm tra và bảo trì các thiết bị máy móc, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt;
- Sau mỗi ca làm việc yêu cầu công nhân quét dọn, thu gom bụi phát sinh từ quá trình cắt panel, kim loại.

7.2.2. Khói hàn từ quá trình gia công lắp ráp máy móc và thiết bị

Trong quá trình hàn cắt để gia công các chi tiết của máy móc, thiết bị Đơn vị thi công sẽ sử dụng phương pháp hàn điện sẽ sinh ra các chất ô nhiễm không khí như các oxit kim loại: Fe_2O_3 , SiO_2 , K_2O , CaO ... tồn tại ở dạng khói bụi. Tuy vậy, tác động của loại ô nhiễm này thường không lớn do được phân tán trong môi trường rộng, thoáng và ít tác động đến sức khỏe công nhân vì công tác hàn sẽ được sử dụng máy hàn tự động để hàn, công nhân được trang bị các trang thiết bị bảo hộ lao động khi làm việc tại khu vực có nồng độ khói hàn cao như mặt nạ hàn, bao tay,...

7.2.3. Tác động và biện pháp giảm thiểu đến môi trường nước

Quá trình thi công cải tạo lại HTXLKT sẽ phát sinh nước thải từ nhu cầu vệ sinh của công nhân tham gia với lưu lượng phát sinh khoảng $0,45 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (10 công nhân, tiêu chuẩn 45 lít/người/ngày). Nước thải sinh hoạt có chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ sinh học dễ phân hủy, các hợp chất dinh dưỡng (N, P), vi khuẩn.

Vì Cơ sở hiện hữu đã có nhà vệ sinh nên công nhân thi công trong giai đoạn này sẽ sử dụng nhà vệ sinh hiện hữu tại Cơ sở. Do đó, nước thải phát sinh từ giai đoạn này sẽ được xử lý sơ bộ và có đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cơ sở.

7.2.4. Tác động và biện pháp giảm thiểu đến môi trường chất thải rắn

a. Tác động và biện pháp giảm thiểu đến môi trường chất thải rắn sinh hoạt

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh lớn nhất khoảng $3,0 \text{ kg/ngày}$ được tính toán cho 10 công nhân với hệ số phát thải: $0,3 \text{ kg/người.ngày}$.
- Chủ cơ sở sẽ tiến hành thu gom, lưu trữ ở các thùng chứa rác sinh hoạt của Cơ sở hiện hữu trong khi chờ Đơn vị có chức năng đến vận chuyển và đem đi xử lý theo đúng quy định.

b. Tác động và biện pháp giảm thiểu đến môi trường chất thải rắn xây dựng

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công, cải tạo có thành phần chủ yếu là: ống nhựa, sắt, thép,...Ước tính lượng chất thải phát sinh khoảng $5,0 \text{ kg/ngày}$.

- Chủ cơ sở sẽ phối hợp với Đơn vị thi công tiến hành thu gom, lưu trữ ở Kho chứa chất thải công nghiệp thông thường của hiện hữu tại Cơ sở và được quản lý cùng với chất thải rắn thông thường của Cơ sở.

c. Tác động và biện pháp giảm thiểu đến môi trường chất thải nguy hại

Trong giai đoạn này, chất thải nguy hại phát sinh bao gồm: giẻ lau dính dầu nhớt, que hàn, cặn dầu nhớt. Khối lượng phát sinh ước tính khoảng 5,0 kg/tháng. Chất thải nguy hại là loại chất thải có khả năng lây nhiễm cao gây ảnh hưởng không tốt đến môi trường, vì thế Chủ Cơ sở sẽ lưu trữ tại kho chứa chất thải nguy hại của Cơ sở hiện hữu trong khi chờ Đơn vị có chức năng đến vận chuyển để đem đi xử lý theo đúng quy định.

7.2.5. Tác động và biện pháp giảm thiểu đến Nhà máy hiện hữu

Trừ việc cải tạo nâng công suất các Hệ thống xử lý khí thải thì các hạng mục công trình hiện hữu của Cơ sở giữ nguyên và hoạt động bình thường. Do đó, ngoài các biện pháp giảm thiểu tác động liên quan đến môi trường không khí, nước thải và chất thải rắn thì Chủ cơ sở cũng như Đơn vị thi công phải chú trọng đến các vấn đề như sau:

- Phân bổ thời gian thi công hợp lý, ưu tiên thi công những hạng mục lớn vào ngày cuối tuần để hạn chế thấp nhất sự ảnh hưởng đến các hoạt động của Cơ sở hiện hữu.
- Sắp xếp vận chuyển máy móc, thiết bị không trùng với thời gian nhập xuất nguyên liệu sản phẩm của nhà máy, giờ vào ca và ra làm của công nhân nhà máy cũng như các giờ cao điểm khác.

Chủ cơ sở phải luôn giám sát cũng như phối hợp với Đơn vị thi công đảm bảo các hạng mục cải tạo Hệ thống xử lý khí thải được diễn ra thuận lợi và ít ảnh hưởng đến Cơ sở hiện hữu, cũng như cần có phương án xử lý kịp thời nếu xảy ra các sự cố liên quan đến tai nạn lao động, sự cố cháy nổ, điện giật,...

7.2.6. Tác động ngăn ngừa và giảm thiểu các sự cố

a. An toàn lao động

Trong quá trình này các sự cố liên quan đến việc:

- Không trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân trong quá trình thi công;
- Thiếu sự giám sát của người quản lý trong quá trình thi công;
- Công nhân không tuân thủ các quy định trong việc sử dụng điện;
- Bất cẩn trong việc bốc dỡ, vận chuyển máy móc, thiết bị để thi công.

Để phòng tránh tai nạn lao động trong khi thi công, Chủ cơ sở phối hợp với nhà thầu thi công sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Xây dựng các nội quy về an toàn lao động khi lập tiến độ thi công. Thời gian thi công phải hợp lý, bố trí mặt bằng thi công không gây cản trở lẫn nhau. Tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi lập phương án tổ chức thi công, vận hành máy móc thiết bị;

- Bố trí cán bộ kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động trong suốt quá trình thi công;
- Người và các phương tiện thi công của Cơ sở phải tuân thủ đúng các làn đường theo quy định, nhìn kỹ hai bên trước khi sang đường. Người đi bộ phải nhường đường cho các xe nâng trong khuôn viên Cơ sở;
- Dựng biển báo nguy hiểm tại khu vực đang thi công;
- Nghiêm cấm mọi người không có nhiệm vụ tuyệt đối không được đi vào các khu vực đang thi công;
- Quy định bắt buộc đối với những kỹ sư, công nhân,... phải thực hiện nghiêm túc các biện pháp an toàn như: phải đội mũ bảo hộ, mang giày, khẩu trang, mắt kính,...;
- Các xe vận chuyển vật liệu khi chạy trong khuôn viên của Cơ sở phải chạy với vận tốc độ quy định;
- Quán triệt công nhân vận hành máy móc tuyệt đối tuân theo quy trình thao tác và an toàn hiện hành;
- Hệ thống điện ở hiện trường phải được bố trí hợp lý, nghiêm chỉnh chấp hành các quy định an toàn sử dụng điện.

b. Sự cố cháy nổ

Một số nguyên nhân gây ra sự cố cháy nổ có thể xác định như sau:

- Khu vực để tạm máy móc, thiết bị thi công là các nguồn có thể gây cháy nổ. Khi sự cố xảy ra có thể gây ra thiệt hại nghiêm trọng về người, kinh tế và môi trường;
- Hệ thống cấp điện tạm thời có thể gây ra sự cố giật, chập, cháy nổ, gây thiệt hại về kinh tế hay tai nạn lao động cho công nhân;
- Việc sử dụng các thiết bị gia nhiệt trong thi công như hàn có thể gây ra cháy, bỏng hay tai nạn lao động nếu như không có các biện pháp phòng ngừa.

Để phòng tránh sự cố cháy nổ, các biện pháp sau sẽ được áp dụng:

- Chủ Cơ sở kết hợp với đơn vị thi công thực hiện tốt các nội quy an toàn trong quá trình thi công, công nhân làm việc tại Cơ sở phải tuân thủ các nội quy lao động;
- Các tuyến đường dây điện phục vụ cho quá trình thi công tại Cơ sở được thường xuyên kiểm tra, phát hiện và khắc phục nếu có sự cố (đứt dây, chập mạch,...);
- Dầu mỡ thải, các vật dụng dễ bắt cháy khác được tập trung trong các thùng kín và cách xa máy móc, thiết bị thi công;
- Tập huấn và phổ biến chương trình phòng cháy chữa cháy cho công nhân tham gia thi công, lắp đặt;
- Công nhân thi công hàn cần được trang bị bảo hộ lao động và sắp xếp tách biệt riêng với nguồn dễ cháy.

CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤP PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải:
 - + Nước thải từ nhà vệ sinh, lavabo có lưu lượng 90 m³/ngày.
 - + Nước thải từ nhà ăn có lưu lượng 60 m³/ngày.
 - + Nước thải từ HTXL khí thải lò hơi có lưu lượng 1,06 m³/ngày.
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 200 m³/ngày.đêm tương đương 8,3 m³/h.
- Dòng nước thải: nước thải xử lý được xả ra môi trường tiếp nhận.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của chất ô nhiễm: đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, K_q=0,9, K_f=1,1 như Bảng sau:

Bảng 4.1: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn đối với nước thải

Stt	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn theo QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (K _q =0,9, K _f =1,1)
1.	pH	-	6-9
2.	BOD ₅	mg/l	30
3.	TSS	mg/l	50
4.	COD	mg/l	75
5.	Amoni	mg/l	5
6.	Tổng N	mg/l	20
7.	Tổng P	mg/l	4
8.	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5
9.	Coliform	MPN/100 ml	3.000

- Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận:
 - + Vị trí: cống xả ra kênh VSIP, có tọa độ theo VN2000: X=1206307, Y=0687446.
 - + Phương thức xả thải: tự chảy.
- Nguồn tiếp nhận nước thải: kênh VSIP → kênh tiêu Bình Hòa (rạch ông Bô) → rạch Vĩnh Bình → sông Sài Gòn.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

- Nguồn phát sinh khí thải:
 - + Nguồn số 1: Khí thải từ quá trình đốt lò hơi công suất 0,3 tấn/giờ ở Xưởng may 1.
 - + Nguồn số 2: Khí thải từ quá trình đốt lò hơi công suất 0,5 tấn/giờ ở Xưởng may 2.
 - + Nguồn số 3: Khí thải từ quá trình đốt lò hơi công suất 0,3 tấn/giờ ở Xưởng may 4.
 - + Nguồn số 4: Khí thải từ quá trình đốt lò hơi công suất 0,3 tấn/giờ và 0,5 tấn/giờ ở Xưởng hoàn tất.
- Lưu lượng xả khí tối đa:
 - + Dòng khí thải số 1: 2.000 m³/giờ.

- + Dòng khí thải số 2: 3.500 m³/giờ.
- + Dòng khí thải số 3: 2.000 m³/giờ.
- + Dòng khí thải số 4: 5.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải:
 - + Dòng khí thải số 1: khí thải sau ống khói của HTXL khí thải lò hơi, lưu lượng 2.000 m³/giờ ở Xưởng may 1.
 - + Dòng khí thải số 2: khí thải sau ống khói của HTXL khí thải lò hơi, lưu lượng 3.500 m³/giờ Xưởng may 2.
 - + Dòng khí thải số 3: khí thải sau ống khói của HTXL khí thải lò hơi, lưu lượng 2.000 m³/giờ ở Xưởng may 4.
 - + Dòng khí thải số 4: khí thải sau ống khói của HTXL khí thải lò hơi, lưu lượng 5.000 m³/giờ ở Xưởng hoàn tất.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của chất ô nhiễm: đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B như Bảng sau:

Bảng 4.2: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn đối với khí thải

Stt	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn theo QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (Kp=1, Kv=1)
1	Bụi	mg/Nm ³	200
2	SO ₂	mg/Nm ³	500
3	NO _x	mg/Nm ³	850
4	CO	mg/Nm ³	1.000

- Vị trí, phương thức xả thải:
 - + Vị trí:
 - Ống khói sau hệ thống xử lý lò hơi tại Xưởng may 1 (công suất 2.000 m³/h) có tọa độ theo VN2000: X = 1206453, Y = 0605366.
 - Ống khói sau hệ thống xử lý lò hơi tại Xưởng may 2 (công suất 5.000 m³/h) có tọa độ theo VN2000: X = 1206449, Y = 0605525.
 - Ống khói sau hệ thống xử lý lò hơi tại Xưởng may 4 (công suất 2.000 m³/h) có tọa độ theo VN2000: X = 1206312, Y = 0605386.
 - Ống khói sau hệ thống xử lý lò hơi tại Xưởng hoàn tất (công suất 5.000 m³/h) có tọa độ theo VN2000: X = 1206214, Y = 0605651.
 - + Phương thức xả thải: liên tục 24/24 giờ.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh:
 - + Nguồn số 1: khu vực sản xuất xưởng may 1.
 - + Nguồn số 2: khu vực sản xuất xưởng may 2.
 - + Nguồn số 3: khu vực sản xuất xưởng may 4.
 - + Nguồn số 4: khu vực sản xuất xưởng hoàn tất.
 - + Nguồn số 5: khu vực trạm bơm PCCC.

- + Nguồn số 6: khu vực trạm bơm xử lý nước thải.
- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:
 - + Nguồn số 1: Tọa độ X = 1206419, Y = 0605370.
 - + Nguồn số 2: Tọa độ X = 1206417, Y = 0605493.
 - + Nguồn số 3: Tọa độ X = 1206343, Y = 0605336.
 - + Nguồn số 4: Tọa độ X = 1206369, Y = 0605528.
 - + Nguồn số 5: Tọa độ X = 1206448, Y = 0605429.
 - + Nguồn số 6: Tọa độ X = 1206307, Y = 0605499.
- (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°30' múi chiều 3°).
- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:
 - + Tiếng ồn: cơ sở thuộc khu vực thông thường nên giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT như sau:

Khu vực thông thường	Từ 6 giờ - 21 giờ	Từ 21 giờ - 6 giờ
	70 dBA	55 dBA

- + Độ rung: cơ sở thuộc khu vực thông thường nên giới hạn tối đa cho phép về độ rung theo QCVN 27:2010/BTNMT như sau:

Khu vực đặc biệt	Từ 6 giờ - 21 giờ	Từ 21 giờ - 6 giờ
	70 dB	60 dB

4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn

4.1. Quản lý chất thải nguy hại phát sinh

- Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái	Đơn vị	Mã CTNH	Khối lượng
1.	Giẻ lau dính thành phần nguy hại	Rắn	kg/tháng	18 02 01	5
2.	Hộp mực in thải	Rắn	kg/tháng	08 02 04	3
3.	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	kg/tháng	16 01 06	44
4.	Dầu thủy lực tổng hợp thải	Lỏng	kg/tháng	17 01 06	40
5.	Thùng đựng dầu nhớt thải	Rắn	kg/tháng	18 01 01	25
6.	Thùng đựng acetone thải	Rắn	kg/tháng	18 01 03	20
7.	Nhớt thải	Lỏng	kg/tháng	17 02 04	20
8.	Rác y tế	Rắn	kg/tháng	13 01 01	9
9.	Linh kiện điện tử thải	Rắn	kg/tháng	19 02 05	4
10.	Pin, ắc quy thải	Rắn	kg/tháng	19 06 01	2
Tổng số lượng			kg/tháng	-	172
			kg/năm	-	2.064

- Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:
 - + Thiết bị lưu chứa: chất thải phát sinh được lưu chứa vào thùng nhựa composite loại 25kg được đặt tại kho chứa có dán mã phân loại.
 - + Kho/khu vực lưu chứa: kho chứa có diện tích 8,16 m². Kho chứa rác nguy hại được bố trí khu vực riêng, nền xi măng, khu vực có dán biển cảnh báo, gờ chống tràn theo quy định. Có thùng phuy chứa cát khô, xẻng và giẻ khô, thiết bị bình phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

4.2. Quản lý chất thải sinh hoạt phát sinh

- Khối lượng, chủng loại chất thải sinh hoạt phát sinh: 48 kg/ngày từ hoạt động văn phòng, vệ sinh (giấy thải, hộp mực in cho văn phòng) và hoạt động ăn uống của công nhân viên (thực phẩm, thức ăn dư thừa, lon chai đựng thức uống,...).
- Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt: ở các khu vực văn phòng, nhà vệ sinh sẽ được đặt các thùng chứa rác bằng nhựa có nắp đậy 60 lít, cuối ngày sẽ được lao công chuyển về kho lưu chứa và chứa trong thùng rác bằng nhựa có nắp đậy có dung tích 120-240 lít (5 thùng).
- Kho/khu vực lưu chứa: khu vực lưu chứa có diện tích 39,1 m². Được bố trí khu vực riêng, nền xi măng, khu vực có dán biển cảnh báo.

4.3. Quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

- Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp thông thường phát sinh:

Stt	Loại chất thải	Đơn vị	Khối lượng
1	Vải vụn, nhãn vải	kg/tháng	24.000
2	Chỉ vụn	kg/tháng	239
3	Nút, kẹp, nhãn plastic, dụng cụ plastic, Lỗi chỉ	kg/tháng	50
4	Bao nylon, túi nylon, dây luồng	kg/tháng	232
5	Thùng carton, nhãn giấy, miếng lót lưng	kg/tháng	1.123
6	Nhãn da	kg/tháng	10
7	Băng viên	kg/tháng	5
8	Đinh tán, nút kim loại, miếng kim loại trang trí	kg/tháng	60
9	Xỉ than (không chứa thành phần nguy hại)	kg/tháng	6300
10	Kính vỡ	kg/tháng	3
Tổng		kg/tháng	32.022

Nguồn: Công ty Cổ phần May Mặc Bình Dương, 2024

- Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:
 - + Đối với chất thải phát sinh ở các khu vực văn phòng, nhà xưởng sản xuất sẽ được lưu chứa vào bao dẹt PP loại 50 - 60kg.
 - + Đối với hộp mực in dành cho văn phòng: sẽ được đơn vị cung cấp mực in thu hồi, không lưu trữ tại Cơ sở.

- + Khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp có tổng diện tích khoảng là 114,64 m² (Trong đó thì kho chất thải công nghiệp thông thường: 73,84 m²; kho chứa xỉ than: 15,81 m²; kho chứa vải vụn: 24,99 m²). Kho chứa có thiết kế mái tôn, tường gạch, nền bê tông chống thấm, có gờ chống nước mưa tràn vào, có biển hiệu cảnh báo theo đúng quy định.

CHƯƠNG V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Tổng hợp kết quả quan trắc môi trường tại cơ sở qua năm 2022 và năm 2023 như sau:

1. Kết quả quan trắc môi trường năm 2022

1.1. Kết quả quan trắc nước thải

- Vị trí lấy mẫu: nước thải sau HTXL.
- Ngày lấy mẫu:
 - + Ngày 02/03/2022.
 - + Ngày 02/06/2022.
 - + Ngày 05/09/2022.
 - + Ngày 28/11/2022.
- Tổng hợp kết quả quan trắc:

Bảng 5.1: Tổng hợp kết quả quan trắc nước thải năm 2022

Stt	Thông số đo	Đơn vị	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	QCVN 40:2011/BTNMT cột A
1	pH	-	6,98	7,01	7,26	7,27	6-9
2	BOD ₅	mg/l	19	23	25	28	30
3	COD	mg/l	32	35	41	31	75
4	TSS	mg/l	26	29	36	39	50
5	Tổng Nito	mg/l	12,5	11,7	12,9	14,5	20
6	Tổng Photpho	mg/l	0,98	0,96	1,4	0,98	4
7	Tổng Coliforms	MPN/100ml	1.100	1.500	2.000	1.500	3.000

Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của Công ty Cổ phần May Mặc Bình Dương năm 2022

Nhận xét: qua Bảng trên ta nhận thấy kết quả quan trắc qua các đợt giám sát các thông số ô nhiễm đều có nồng độ nằm trong quy định cho phép. Chứng tỏ, cơ sở vẫn đang kiểm soát và vận hành tốt hệ thống xử lý nước thải.

1.2. Kết quả quan trắc khí thải

- Vị trí lấy mẫu:
 - + Khí thải sau HTXL lò hơi XN1.
 - + Khí thải sau HTXL lò hơi XN2.
 - + Khí thải sau HTXL lò hơi XN4.

- + Khí thải sau HTXL lò hơi Xưởng hoàn tất 1.
- + Khí thải sau HTXL lò hơi Xưởng hoàn tất 2.
- Ngày lấy mẫu:
 - + Ngày 02/03/2022.
 - + Ngày 02/06/2022.
 - + Ngày 05/09/2022.
 - + Ngày 28/11/2022.
- Tổng hợp kết quả quan trắc:

Bảng 5.2: Tổng hợp kết quả quan trắc khí thải năm 2022

Stt	Thông số đo	Đơn vị	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	QCVN 19:2009/BTNMT cột B
I	Bên trong ống khói lò hơi XN1						
1	Lưu lượng	m ³ /h	1.082	1.106	1.095	1.191	-
2	Nhiệt độ	°C	82,1	82,5	85,2	65,2	-
3	Bụi	mg/Nm ³	69	70	65	61	200
4	SO ₂	mg/Nm ³	31	34	30	29	500
5	NO _x	mg/Nm ³	196	198	191	135	850
6	CO	mg/Nm ³	341	358	348	339	1.000
II	Bên trong ống khói lò hơi XN2						
1	Lưu lượng	m ³ /h	1.175	1.193	1.168	1.187	-
2	Nhiệt độ	°C	86,5	87,2	88,1	61,7	-
3	Bụi	mg/Nm ³	71	73	68	43	200
4	SO ₂	mg/Nm ³	19	21	18	32	500
5	NO _x	mg/Nm ³	185	187	188	154	850
6	CO	mg/Nm ³	351	357	342	321	1.000
III	Bên trong ống khói lò hơi XN4						
1	Lưu lượng	m ³ /h	1.182	1.201	1.178	1.191	-
2	Nhiệt độ	°C	95,9	96,1	96,1	75,9	-
3	Bụi	mg/Nm ³	58	62	56	52	200
4	SO ₂	mg/Nm ³	21	24	20	28	500
5	NO _x	mg/Nm ³	169	172	175	148	850
6	CO	mg/Nm ³	329	332	331	317	1.000
IV	Bên trong ống khói lò hơi Xưởng hoàn tất 1						
1	Lưu lượng	m ³ /h	1.046	1.097	1.055	1.106	-
2	Nhiệt độ	°C	86,7	86,9	88,8	71,6	-
3	Bụi	mg/Nm ³	62	67	61	47	200
4	SO ₂	mg/Nm ³	11	13	15	21	500
5	NO _x	mg/Nm ³	181	185	186	101	850
6	CO	mg/Nm ³	296	304	291	381	1.000

Stt	Thông số đo	Đơn vị	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	QCVN 19:2009/BTNMT cột B
V	Bên trong ống khói lò hơi Xưởng hoàn tất 2						
1	Lưu lượng	m ³ /h	1.159	1.184	1.161	1.174	-
2	Nhiệt độ	°C	91,1	91,5	95,2	70,1	-
3	Bụi	mg/Nm ³	78	81	75	62	200
4	SO ₂	mg/Nm ³	18	19	21	21	500
5	NO _x	mg/Nm ³	197	201	191	125	850
6	CO	mg/Nm ³	268	276	282	294	1.000

Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của Công ty Cổ phần May Mặc Bình Dương năm 2022

Nhận xét: qua Bảng trên ta nhận thấy kết quả quan trắc qua các đợt giám sát các thông số ô nhiễm đều có nồng độ nằm trong quy định cho phép. Chứng tỏ, cơ sở vẫn đang kiểm soát và vận hành tốt hệ thống xử lý khí thải.

2. Kết quả quan trắc môi trường năm 2023

2.1. Kết quả quan trắc nước thải

- Vị trí lấy mẫu: nước thải sau HTXL.
- Ngày lấy mẫu:
 - + Ngày 04/03/2023.
 - + Ngày 02/06/2023.
 - + Ngày 07/09/2023.
 - + Ngày 25/11/2023.
- Tổng hợp kết quả quan trắc:

Bảng 5.3: Tổng hợp kết quả quan trắc nước thải năm 2023

Stt	Thông số đo	Đơn vị	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	QCVN 40:2011/BTNMT cột A
1	pH	-	6,87	6,96	7,09	6,87	6-9
2	BOD ₅	mg/l	14	21	19	24	30
3	COD	mg/l	27	38	34	60	75
4	TSS	mg/l	19	29	25	35	50
5	Tổng Nito	mg/l	14,3	12,4	16,1	14,3	20
6	Tổng Photpho	mg/l	0,95	0,97	0,97	0,91	4
7	Tổng Coliforms	MPN/100ml	2.300	1.100	3.900	1.500	3.000

Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của Công ty Cổ phần May Mặc Bình Dương năm 2023

Nhân xét: qua Bảng trên ta nhận thấy kết quả quan trắc qua các đợt giám sát các thông số ô nhiễm đều có nồng độ nằm trong quy định cho phép. Chứng tỏ, cơ sở vẫn đang kiểm soát và vận hành tốt hệ thống xử lý nước thải.

2.2. Kết quả quan trắc khí thải

- Vị trí lấy mẫu:
 - + Khí thải sau HTXL lò hơi XN1.
 - + Khí thải sau HTXL lò hơi XN2.
 - + Khí thải sau HTXL lò hơi XN4.
 - + Khí thải sau HTXL lò hơi Xưởng hoàn tất 1.
 - + Khí thải sau HTXL lò hơi Xưởng hoàn tất 2.
- Ngày lấy mẫu:
 - + Ngày 04/03/2023.
 - + Ngày 02/06/2023.
 - + Ngày 07/09/2023.
 - + Ngày 25/11/2023.
- Tổng hợp kết quả quan trắc:

Bảng 5.4: Tổng hợp kết quả quan trắc khí thải năm 2023

Stt	Thông số đo	Đơn vị	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	QCVN 19:2009/BTNMT cột B
I	Bên trong ống khói lò hơi XN1						
1	Lưu lượng	m ³ /h	1.125	1.205	1.137	1.332	-
2	Nhiệt độ	°C	92,5	86,5	96,4	98,2	-
3	Bụi	mg/Nm ³	78	81	78	65	200
4	SO ₂	mg/Nm ³	24	16	32	27	500
5	NO _x	mg/Nm ³	156	85	86	72	850
6	CO	mg/Nm ³	285	256	168	203	1.000
II	Bên trong ống khói lò hơi XN2						
1	Lưu lượng	m ³ /h	1.213	1.156	1.185	1.255	-
2	Nhiệt độ	°C	89,7	92,7	93,1	96,8	-
3	Bụi	mg/Nm ³	65	51	65	71	200
4	SO ₂	mg/Nm ³	36	24	25	34	500
5	NO _x	mg/Nm ³	124	96	92	83	850
6	CO	mg/Nm ³	369	336	294	252	1.000
III	Bên trong ống khói lò hơi XN4						
1	Lưu lượng	m ³ /h	1.096	1.387	1.123	1.227	-
2	Nhiệt độ	°C	105,5	87,7	102,6	97,1	-

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất quần áo may sẵn, công suất 6.074.580 sản phẩm/năm”

Stt	Thông số đo	Đơn vị	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	QCVN 19:2009/BTNMT cột B
3	Bụi	mg/Nm ³	81	75	81	76	200
4	SO ₂	mg/Nm ³	18	32	21	43	500
5	NO _x	mg/Nm ³	154	124	124	95	850
6	CO	mg/Nm ³	256	223	234	270	1.000
IV	<i>Bên trong ống khói lò hơi Xưởng hoàn tất 1</i>						
1	Lưu lượng	m ³ /h	1.148	1.198	1.206	1.412	-
2	Nhiệt độ	°C	98,2	95,2	100,5	98,2	-
3	Bụi	mg/Nm ³	43	63	43	58	200
4	SO ₂	mg/Nm ³	42	36	36	28	500
5	NO _x	mg/Nm ³	192	84	154	102	850
6	CO	mg/Nm ³	206	278	218	198	1.000
V	<i>Bên trong ống khói lò hơi Xưởng hoàn tất 2</i>						
1	Lưu lượng	m ³ /h	1.059	1.283	1.163	1.314	-
2	Nhiệt độ	°C	93,5	89,5	95,7	102,5	-
3	Bụi	mg/Nm ³	56	72	56	63	200
4	SO ₂	mg/Nm ³	28	64	16	41	500
5	NO _x	mg/Nm ³	115	114	84	91	850
6	CO	mg/Nm ³	312	307	287	216	1.000

Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của Công ty CP May Mặc Bình Dương năm 2023

Nhận xét: qua Bảng trên ta nhận thấy kết quả quan trắc qua các đợt giám sát các thông số ô nhiễm đều có nồng độ nằm trong quy định cho phép. Chứng tỏ, cơ sở vẫn đang kiểm soát và vận hành tốt hệ thống xử lý khí thải.

CHƯƠNG VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở đầu tư, chủ cơ sở đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn cơ sở đi vào vận hành, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở đầu tư

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

- Công trình xử lý chất thải cần vận hành thử nghiệm: 01 (Một) Hệ thống xử lý nước thải; 04 (Bốn) Hệ thống xử lý khí thải lò hơi ;
- Thời gian dự kiến bắt đầu và kết thúc vận hành: trong vòng 03 tháng;
- Công suất dự kiến đạt được khi kết thúc vận hành: đạt 80%.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Thực hiện theo điểm b, khoản 5, Điều 21 của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, Cơ sở sẽ có kế hoạch dự kiến về thời gian lấy mẫu và kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu nước thải và khí thải ở giai đoạn vận hành thử nghiệm theo **Bảng 6.1** như sau:

Bảng 6.1: Chương trình quan trắc trong giai đoạn vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải

Stt	Vị trí giám sát	Số lượng mẫu	Thông số giám sát	Tần suất đo đạc	Tiêu chuẩn so sánh
A	Hệ thống xử lý nước thải				
I	Giai đoạn vận hành ổn định của hệ thống xử lý nước thải (03 ngày liên tiếp)				
1.	Đầu vào nước thải	01 mẫu	Lưu lượng, pH, BOD ₅ , COD, TSS, Amoni, Tổng N, Tổng P, Coliform, Tổng dầu mỡ khoáng.	01 lần/3 ngày	QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, (Kq=0,9 và Kf=1,1)
2.	Đầu ra nước thải	03 mẫu	Lưu lượng, pH, BOD ₅ , COD, TSS, Amoni, Tổng N, Tổng P, Coliform, Tổng dầu mỡ khoáng.	01 lần/ngày * 03 ngày liên tiếp	
B	Hệ thống xử lý khí thải				
II	Giai đoạn vận hành ổn định của hệ thống xử lý khí thải (03 ngày liên tiếp)				

Stt	Vị trí giám sát	Số lượng mẫu	Thông số giám sát	Tần suất đo đạc	Tiêu chuẩn so sánh
1.	Tại 4 ống thải sau HTXL khí thải lò hơi	12 mẫu	Lưu lượng Nhiệt độ, Bụi, SO ₂ , NO _x , CO	01 lần/ngày * 03 ngày liên tiếp	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (Kp=1, Kv=1)

Chủ cơ sở sẽ phối hợp với tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện lấy mẫu quan trắc chất thải theo quy định.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

❖ Giám sát chất lượng khí thải

- Vị trí giám sát: tại 4 ống thải sau HTXL khí thải lò hơi.
- Các thông số đo đạc và phân tích: Lưu lượng Nhiệt độ, Bụi, SO₂, NO_x, CO.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (Kp=1, Kv=1).

❖ Giám sát chất lượng nước thải,

- Vị trí giám sát: nước thải sau HTXL.
- Các thông số đo đạc và phân tích: Lưu lượng, pH, BOD₅, COD, TSS, Amoni, Tổng N, Tổng P, Coliform, Tổng dầu mỡ khoáng.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, Kq=0,9 và Kf=1,1.

❖ Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Tần suất giám sát: Thường xuyên và liên tục.
- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.
- Thông số giám sát: Khối lượng, chủng loại, hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.
- Quy định áp dụng: Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

2.2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường

- Tần suất báo cáo: 01 lần/năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 của năm);
- Thời gian nộp báo cáo: trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo;
- Biểu mẫu: Mẫu số 05.A, Phụ lục VI của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, ngày 10/01/2022, báo cáo và các tài liệu liên quan đến báo cáo phải lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để đối chiếu khi thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra;
- Nơi nộp báo cáo: UBND Thành phố Thuận An (Phòng Tài nguyên và Môi trường), Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương,

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Hàng năm chủ cơ sở sẽ dành một phần kinh phí cho mục đích bảo vệ và giảm thiểu các tác động tiêu cực tới môi trường.

Bảng 6.2: Kinh phí dành cho giám sát môi trường trong quá trình hoạt động trong 1 năm

Stt	Thành phần	Vị trí giám sát	Tần suất giám sát (lần/năm)	Thành tiền (VNĐ)
1	Giám sát nước thải	1	2	4.000.000
2	Giám sát khí thải	4	2	8.000.000
3	Viết báo cáo công tác bảo vệ môi trường (1 lần/năm)	-	-	10.000.000
Tổng cộng				22.000.000

CHƯƠNG VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Tính tới thời điểm hiện tại thì cơ sở không có các đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường.

CHƯƠNG VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

- Chủ cơ sở cam kết tuân thủ đúng các Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của Nhà nước Việt Nam liên quan đến vấn đề an toàn vệ sinh môi trường.
- Chủ cơ sở sẽ phối hợp với các cơ quan chức năng trong quá trình kiểm soát mức độ ô nhiễm nhằm đạt Quy chuẩn môi trường theo quy định và phòng chống sự cố môi trường.
- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của cơ sở đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ($K_q=0,1$ và $K_f=1,1$) trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.
- Thu gom, xử lý khí thải phát sinh của cơ sở đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B ($K_p=1$, $K_v=1$) trước khi xả ra môi trường.
- Giám thiểu và quản lý tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của Cơ sở trong suốt giai đoạn vận hành đảm bảo đạt các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 27:2010/BTNMT.
- Quản lý và thực hiện các biện pháp để chất lượng không khí của Cơ sở đạt QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí và QCVN 06:2009/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh
- Thực hiện thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.
- Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về quy hoạch, lao động, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật có liên quan.
- Hợp tác và cung cấp mọi thông tin có liên quan cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường để kiểm tra và giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có).
- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu trữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra. Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm gửi cơ quan chức năng theo quy định

Chúng tôi gửi kèm theo dưới đây Phụ lục các hồ sơ, văn bản có liên quan đến cơ sở (*đính kèm phụ lục*).

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Các văn bản pháp lý

Phụ lục 2: Các bản vẽ hoàn công về công trình bảo vệ môi trường

Phụ lục 3: Kết quả quan trắc môi trường tại cơ sở

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH BÌNH DƯƠNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 3700769438

Đăng ký lần đầu: ngày 23 tháng 12 năm 2006

Đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 27 tháng 01 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG.

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PROTRADE GARMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: PROTRADE GARMENT JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274.3755143

Fax: 0274.3755415

Email: info@protradegarment.com

Website: www.protradegarment.com

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 120.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 12.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: PHAN THÀNH ĐỨC

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 15/07/1971

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 074071002450

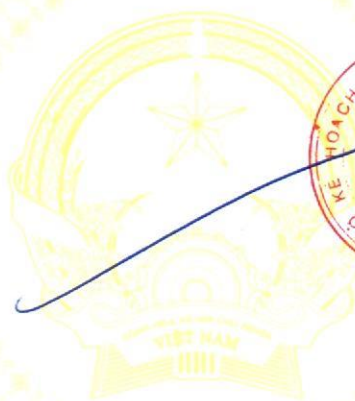
Ngày cấp: 01/05/2021

Nơi cấp: Cục trưởng Cục Cảnh sát Quản lý Hành
chính về Trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 53/2 Thạnh Lộc, Phường An Thạnh, Thành phố Thuận An, Tỉnh
Bình Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 53/2 Thạnh Lộc, Phường An Thạnh, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình
Dương, Việt Nam

K. **TRƯỞNG PHÒNG**
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



me
Nguyễn Thị Thanh Xuân

Số:



33902/22

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Phòng Đăng ký kinh doanh: *Tỉnh Bình Dương*
Địa chỉ trụ sở: *Tầng 4 Tháp A, Tòa nhà Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*
Điện thoại: 0274.3823718 và 0274.3824817 Fax:
Email: *dangkykinhdoanh@binhduong.gov.vn* Website:

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG.

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 3700769438

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nguyên phụ liệu ngành may mặc.	4751
2	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị ngành may mặc.	4659
3	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng).	6810
4	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) Chi tiết: Góp vốn mua cổ phần.	6499
5	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ hấp, giặt ủi quần áo (không hoạt động tại địa điểm trụ sở chính).	9639
6	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc.	4771

STT	Tên ngành	Mã ngành
7	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Chi tiết: Bán buôn phần mềm quản lý ngành may mặc (trừ các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)	4651
8	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục) Chi tiết: Sản xuất quần áo may sẵn.	1392(Chính)
9	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: Bán buôn hàng may thêu, hàng may sẵn.	4641
10	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các đồ phụ trợ cho quần áo (cổ cồn đăng ten, thêu ren, thắt lưng)	1399
11	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ dịch vụ đấu giá tài sản; trừ hoạt động đại lý, môi giới đối với các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).	4610
12	(Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện)	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG AN TÍN
 Chứng Thực Bản Sao Đúng Với Bản Chính
 Số chứng thực: 19376/CT/BS

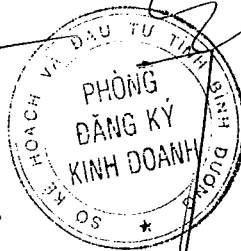
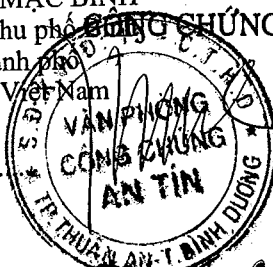
13-05-2022

TRƯỞNG PHÒNG

Nơi nhận:

- CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG.. Địa chỉ: Số 7/128 Khu phố 3, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

- Lưu: HUỖNH LÝ NGỌC



Lưu Minh Tuấn

Nguyễn Thanh An

Thuận An, ngày 26 tháng 5 năm 2010

TỔNG GIÁM ĐỐC

- Căn cứ vào Quyết định số 134/2006/QĐ-UBND ngày 22-05-2006 của UBND tỉnh Bình Dương về việc chuyển Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ – công ty con.
- Căn cứ chức năng quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty theo Quyết định số 3576/QĐ-UB ngày 07-08-2006 của UBND tỉnh Bình Dương về việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công Ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương.
- Căn cứ biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty SX-XNK Bình Dương ngày 24-02-2010 về việc chuyển giao quản lý và sử dụng đất cho đơn vị trực thuộc.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 : Chuyển giao quyền sử dụng đất cho đơn vị trực thuộc gồm :

1/. **Chuyển giao cho Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương diện tích 49.645,1m²** trên tổng diện tích 65.803,2m² đất theo quyết định giao đất số 3559/QĐ-CT ngày 10-9-2001, Giấy chứng nhận QSDĐ số T313058 của UBND tỉnh Bình Dương và Hợp đồng thuê đất số 772/HĐTD ngày 19-9-2001 (Diện tích còn lại 16.158,1m² là khu nhà ở tập thể công nhân vẫn do Cty SX-XNK Bình dương quản lý và sử dụng).

2/. Chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú diện tích 45.653m² theo quyết định giao đất số 2951/QĐ-UBND ngày 23-6-2006, Giấy chứng nhận QSDĐ số AĐ120102 của UBND tỉnh Bình Dương và Hợp đồng thuê đất số 1468/HĐ.TĐ ngày 10-7-2006.

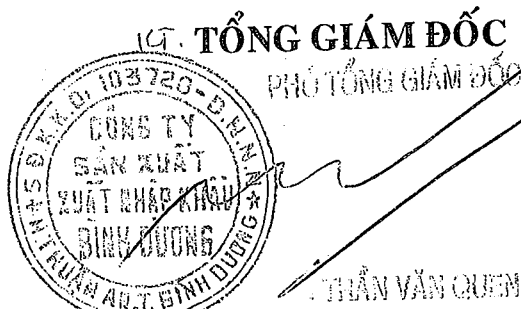
Điều 2 : Các đơn vị được giao đất có trách nhiệm liên hệ cơ quan chức năng để xin điều chỉnh quyết định giao đất, giấy chứng nhận QSDĐ, hợp đồng thuê đất và thực hiện các nghĩa vụ theo qui định.

Điều 3 : Trưởng phòng Tổ chức Công ty, Kế toán trưởng Công ty, Lãnh đạo đơn vị được giao đất căn cứ quyết định thực hiện kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 3

- Lưu:





CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG QUỐC TẾ

198/9 NGUYỄN THÁI SƠN, PHƯỜNG 4, QUẬN GÒ VẤP, TP. HỒ CHÍ MINH

TEL: 028.35886850 FAX: 028.35886849

Website: www.tuvankiemdinh.com Email: icci@icci.vn

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ hợp đồng kinh tế số 222/2019/HĐKT ngày 15/10/2019 V/v Kiểm định chất lượng công trình – Công trình: “Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương”, địa điểm: 7/128 Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, giữa Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương và Công Ty CP Tư Vấn Kiểm Định Xây Dựng Quốc Tế.
- Căn cứ báo cáo số 1000/BCKĐ-19 ngày 28/10/2019 V/v Kiểm định chất lượng công trình – Công trình: “Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương”, địa điểm: 7/128 Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam do Công Ty CP Tư Vấn Kiểm Định Xây Dựng Quốc Tế lập.

CHỨNG NHẬN

Công trình : CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

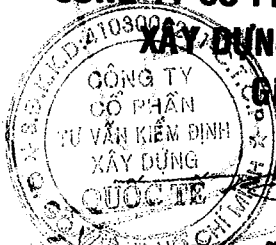
Hạng mục : KHU ĐÓNG THÙNG XÍ NGHIỆP 1, XÍ NGHIỆP MAY 1, VĂN PHÒNG CÔNG TY, TỔ ÉP KEO, XÍ NGHIỆP MAY 2, XÍ NGHIỆP MAY 3, XƯỞNG CẮT, XÍ NGHIỆP MAY 4, XƯỞNG MAY MẪU, XƯỞNG HOÀN TẤT 2 TẦNG, KHO VẢI

Địa điểm : 7/128 KHU PHỐ BÌNH ĐỨC 1, PHƯỜNG BÌNH HÒA, THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM

- Kết cấu công trình đủ khả năng chịu lực.
- Giấy chứng nhận này là căn cứ để đưa công trình vào khai thác, sử dụng.
- Giấy chứng nhận này có hiệu lực 5 năm kể từ ngày cấp.
- ❖ Cần kiểm định đánh giá lại khả năng chịu lực công trình khi có xảy ra một trong các điều kiện sau:
 - Thay đổi công năng sử dụng của sàn, mái theo hướng tăng hoạt tải.
 - Có những biểu hiện bất thường như: nứt lớn, nghiêng, võng lớn.

TP. Hồ Chí Minh ngày 28 tháng 10 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH
XÂY DỰNG QUỐC TẾ (ICCI)**



Giám đốc

Nguyễn Thế Dũng

▪ Vào sổ số: 222/2019/GCN

HỒ SƠ – TÀI LIỆU KỸ THUẬT – VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

I. Văn bản quy phạm pháp luật:

- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính Phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng xây dựng.
- Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/06/2015 của Chính Phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.
- Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng về việc quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

II. Quy chuẩn xây dựng:

- Các quy chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành.

III. Tiêu chuẩn xây dựng:

- TCVN 4447:2012 Công tác đất – Thi công và nghiệm thu.
- TCVN 2737:1995 Tải trọng và tác động – Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCXDVN 5574:2012 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép – Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 4453:1995 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối – Quy phạm thi công và nghiệm thu.
- TCVN 5573:2011 Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép – Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCXD 9379:2012 Kết cấu xây dựng và nền – Nguyên tắc cơ bản về tính toán.
- TCXD 5575:2012 Kết cấu thép – Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCXD 170:2007 Kết cấu thép – Gia công, lắp ráp và nghiệm thu – Yêu cầu kỹ thuật.
- Và các tiêu chuẩn khác có liên quan.

BỘ CÔNG AN
SỞ CS PCCC T. BÌNH DƯƠNG
Số:/TD-PCCC (T.A.)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu PC1
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004 - In 2007

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ
Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số...01/CV...ngày...01.../9.../2011.
của:CÔNG TY TNHH MTV MAY MẶC BÌNH DƯƠNG CÔNG TY SX-XNK BD.....
Người đại diện là ông/ bà:..... Lê Hồng Phấn..... Chức danh ..Tổng Giám đốc.....

(1) Sở Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy tỉnh Bình Dương

CHỨNG NHẬN:

(2).....
Địa điểm:
Chủ đầu tư/ chủ phương tiện:.....
Đơn vị lập dự án/ thiết kế:.....

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

- Kết cấu
- Kiến trúc
- Hệ thống cấp nước chữa cháy
- Hệ thống báo cháy tự động
- Hệ thống chữa cháy tự động

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3)..... - Trang bị bình chữa cháy đảm bảo 75m2/01 bình (5.1.3TCVN.3890-2009)

- Lắp đặt đèn chiếu sáng sự cố tại các cửa, lối thoát nạn đảm bảo khoảng cách 30m một đèn theo quy định tại TCVN 3890-2009.

- Thiết kế hồ nước có thể tích tối thiểu 261,36m³, máy bơm có lưu lượng tối thiểu là 82,6l/s theo định tại TCVN 3890 - 2009.

- Xây dựng công trình theo thẩm định thiết kế phê duyệt.

- Tổ chức nghiệm thu trước khi đưa vào hoạt động theo quy định tại Điều 16 Luật PCCC
Bình Dương, ngày 08 tháng 11 năm 2011.

Nơi nhận:

- Cục CS PCCC (Báo cáo).....
- Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương công ty SX-XNK BD
- Lưu Sở CS PCCC Bình Dương

(4)..... **GIÁM ĐỐC**



(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (Ký tên, đóng dấu).

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PCCC

[illegible]

9

**BỘ CÔNG AN
SỞ CẢNH SÁT PC&CC
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 420/SCSPCCC-TA

Bình Dương, ngày 14 tháng 6 năm 2012

V/v xác nhận nghiệm thu
hệ thống phòng cháy chữa cháy.

Kính gửi: Công ty TNHH MTV May Mặc Bình Dương

Xét công văn số 01/CV ngày 27 tháng 05 năm 2012 của Công ty TNHH MTV May Mặc Bình Dương về việc nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy đối với công trình: Nhà kho mới (40m X 80m). Địa chỉ: Phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào hồ sơ đã thẩm duyệt số 30/TD-PCCC ngày 08/11/2011; hồ sơ nghiệm thu hệ thống PCCC của công trình và biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC do đại diện các bên liên quan lập ngày 30 tháng 05 năm 2012.

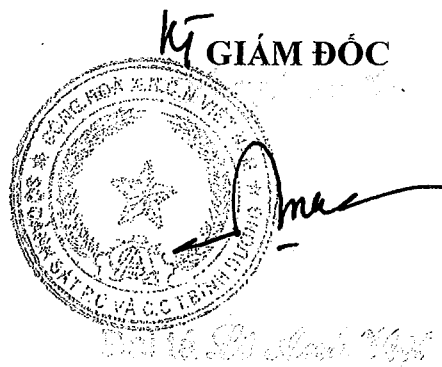
Sở Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy tỉnh Bình Dương đồng ý nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy đối với công trình trên với những nội dung sau:

- Hệ thống thoát nạn, đường giao thông phục vụ chữa cháy đảm bảo đúng thiết kế được phê duyệt.
- Hệ thống cấp nước chữa cháy lắp đặt theo đúng thiết kế đã được phê duyệt.
- Hệ thống báo cháy tự động lắp đặt theo đúng thiết kế đã được phê duyệt.
- Hệ thống chữa cháy tự động lắp đặt theo đúng thiết kế đã được phê duyệt.
- Hệ thống hoạt động đúng chức năng thiết kế.

Để hệ thống luôn sẵn sàng thường trực và hoạt động theo chức năng thiết kế, đơn vị chủ quản phải có trách nhiệm duy trì hoạt động kiểm tra, bảo trì hệ thống đúng hướng dẫn và quy định. /s/

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Phòng 2;
- Lưu: Phòng CS.PCCC Thuận An.



Số: 933...../QĐ-STNMT

Bình Dương, ngày 24 tháng 12 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường
Nhà máy sản xuất quần áo may sẵn, công suất 6.074.580 sản phẩm/năm
tại tổ 7, khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An
của Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 61/2008/QĐ-UB ngày 23 tháng 10 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 68/2008/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương; Quyết định số 12/2009/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2009 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 68/2008/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương;

Xét nội dung đề án bảo vệ môi trường Nhà máy sản xuất quần áo may sẵn, công suất 6.074.580 sản phẩm/năm tại văn bản số 81 ngày 02 tháng 11 năm 2011 về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường của Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương tại tổ 7, khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hoà, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung đề án bảo vệ môi trường Nhà máy sản xuất quần áo may sẵn, công suất 6.074.580 sản phẩm/năm tại tổ 7, khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hoà, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương.

Điều 2. Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung trong đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt và những yêu cầu bắt buộc sau đây:



1. Về quản lý và xử lý chất thải:

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa, nước thải riêng biệt, nước thải phải được thu gom xử lý đạt quy chuẩn QCVN 24:2009/BTNMT, cột B ($K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$) trước khi thải ra môi trường;

- Khí thải phải được xử lý đạt quy chuẩn Việt Nam QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT;

- Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đạt theo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27:2010/BTNMT và TCVS 3733/2002/QĐ-BYT;

- Chất thải rắn các loại phải được thu gom, quản lý và xử lý đúng quy định của Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;

- Lắp đặt thiết bị quan trắc lưu lượng nước thải theo Quy định tại điều 30 và xây dựng điểm quan trắc nguồn thải đúng yêu cầu kỹ thuật tại điều 31 của Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 68/2008/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương và Quyết định số 12/2009/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương;

- Phải đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại và quản lý chất thải nguy hại theo Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống và khắc phục các sự cố do cháy, nổ, các rủi ro và sự cố môi trường khác.

2. Thực hiện chương trình giám sát môi trường theo nội dung đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt, đồng thời có báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường định kỳ 3 tháng/lần để kiểm tra, giám sát;

3. Thời hạn hoàn thành các công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường là 60 ngày kể từ ngày ký quyết định.

4. Sau khi hoàn thành các nội dung của đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt, Giám đốc Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương phải có văn bản báo cáo cơ quan phê duyệt về các nội dung đã hoàn thành để kiểm tra, giám sát.

Điều 3. Đề án bảo vệ môi trường Nhà máy sản xuất quần áo may sẵn, công suất 6.074.580 sản phẩm/năm tại tổ 7, khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hoà, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương.

Điều 4. Thủ trưởng các đơn vị có liên quan của Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: 

- Cty TNHH MTV May mặc Bình Dương;
- UBND thị xã Thuận An;
- Lưu: VT, CCBVMT, Quang 7.





Võ Thị Ngọc Hạnh



GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 06 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành quy định về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương;

Xét đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Công ty Cổ phần may mặc Bình Dương và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 746/TTr-STNMT ngày 13 tháng 12 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ phần may mặc Bình Dương, địa chỉ: số 7/128, khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương được xả nước thải vào nguồn nước với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: kênh VSIP → kênh tiêu Bình Hòa (rạch Ông Bó) → rạch Vĩnh Bình → sông Sài Gòn;

2. Vị trí xả nước thải:

- Toạ độ vị trí xả thải (VN 2000): X: 1206307 ; Y: 0687446;

- Địa chỉ: phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

3. Phương thức xả nước thải: tự chảy;

4. Chế độ xả nước thải: liên tục trong ngày, 24 giờ/ngày đêm.



5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $200\text{m}^3/\text{ngày đêm}$, tương đương $8,3\text{m}^3/\text{giờ}$;

6. Chất lượng nước thải: nước thải sau hệ thống xử lý nước thải phải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $k_q = 0,9$; $k_f = 1,1$ đối với các thông số pH, SS, COD, BOD₅, tổng N, tổng P, amoni, coliform, tổng dầu mỡ khoáng;

7. Thời hạn của giấy phép: 03 năm kể từ ngày ký.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty Cổ phần may mặc Bình Dương :

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Thực hiện quan trắc nước thải và nước nguồn tiếp nhận như sau:

a) Quan trắc nước thải:

Quan trắc định kỳ lưu lượng, chất lượng nước thải sau xử lý với vị trí, thông số, tần suất quan trắc như sau:

- Vị trí quan trắc: nước thải sau hệ thống xử lý;

- Các thông số quan trắc chất lượng nước thải theo quy định tại Khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này;

- Tần suất quan trắc chất lượng nước thải: ba (03) tháng/lần;

- Tần suất quan trắc lưu lượng nước thải: mỗi ngày một (01) lần vào cùng một thời điểm.

b) Quan trắc nguồn nước tiếp nhận:

- Vị trí quan trắc chất lượng nguồn tiếp nhận: một (01) điểm trên kênh tiêu Bình Hòa cách vị trí xả thải 30m về phía hạ nguồn.

- Thông số quan trắc: Các thông số pH, TSS, COD, BOD₅, Nitrit, Nitrat, Photphat, coliform, tổng dầu mỡ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột A2.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

3. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình, thiết kế nêu trong hồ sơ, bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại Khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này trước khi xả vào nguồn tiếp nhận. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào vượt quá mức quy định của Giấy phép và ngưng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

4. Thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép.

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường.

6. Hàng năm (trước ngày 15 tháng 12), tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải, các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải và nguồn tiếp nhận theo quy định tại Khoản 2, Điều 2 của Giấy phép này.

7. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước;

Điều 3. Công ty Cổ phần may mặc Bình Dương được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty Cổ phần may mặc Bình Dương còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:

- CT, PCT UBND tỉnh;
- Cục QLTTN;
- Sở TN&MT;
- UBND Tx. Thuận An;
- Cty CP MM Bình Dương;
- LĐVP (Lg, Th), Ch, TH;
- Lưu: VT, 24



Mai Hùng Dũng



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BÌNH DƯƠNG
CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 315/CN-CCBVM

Thủ Dầu Một, ngày 26 tháng 8 năm 2010

SỔ ĐĂNG KÝ QUẢN LÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
Mã số Quản lý chất thải nguy hại: 74.000934.T

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải:

Tên chủ nguồn thải: Công ty TNHH Một thành viên May mặc Bình Dương.

Địa chỉ: ấp Bình Đức, xã Bình Hòa, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0650.3755143

Fax: 0650.3755415

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4604000019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp chứng nhận lần đầu ngày 23 tháng 12 năm 2006.

Giấy xác nhận đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường số: 160/GXN-UBND do Ủy ban nhân dân huyện Thuận An cấp ngày 12 tháng 12 năm 2007.

Loại hình cơ sở: Công ty TNHH Một thành viên.

II. Nội dung đăng ký:

Công ty đã đăng ký với Chi cục Bảo vệ môi trường danh sách chất thải nguy hại và danh sách chất thải khác phát sinh tại Công ty như sau:

1. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh trung bình trong 01 tháng tại Công ty:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/tháng)	Mã CTNH
1	Dầu thủy lực tổng hợp thải	Lỏng	40	17 01 06
2	Thùng đựng dầu nhớt thải	Rắn	25	18 01 01
3	Thùng đựng aceton thải	Rắn	20	18 01 01
4	Nhớt thải	Lỏng	20	17 02 04
5	Rác thải y tế	Rắn	5	13 01 01
6	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	5	16 01 06
7	Giẻ lau dính dầu nhớt	Rắn	5	18 02 01
8	Linh kiện điện tử thải	Rắn	4	19 02 05
9	Hộp mực in thải	Rắn	3	08 02 04
10	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	2	19 06 01
Tổng cộng			129 kg	

2. Danh sách chất thải khác đã đăng ký phát sinh trung bình trong 01 tháng tại Công ty:

Stt ³	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/tháng)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	Rắn	20.020
2	Thùng carton	Rắn	3.930
3	Vải vụn	Rắn	2.950
4	Chỉ vụn	Rắn	319
5	Lõi chì	Rắn	80
6	Bao nylon	Rắn	71
7	Nút	Rắn	50
Tổng cộng			27.420 kg

3. Bộ hồ sơ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại:

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4604000019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp chứng nhận lần đầu ngày 23 tháng 12 năm 2006.

- Bản sao Giấy xác nhận đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường số: 160/GXN-UBND do Ủy ban nhân dân huyện Thuận An cấp ngày 12 tháng 12 năm 2007.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải :

1. Bảo vệ môi trường, phòng, chống ô nhiễm và suy thoái môi trường;
2. Tuân thủ các quy định về quản lý chất thải nguy hại tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định liên quan;
3. Có trách nhiệm quản lý chất thải nguy hại cho đến khi chúng được tiêu hủy;
4. Thực hiện đúng các trách nhiệm được quy định tại Mục 1, phần IV của Thông tư số: 12/2006/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
5. Hợp đồng với đơn vị có giấy phép hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại để xử lý, đồng thời lưu giữ chứng từ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định;
6. Định kỳ 06 tháng một lần, lập báo cáo về tình hình phát sinh và quản lý chất thải nguy hại gửi về Chi cục Bảo vệ môi trường theo mẫu tại phụ lục 4 (A) của Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT.
7. Khi chấm dứt hoạt động, phải thông báo bằng văn bản và nộp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải cho Chi cục Bảo vệ môi trường.
8. Phải điều chỉnh Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại khi:

- Thay đổi, bổ sung về chủng loại hoặc tăng từ 15% trở lên so với số lượng chất thải nguy hại đã đăng ký;

- Thay đổi địa điểm cơ sở nhưng không thay đổi chủ nguồn thải hoặc thay đổi chủ nguồn thải nhưng không thay đổi địa điểm cơ sở.

IV. Thời hạn hiệu lực:

Sổ đăng ký này có hiệu lực cho đến khi cần điều chỉnh theo quy định hoặc khi Công ty chấm dứt hoạt động.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Ngh4. *dr*

PHÓ CHỈ CỤC TRƯỞNG PHỤ TRÁCH *u*



Tào Mạnh Quân





CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG QUỐC TẾ

198/9 NGUYỄN THÁI SƠN, PHƯỜNG 4, QUẬN GÒ VẤP, TP. HỒ CHÍ MINH

TEL: 028.35886850 FAX: 028.35886849

Website: www.tuvankiemdinh.com Email: icci@icci.vn

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ hợp đồng kinh tế số 186/2023/HĐKT ngày 25/08/2023 V/v Kiểm định chất lượng công trình – Công trình: “Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương”, địa điểm: 7/128 Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương giữa Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương và Công Ty CP Tư vấn Kiểm Định Xây Dựng Quốc Tế.
- Căn cứ báo cáo số 940/BCKĐ-23 ngày 11/09/2023 V/v Kiểm định chất lượng công trình – Công trình: “Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương”, địa điểm: 7/128 Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam do Công Ty CP Tư vấn Kiểm Định Xây Dựng Quốc Tế lập.

CHỨNG NHẬN

Công trình : CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Hạng mục : KHU ĐÓNG THÙNG XÍ NGHIỆP 1, XÍ NGHIỆP MAY 1, VĂN PHÒNG

CÔNG TY, TỔ ÉP KEO, XÍ NGHIỆP MAY 2, XÍ NGHIỆP MAY 3, XƯỞNG CẮT (TỔ 2 + TỔ 3), XƯỞNG CẮT (TỔ 1 + TỔ 4), XÍ NGHIỆP MAY 4, XƯỞNG MAY MẪU, XƯỞNG HOÀN TẤT 2 TẦNG, KHO VẢI (KHO NGUYÊN PHỤ LIỆU VÀ THÀNH PHẨM), HOÀN TẤT KHU A

Địa điểm : 7/128 KHU PHỐ BÌNH ĐỨC 1, PHƯỜNG BÌNH HÒA, TP. THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM

- Kết cấu công trình đủ khả năng chịu lực.
- Giấy chứng nhận này là căn cứ để đưa công trình vào khai thác, sử dụng.
- Giấy chứng nhận này có hiệu lực 5 năm kể từ ngày cấp.
- ❖ Cần kiểm định đánh giá lại khả năng chịu lực công trình khi có xảy ra một trong các điều kiện sau:
 - Thay đổi công năng sử dụng của sàn, mái theo hướng tăng hoạt tải.
 - Có những biểu hiện bất thường như: nứt lớn, nghiêng, võng lớn.

TP. Hồ Chí Minh ngày 11 tháng 09 năm 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH
XÂY DỰNG QUỐC TẾ (ICCI)**

Giám đốc



Nguyễn Thế Dũng

▪ Vào sổ số: 186/2023/GCN

HỒ SƠ – TÀI LIỆU KỸ THUẬT – VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

I. Văn bản quy phạm pháp luật:

- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng.
- Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư Xây dựng.
- Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính Phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

II. Quy chuẩn xây dựng:

- Các quy chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành.

III. Tiêu chuẩn xây dựng:

- TCVN 4447:2012 Công tác đất – Thi công và nghiệm thu.
- TCVN 2737:2023 Tải trọng và tác động – Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 5574:2018 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép – Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 4453:1995 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối – Quy phạm thi công và nghiệm thu.
- TCVN 5573:2011 Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép – Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 9379:2012 Kết cấu xây dựng và nền – Nguyên tắc cơ bản về tính toán.
- TCVN 5575:2012 Kết cấu thép – Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCXDVN 170:2007 Kết cấu thép – Gia công, lắp ráp và nghiệm thu – Yêu cầu kỹ thuật.
- Và các tiêu chuẩn khác có liên quan.



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG QUỐC TẾ (ICCI)

INTERNATIONAL CONSTRUCTION CONSULTANCY INSPECTION JOINT STOCK COMPANY (ICCI)

Add: No.198/9 Nguyen Thai Son Street – Ward 4 – Go Vap Distric – HCM.City

Tel: 028.35886850

Fax: 028.35886849

Website: Tuvankiemdinh.com

Email: icci@icci.vn

CERTIFICATE QUALITY OF CONSTRUCTION WORKS

- With reference to the Building Law No. 50/2014/QH13 dated 01/01/2015 of the Republic of socialist Vietnam.
- With reference to Contract No. 186/2023/HDKT dated 25/08/2023 on Inspection of construction works quality – Works: “Protrade Garment Joint Stock Company”. Location: 7/128 Binh Duc 1 quarter, Binh Hoa ward, Thuan An city, Binh Duong province, signed between Protrade Garment Joint Stock Company and International Construction Consultancy Inspection JSC.
- With reference to the Inspection Report No. 940/BCKD-23 dated 11/09/2023 on Inspection of construction works quality – Works: “Protrade Garment Joint Stock Company”, Location: 7/128 Binh Duc 1 quarter, Binh Hoa ward, Thuan An town, Binh Duong province, Viet Nam prepared by International Construction Consultancy Inspection JSC.

CERTIFY

Works : PROTRADE GARMENT JOINT STOCK COMPANY

Items : THE BOX AREA OF WORKSHOP 1, WORKSHOP 1, OFFICE, GLUING AREA, WORKSHOP 2, WORKSHOP 3, CUTTING WORKSHOP (GROUP 2+3), CUTTING WORKSHOP (GROUP 1+4), WORKSHOP 4, SAMPLE WORKSHOP, FINISHED PRODUCTS WORKSHOP – 2 FLOORS, FABRIC WAREHOUSE (WAREHOUSE OF RAW MATERIALS AND FINISHED PRODUCTS), COMPLETE AREA A

Location : 7/128 BINH DUC 1 QUARTER, BINH HOA WARD, THUAN AN CITY, BINH DUONG PROVINCE, VIET NAM

- The structure of the works has sufficient load-bearing capacity
- This Certificate is a basis to put the works into service & using
- This Certificate has effective in 5 years from date of signing
- ❖ It is necessary to inspect and reassess the load-bearing capacity of the construction works in case of occurrence of one of the following phenomena:
 - Change in the utility of floor with live load higher than existing live load
 - Any unusual signs such as large cracks, being inclined, being deflected

Ho Chi Minh City, Dated 11 September, 2023

**INTERNATIONAL CONSTRUCTION CONSULTANCY
INSPECTION JOINT-STOCK COMPANY**



Director

Nguyen The Dung

Record No : 186/2023/GCN

TECHNICAL RECORD – DOCUMENT – LEGAL DOCUMENT

I. Legal document:

- With reference to the Building Law No. 50/2014/QH13 dated 01/01/2015 of the Republic of socialist Vietnam.
- With reference to the Building Law No. 62/2020/QH14 dated 01/01/2021 of the Republic of socialist Vietnam on amendments to construction law.
- With reference to the Decree no. 15/2021/NĐ-CP dated 03/03/2021 of the Government regarding on construction project management.
- With reference to the Decree No. 06/2021/NĐ-CP dated 26/01/2021 of the Government on elaborating on implementation of several regulations on quality management, construction and maintenance of construction works.

II. Construction code:

- Current Vietnamese Construction codes.

III. Construction code:

- TCVN 4447-2012 Earthworks, Normative of the construction and acceptance.
- TCVN 2737:2023 Load and impact – Design standard.
- TCVN 5574:2018 Concrete and reinforced concrete structures - Design standard.
- TCVN 4453-1995: Structure of concrete and integral reinforced concrete - Code of construction and acceptance.
- TCVN 5573:2011 Masonry and reinforced masonry structure- Design standard.
- TCVN 9379:2012 Building structure and floor – Basic principles on calculation.
- TCVN 5575:2012 Steel structure – Design standard.
- TCXDVN 170:2007 Steel structure – Fabrication, assembly and acceptance – Technical requirement.
- And other relevant standards.

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số: 06-TD/PCCC-2023 ngày 14 tháng 09 năm 2023 của: Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật là Ông/bà: Phan Thành Đức , Chức vụ: Tổng Giám đốc.

**PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ
CHỨNG NHẬN:**

Tên công trình (ghi tại trang 2)

Địa điểm xây dựng: Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương.

Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty Cổ Phần Đất Cảng E&C; Công ty TNHH PCCC Tân Hưng;

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Bậc chịu lửa; Giải pháp thoát nạn; Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan;
- Đường giao thông cho xe chữa cháy; Bố trí công năng;
- Khoảng cách an toàn phòng cháy và chữa cháy;
- Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn;
- Hệ thống báo cháy tự động; Giải pháp cấp điện PCCC;
- Hệ thống hòng nước chữa cháy trong nhà; Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà;
- Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler; Trang bị phương tiện PCCC ban đầu;
- Phương án chống sét; Giải pháp chống tụ khói.

Quy mô dự án/công trình và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ghi tại trang 2./

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương;
- C07; Công an Thành phố Thuận An;
- Lưu: CTPC.

Bình Dương, ngày 03. tháng 10. năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Thượng tá Nguyễn Anh Tuấn



**QUY MÔ DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH/PHƯƠNG TIỆN VÀ DANH MỤC
TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐƯỢC THẨM DUYỆT THIẾT KẾ
VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số ...761.../TD-PCCC
ngày 03/10/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an tỉnh Bình Dương)

TT	NỘI DUNG	GHI CHÚ
I	QUY MÔ DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH/PHƯƠNG TIỆN	
	- Tổng diện tích Khu đất 51.281,9m ² : + Nhà xưởng hoàn tất A (1600m ²) 02 tầng; + Nhà xưởng Hoàn tất B (1148,1m ²) 01 tầng; + Canteen - Nhà ăn công nhân (2880m ²) 01 tầng; + Nhà xe máy 1 (1188m ²) 01 tầng; + Nhà xe máy 2 (945m ²) 01 tầng; + Nhà rác (324m ²) 01 tầng; + Nhà hủy hàng hóa (49,5m ²) 01 tầng; + Phòng Kiểm tra chất lượng (51.2m ²) 01 tầng + Công trình phụ trợ (nhà bơm, bể nước PCCC, nhà bảo vệ, trạm điện)	
II	DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ	
	Tổng thể: TT-01/05 đến TT-05/05	
	Kiến trúc nhà xưởng: Nhà xưởng Hoàn tất A (KT-01/15 đến KT-15/15); Nhà xưởng Hoàn tất B (KT-01/10 đến KT-10/10); Canteen - Nhà ăn Công nhân (KT-01/09 đến KT-09/09); Nhà xe máy 1 (KT-01/03 đến KT-03/03); ; Nhà xe máy 2 (KT-01/03 đến KT-03/03); Nhà rác (KT-01/05 đến KT-05/05); Nhà hủy hàng hóa (KT-01/03 đến KT-03/03); Phòng kiểm tra chất lượng (KT-01/05 đến KT05/05), Nhà bơm PCCC (KT-01/04 đến KT-04/04)	
	Hệ thống chữa cháy: FF-01 đến FF-29	
	Hệ thống báo cháy tự động: FA-01 đến FA-14	
	Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn: EX-01 đến EX-09	
	Giải pháp chống tụ khói: SEF-01 đến SEF-13	
	Phương án chống sét: LP-01; LP-02;	
	Giải pháp cấp điện PCCC: ELC-01	

Lưu ý: Thông tin tại Giấy chứng nhận này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy, không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch, xây dựng./

HỢP ĐỒNG THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
(Số: ~~02~~ - 191 - 12 /HD-IMPCO)

Hôm nay, ngày 19. tháng 12 Năm 2018, Chúng tôi gồm có:

BÊN CHO THUÊ (BÊN A):

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN BÌNH DƯƠNG.

Trụ sở: Số 75, Đường Bạch Đằng, Khu phố 6, Phường Phú Cường, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số : 3702418724

Số Fax:Số điện thoại: 02743868006

Tài Khoản: 65010001663796 Ngân Hàng TMCP và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương

Họ và tên người đại diện: : Huỳnh Thanh Hải, Sinh ngày: : 03/02/1964

Chức vụ: : Tổng Giám Đốc

BÊN THUÊ (BÊN B) :

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Trụ sở: 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, TX Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số : 3700769438

Số Fax: 06503755415 .Số điện thoại: 02743868006

Tài Khoản:

Họ và tên người đại diện: : *Phan Thành Đức* Sinh ngày: : 15.../08.../1971

Chức vụ: : Tổng Giám Đốc

Hai bên cùng thỏa thuận ký hợp đồng với những nội dung sau:

ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG VÀ NỘI DUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1.1 Bên A cho bên B thuê 51.281,9 m² đất (43.226,9 m² + 7.226,7 m² + 828,3 m²) (Bằng chữ: Năm mươi một ngàn, hai trăm tám mươi một phẩy chín mét vuông), tại: 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, TX Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

1.2. Quyền sử dụng đất của bên A đối với thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 342872, BV342875, BV342874 cụ thể như sau:

a) Thửa đất số: 1210; 1209; 1211.

b) Tờ bản đồ số: DC9

c) Địa chỉ thửa đất: 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, TX Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

d) Diện tích: 51.281,9 m² (Bằng chữ: Năm mươi một ngàn, hai trăm tám mươi một phẩy chín mét vuông)

e) Mục đích sử dụng: Sản xuất kinh doanh

f) Thời hạn sử dụng: 10/09/2051.

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

1.3. Việc cho thuê đất không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước Việt Nam đối với khu đất và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

ĐIỀU 2: THỜI HẠN THUÊ

Thời hạn thuê quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là: 17 năm kể từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 31/12/2034.

Hết thời hạn thuê nêu trên, nếu hai bên có nhu cầu tiếp tục hợp đồng thì sẽ thỏa thuận ký kết hợp đồng mới.

ĐIỀU 3: MỤC ĐÍCH THUÊ

Mục đích thuê quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là: Xây dựng nhà xưởng may mặc và các công trình phụ trợ để phục vụ sản xuất kinh doanh.

ĐIỀU 4: GIÁ THUÊ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

4.1. Giá thuê quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là: (vnd)

Năm 2018: 1.535.000.000

Năm 2019: 1.535.000.000

Năm 2020: 1.935.000.000

Năm 2021: 2.135.000.000

Năm 2022: 2.335.000.000

Năm 2023: 2.335.000.000
Năm 2024: 2.335.000.000
Năm 2025: 2.435.000.000
Năm 2026: 2.435.000.000
Năm 2027: 2.540.000.000
Năm 2028: 2.540.000.000
Năm 2029: 2.650.250.000
Năm 2030: 2.650.250.000
Năm 2031: 2.766.000.000
Năm 2032: 2.766.000.000
Năm 2033: 2.887.600.000
Năm 2034: 3.015.200.000

Giá thuê trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

4.2. Phương thức thanh toán như sau:

- Tiền thuê được chuyển khoản vào tháng 1 (một) hàng năm của năm thuê, riêng năm 2018 chuyển trả ngay sau khi hoàn tất ký hợp đồng này.

- Nếu bên B thanh toán tiền thuê trễ hạn thì ngoài số tiền thuê phải trả thì bên B chịu tiền phạt chậm nộp tiền thuê, tính theo lãi suất tiền vay kì hạn 12 tháng của ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam nhân với số ngày trễ hạn.

4.3. Việc giao và nhận số tiền nêu tại khoản 1 Điều này do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

ĐIỀU 5: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

5.1. Nghĩa vụ của bên A:

a) Chuyển giao đất cho bên B đủ diện tích, đúng vị trí, số hiệu, hạng đất, loại đất và tình trạng đất như đã thỏa thuận.

b) Đăng ký việc cho thuê quyền sử dụng đất;

c) Cho thuê quyền sử dụng đất trong thời hạn được giao, được thuê;

d) Kiểm tra, nhắc nhở bên B bảo vệ, giữ gìn đất và sử dụng đất đúng mục đích;

e) Nộp thuế sử dụng đất, trừ trường hợp có thỏa thuận khác;

f) Báo cho bên B về quyền của người thứ ba đối với thửa đất, nếu có;

g) Tạo điều kiện thuận lợi để bên B kinh doanh.

5.2. Quyền của bên A:

a) Yêu cầu bên B trả đủ tiền thuê;

b) Yêu cầu bên B chấm dứt ngay việc sử dụng đất không đúng mục đích, hủy hoại đất hoặc làm giảm sút giá trị của đất; nếu bên B không chấm dứt hành vi vi phạm, thì bên A có quyền đơn phương đình chỉ hợp đồng, yêu cầu bên B hoàn trả đất và bồi thường thiệt hại;

c) Yêu cầu bên B trả lại đất khi thời hạn cho thuê đã hết.

d) Đơn phương chấm dứt hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu bên B có một trong các hành vi sau:

- Quá hạn thanh toán tiền thuê trên 30 ngày, theo quy định tại điều 4 của hợp đồng này đối với bất kì một kỳ thanh toán nào.

- Sử dụng Tài sản thuê không đúng mục đích đã cam kết theo hợp đồng, hoặc thực hiện các hành vi vi phạm các quy định của pháp luật liên quan đến vệ sinh, môi trường, an toàn phòng cháy chữa cháy và an toàn trật tự xã hội.

- Khi đơn phương chấm dứt hợp đồng này, bên A phải báo cho bên B biết trước 90 ngày, trong thời hạn báo trước này, bên B phải dọn dẹp, vận chuyển tài sản trang thiết bị của mình và phải trả lại mặt bằng thuê sau khi đã cải tạo, sửa chữa lại cho bên A.

e) Yêu cầu bên B bồi thường giá trị còn lại của hợp đồng khi bên B đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không phải do vi phạm của Bên A.

ĐIỀU 6: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

6.1. Nghĩa vụ của bên B:

a) Sử dụng đất đúng mục đích, đúng ranh giới, đúng thời hạn thuê;

b) Không được hủy hoại, làm giảm sút giá trị sử dụng của đất và phải thực hiện các yêu cầu khác như đã thỏa thuận trong hợp đồng;

c) Trả đủ tiền thuê quyền sử dụng đất đúng thời hạn, đúng địa điểm và theo phương thức đã thỏa thuận; nếu việc sử dụng đất không sinh lợi thì bên B vẫn phải trả đủ tiền thuê, trừ trường hợp có thỏa thuận khác;

d) Tuân theo các quy định về bảo vệ môi trường; bảo vệ và chịu trách nhiệm bồi hoàn, sửa chữa các công trình thuộc quản lý của nhà nước như cống rãnh, hành lang đường bộ. Không được làm tổn hại đến quyền, lợi ích của người sử dụng đất xung quanh; đảm bảo an ninh và an toàn phòng cháy chữa cháy.

e) Trả lại đất đúng tình trạng như khi nhận sau khi hết thời hạn thuê, bên B sẽ có thời gian 180 ngày để dọn dẹp, vận chuyển tài sản, trang thiết bị của mình và phải trả lại hiện trạng mặt bằng thuê sau khi đã cải tạo, sửa chữa lại cho bên A trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

f) Chịu trách nhiệm đăng kí kinh doanh và hoạt động kinh doanh theo đúng pháp luật và quy định của nhà nước.

g) Không kinh doanh các ngành nghề vi phạm pháp luật.

h) Không được cho bên thứ ba thuê lại quyền sử dụng đất dưới bất kì hình thức nào.

k) Bồi thường cho bên A giá trị còn lại của hợp đồng thuê khi đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không phải do vi phạm của Bên A.

6.2. Quyền của bên B:

a) Yêu cầu bên A chuyển giao đất đủ diện tích, đúng vị trí, số hiệu, hạng đất, loại đất và tình trạng đất như đã thoả thuận;

b) Được sử dụng đất ổn định theo thời hạn thuê đã thoả thuận;

c) Được hưởng hoa lợi, lợi tức từ việc sử dụng đất;

d) Yêu cầu bên A giảm, miễn tiền thuê trong trường hợp do bất khả kháng mà hoa lợi, lợi tức bị mất hoặc bị giảm sút ;

e. Đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 7: PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không thương lượng được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu toà án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 8: CAM KẾT GIỮA CÁC BÊN

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam kết sau đây:

8.1. Bên A cam kết:

a) Những thông tin về nhân thân, về thửa đất đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;

b) Thửa đất thuộc trường hợp được cho thuê quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

c) Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này:

- Thửa đất không có tranh chấp;

- Quyền sử dụng đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án;

d) Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

e) Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

8.2. Bên B cam kết:

a) Những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;

b) Đã xem xét kỹ, biết rõ về thửa đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sử dụng đất;

c) Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

d) Thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

ĐIỀU 9: BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI DO ĐẤT BỊ THU HỒI

9.1. Khi bên A hoặc bên B cố ý vi phạm nghĩa vụ của người sử dụng đất dẫn đến việc Nhà nước thu hồi đất thì bên vi phạm phải bồi thường thiệt hại cho bên kia.

9.2. Trong trường hợp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất đang có hiệu lực nhưng do nhu cầu về quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế mà Nhà nước thu hồi đất thì hợp đồng thuê quyền sử dụng đất chấm dứt trước thời hạn.

9.3. Trong trường hợp bên B đã trả tiền trước thì bên A phải trả lại cho bên B khoản tiền còn lại tương ứng với thời gian chưa sử dụng đất; nếu bên B chưa trả tiền thì chỉ phải trả tiền tương ứng với thời gian đã sử dụng đất.

9.4. Bên A được Nhà nước bồi thường thiệt hại do thu hồi đất theo quy định của pháp luật, còn bên B được Nhà nước bồi thường thiệt hại về hoa lợi có trên đất.

ĐIỀU 10 : QUYỀN TIẾP TỤC THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Trong trường hợp bên A chuyển giao quyền sử dụng đất cho bên thứ 3, thì bên B vẫn được tiếp tục thuê theo các điều khoản theo hợp đồng này, trừ khi có thoả thuận khác.

ĐIỀU 11: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

11.1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2034.

11.2. Chấm dứt thực hiện hợp đồng:

a) Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

- Hết thời hạn thuê và không được gia hạn thuê;

- Theo thoả thuận của các bên;

- Nhà nước thu hồi đất;

- Một trong các bên đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng hoặc hủy bỏ hợp đồng theo thoả thuận hoặc theo quy định của pháp luật;

- Diện tích đất thuê không còn do thiên tai;

- Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

b) Khi hợp đồng thuê quyền sử dụng đất chấm dứt, bên B phải khôi phục tình trạng đất như khi nhận đất, trừ pháp luật có quy định khác.

ĐIỀU 12: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG.

12.1 Hai bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình, ý nghĩa và hậu quả của việc giao kết hợp đồng này.

12.2 Từng bên đã đọc hợp đồng, đã hiểu và đồng ý các điều khoản ghi trong hợp đồng và ký vào hợp đồng này.

12.3 Hợp đồng này được lập thành 04(bốn) bản chính, mỗi bên giữ 02 bản, và có hiệu lực kể từ 01/01/2018.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Chức vụ

TỔNG GIÁM ĐỐC



(Ký tên, đóng dấu)

Huỳnh Thanh Hải

ĐẠI DIỆN BÊN B

Chức vụ

TỔNG GIÁM ĐỐC



(Ký tên, đóng dấu)

Phan Thành Đức



Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực: 427/ĐT Quyền số: Chứng thực điện tử-SCTĐT/BS

Ngày 27 tháng 12 năm 2022



THÓ CHỦ TỊCH

me

Nguyễn Thiện Tân

HỢP ĐỒNG THUÊ TÀI SẢN

Số: ~~01-19/2~~ HD-IMPCO

Hôm nay, ngày ~~19~~ tháng 12 năm 2018, tại văn phòng Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương.

- Căn cứ theo Hợp đồng cho thuê tài sản số 22/HĐ/2015 ngày 01 tháng 12 năm 2015 đã ký giữa Tổng công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV và Công ty Cổ Phần May Mặc Bình Dương;

- Căn cứ vào biên bản bàn giao số 03/BB-IMPCO ngày 31 tháng 12 năm 2017 giữa Tổng công ty Sản xuất - xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV và Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương về việc Bàn giao quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất khu vực Công ty Cổ phần may mặc Bình Dương;

- Căn cứ vào các quy định của pháp luật liên quan đến việc thuê và cho thuê tài sản gắn liền với đất;

- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của các bên,

Chúng tôi gồm có:

BÊN CHO THUÊ (SAU ĐÂY GỌI LÀ BÊN A):

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN BÌNH DƯƠNG.

Trụ sở: Số 75, Đường Bạch Đằng, Khu phố 6, Phường Phú Cường, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3702418724

Số Fax: 02743.8687004 - Số điện thoại: 02743.868006

Tài Khoản: 65010001663796 Ngân Hàng TMCP và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương.

Họ và tên người đại diện: Huỳnh Thanh Hải Sinh ngày: 03/02/1964

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

BÊN THUÊ (SAU ĐÂY GỌI LÀ BÊN B)

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Trụ sở: 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, TX Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3700769438

Số Fax: 0274.3755415. Số điện thoại: 0274.3755579

Tài Khoản:

Họ và tên người đại diện: *Phan Thành Đức* Sinh ngày: : *15/07/1971*

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Hai bên đồng ý thực hiện việc thuê tài sản gắn liền trên đất dùng cho mục đích phục vụ sản xuất với các thỏa thuận sau đây:

ĐIỀU 1: TÀI SẢN THUÊ, GIÁ CHO THUÊ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Tên tài sản	Giá cho thuê 1 năm(vnđ)	Giá cho thuê năm cuối (vnđ)	Tổng giá tiền thuê(vnđ)	Thời hạn cho thuê	Thời gian thuê
Nhà ăn tập thể	201.866.648	161.493.322	2.180.159.802	Đến hết ngày 30/09/2028	10 năm 9 tháng
Nhà kho nguyên phụ liệu và thành phẩm.	376.017.759	263.212.431	4.399.407.780	Đến hết ngày 31/07/2029	11 năm 7 tháng
Đường nội bộ và kho bãi container	150.130.461	60.052.187	2.161.878.641	Đến hết ngày 30/04/2032	14 năm 4 tháng
Hệ thống xử lí nước thải	247.625.235	123.812.622	3.095.315.442	Đến hết ngày 31/05/2030	12 năm 5 tháng
Xưởng mẫu	447.645.470	223.822.734	2.909.695.554	Đến hết ngày 31/05/2024	6 năm 5 tháng
Nhà vệ sinh (xưởng mẫu)	310.710.025	155.355.013	776.775.063	Đến hết ngày 31/05/2020	2 năm 5 tháng
Tổng	1.733.995.598		15.523.232.282		

1. Thời gian thuê bắt đầu từ ngày 01/01/2018 đến khi hết thời hạn thuê.
2. Giá cho thuê trên chưa bao gồm thuế GTGT.
3. Địa chỉ tài sản cho thuê: 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, TX Thuận An, Tỉnh Bình Dương.
4. Các chi phí sử dụng điện, nước, điện thoại và các dịch vụ khác do bên thuê thanh toán cho đơn vị cung cấp dịch vụ.
5. Bên cho thuê xuất hóa đơn cho bên thuê vào mỗi cuối năm cho đến khi hết thời hạn thuê.
6. Phương thức thanh toán bằng chuyển khoản chậm nhất vào ngày 31/01 của năm sau năm xuất hóa đơn.

7. Việc giao và nhận số tiền nêu trên do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

ĐIỀU 2: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

1. Bên A có quyền sau đây:

- a) Yêu cầu Bên thuê thanh toán tiền thuê tài sản theo đúng thời hạn và phương thức đã thỏa thuận;
- b) Yêu cầu Bên thuê có trách nhiệm bảo trì, sửa chữa phần hư hỏng, bồi thường thiệt hại do lỗi của Bên thuê gây ra.
- c) Đơn phương chấm dứt Hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu Bên B có một trong các hành vi sau đây:
 - i. Không trả tiền thuê tài sản đúng thời hạn quy định mà không có lí do chính đáng.
 - ii. Sử dụng tài sản thuê không đúng công dụng; mục đích của tài sản; không đúng mục đích thuê.
 - iii. Làm tài sản thuê mất mát, hư hỏng nghiêm trọng.
 - iv. Sửa chữa, thay đổi hoặc cho người khác thuê lại mà không có sự đồng ý của Bên A;
- d) Cải tạo lại tài sản khi được Bên thuê đồng ý.
- e) Nhận lại tài sản thuê khi hết hạn Hợp đồng này;
- f) Kiểm tra tình trạng của tài sản cho thuê trong thời hạn thuê
- g) Yêu cầu Bên B bồi thường toàn bộ giá trị còn lại của hợp đồng thuê khi bên B đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không phải do vi phạm của Bên A.
- h) Được đơn phương chấm dứt hợp đồng theo quy định của pháp luật.

2. Bên A có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Chuyển giao tài sản và trang thiết bị, công trình gắn liền với tài sản cho Bên thuê theo đúng thỏa thuận.
- b) Bảo đảm quyền sử dụng trọn vẹn và lâu dài tài sản cho Bên B;
- c) Phổ biến cho Bên thuê quy định về quản lý và sử dụng tài sản.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

1. Bên B có các quyền sau đây:

- a) Nhận tài sản thuê theo đúng thời hạn và phương thức đã thỏa thuận;
- b) Được tiếp tục thuê theo các thỏa thuận với bên cho thuê trong trường hợp thay đổi chủ sở hữu tài sản.

- c) Được quyền tân trang, sửa chữa hoặc lắp đặt thêm trang thiết bị để đáp ứng nhu cầu sử dụng của Bên thuê.
 - d) Được đơn phương chấm dứt hợp đồng thuê theo quy định của pháp luật khi bên cho thuê vi phạm các điều khoản:
 - i. Tăng giá cho thuê tài sản bất hợp lý.
 - ii. Quyền sử dụng tài sản bị hạn chế.
2. Bên B có các nghĩa vụ sau đây:
- a) Bảo quản tài sản thuê như tài sản của chính mình, không được thay đổi tình trạng tài sản, cho thuê lại tài sản nếu không có sự đồng ý của bên A;
 - b) Sử dụng tài sản thuê đúng công dụng, mục đích của tài sản; gìn giữ tài sản và có trách nhiệm trong việc sửa chữa hư hỏng mà mình gây ra.
 - c) Trả đủ tiền thuê tài sản theo phương thức đã thỏa thuận;
 - d) Trả lại tài sản thuê đúng thời hạn và phương thức đã thỏa thuận;
 - e) Chấp hành đầy đủ những quy định về quản lý tài sản.
 - f) Không được chuyển nhượng hợp đồng thuê cho bên thứ ba hoặc cho bên thứ ba thuê lại trừ trường hợp được bên A đồng ý bằng văn bản.
 - g) Chấp hành các quy định về gìn giữ vệ sinh môi trường và an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ trong khu vực.
 - h) Giao lại tài sản cho Bên cho thuê trong các trường hợp chấm dứt hợp đồng theo quy định tại điều 4 của hợp đồng này.
 - i) Bồi thường toàn bộ giá trị còn lại của hợp đồng thuê khi bên B đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không phải do vi phạm của Bên A

ĐIỀU 4: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG THUÊ TÀI SẢN.

Việc chấm dứt hợp đồng thuê tài sản được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

1. Thời hạn thuê của tài sản có thời hạn thuê dài nhất đã hết.
2. Tài sản thuê không còn do phải tháo dỡ, di dời theo quy hoạch xây dựng của Nhà nước.
3. Hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.
4. Bên B đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không do Bên A vi phạm các điều khoản trong hợp đồng thì Bên B phải bồi thường thiệt hại bằng giá trị hợp đồng thuê còn lại.

ĐIỀU 5: CAM KẾT CỦA CÁC BÊN

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam kết sau đây:

1. Những thông tin ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
2. Việc giao kết hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hoặc ép buộc;
3. Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng này;

4. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu phát hiện những vấn đề cần thỏa thuận thêm thì hai Bên có thể lập thêm phụ lục hợp đồng. Nội dung của phụ lục hợp đồng có giá trị pháp lý như hợp đồng chính.
5. Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 02 bản. Hợp đồng có hiệu lực từ: ngày 01/01/2018.

BÊN A

(Ký và ghi rõ họ tên)



Huỳnh Thanh Hải

BÊN B

(Ký và ghi rõ họ tên)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Thành Đức

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ

Số: 12/HD – IMPCo

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2006;
- Căn cứ các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan;
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại Văn phòng Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương. Chúng tôi gồm có:

Bên A: (Bên cho thuê)

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN BÌNH DƯƠNG.

Người đại diện: **Nguyễn Hoàn Vũ**

- Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Trụ sở: Tầng 17 Tòa nhà Becamex Tower, số 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Mã Số Thuế : 3702418724

Số điện thoại: 0274 3868006

Tài khoản: 6501663796 - Tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Bình Dương.

Bên B: (Bên thuê)

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Người đại diện: **Phan Thành Đức**

- Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Trụ sở: 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Mã số thuế : 3700769438

Điện thoại : 0274 3755 143

Fax: 0274 375 5143

Tài khoản: 65010000646837 - Tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Bình Dương.

Hai bên cùng nhau thỏa thuận ký hợp đồng thuê nhà dùng cho mục đích để ở và sinh hoạt với những nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng của hợp đồng



TTKHD-2401250014

Đối tượng của hợp đồng này là Khu chung cư công nhân Block 1 tại khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nhà ở gồm:

- Tổng diện tích sử dụng: 7.510,68 m²
- Diện tích xây dựng: 1.073 m²
- Kết cấu nhà: Cấp 1
- Số tầng: 07
- Trang thiết bị chủ yếu gắn liền với nhà ở:

STT	Tên thiết bị, công trình	Số lượng (cái)
1	Giường	1.000
2	Tủ	517
3	Giếng nước công nghiệp	01
4	Đường cống thoát nước	01
5	Trạm điện, đường dây hạ thế	01

Điều 2. Giá thuê và phương thức thanh toán

2.1. Giá cho thuê nhà là: **805.000.000 đồng/năm** (Tám trăm lẻ năm triệu đồng), giá này chưa bao gồm thuế GTGT.

2.2. Các chi phí sử dụng điện, nước, điện thoại và các dịch vụ khác do bên B thanh toán cho bên cung cấp điện, nước, điện thoại và các cơ quan quản lý dịch vụ.

2.3. Phương thức và thời gian thanh toán:

- Phương thức thanh toán: Bằng chuyển khoản.
- Thời gian thanh toán:

+ Năm 2024: Tiền thuê sẽ được Bên B thanh toán 100% cho Bên A ngay sau khi Bên A xuất hóa đơn cho Bên B.

+ Năm 2025: Bên B thanh toán tiền thuê cho Bên A chậm nhất là ngày 31/3/2025.

2.4. Trường hợp Bên B quá hạn thanh toán cho Bên A thì bên B phải chịu phạt theo lãi suất bằng lãi suất tiền gửi của ngân hàng BIDV tại thời điểm đó, nhưng cũng không quá 03 tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán.

Điều 3. Thời hạn thuê và thời điểm giao nhận nhà

Thời hạn thuê là **02 (hai) năm**. Kể từ ngày **01 tháng 01 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025**.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của bên A

4.1. Quyền của bên A:

- a) Yêu cầu bên B trả đủ tiền thuê nhà đúng kỳ hạn như đã thỏa thuận;
- b) Trường hợp chưa hết hạn hợp đồng mà bên A cải tạo nhà ở và được bên B đồng ý thì bên A được quyền điều chỉnh giá cho thuê nhà ở. Giá cho thuê nhà ở mới do các bên thỏa thuận;



c) Yêu cầu bên B có trách nhiệm thường xuyên bảo trì công trình để công trình luôn trong tình trạng hoạt động tốt nhất, yêu cầu bên B có trách nhiệm sửa chữa phần hư hỏng, bồi thường thiệt hại trong thời hạn thuê nhà;

d) Được lấy lại nhà cho thuê khi hết hạn hợp đồng thuê, nếu hợp đồng không quy định thời hạn thuê thì bên cho thuê muốn lấy lại nhà phải báo cho bên thuê biết trước sáu tháng;

e) Đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng thuê nhà nhưng phải báo cho bên B biết trước ít nhất 30 ngày nếu không có thỏa thuận khác và yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu bên B có một trong các hành vi sau đây:

- Không trả tiền thuê nhà đúng thời gian cam kết trên;
- Sử dụng nhà không đúng mục đích thuê như đã thỏa thuận trong hợp đồng;
- Bên B tự ý đục phá, cơi nới, cải tạo, phá dỡ nhà ở đang thuê;
- Bên B chuyển đổi, cho mượn, cho thuê lại nhà ở đang thuê mà không có sự đồng ý của bên A;

- Bên B làm mất trật tự, vệ sinh môi trường, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sinh hoạt của những người xung quanh đã được bên A hoặc tổ trưởng tổ dân phố lập biên bản đến lần thứ ba mà vẫn không khắc phục;

f) Yêu cầu Bên B bồi thường giá trị hợp đồng còn lại khi Bên B đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không phải do vi phạm của Bên A.

4.2. Nghĩa vụ của bên A:

- a) Giao nhà ở và trang thiết bị gắn liền với nhà ở cho bên B theo đúng hợp đồng;
- b) Phổ biến cho bên B quy định về quản lý sử dụng nhà ở;
- c) Bảo đảm cho bên B sử dụng ổn định và trọn vẹn phần sử dụng riêng trong thời hạn thuê;

d) Nộp các khoản thuế về nhà và đất ;

e) Hướng dẫn, đôn đốc bên B thực hiện đúng các quy định về đăng ký tạm trú.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của bên B

5.1. Quyền của bên B:

- a) Nhận nhà ở và trang thiết bị gắn liền theo đúng thỏa thuận;
- b) Được cho thuê lại nhà đang thuê, nếu được bên cho thuê đồng ý bằng văn bản;

5.2. Nghĩa vụ của bên B:

a) Sử dụng nhà đúng mục đích đã thỏa thuận, có nghĩa vụ bảo trì công trình thường xuyên để duy trì hiện trạng và công năng của công trình tốt nhất trong thời gian thuê; giữ gìn nhà ở và có trách nhiệm sửa chữa khi công trình bị hư hỏng;

b) Trả đủ tiền thuê nhà đúng kỳ hạn đã thỏa thuận;

c) Không được chuyển nhượng hợp đồng thuê nhà hoặc cho người khác thuê lại trừ trường hợp được bên A đồng ý bằng văn bản;

d) Mua bảo hiểm cho tài sản được thuê; Chấp hành các quy định về an toàn phòng cháy chữa cháy, giữ gìn vệ sinh môi trường và an ninh trật tự trong khu vực cư trú;

e) Chấp hành đầy đủ những quy định về quản lý sử dụng nhà ở;



TTKHD-2401250014

f) Tự trả tiền điện, nước, điện thoại, vệ sinh và các chi phí phát sinh khác trong thời gian thuê nhà;

g) Trả nhà cho bên A theo đúng thỏa thuận.

h) Bên B phải bồi thường thiệt hại nếu đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không phải do vi phạm Bên A.

Điều 6. Chấm dứt hợp đồng thuê nhà ở

Việc chấm dứt Hợp đồng thuê nhà ở được thực hiện trong các trường hợp sau:

- Thời hạn thuê đã hết;
- Nhà ở không còn;
- Nhà ở cho thuê phải phá dỡ do bị hư hỏng nặng có nguy cơ sập đổ hoặc do thực hiện quy hoạch xây dựng của Nhà nước;
- Trường hợp quy định tại của Luật nhà ở;
- Hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

Điều 7. Giải quyết tranh chấp

Trường hợp các bên có tranh chấp về nội dung của hợp đồng này thì hai bên cùng bàn bạc giải quyết thông qua thương lượng. Trong trường hợp các bên không thương lượng được thì thống nhất đưa ra Tòa án Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cam kết của các bên

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cùng cam kết sau đây:

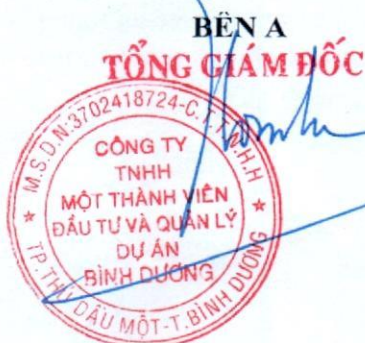
8.1. Đã khai đúng sự thật và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của những thông tin đã ghi trong hợp đồng này.

8.2. Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả những thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng này; nếu bên nào vi phạm mà gây thiệt hại, thì phải bồi thường cho bên kia hoặc cho người thứ ba (nếu có).

Trong quá trình thực hiện nếu phát hiện thấy những vấn đề cần thỏa thuận thì hai bên có thể lập thêm phụ lục hợp đồng. Nội dung phụ lục hợp đồng có giá trị pháp lý như hợp đồng chính.

8.3. Hợp đồng này tự động được thanh lý sau khi hết hạn nếu không được gia hạn tiếp, đồng thời bên A và bên B đã hoàn thành trách nhiệm của mỗi bên đã được nêu trong các điều khoản có liên quan đến từng bên ở trên.

8.4. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký, được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản và có giá trị như nhau.



Nguyễn Hoàn Vũ



Phan Thành Đức



TTKHD-2401250014

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Đang ký lần đầu ngày 01/12/2015 Mã số doanh nghiệp: 3702418724 Đang ký thay đổi lần thứ 1 ngày 24/10/2016 Do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp. Địa chỉ trụ sở chính: A128, Đường Ba Tháng Hai, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.	

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận, khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



2598718013649

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN BÌNH DƯƠNG

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
Mã số doanh nghiệp: 3702418724
Đăng ký lần đầu ngày 01/12/2015
Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 24/10/2016
Do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.
Địa chỉ trụ sở chính: A128, Đường Ba Tháng Hai, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

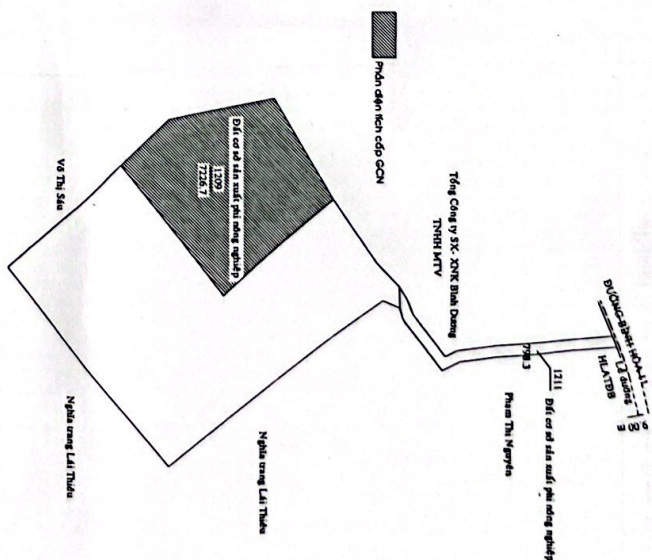
CM 644267

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- Thửa đất số: 1209, tờ bản đồ số: DC9
- Địa chỉ: phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương
- Diện tích: 7.226,7m² (bằng chữ: Bảy nghìn hai trăm hai mươi sáu phẩy bảy mét vuông)
- Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
- Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
- Thời hạn sử dụng: Đến ngày 10/9/2051
- Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển giao đất được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất
- Nhà ở: -/-
- Công trình xây dựng khác: -/-
- Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-
- Cây lâu năm: -/-
- Ghi chú: Không.

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Bình Dương, ngày 03 tháng 03 năm 2018.
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH DƯƠNG
GIÁM ĐỐC



Phạm Danh

Số vào sổ cấp GCN: CT22749

IV. Những thay đổi của tài sản gắn liền với đất Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý Ngày 21-03-2023 Số chứng nhận quyền sử dụng đất: 05/86/2018 Số quyết định của UBND tỉnh Bình Dương: 01/SC/UBS Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền		ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN PHÚ QUỐC Trần Thị Thu Hương
---	--	---

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



2598718001395

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

L. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN BÌNH DƯƠNG

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
Mã số doanh nghiệp: 3702418724

Đăng ký lần đầu ngày 01/12/2015

Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 24/10/2016

Do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Địa chỉ trụ sở chính: A128, Đường Ba Tháng Hai, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

CM 644269

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
10 08 2016 10 08 2016	

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



2 5 9 8 7 1 8 0 1 3 6 2 7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SẠO



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN
BÌNH DƯƠNG
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
Mã số doanh nghiệp: 3702418724
Đăng ký lần đầu ngày 01/12/2015
Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 24/10/2016
Do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.
Địa chỉ trụ sở chính: A128, Đường Ba Tháng Hai, khu phố Đông Tư, phường Lái
Thiên, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

CM 644268

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- Thừa đất số: 1211, tờ bản đồ số: DC9
- Địa chỉ: phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương
- Diện tích: 828,3m², (bằng chữ: Tám trăm hai mươi tám phẩy ba mét vuông)
- Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
- Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
- Thời hạn sử dụng: Đến ngày 10/9/2051
- Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển giao đất được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

- Tổng diện tích: 828.3m² (trong đó có 30.0m² đất thuộc hành lang an toàn đường bộ; thực hiện theo quy định của pháp luật về hành lang an toàn đường bộ).



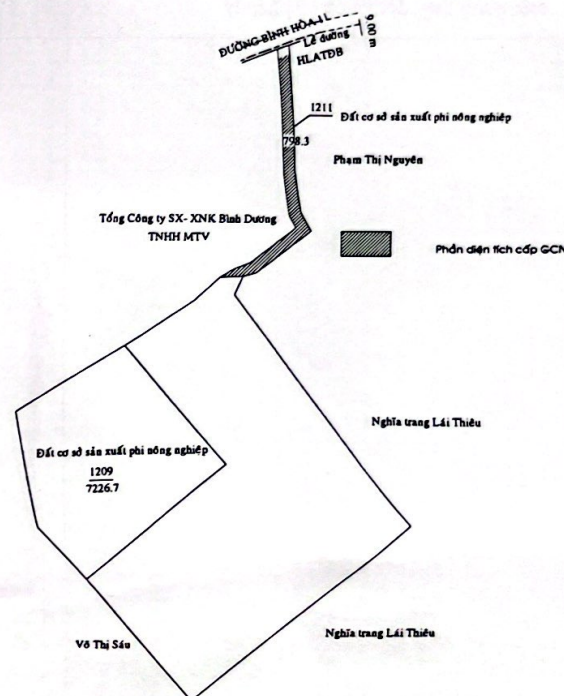
Bình Dương, ngày 27 tháng 03 năm 2023.
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH DƯƠNG
GIÁM ĐỐC



Phạm Danh

Số vào sổ cấp GCN: CT22748

III. Sơ đồ thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý: Quyền số 01/2023/SCT/BS. Ký nhận của cơ quan có thẩm quyền

Ngày 21-03-2023

CÔNG CHỨNG VIỆN VPCC NGUYỄN PHÚ QUỐC



Giám Thị Chương

Số: 1195 - RSH/HĐ – KT/23

HỢP ĐỒNG

V/v xử lý chất thải sinh hoạt của Công ty Cổ Phần May Mặc Bình Dương

- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 và Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022.
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/02/2006 (chứng nhận thay đổi lần thứ 18 ngày 20/04/2023) cho Công ty CP - Tổng công ty Nước – Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại, mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.028.VX, của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 3 ngày 17/12/2021 (Thay thế các giấy phép liên quan đến hoạt động hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương đã được cấp phép trước đó).
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Xử lý chất thải – Công ty CP – Tổng công ty Nước – Môi trường Bình Dương, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 08 tháng 05 năm 2023.
- Căn cứ theo nhu cầu của Công ty Cổ Phần May Mặc Bình Dương theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3700769438 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Bình Dương cấp đăng ký thay đổi lần 4 ngày 27/01/2022.

Hôm nay, ngày 01 tháng 06 năm 2023 tại Bình Dương, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: số 7/128 khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 02743 755143

Fax : 02743 755415

Mã số thuế: 3700769438

Do Ông: **Phan Thành Đức**

Chức vụ: Tổng Giám đốc làm đại diện

Ngành sản xuất: May Mặc

Mã khách hàng: 3700769438TA00

BÊN B: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ công ty: Số 11 Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ chi nhánh : Thửa đất số 1093, tờ bản đồ số 29 Khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa , thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274. 6564528/29

Fax: 02743.542907

Tên tài khoản : CN XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Tài khoản số 1: 6501.0000069090 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bình Dương

Tài khoản số 2: 0841.000087337 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Bắc Bình Dương

Tài khoản số 3: 1013853365 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694-008

Do Ông **NGÔ CHÍ THẮNG**

Chức vụ: Giám đốc CN Lâm Đại Diện

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

1.1. Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt của bên A.

1.2. Điều kiện lưu chứa

- Chất thải sinh hoạt được bên A thu gom, phân loại và lưu chứa trong các thùng chứa hoặc bao bì riêng biệt, đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường, có dán nhãn chất thải theo quy định và tập trung trong kho chứa có mái che. Bao bì, thùng chứa do bên A tự trang bị.
- Nếu xảy ra tình trạng chất thải ngoài quy định của hợp đồng (chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải công nghiệp từ hoạt động sản xuất) để chung với chất thải sinh hoạt, bên B có quyền từ chối thu gom chất thải (hai bên lập biên bản xác nhận sự việc), bên A có trách nhiệm thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển tương ứng một chuyến vận chuyển theo hợp đồng.

1.3. Thời gian thu gom và địa điểm giao nhận

- Thời gian thu gom: 03 lần/ tuần vào thứ 2, 4, 6 hàng tuần (trừ ngày lễ và ngày tết). ^{2, 4, 7}
- Địa điểm giao nhận: tại Công ty Cổ Phần May Mặc Bình Dương (Địa chỉ: số 7/128 khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương).

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá

Đơn giá chất thải sinh hoạt được thể hiện cụ thể trong bảng sau :

Stt	Loại chất thải	Khối lượng (kg/tháng)	Đơn giá Xử Lý (đồng/tháng)	Đơn giá vận chuyển (đồng/tháng)	Tổng đơn giá (đồng/tháng)
01	Chất thải sinh hoạt: chất thải từ nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng.	4.000	2.800.000	5.000.000	7.800.000

Ghi chú: - Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT

- Khi có thay đổi đơn giá, bên B sẽ báo cho bên A trước 30 ngày bằng văn bản.

2.2. Phương thức thanh toán

- Hàng tháng bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A trên địa chỉ mail đã cung cấp; trường hợp Bên A chưa nhận được hóa đơn, vui lòng liên hệ Bên B qua số điện thoại **0274. 6566.292**.
- Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc Chuyển khoản (phí chuyển khoản do bên A chi trả). Thời gian thanh toán chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có thể truy cập vào website: **www.biwase.com.vn** để xem giấy báo thanh toán (nếu chưa thanh toán) và tải hóa đơn (nếu đã thanh toán).
- Thông tin nhận hóa đơn điện tử:

Họ và tên người nhận hóa đơn điện tử	Địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử	Số điện thoại liên hệ
Nguyễn Thị Kim Nguyên	alice.nguyen@protradegarment.com	0913.860.959
Nguyễn Minh Thùy	minhthuy@protradegarment.com	0907.089.080

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn (địa chỉ xuất hóa đơn, email, số điện thoại liên hệ) bên A phải thông báo cho bên B bằng văn bản. Nếu bên A không thông báo thì bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn điện tử.
- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT bên B được quyền điều chỉnh theo quy định.

2.3. Điều chỉnh đơn giá:

Trong một số trường hợp sau đây có thể xem xét điều chỉnh đơn giá của hợp đồng:

- Điều chỉnh giá theo các quy định của ngành.
- Thay đổi đột biến về khối lượng hoặc quy mô so với hợp đồng đã ký (mức thay đổi trên 10%)
- Thay đổi tần suất thu gom rác.
- Thay đổi địa điểm giao rác.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1. Quyền và trách nhiệm của bên A

3.1.1. Quyền của bên A

- Được quyền yêu cầu bên B thu gom và xử lý chất thải đúng theo Điều 01.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày nếu bên B vi phạm hợp đồng.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

3.1.2. Trách nhiệm của bên A

- Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 01.
- Thực hiện các quy định về phân loại rác tại nguồn, không được đưa các loại chất thải nguy hại, chất thải có thể gây cháy, nổ, chất thải công nghiệp từ hoạt động sản xuất vào chung chất thải sinh hoạt.
- Thanh toán tiền thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cho bên B theo Điều 02.
- Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên B có yêu cầu.
- Giao chất thải đúng thời gian và đặt tại vị trí thỏa thuận, nơi lưu chứa phải thuận lợi cho phương tiện vận chuyển di chuyển vào thu gom.
- Cử người ký xác nhận việc thu gom chất thải khi bên B đến thu gom.
- Nếu bên A thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì bên A sẽ phải nộp phạt cho bên B với lãi suất Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Dương (tính tại thời điểm bên B phát hành hóa đơn GTGT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
- Trong trường hợp bên A tạm ngưng giao chất thải cho bên B xử lý theo mục 3.1.1 Điều 3 thì bên A phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.
- Trong trường hợp bên A giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật. Bên A phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết; hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho Bên B.
- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng, bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.

3.2. Quyền và trách nhiệm của bên B

3.2.1. Quyền của bên B

- Được nhận tiền do bên A thanh toán theo Điều 02.
- Bên B được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải định kỳ bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau :
 - + Tạm ngưng thu gom chất thải do bên A vi phạm hợp đồng.
 - + Tạm ngưng do bên A thanh toán trễ hạn theo quy định tại Điều 2 – Khoản 2.2.
 - + Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng : thiên tai, lũ lụt...
 - + Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên A vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B.

3.2.2. Trách nhiệm của bên B

- Bố trí nhân sự, phương tiện đến nhận chất thải của bên A giao theo đúng thời gian thỏa thuận và đảm bảo các quy định vệ sinh đô thị. Phương tiện vận chuyển được trang bị bảo đảm vệ sinh môi trường, bảo đảm thu dọn sạch sẽ chất thải rơi vãi ngay sau khi thu gom.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 4.1 Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.
- 4.2 Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.
- 4.3. Nếu các bên có thay đổi người đại diện ký hợp đồng hay Ban Giám đốc Công ty thì hợp đồng này vẫn có giá trị pháp lý.

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- 5.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 31 tháng 05 năm 2025. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cùng thỏa thuận việc gia hạn hợp đồng.
- 5.2 Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký hợp đồng hoặc trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà bên A không tiếp tục giao chất thải cho bên B thì hợp đồng này đương nhiên được thanh lý theo quy định pháp luật.
- 5.3 Sau khi thời hạn hợp đồng kết thúc, trường hợp hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và sau khi hai bên thực hiện hết các nghĩa vụ của mình theo qui định của các điều khoản ghi trên thì hợp đồng đương nhiên được thanh lý.
- 5.4 Hợp đồng bao gồm 05 (năm) trang, được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý ngang nhau. *I*

ĐẠI DIỆN BÊN A

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phan Thành Đức

ĐẠI DIỆN BÊN B



Ngô Chí Thắng

Số: 1436 -RCN/HĐ – KT/23

HỢP ĐỒNG

V/v xử lý chất thải công nghiệp thông thường của Công Ty Cổ phần May Mặc Bình Dương

- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 và Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/02/2006 (chứng nhận thay đổi lần thứ 18 ngày 20/04/2023) cho Công ty CP - Tổng công ty Nước – Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại, mã số QLCTNH:1-2-3-4-5-6.028.VX của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 3 ngày 17/12/2021 (Thay thế các giấy phép liên quan đến hoạt động hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại Cty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương đã được cấp phép trước đó).
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Xử lý chất thải – Công ty CP – Tổng công ty Nước – Môi trường Bình Dương, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 08 tháng 05 năm 2023.
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700769438 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp (chứng nhận thay đổi lần 4) ngày 27/01/2022 cho Công Ty Cổ phần May Mặc Bình Dương;
- Xét nhu cầu và khả năng của hai Bên.

Hôm nay, ngày 21 tháng 09 năm 2023 tại Bình Dương, chúng tôi gồm:

1. BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

- Địa chỉ : Số 7/128 khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hoà, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại : 0274. 3755143 Fax: 0274.3755415
- Mã số thuế : 3700769438

- Đại diện bởi : Ông Phan Thành Đức Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Mã khách hàng : 3700769438TA00
- Ngành nghề : May mặc

2. BÊN B : CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

- Địa chỉ công ty : Số 11 Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
- Địa chỉ chi nhánh: Thửa đất số 1093, tờ bản đồ số 29, Khu phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại : 0274.6564528/29 Fax: 02743.542907
- Tên tài khoản : **CN XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
- + Tài khoản số 1: 6500069090 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bình Dương
- + Tài khoản số 2: 0841.000087337 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Bắc Bình Dương
- + Tài khoản số 3: 1013853365 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-CN Bình Dương
- Mã số thuế : 3700145694-008
- Đại diện bởi : Ông **NGÔ CHÍ THẮNG** Chức vụ: Giám đốc CN

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

- 1.1. Bên A đồng ý giao cho Bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường phát sinh trong hoạt động sản xuất của Bên A.
- 1.2. **Điều kiện lưu chứa**
 - Chất thải công nghiệp thông thường được Bên A thu gom, phân loại và lưu chứa trong các bao bì, thùng chứa riêng biệt; đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường; đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý chất thải công nghiệp do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Bao bì, thùng chứa do Bên A tự trang bị.
 - Nếu lô hàng chất thải công nghiệp thông thường chuẩn bị chuyển giao mà để lẫn chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải rắn sinh hoạt, bùn thải hoặc các loại chất thải khác không nằm trong Danh mục chất thải chuyển giao trong hợp đồng thì Bên B sẽ từ chối tiếp nhận toàn bộ lô hàng bị lẫn đó. Bên A có trách nhiệm thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển tương ứng một chuyến vận chuyển theo hợp đồng.
- 1.3. **Phương thức xác định khối lượng**

- Khối lượng chất thải là tổng khối lượng của từng loại chất thải và bao bì lưu chứa loại chất thải đó.
- Khối lượng chất thải được xác định bằng cân tại kho Bên A có xác nhận của Bên B. Trong trường hợp không thể xác định được khối lượng tại kho của Bên A thì sẽ căn cứ theo phiếu cân tại bàn cân điện tử của Bên B.

1.4. Thời gian thu gom và địa điểm giao nhận

- Thời gian thu gom: Theo yêu cầu của Bên A, Bên A thông báo cho Bên B trước 24 giờ (trừ ngày lễ và ngày tết).
- Địa điểm giao nhận: Tại Công Ty Cổ phần May Mặc Bình Dương (Địa chỉ: số 7/128 khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hoà, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương).

1.5. Địa điểm và phương pháp xử lý

- Địa điểm xử lý: Thửa đất số 1093, tờ bản đồ số 29, khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
- Phương pháp xử lý: Lô chất thải được xử lý theo phương pháp đốt huỷ trong lò đốt công nghiệp chuyên dụng.

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá

Đơn giá chất thải công nghiệp thông thường được thể hiện cụ thể trong bảng sau :

Stt	Loại chất thải công nghiệp	Trạng thái	Đơn giá Xử Lý (Đồng/kg)
1	Quần áo hư, miếng lót lưng, nút plastic, nhãn vải, nhãn giấy, dây carton, dây luồn, nhãn plastic, kẹp plastic, nhãn da, dụng cụ plastic, đinh tán kim loại, miếng kim loại trang trí, túi nylon, băng viền, chỉ may, vải vụn.	Rắn	2.200
2	Xi than (không chứa thành phần nguy hại)	Rắn	3.000
3	Kính vỡ.	Rắn	7.000

Ghi chú:

- Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT.
- Đơn giá trên bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý.
- Khi có thay đổi đơn giá, Bên B sẽ báo cho Bên A trước 30 ngày bằng văn bản.
- Trong trường hợp Bên A có nhu cầu chuyển giao cho Bên B các loại chất thải công nghiệp thông thường ngoài Danh mục chất thải công nghiệp thì hai bên sẽ tiến hành thương thảo, thỏa thuận lại các điều kiện của Hợp đồng trước khi tiến hành giao nhận.

2.2. Phương thức thanh toán

- Hằng tháng căn cứ vào khối lượng chất thải được thu gom thực tế, Bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho Bên A trên địa chỉ mail đã cung cấp; trường hợp Bên A chưa nhận được hóa đơn, vui lòng liên hệ Bên B qua số điện thoại **0274. 6566.292**.
- Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc Chuyển khoản (phí chuyển khoản do Bên A chi trả). Thời gian thanh toán chậm nhất là ngày thứ 30 (ba mươi) kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có thể truy cập vào website: **www.biwase.com.vn** để xem giấy báo thanh toán (nếu chưa thanh toán) và tải hóa đơn (nếu đã thanh toán).
- Thông tin nhận hóa đơn điện tử:

Họ và tên người nhận hóa đơn điện tử	Địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử	Số điện thoại liên hệ
Nguyễn Thị Kim Nguyên	<u>Alice.nguyen@protradegarment.com</u>	0913.860.959
Nguyễn Minh Thủy	<u>minhthuy@protradegarment.com</u>	0907.089.080

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn (địa chỉ xuất hóa đơn, email, số điện thoại liên hệ) Bên A phải thông báo cho Bên B bằng văn bản. Nếu Bên A không thông báo thì Bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn điện tử.
- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT Bên B được quyền điều chỉnh theo quy định.
- Nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn ghi hợp đồng này thì Bên B sẽ ngưng thu gom chất thải cho Bên A đồng thời sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1. Quyền và trách nhiệm của Bên A

3.1.1. Quyền của Bên A

- Có quyền yêu cầu Bên B thu gom và xử lý chất thải đúng theo Điều 1.
- Bên A có quyền tạm ngừng việc giao chất thải cho Bên B hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn trong các trường hợp nêu tại Điều 4 của Hợp đồng này.

3.1.2. Trách nhiệm của Bên A

- Chịu trách nhiệm phân định, phân loại chất thải theo đúng quy định về quản lý chất thải trước khi chuyển giao cho Bên B.
- Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 1 cho Bên B và cùng Bên B lập biên bản bàn giao chất thải ngay tại thời điểm chuyển giao chất thải theo quy định hiện hành.
- Thanh toán tiền thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cho Bên B theo Điều 2.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B đến thu gom. Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi Bên B có yêu cầu.
- Cử người cân xác định khối lượng và giao nhận chất thải.
- Nếu Bên A thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì Bên A sẽ phải trả cho Bên B tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển

Việt Nam - CN Bình Dương trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn trong những ngày quá hạn thanh toán so với thời hạn thanh toán nêu tại Khoản 2.2 Điều 2 Hợp đồng này.

- Trong trường hợp Bên A giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật. Bên A phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết; hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho Bên B.
- Trong thời hạn của hợp đồng này, Bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.

3.2. Quyền và trách nhiệm của Bên B

3.2.1. Quyền của Bên B

- Được nhận tiền do Bên A thanh toán theo Điều 2.
- Bên B có quyền tạm ngừng việc thu gom chất thải cho Bên A hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn trong các trường hợp nêu tại Điều 4 của Hợp đồng này.
- Bên B sẽ từ chối tiếp nhận toàn bộ loại hoặc lô hàng chất thải công nghiệp chuẩn bị chuyển giao của Bên A có lẫn chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải sinh hoạt, bùn thải hoặc các loại chất thải khác không nằm trong Danh mục chất thải công nghiệp.
- Bên B có quyền từ chối nhận các loại chất thải công nghiệp thông thường không thuộc Danh mục chất thải công nghiệp thông thường đã ký kết. Chỉ tiếp nhận các loại chất thải theo Danh mục chất thải công nghiệp thông thường đã ký kết.
- Bên B có quyền cung cấp thông tin của hợp đồng này theo luật định hoặc khi có yêu cầu từ cơ quan có thẩm quyền.
- Trong trường hợp phát hiện Bên A tự xử lý chất thải công nghiệp thông thường không đúng quy định về quản lý chất thải thông thường thì Bên B có quyền thông báo bằng văn bản cho cơ quan có chức năng để xem xét, xử lý.

3.2.2. Trách nhiệm của Bên B

- Đảm bảo việc thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải theo Danh mục chất thải quy định tại Điều 2 hợp đồng đúng theo các nội dung của Giấy phép xử lý chất thải nguy hại được cơ quan có thẩm quyền cấp.
- Thực hiện đúng các nội dung đã thỏa thuận (thời gian, địa điểm thu gom chất thải,...) trong Hợp đồng này và các phụ lục hợp đồng/văn bản khác (nếu có) và cùng Bên A lập biên bản bàn giao chất thải ngay tại thời điểm chuyển giao chất thải theo quy định hiện hành.
- Bên B có trách nhiệm giữ vệ sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải đã được Bên A giao theo quy định. Trong quá trình thu gom chất thải tất cả nhân viên của Bên B phải tuân thủ các quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động, môi trường,... theo nội quy, quy định của Bên A và pháp luật có liên quan.
- Bên B chịu trách nhiệm về vấn đề an toàn lao động, vệ sinh lao động đối nhân viên của Bên B được cử đến Bên A thực hiện công việc thu gom chất thải.

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để chất thải rơi, đổ, phát tán... ra môi trường sau khi chất thải đã được vận chuyển ra khỏi kho của Bên A.
- Nếu Bên B không thực hiện thu gom chất thải đúng thời gian nêu trong Hợp đồng này, Bên B phải chịu trách nhiệm về việc lưu giữ quá hạn của Bên A đối với chất thải mà pháp luật có quy định thời gian lưu giữ và/hoặc Bên A không đảm bảo đủ điều kiện lưu giữ chất thải theo quy định của pháp luật (diện tích kho, khu vực lưu giữ không đủ sức chứa,...). Bên B phải trả cho Bên A các khoản: chi phí xử lý, khắc phục môi trường, khoản phạt vi phạm theo quyết định của cơ quan nhà nước đối với Bên A và các khoản bồi thường, chi phí phát sinh khác liên quan đến việc lưu trữ chất thải do hành vi vi phạm hợp đồng này của Bên B gây ra (nếu có).

ĐIỀU 4: CÁC TRƯỜNG HỢP TẠM NGỪNG, ĐƠN PHƯƠNG CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

4.1. Tạm ngừng thực hiện hợp đồng

- Bên A được quyền tạm ngừng thực hiện hợp đồng với Bên B và giao cho đơn vị khác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải mà không bị xem là vi phạm hợp đồng nếu thuộc các trường hợp sau:
 - + Có yêu cầu, quyết định của cơ quan nhà nước về việc tạm ngừng hoạt động, tạm ngừng thực hiện công việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải đối với Bên B.
 - + Bên B bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng và không thể thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải.
 - + Bên B vi phạm thời gian thực hiện công việc nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này.
- Bên B được quyền thông báo tạm ngừng thu gom chất thải bằng văn bản cho Bên A nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh một số trường hợp sau:
 - + Do Bên A thanh toán trễ hạn theo quy định tại Khoản 2.2 Điều 2.
 - + Theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
 - + Do các trường hợp bất khả kháng: thiên tai, lũ lụt, động đất, dịch bệnh, đình công,... Trong vòng 03 ngày kể từ ngày bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng thì Bên B phải gửi thông báo bằng văn bản cho Bên A biết.

Trường hợp Bên B không thông báo hoặc thông báo trễ về việc tạm ngừng thu gom chất thải mà gây thiệt hại cho Bên A thì phải bồi thường thiệt hại.

4.2. Đơn phương chấm dứt hợp đồng

Trong thời hạn của hợp đồng này, mỗi bên đều có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn khi bên kia vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc do vi phạm các quy định hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên đơn phương chấm dứt hợp đồng. Bên đơn phương chấm dứt hợp đồng phải thông báo bằng văn bản cho bên kia biết trước ít nhất 30 (ba mươi) ngày.

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 5.1. Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, bên nào vi phạm hợp đồng sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho Bên còn lại.
- 5.2. Mọi sự sửa đổi, bổ sung hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản và do người đại diện có thẩm quyền của hai Bên ký kết.
- 5.3. Những nội dung không nêu trong hợp đồng, phụ lục hợp đồng/văn bản khác liên quan đến hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì mỗi bên đều có quyền đưa vụ việc ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.

ĐIỀU 6: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- 6.1. Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 20/09/2025.
- 6.2. Hợp đồng chấm dứt khi xảy ra một các trường hợp sau:
- (a) Hợp đồng hết thời hạn quy định tại Khoản 6.1 Điều này;
 - (b) Các Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản;
 - (c) Trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng nêu tại Khoản 4.2 Điều 4 Hợp đồng này.
 - (d) Một Bên đang tiến hành thủ tục giải thể hoặc có thông báo của Tòa án thụ lý việc phá sản của Bên đó.
- 6.3. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hợp đồng hết thời hạn, hai bên sẽ cùng thỏa thuận việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng. Trường hợp hai bên không ký kết phụ lục hợp đồng/ văn bản thỏa thuận về việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng thì khi hết thời hạn nêu tại Khoản 6.1 Điều này hợp đồng đương nhiên được chấm dứt.
- 6.4. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày Hợp đồng chấm dứt, Các Bên phải hoàn tất các nghĩa vụ phát sinh theo Hợp đồng
- 6.5. Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý ngang nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



ĐẠI DIỆN BÊN B



Ngô Chi Thắng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập-Tự do- Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN

Số 01-MMBD-RV/2023

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005;
- Căn cứ vào nhu cầu, khả năng của hai bên.

Hôm nay ngày 01 tháng 04 năm 2023, chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

- Địa chỉ: 7/128 KP Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, TP.Thuận An, Tỉnh Bình Dương
- Điện thoại: 0274.3755170/ 755143/ 755519 Fax: 0274. 3755415
- Mã số thuế: 3700769438
- Người đại diện: **Ông Phan Thành Đức** Chức vụ: Tổng giám đốc

BÊN B: CÔNG TY TNHH GIAO NHẬN HÀNG HÓA XNK RỒNG VÀNG

- Địa chỉ: KP Bình Đức I, P.Bình Hòa, TP.Thuận An, T.Bình Dương
- Điện thoại: 0274.3782116 Fax:
- Mã số thuế: 3700593336
- Người đại diện: **Ông Võ Đình Trí Tâm** Chức vụ: Giám đốc

Sau khi bàn bạc hai bên thống nhất ký hợp đồng mua bán với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: TÊN HÀNG, ĐƠN GIÁ

1. Giấy vụn	:	1.700 đồng/kg
2. Nylon phế liệu	:	8.000 đồng/kg
3. Carton phế liệu	:	2.000 đồng/kg
4. Vải vụn rác bàn cắt	:	500 đồng/kg
5. Vải đầu khúc jean+kaki từ lớn hơn 1m đến nhỏ hơn 1.5m	:	21.000 đồng/kg
6. Vải đầu khúc jean từ (20cm x 20cm) đến nhỏ hơn 1m	:	4.500 đồng/kg
7. Vải đầu khúc kaki từ (20cm x 20cm) đến nhỏ hơn 1m	:	4.000 đồng/kg
8. Vải cà sa	:	1.000 đồng/kg
9. Chỉ dờ dang	:	2.000 đồng/kg
10.Sắt phế liệu	:	7.000 đồng/kg
11.Nhựa phế các loại	:	5.000 đồng/kg
12.Nhôm thanh	:	35.000 đồng/kg
13.Vải đầu khúc kate+lót túi dưới 1m	:	1.500 đồng/kg
14.Vải đầu khúc kate+lót túi trên 1m	:	4.500 đồng/kg

- * Phế liệu được lấy vào thứ 2 hàng tuần và tính tiền theo số lượng cân thực tế.
- * Đơn giá được cố định trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng. Nếu tình hình trên thị trường có biến động giá lớn thì hai bên sẽ xem xét điều chỉnh lại giá bằng phụ lục hợp đồng.
- * Đơn giá trên đã bao gồm thuế VAT.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM BÊN B

- Cung cấp bao đựng rác hàng tuần.
- Có trách nhiệm xử lý hàng tuần tất cả rác thải ra từ Công ty của Bên A (ngoại trừ, rác sinh hoạt khu chung cư, rác nhà ăn, rác thải y tế, các chất độc hại khác).
- Gom rác ở xưởng cắt của Bên A hàng ngày.
- Dọn dẹp toàn Công ty của Bên A khi có khách hàng đánh giá nhà máy trong vòng 01 ngày sau khi nhận được thông tin từ Bên A.
- Nếu Bên B không thực hiện kịp thời các trách nhiệm nêu trên thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng.

ĐIỀU 3: THANH TOÁN

Thanh toán toàn bộ tiền hàng và tiền thuế GTGT bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản ngay sau khi nhận hàng xong và bên bán phát hành hóa đơn GTGT do Bộ tài chính ban hành.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng. Mọi sự thay đổi phải có sự thỏa thuận nhất trí của hai bên bằng văn bản.
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có khó khăn phát sinh thì hai bên cố gắng thảo luận với thái độ thiện chí và tinh thần hợp tác để giải quyết. Trường hợp không thể giải quyết được thì bất kỳ bên nào cũng có thể đưa vụ việc ra Tòa án có thẩm quyền tại Tỉnh Bình Dương giải quyết theo quy định của pháp luật.
- Hợp đồng này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị như nhau.
- Hợp đồng này có thời hiệu kể từ ngày 01/04/2023 đến hết ngày 31/03/2024.

 **ĐẠI DIỆN BÊN A**



ĐẠI DIỆN BÊN B



Võ Đình Trí Cường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o0o-----

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG SỐ 02
(Hợp đồng Mua bán số 01-MMBD-RV/2023 ngày 01/04/2023).

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005;
- Căn cứ phụ lục hợp đồng số 01 ngày 01/04/2024 của Hợp đồng mua bán số 01-MMBD-RV/2023 ngày 01/04/2023)
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 27 tháng 04 năm 2024, chúng tôi gồm:

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ : 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, P.Bình Hòa, TP.Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Mã số thuế : 3700769438

Điện thoại : 0274. 3755143

Đại diện : Ông Phan Thành Đức Chức vụ: Tổng Giám đốc

BÊN B : CÔNG TY TNHH GIAO NHẬN HÀNG HÓA XNK RỒNG VÀNG

Địa chỉ : Số 17 Đường Lê Quý Đôn, KP.Thắng Lợi 2, TP.Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Mã số thuế : 3700593336

Điện thoại : 0274.3737383

Đại diện : Ông Hoàng Văn Tiều Chức vụ: Giám đốc

Sau khi bàn bạc, hai bên cùng thống nhất ký kết Phụ lục hợp đồng số 02 của Hợp đồng Mua bán số 01-MMBD-RV/2023 ngày 01/04/2023:

Điều 1. Điều chỉnh thời hạn của Hợp đồng nêu tại Điều 1 Phụ lục số 01

▪ **Nội dung trước khi điều chỉnh:**

“Hợp đồng này có thời hiệu kể từ ngày 01/04/2024 đến hết ngày 30/04/2024.”

▪ **Nội dung sau khi điều chỉnh:**

“Hợp đồng này có thời hiệu kể từ ngày 01/05/2024 đến hết ngày 31/05/2024.”



Điều 2. Điều khoản chung

- Hai bên cam kết thực hiện đúng điều khoản ký trong Phụ lục hợp đồng này. Mọi điều khoản khác của Hợp đồng Mua bán số 01-MMBD-RV/2023 ngày 01/04/2023 vẫn giữ nguyên không thay đổi.
- Phụ lục hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng Mua bán số 01-MMBD-RV/2023 ngày 01/04/2023.
- Phụ lục hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



ĐẠI DIỆN BÊN B



Số: 1195/-RNH/HĐ – KT/23

HỢP ĐỒNG

V/v xử lý chất thải nguy hại cho Công ty Cổ Phần May Mặc Bình Dương

- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 và Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022.
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/02/2006 (chứng nhận thay đổi lần thứ 18 ngày 20/04/2023) cho Công ty CP - Tổng công ty Nước – Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại, mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.028.VX , của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 3 ngày 17/12/2021 (Thay thế các giấy phép liên quan đến hoạt động hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương đã được cấp phép trước đó).
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Xử lý chất thải – Công ty CP – Tổng công ty Nước – Môi trường Bình Dương, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 08 tháng 05 năm 2023.
- Căn cứ theo sổ đăng ký quản lý chất thải nguy hại chủ nguồn thải mã số QLCTNH:74.000934.T, ngày 26 tháng 08 năm 2010 do Chi Cục Bảo Vệ Môi Trường tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty Cổ Phần May Mặc Bình Dương.
- Căn cứ theo nhu cầu của Công ty Cổ Phần May Mặc Bình Dương theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3700769438 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Bình Dương cấp đăng ký thay đổi lần 4 ngày 27/01/2022.

Hôm nay, ngày 01 tháng 06 năm 2023 tại Bình Dương, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: số 7/128 khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 02743 755143

Fax : 02743 755415

Mã số thuế: 3700769438

Do Ông: **Phan Thành Đức**

Chức vụ: Tổng Giám đốc làm đại diện

Ngành sản xuất: May Mặc

Mã khách hàng: 3700769438TA00

BÊN B: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ công ty: Số 11 Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ chi nhánh: Thửa đất số 1093 tờ bản đồ số 29 Khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274. 6564528/29

Fax: 02743.542907

Tên tài khoản : CN XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Tài khoản số 1: 6501.0000069090 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bình Dương

Tài khoản số 2: 0841.000087337 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Bắc Bình Dương

Tài khoản số 3: 1013853365 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694-008

Do Ông **NGÔ CHÍ THẮNG**

Chức vụ: Giám đốc CN Làm Đại Diện

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

1.1. Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động sản xuất của bên A .

1.2. Điều kiện lưu chứa:

- Chất thải nguy hại (CTNH) được bên A thu gom, phân loại, lưu giữ đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định hiện hành trước khi giao cho Bên B. Chất thải nguy hại lưu chứa trong các bao bì, thiết bị đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường, có dán nhãn CTNH và tập trung trong kho chứa có mái che. Bao bì, thùng chứa do bên A tự trang bị.
- Nếu lô hàng chất thải nguy hại chuẩn bị chuyển giao mà để lẫn chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải rắn sinh hoạt, bùn thải hoặc các loại chất thải khác không nằm trong Danh mục chất thải chuyển giao trong hợp đồng thì Bên B sẽ từ chối tiếp nhận toàn bộ lô hàng bị lẫn đó. Bên A có trách nhiệm thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển tương ứng một chuyến vận chuyển theo hợp đồng.

1.3. Phương thức xác định khối lượng

- Khối lượng chất thải là tổng của khối lượng của từng loại chất thải và bao bì lưu chứa loại chất thải đó.
- Khối lượng chất thải được xác định bằng cân tại kho bên A có xác nhận của bên B. Trong trường hợp không thể xác định được khối lượng tại kho của bên A thì sẽ căn cứ theo phiếu cân tại bàn cân điện tử của bên B.

1.4. Thời gian thu gom và địa điểm giao nhận

- Thời gian thu gom: 04 lần/ 01 tháng vào ngày thứ 2 hàng tuần (trừ ngày lễ và ngày tết)

- Địa điểm giao nhận: tại Công ty Cổ Phần May Mặc Bình Dương (Địa chỉ: số 7/128 khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương).

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá

Đơn giá của từng loại chất thải được thể hiện trong bảng sau:

Stt	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Phương pháp xử lý	Đơn giá xử lý (đồng/kg)	Đơn giá vận chuyển (đồng/lần)
01	Dầu thủy lực tổng hợp thải	Lỏng	17 01 06 ✓	Thiêu đốt	4.000	500.000
02	Thùng đựng dầu nhớt thải	Rắn	18 01 01 ✓	Thiêu đốt	7.000	
03	Thùng đựng Aceton thải	Rắn	18 01 01 ✓	Thiêu đốt	7.000	
04	Nhớt thải	Lỏng	17 02 04 ✓	Thiêu đốt	4.000	
05	Rác y tế	Rắn	13 01 01 ✓	Thiêu đốt	10.000	
06	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06 ✓	Hóa rắn/ chôn	20.000	
07	Giẻ lau dính dầu nhớt	Rắn	18 02 01 ✓	Thiêu đốt	6.000	
08	Linh kiện điện tử thải	Rắn	19 02 05 ✓	Phá dỡ	10.000	
09	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04 ✓	Thiêu đốt	10.000	
10	Pin, ắc quy thải	Rắn	19 06 01	Phá dỡ - Tẩy rửa	10.000	

Ghi chú: - Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT.

- Khi có thay đổi đơn giá, bên B sẽ báo cho bên A trước 30 ngày bằng văn bản

2.2. Phương thức thanh toán

- Hàng tháng căn cứ vào khối lượng chất thải được thu gom thực tế, bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A trên địa chỉ mail đã cung cấp; trường hợp Bên A chưa nhận được hóa đơn, vui lòng liên hệ Bên B qua số điện thoại **0274. 6566.292**.
- Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc Chuyển khoản (phí chuyển khoản do bên A chi trả). Thời gian thanh toán chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có thể truy cập vào website: **www.biwase.com.vn** để xem giấy báo thanh toán (nếu chưa thanh toán) và tải hóa đơn (nếu đã thanh toán).

- Thông tin nhận hóa đơn điện tử:

Họ và tên người nhận hóa đơn điện tử	Địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử	Số điện thoại liên hệ
Nguyễn Thị Kim Nguyên	alice.nguyen@protradegarment.com	0913.860.959
Nguyễn Minh Thùy	minhthuy@protradegarment.com	0907.089.080

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn (địa chỉ xuất hóa đơn, email, số điện thoại liên hệ) bên A phải thông báo cho bên B bằng văn bản. Nếu bên A không thông báo thì bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn điện tử.
- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT bên B được quyền điều chỉnh theo quy định.
- Nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn ghi trên hợp đồng này thì Bên B sẽ ngưng thu gom chất thải cho Bên A đồng thời sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1. Quyền và trách nhiệm của bên A

3.1.1. Quyền của bên A

- Được quyền yêu cầu bên B thu gom và xử lý chất thải đúng theo Điều 01.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày nếu bên B vi phạm hợp đồng.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

3.1.2. Trách nhiệm của bên A

- Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 01.
- Chịu trách nhiệm phân định, phân loại, xác định số lượng chất thải nguy hại theo quy định.
- Thanh toán tiền thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cho bên B theo Điều 2. Theo định kỳ, căn cứ vào lịch thu gom đã thỏa thuận tại Điều 1- khoản 1.4, bên B đến thu gom chất thải mà bên A không giao chất thải thì bên A phải chịu chi phí vận chuyển đã thỏa thuận tại Điều 2- Khoản 2.1 cho lần đến vận chuyển đó.
- Thực hiện đúng quy trình Chứng từ CTNH ngay tại thời điểm chuyển giao chất thải theo quy định hiện hành.
- Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên B có yêu cầu.
- Cử người cân xác định khối lượng và giao nhận chất thải.
- Nếu bên A thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì bên A sẽ phải nộp phạt cho bên B với lãi suất Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Dương (tính tại thời điểm bên B phát hành hóa đơn GTGT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
- Trong trường hợp bên A tạm ngưng giao chất thải cho bên B xử lý theo mục 3.1.1 Điều 3 thì bên A phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.

- Trong trường hợp bên A giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật. Bên A phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết; hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho Bên B.
- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng, bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.

3.2. Quyền và trách nhiệm của bên B

3.2.1. Quyền của bên B

- Được nhận tiền do bên A thanh toán theo Điều 2.
- Bên B được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải định kỳ bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau :
 - + Tạm ngưng thu gom chất thải do bên A vi phạm hợp đồng.
 - + Tạm ngưng do bên A thanh toán trễ hạn theo quy định tại Điều 2 – Khoản 2.2.
 - + Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng : thiên tai, lũ lụt...
 - + Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.
- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên A vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B.
- Từ chối tiếp nhận loại CTNH không đúng với thông tin Danh mục CTNH quy định tại Điều 2 của hợp đồng.
- Từ chối tiếp nhận CTNH nếu không được lưu chứa trong bao bì, thiết bị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý; có khả năng không đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển.
- Bên B có quyền cung cấp thông tin của hợp đồng này theo luật định hoặc khi có yêu cầu từ cơ quan có thẩm quyền.

3.2.2. Trách nhiệm của bên B

- Đảm bảo việc thu gom, vận chuyển, xử lý các loại CTNH theo Danh mục CTNH quy định tại Điều 2 hợp đồng đúng theo các nội dung của Giấy phép xử lý CTNH được cơ quan có thẩm quyền cấp.
- Bên B có trách nhiệm giữ vệ sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải đã được bên A giao theo quy định.
- Thực hiện đúng quy trình Chứng từ CTNH ngay tại thời điểm chuyển giao chất thải theo quy định hiện hành.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

4.1 Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.

4.2 Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết, phán

quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.

4.3. Nếu các bên có thay đổi người đại diện ký hợp đồng hay Ban Giám đốc Công ty thì hợp đồng này vẫn có giá trị pháp lý.

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

5.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 31 tháng 05 năm 2025 Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cùng thỏa thuận việc gia hạn hợp đồng.

5.2 Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký hợp đồng hoặc trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà bên A không tiếp tục giao chất thải cho bên B thì hợp đồng này đương nhiên được thanh lý theo quy định pháp luật.

5.3 Sau khi thời hạn hợp đồng kết thúc, trường hợp hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và sau khi hai bên thực hiện hết các nghĩa vụ của mình theo qui định của các điều khoản ghi trên thì hợp đồng đương nhiên được thanh lý.

5.4 Hợp đồng bao gồm 06 (sáu) trang, được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý ngang nhau. 3

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B



Ngô Chí Thắng



TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: **CN 059254**

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

Cty Cổ Phần Máy Móc Bình Dương

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý):

CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hoà, TX. Bến Cát, Bình Dương

ĐT: 02743.542.906

ĐT: 02743.543.528-9

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	<i>Quần áo hỏng</i>	<i>3836</i>	
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

61 H07324 D

BD, ngày *26* tháng *5* năm *2023*

Bên giao

BC, ngày *27* tháng *5* năm *2023*

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số:

1 ☐

2 ☐

3 ☐

4 ☐

5 ☒

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: **CN 059256**

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

CTy Cổ Phần May Mặc Bình Dương

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

ĐT: 02743.542.906

ĐT: 02743.543.528-9

Địa chỉ cơ sở:

Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hoà, TX. Bến Cát, Bình Dương

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	<i>Quần áo Higiy</i>	<i>3829</i>	
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

GIH07324 D

BD ngày *29* tháng *5* năm *2023*

Bên giao

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

BC ngày *30* tháng *5* năm *2023*

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số:

1 ☐

2 ☐

3 ☐

4 ☐

5 ☒

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: **CN 059564**

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

Công ty cơ phân máy móc Bình Dương

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngõ Văn Trĩ, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương**

ĐT: 02743.543.528-9

Địa chỉ cơ sở: **Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hoà, TX. Bến Cát, Bình Dương**

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	<i>Quản lý</i>	<i>4634</i>	
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

61102278 Bình

BD ngày *29* tháng *5* năm *2023*

Bên giao

[Signature]

Ngô Hà Thanh

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

BC ngày *30* tháng *5* năm *2023*

Bên nhận

[Signature]

Nguyễn Văn Dũ

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số:

1 ☐

2 ☐

3 ☐

4 ☐

5 ☒

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: **CN 059568**

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

Hy cổ phần may mặc Bình Dương

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ văn phòng: **Tổ 1, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương**

ĐT: 02743.542.906

ĐT: 02743.543.528-9

Địa chỉ cơ sở: **Phường Chánh Phú Hoà, TX. Bến Cát, Bình Dương**

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	<i>Quần lụa</i>	<i>3029</i>	
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

64107278 Bình

BD ngày *31* tháng *5* năm *2023*

Bên giao

Nguyễn Hà Thương

Ng Hà Thương

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

BC ngày *1* tháng *6* năm *2023*

Bên nhận

Nguyễn Văn Dũ

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số:

1 ☐

2 ☐

3 ☐

4 ☐

5 ☒

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN GIAO CTRCNTT

Số: **CN 050090**

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

Công Ty Cổ Phần Máy Móc Bình Dương

Địa chỉ văn phòng: DT:

Địa chỉ cơ sở: 7/128 Kp Bình Đức 1, Bình Hòa, TA, BD DT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

ĐT: 02743.543.528-9

Địa chỉ cơ sở: Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hoà, TX. Bến Cát, Bình Dương

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Quần Áo Hủ Hạng, Miếng Lót Lưng,	2120	
2	Nút Plastic, Nhãn Vải, Nhãn Giấy,		
3	Dây Carton, Dây Lưng, Nhãn Plastic,		
4	Két Plastic, Nhãn Da, Dây Cờ, Kẹp,		
5	Dịch Tàn Kín Loại, Mìnagly Kín Loại,		
6	Trang Trí, Túi Mylong, Băng Viên,		
7	Chai Máy		
8			
9			
10			
11			
12			
13			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất đề kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

610-31345

BD, ngày 05 tháng 8 năm 2023

Bên giao

Nguyễn Hà Thương

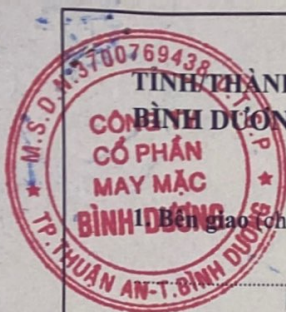
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

ngày tháng năm

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐



TỈNH THÀNH PHỐ

BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: **CN 020719**

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI****CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

ĐT: 02743.542.906

ĐT: 02743.543.528-9

Địa chỉ cơ sở: Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hoà, TX. Bến Cát, Bình Dương

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Nhiệm vụ: thu gom, vận chuyển chất thải rắn	1432	
2	ngày, tối đa 50kg		
3	khối lượng (tổng hợp)		
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
Tổng khối lượng		1432	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bên giao ngày 07 tháng 8 năm 2023 Nguyễn Thị Thanh (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)	Bên nhận ngày 10 tháng 8 năm 2023 Nguyễn Văn Đại (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)
@Liên số: 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒	

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: **CN 055783**

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

*Công ty cổ phần máy nước
Bình Dương*

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

7/118, KP Bình Đức 7, P Bình Hòa

ĐT:

TP Thuận An, BD

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

ĐT: 02743.543.528-9

Địa chỉ cơ sở: Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hoà, TX. Bến Cát, Bình Dương

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	<i>Quản cơ lưu huỳnh</i>	<i>6347</i>	
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

6/11/2023 Qu...

PD, ngày *22* tháng *8* năm *2023*

.....ngày.....tháng.....năm.....

Bên giao

Bên nhận

Ngô Hải Khang

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số:

1 ☐

2 ☐

3 ☒

4 ☐

5 ☐

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: **CN 050337**

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

Công Ty Cổ Phần Máy Móc Bình Dương

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

7/128 Kp Bình Đức 1, Bình Hòa, TA BD

ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương**

ĐT: 02743.543.528-9

Địa chỉ cơ sở: **Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hoà, TX. Bến Cát, Bình Dương**

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	<i>Quần Áo Hủ Hối</i>	<i>4504</i>	
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

61C-313.45

BD ngày *31* tháng *8* năm *2023*

.....ngày.....tháng.....năm.....

Bên giao

Bên nhận

Thư

Ng^h Hà Chans

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số:

1 ☐

2 ☐

3 ☒

4 ☐

5 ☐

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: **CN 055766**

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

Công Ty Cổ Phần May Nài Bình Dương

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

7/128, XP. Bình An, P. Bình Hòa, TA, BD

ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương**

ĐT: 02743.543.528-9

Địa chỉ cơ sở: **Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hoà, TX. Bến Cát, Bình Dương**

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Quần, áo hư hỏng	4.597	
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

61C- 040.35 Hùng

BD ngày **31** tháng **8** năm **2023**

.....ngày.....tháng.....năm.....

Bên giao

Bên nhận

Tha

Nguyễn Hà Thương

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số:

1 ☐

2 ☐

3 ☒

4 ☐

5 ☐

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: **CN 055610**

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **Công ty cổ phần máy mặc Bình Dương**

Địa chỉ văn phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở: **71/128 Khu Phố Bình Đức 1 Phường Bình Hoà Thành Phố Thuận An B D**

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương**

ĐT: 02743.543.528-9

Địa chỉ cơ sở: **Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hoà, TX. Bến Cát, Bình Dương**

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Quần áo nilon hàng. Vải đã cắt	3721	
2	Vườn miễn tại lũng nilon plastic		
3	nhân vải, nhân giấy, dây cao su dây		
4	Lốp nhả plastic két plastic		
5	nhân da, dùng cổ, kẹp dinh tan		
6	Kim loại miêng hơ, kim loại trong		
7	trị, túi mỳ long bằng viên chỉ		
8	máy		
9			
10			
11			
12			
13			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3 **6/1/10/7324 Dài**

BD ngày **31** tháng **8** năm **2023**

Bên giao

Ngô Hà Thanh

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

.....ngày.....tháng.....năm.....

Bên nhận

Dài
Tổng Phường Dài

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: **CN 011748**

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

Cty Cổ Phần Máy Nấu Bình Dương

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương
Địa chỉ cơ sở: Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hoà, TX. Bến Cát, Bình Dương

ĐT: 02743.542.906

ĐT: 02743.543.528-9

Fax: 02743.542.907

5. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	<i>Xi Thon</i>	<i>5260</i>	
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

611-06756 Thái

BD ngày *26* tháng *04* năm *2023*

Bên giao

BC ngày *27* tháng *11* năm *2023*

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số:

1 ☐

2 ☐

3 ☐

4 ☐

5 ☒

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: **CN 011477**

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

*346 Kế hoạch máy móc
Bình Dương*

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

ĐT: 02743.542.906

ĐT: 02743.543.528-9

Địa chỉ cơ sở: Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hoà, TX. Bến Cát, Bình Dương

Fax: 02743.542.907

CTR CNTT chuyển giao

	Các loại chất thải	CTR CNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	<i>Xi T hàn</i>	<i>H2H6</i>	
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

<i>30</i> ngày <i>5</i> tháng <i>6</i> năm <i>2023</i> Bên giao <i>[Signature]</i> (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)	<i>06</i> ngày <i>6</i> tháng <i>6</i> năm <i>2023</i> Bên nhận <i>[Signature]</i> Nguyễn Văn Dũ (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)
---	---

@Liên số:

1 ☐

2 ☐

3 ☐

4 ☐

5 ☒

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: EN 468.90

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): Cty Cổ phần Máy Nấu B.D

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Số 7/128 KP Bình Đức 1, P. Bình Hoà, TA, B.D

ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương
Địa chỉ cơ sở: Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hoà, TX. Bến Cát, Bình Dương

ĐT: 02743.542.906

ĐT: 02743.543.528-9

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	<u>xi than</u>	<u>4174</u>	
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3 61H 10790 Km Hoa

ngày 15 tháng 06 năm 23

Bên giao

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số:

1 ☐

2 ☐

3 ☐

4 ☐

5 ☒

ngày 16 tháng 06 năm 2023

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: **CN 011436**

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

*Gong-ly Co phan may mo
Binh Duong*

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

Địa chỉ cơ sở:

Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hoà, TX. Bến Cát, Bình Dương

ĐT: 02743.542.906

ĐT: 02743.543.528-9

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	<i>xi T han thui</i>	<i>5380</i>	
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

GI H 0729 Binh

30 ngày *10* tháng *7* năm *2023*

Bên giao

BC ngày *11* tháng *7* năm *2023*

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số:

1 ☐

2 ☐

3 ☐

4 ☐

5 ☒

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: **CN 012451**

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **Công ty Cổ phần nước Bình Dương**

Địa chỉ văn phòng: ĐT:

Địa chỉ cơ sở: **7/128 Kp Bình An 1 P Bình An - TP Thuận An BD** ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương**

Địa chỉ cơ sở: **Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hoà, TX. Bến Cát, Bình Dương**

ĐT: **02743.542.906**

ĐT: **02743.543.528-9**

Fax: **02743.542.907**

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn	4600	
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3 **61826381 Linh**

BĐ ngày **1** tháng **8** năm **2023**

Bên giao

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

BC ngày **2** tháng **8** năm **2023**

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số:

1 ☐

2 ☐

3 ☐

4 ☐

5 ☒

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: **CN 012454**

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): Công ty Cổ phần Nước Môi trường Bình Dương

Địa chỉ văn phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở: 7/123 Kp Bình An 1 P. Bình An 1 Q. Thủ Đức TP. Hồ Chí MinhĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương**

Địa chỉ cơ sở: **Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hoà, TX. Bến Cát, Bình Dương**

ĐT: 02743.542.906

ĐT: 02743.543.528-9

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	<u>Chất thải rắn</u>	<u>1230</u>	
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3 Linh 6126381

BĐ, ngày 15 tháng 8 năm 2023

Bên giao

Thư
Ngô Thị Thanh

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

.....ngày.....tháng.....năm.....

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1☐ 2☐ 3☒ 4☐ 5☐

Khách hàng

hào xe
Ngô Văn Thuận

Thư

Tài

Thư



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
PROTRADE GARMENT JOINT STOCK COMPANY

Mã số thuế(Tax code): 3700769438

Địa chỉ(Address): Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại(Tel): - Fax (Fax):

Số tài khoản(Bank A/C): tại

65010000646837 (VND) tại BIDV - CN Bình Dương, 116000025974 (VND) tại Viettinbank - CN TP.HCM

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C23TPR

Số (No.): 000000006

Ngày (Date) 06 Tháng (Month) 01 Năm (Year) 2023

Mã cơ quan thuế cấp: 0069D9636AF324460EAD9BB3BB9CF82C6F

Họ tên người mua hàng (Buyer): Công ty TNHH giao nhận hàng hoá XNK Rồng Vàng

Địa chỉ (Address): 1/9A KP Bình Đức I, P.Bình Hoà, TP.Thuận An, T.Bình Dương

Mã số thuế (Tax Code): 3 7 0 0 5 9 3 3 3 6

Mã khách hàng(Cuscode): RONGVANG

Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK/CÁN TRƯ

Đơn vị tiền tệ(Currency): VND

Số tài khoản (Account No):

Tỷ giá(Rate): 1

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Vải đầu khúc jean từ 20cm x20cm đến nhỏ hơn 1mét	Kg	2.373,00	4.545	10.785.285
2	Vải đầu khúc kaki từ 20cm x 20cm đến nhỏ hơn 1mét	Kg	991,00	4.091	4.054.181
3	Vải đầu khúc ka tê+lót túi dưới 1m	Kg	671,00	909	609.939

Cộng tiền hàng (Total): 15.449.405

Thuế suất GTGT (VAT Rate): 10 %

Tiền thuế GTGT (VAT Amount): 1.544.941

Tổng tiền thanh toán (Grand Total): 16.994.346

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Mười sáu triệu chín trăm chín mươi bốn ngàn ba trăm bốn mươi sáu đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY
MẶC BÌNH DƯƠNG

Ký ngày: 06/01/2023

Trang tra cứu: <http://eInv.rosySoft.vn:8386> Mã tra cứu: A01040000182861

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công ty Cổ phần Phần mềm Rosy - MST:0305142231 - www.RosySoft.vn

Ngày: 06/01/2022

पत्रां वल्ल

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
PROTRADE GARMENT JOINT STOCK COMPANY

Mã số thuế(Tax code): 3700769438

Địa chỉ (Address): Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại(Tel): - Fax (Fax):

Số tài khoản(Bank A/C): tại

65010000646837 (VND) tại BIDV - CN Bình Dương, 116000025974 (VND) tại Viettinbank - CN TP HCM

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C23TPR

Số (No.): 000000007

Ngày (Date) 07 Tháng (Month) 01 Năm (Year) 2023

Mã cơ quan thuế cấp: 008B0389AB029649ABB646EA74B2A670A2

Họ tên người mua hàng (Buyer): Công ty TNHH giao nhận hàng hoá XNK Rồng Vàng

Địa chỉ (Address): 1/9A KP Bình Đức I, P.Bình Hoà, TP.Thuận An, T.Bình Dương

Mã số thuế (Tax Code): 3 7 0 0 5 9 3 3 3 6

Mã khách hàng(*Cuscode*): RONGVANG

Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK/CÁN TRƯ

Đơn vị tiền tệ (Currency): VND

Số tài khoản (Account No):

Tỷ giá(Rate): 1

[illegible]

Số tiền viết bằng chữ (*Amount in words*): Bốn triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn chín trăm mười sáu đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY
MẶC BÌNH DƯƠNG

Ký ngày: 07/01/2023

Trang tra cứu: <http://eInv.rosySoft.vn:8386> Mã tra cứu: A01040000182937

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công ty Cổ phần Phần mềm Rosy - MST:0305142231 - www.RosySoft.vn

Ngày: 07/01/23

thạch hàng

hào vi,

Three who

ρταί με

Thuan
Nguyễn Văn Thuan

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
PROTRADE GARMENT JOINT STOCK COMPANY

Mã số thuế(Tax code): 3700769438

Địa chỉ (Address): Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại(Tel): - Fax (Fax):

Số tài khoản(Bank A/C): tại

65010000646837 (VND) tại BIDV - CN Bình Dương, 116000025974 (VND) tại Viettinbank - CN TP.HCM

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C23TPR

Số (No.): 00000013

Ngày (Date) 07 Tháng (Month) 01 Năm (Year) 2023

Mã cơ quan thuế cấp: 000FB51C97286B4C1DAD315FA2FF0E9ED3

Họ tên người mua hàng (Buyer): Công ty TNHH giao nhận hàng hoá XNK Rồng Vàng

Địa chỉ (Address): 1/9A KP Bình Đức I, P.Bình Hoà, TP.Thuận An, T.Bình Dương

Mã số thuế (Tax Code): 3 7 0 0 5 9 3 3 3 6

Mã khách hàng(*Cuscode*): RONGVANG

Hình thức thanh toán (*Payment Method*): TM/CK/CẦN TRỪ

Đơn vị tiền tệ(Currency): VND

Số tài khoản (Account No):

Tỷ giá(Rate): 1

[illegible]

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Một triệu chín trăm tám mươi một ngàn hai trăm ba mươi bốn đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY
MẮC BÌNH DƯƠNG

Ký ngày: 07/01/2023

Trang tra cứu: <http://eInv.rosySoft.vn:8386> Mã tra cứu: A01040000183065

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công ty Cổ phần Phần mềm Rosy - MST:0305142231 - www.RosySoft.vn

Ngày: 07/01/23

प्रति स



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
PROTRADE GARMENT JOINT STOCK COMPANY

Mã số thuế(Tax code): **3700769438**

Địa chỉ(Address): Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại(Tel): - Fax (Fax):

Số tài khoản(Bank A/C): tại

65010000646837 (VND) tại BIDV - CN Bình Dương, 116000025974 (VND) tại Viettinbank - CN TP.HCM

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): **1C23TPR**

Số (No.): **00000038**

Ngày (Date) 13 Tháng (Month) 01 Năm (Year) 2023

Mã cơ quan thuế cấp: 001C9B7BC891044AF4B5AE6FF43AF47962

Họ tên người mua hàng (Buyer): Công ty TNHH giao nhận hàng hoá XNK Rồng Vàng

Địa chỉ (Address): 1/9A KP Bình Đức 1, P.Bình Hoà, TP.Thuận An, T.Bình Dương

Mã số thuế (Tax Code): 3 7 0 0 5 9 3 3 3 6

Mã khách hàng(Cuscode): RONGVANG

Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK/CÁN TRƯ

Đơn vị tiền tệ(Currency): VND

Số tài khoản (Account No):

Tỷ giá(Rate): 1

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	T.Giấy vụn, ống giấy	Kg	651,00	1.364	887.964
2	T.Carton phế liệu	Kg	164,00	1.818	298.152
3	Nylon phế liệu	Kg	70,00	6.818	477.260

Cộng tiền hàng (Total): **1.663.376**

Thuế suất GTGT (VAT Rate): **10 %**

Tiền thuế GTGT (VAT Amount): **166.338**

Tổng tiền thanh toán (Grand Total): **1.829.714**

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Một triệu tám trăm hai mươi chín ngàn bảy trăm mười bốn đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY
MẶC BÌNH DƯƠNG

Ký ngày: 13/01/2023

Trang tra cứu: <https://eInv.rosySoft.vn:8386> Mã tra cứu: A01040000183795

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công ty Cổ phần Phần mềm Rosy - MST:0305142231 - www.RosySoft.vn

Ngày: 13/01/23

Tommy - ^{praise} chant

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
PROTRADE GARMENT JOINT STOCK COMPANY

Mã số thuế(Tax code): 3700769438

Địa chỉ (Address): Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại(Tel): - Fax (Fax):

Số tài khoản(*Bank A/C*): tại

65010000646837 (VND) tại BIDV - CN Bình Dương, 116000025974 (VND) tại Viettinbank - CN TP HCM

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C23TPR

Số (No.): 00000056

Ngày (Date) 06 Tháng (Month) 02 Năm (Year) 2023

Mã cơ quan thuế cấp: 00CD6CA7A6283342BD8C147290659E7AE6

Họ tên người mua hàng (*Buyer*): Công ty TNHH giao nhận hàng hoá XNK Rồng Vàng

Địa chỉ (Address): 1/9A KP Bình Đức I, P.Bình Hoà, TP.Thuận An, T.Bình Dương

Mã số thuế (Tax Code): 3 7 0 0 5 9 3 3 3 6

Mã khách hàng(*Cuscode*): RONGVANG

Hình thức thanh toán (*Payment Method*): TM/CK/CÂN TRỪ

Đơn vị tiền tệ(Currency): VND

Số tài khoản (Account No):

Tỷ giá(Rate): 1

[illegible]

Số tiền viết bằng chữ (*Amount in words*): Sáu trăm hai mươi chín ngàn năm trăm ba mươi đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY
MẮC BÌNH DƯƠNG

Ký ngày: 06/02/2023

Trang tra cứu: <https://eInv.rosySoft.vn:8386> Mã tra cứu: A01040000184438

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công ty Cổ phần Phần mềm Rosy - MST:0305142231 - www.RosySoft.vn

Ngày: 06/02/23

Khách hàng
trở

Đã về
lha

Thủ Khoa

PTA's vs.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
PROTRADE GARMENT JOINT STOCK COMPANY

Mã số thuế(Tax code): 3700769438

Địa chỉ (Address): Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại(Tel): - Fax (Fax):

Số tài khoản(Bank A/C): tại

65010000646837 (VND) tại BIDV - CN Bình Dương, 116000025974 (VND) tại Viettinbank - CN TP.HCM

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C23TPR

Số (No.): 00000073

Ngày (Date) 16 Tháng (Month) 02 Năm (Year) 2023

Mã cơ quan thuế cấp: 00A6B4425B90B547DF8FD23C2509C8D0D6

Họ tên người mua hàng (Buyer): Công ty TNHH giao nhận hàng hoá XNK Rồng Vàng

Địa chỉ (Address): 1/9A KP Bình Đức I, P.Bình Hoà, TP.Thuận An, T.Bình Dương

Mã số thuế (Tax Code): 3 7 0 0 5 9 3 3 3 6

Mã khách hàng(Cuscode): RONGVANG

Hình thức thanh toán (*Payment Method*): TM/CK/CÁN TRƯ

Đơn vị tiền tệ(Currency): VND

Số tài khoản (Account No):

Tỷ giá(*Rate*): 1

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(No.)	(Description)	(Unit)	(Quantity)	(Unit Price)	(Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	T.Giấy vụn, ống giấy	Kg	650,00	1.364	886.600
2	T.Carton phế liệu	Kg	210,00	1.818	381.780
3	Nylon phế liệu	Kg	105,00	6.818	715.890
Cộng tiền hàng (Total):					1.984.270
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 10 %					Tiền thuế GTGT (VAT Amount): 198.427
Tổng tiền thanh toán (Grand Total):					2.182.697

Số tiền viết bằng chữ (*Amount in words*): Hai triệu một trăm tám mươi hai ngàn sáu trăm chín mươi bảy đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY
MẮC BÌNH DƯƠNG

Ký ngày: 16/02/2023

Trang tra cứu: <https://elny.rosySoft.vn:8386> Mã tra cứu: A01040000185624

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công ty Cổ phần Phần mềm Rosy - MST:0305142231 - www.RosySoft.vn

Ngày: 16/02/23

u kho PTAI VU
 COIN - CHIN

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
PROTRADE GARMENT JOINT STOCK COMPANY

Mã số thuế(Tax code): 3700769438

Địa chỉ (Address): Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại(Tel): - Fax (Fax):

Số tài khoản(*Bank A/C*): tại

65010000646837 (VND) tại BIDV - CN Bình Dương, 116000025974 (VND) tại Viettinbank - CN TP.HCM

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C23TPR

Số (No.): 00000081

Ngày (Date) 23 Tháng (Month) 02 Năm (Year) 2023

Mã cơ quan thuế cấp: 00E8A8AE0EDCF64E62A0F75B8260FE7E62

Họ tên người mua hàng (Buyer): Công ty TNHH giao nhận hàng hoá XNK Rồng Vàng

Địa chỉ (Address): 1/9A KP Bình Đức I, P.Bình Hoà, TP.Thuận An, T.Bình Dương

Mã số thuế (Tax Code): 3 7 0 0 5 9 3 3 3 6

Mã khách hàng(*Cuscode*): RONGVANG

Hình thức thanh toán (*Payment Method*): TM/CK/CẢN TRÙ

Đơn vị tiền tệ(Currency): VND

Số tài khoản (*Account No*):

Tỷ giá(*Rate*): 1[illegible]

Số tiền viết bằng chữ (*Amount in words*): Một triệu ba trăm mười một ngàn tám trăm sáu mươi chín đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY
MẮC BÌNH DƯƠNG

Ký ngày: 23/02/2023

Trang tra cứu: <https://eInv.rosySoft.vn:8386> Mã tra cứu: A01040000186221

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhân hóa đơn)

Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công ty Cổ phần Phần mềm Rosy - MST:0305142231 - www.RosySoft.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
PROTRADE GARMENT JOINT STOCK COMPANY

Mã số thuế(Tax code): 3700769438

Địa chỉ (Address): Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại(Tel): - Fax (Fax):

Số tài khoản (Bank A/C): tại

65010000646837 (VND) tại BIDV - CN Bình Dương, 116000025974 (VND) tại Viettinbank - CN TP.HCM

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C23TPR

Số (No.): 00000092

Ngày (Date) 28 Tháng (Month) 02 Năm (Year) 2023

Mã cơ quan thuế cấp: 00040CE5D637C24479B0EA1C8A97F2F95A

Họ tên người mua hàng (Buyer): Công ty TNHH giao nhận hàng hoá XNK Rồng Vàng

Địa chỉ (Address): 1/9A KP Bình Đức I, P.Bình Hoà, TP.Thuận An, T.Bình Dương

Mã số thuế (Tax Code): 3700593336

Mã khách hàng(Cuscode): RONGVANG

Hình thức thanh toán (*Payment Method*): TM/CK/CÁN TRƯ

Đơn vị tiền tệ(Currency): VND

Số tài khoản (Account No):

Tỷ giá(Rate): 1

[illegible]

Số tiền viết bằng chữ (*Amount in words*): Một triệu năm trăm hai mươi sáu ngàn hai trăm lẻ sáu đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY
MẶC BÌNH DƯƠNG

Ký ngày: 28/02/2023

Trang tra cứu: <https://eInv.rosySoft.vn:8386> Mã tra cứu: A01040000186636

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công ty Cổ phần Phần mềm Rosy - MST:0305142231 - www.RosySoft.vn

Ngày: 28/02/23

khách hàng
tên

Hảo về,
LHC

Thut tho

पुनः वा



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
PROTRADE GARMENT JOINT STOCK COMPANY

Mã số thuế(Tax code): 3700769438

Địa chỉ(Address): Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại(Tel): - Fax (Fax):

Số tài khoản(Bank A/C): tại

65010000646837 (VND) tại BIDV - CN Bình Dương, 116000025974 (VND) tại Viettinbank - CN TP.HCM

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C23TPR

Số (No.): 00000105

Ngày (Date) 06 Tháng (Month) 03 Năm (Year) 2023

Mã cơ quan thuế cấp: 00D66AA4F2254E4F57A51685C6E10ED9B6

Họ tên người mua hàng (Buyer): Công ty TNHH giao nhận hàng hoá XNK Rồng Vàng

Địa chỉ (Address): 1/9A KP Bình Đức I, P.Bình Hoà, TP.Thuận An, T.Bình Dương

Mã số thuế (Tax Code): 3 7 0 0 5 9 3 3 3 6

Mã khách hàng(Cuscode): RONGVANG

Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK/CÁN TRƯ

Đơn vị tiền tệ(Currency): VND

Số tài khoản (Account No):

Tỷ giá(Rate): 1

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	T.Giấy vụn, ống giấy	Kg	724,00	1.364	987.536
2	T.Carton phế liệu	Kg	91,00	1.818	165.438
3	Nylon phế liệu	Kg	123,00	6.818	838.614

Cộng tiền hàng (Total): 1.991.588

Thuế suất GTGT (VAT Rate): 10 %

Tiền thuế GTGT (VAT Amount): 199.159

Tổng tiền thanh toán (Grand Total): 2.190.747

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Hai triệu một trăm chín mươi ngàn bảy trăm bốn mươi bảy đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY
MẶC BÌNH DƯƠNG

Ký ngày: 06/03/2023

Trang tra cứu: <https://eInv.rosySoft.vn:8386> Mã tra cứu: A01040000187275

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công ty Cổ phần Phần mềm Rosy - MST:0305142231 - www.RosySoft.vn

Trang 1/1

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
PROTRADE GARMENT JOINT STOCK COMPANY

Mã số thuế(Tax code): 3700769438

Địa chỉ (Address): Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại(Tel): - Fax (Fax):

Số tài khoản (Bank A/C): tại

65010000646837 (VND) tại BIDV - CN Bình Dương, 116000025974 (VND) tại Viettinbank - CN TP.HCM

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C23TPR

Số (No.): 00000120

Ngày (Date) 13 Tháng (Month) 03 Năm (Year) 2023

Mã cơ quan thuế cấp: 004B761EB133294B24A52A6550D8449328

Họ tên người mua hàng (Buyer): Công ty TNHH giao nhận hàng hoá XNK Rồng Vàng

Địa chỉ (Address): 1/9A KP Bình Đức I, P.Bình Hoà, TP.Thuận An, T.Bình Dương

Mã số thuế (Tax Code): 3700593336

Mã khách hàng(Cuscode): RONGVANG

Hình thức thanh toán (*Payment Method*): TM/CK/CẦN TRỪ

Đơn vị tiền tệ (Currency): VND

Số tài khoản (Account No):

Tỷ giá(Rate): 1

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	T.Giấy vụn, ống giấy	Kg	649,00	1.364	885.236
2	T.Carton phế liệu	Kg	184,00	1.818	334.512
Cộng tiền hàng (Total):					1.219.748
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 10 %					Tiền thuế GTGT (VAT Amount): 121.975
Tổng tiền thanh toán (Grand Total):					1.341.723

Số tiền viết bằng chữ (*Amount in words*): Một triệu ba trăm bốn mươi một ngàn bảy trăm hai mươi ba đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY
MẶC BÌNH DƯƠNG

Ký ngày: 13/03/2023

Trang tra cứu: <https://eInv.rosySoft.vn:8386> Mã tra cứu: A01040000187993

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhân hóa đơn)

Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công ty Cổ phần Phần mềm Rosy - MST:0305142231 - www.RosySoft.vn

Ngày: 18/03/23

White branch

Bayle

Tha kho

पृथ्वी मय



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
PROTRADE GARMENT JOINT STOCK COMPANY

Mã số thuế(Tax code): 3700769438

Địa chỉ(Address): Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại(Tel): - Fax (Fax):

Số tài khoản(Bank A/C): tại

65010000646837 (VND) tại BIDV - CN Bình Dương, 116000025974 (VND) tại Viettinbank - CN TP.HCM

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C23TPR

Số (No.): 00000136

Ngày (Date) 21 Tháng (Month) 03 Năm (Year) 2023

Mã cơ quan thuế cấp: 00CBD34BA2701F4F4F858C1AC38B38E23E

Họ tên người mua hàng (Buyer): Công ty TNHH giao nhận hàng hoá XNK Rồng Vàng

Địa chỉ (Address): 1/9A KP Bình Đức I, P.Bình Hoà, TP.Thuận An, T.Bình Dương

Mã số thuế (Tax Code): 3 7 0 0 5 9 3 3 3 6

Mã khách hàng(Cuscode): RONGVANG

Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK/CÁN TRƯ

Đơn vị tiền tệ(Currency): VND

Số tài khoản (Account No):

Tỷ giá(Rate): 1

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	T.Giấy vụn, ống giấy	Kg	1.069,00	1.364	1.458.116
2	T.Carton phế liệu	Kg	215,00	1.818	390.870
3	Nylon phế liệu	Kg	93,00	6.818	634.074

Cộng tiền hàng (Total): 2.483.060

Thuế suất GTGT (VAT Rate): 10 %

Tiền thuế GTGT (VAT Amount): 248.306

Tổng tiền thanh toán (Grand Total): 2.731.366

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Hai triệu bảy trăm ba mươi một ngàn ba trăm sáu mươi sáu đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY
MẶC BÌNH DƯƠNG

Ký ngày: 21/03/2023

Trang tra cứu: <https://eInv.rosySoft.vn:8386> Mã tra cứu: A01040000188839

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công ty Cổ phần Phần mềm Rosy - MST:0305142231 - www.RosySoft.vn

BẢNG KIỂM NGUYÊN PHỤ LIỆU

KHÁCH HÀNG: _____

Mã hàng: _____

Ngày: 21/03/23

SỐ PXX	LOẠI VẢI	CHỖ VẢI	MÀU VẢI	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	TỔNG CỘNG	ẢNH MÀU
	Opay vụn + rỗng			44	36	44	32	38	40	44	39	42	41	400	
				39	42	44	50	39	43	40	40	39	44	420	
				42	44	45	39	40	39					249	
														1069	
	Cu hơ			38	34	27	18	30	40	30				315	
	Nylon			19	15	24	22	13						93	

Khách hàng
Huy

Bảo vệ
Việt

Thư nh...

PTN và
Tân Anh

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
PROTRADE GARMENT JOINT STOCK COMPANY

Mã số thuế(Tax code): 3700769438

Địa chỉ (Address): Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại(Tel): - Fax (Fax):

Số tài khoản (Bank A/C): tại

65010000646837 (VND) tại BIDV - CN Bình Dương, 116000025974 (VND) tại Viettinbank - CN TP.HCM

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): **1C23TPR**

Số (No.): 00000150

Ngày (Date) 28 Tháng (Month) 03 Năm (Year) 2023

Mã cơ quan thuế cấp: 0038E0499161734D9AB2BBA94ADFFADEE7

Họ tên người mua hàng (Buyer): Công ty TNHH giao nhận hàng hoá XNK Rồng Vàng

Địa chỉ (Address): 1/9A KP Bình Đức I, P.Bình Hoà, TP.Thuận An, T.Bình Dương

Mã số thuế (Tax Code): 3 7 0 0 5 9 3 3 3 6

Mã khách hàng(*Cuscode*): RONGVANG

Hình thức thanh toán (*Payment Method*): TM/CK/CÁN TRƯ

Đơn vị tiền tệ(Currency): VND

Số tài khoản (Account No):

Tỷ giá(Rate): 1

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	T.Giấy vụn, ống giấy	Kg	602,00	1.364	821.128
2	T.Carton phế liệu	Kg	102,00	1.818	185.436
3	Nylon phế liệu	Kg	59,00	6.818	402.262
Cộng tiền hàng (Total):					1.408.826
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 10 %					Tiền thuế GTGT (VAT Amount): 140.883
Tổng tiền thanh toán (Grand Total):					1.549.709

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Một triệu năm trăm bốn mươi chín ngàn bảy trăm lẻ chín đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY
MẮC BÌNH DƯƠNG

Ký ngày: 28/03/2023

Trang tra cứu: <https://eInv.rosySoft.vn:8386> Mã tra cứu: A01040000189784

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhân hóa đơn)

Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công ty Cổ phần Phần mềm Rosy - MST:0305142231 - www.RosySoft.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
PROTRADE GARMENT JOINT STOCK COMPANY

Mã số thuế(Tax code): 3700769438

Địa chỉ (Address): Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại(Tel): - Fax (Fax):

Số tài khoản(Bank A/C): tại

65010000646837 (VND) tại BIDV - CN Bình Dương, 116000025974 (VND) tại Viettinbank - CN TP.HCM

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C23TPR

Số (No.): 00000184

Ngày (Date) 05 Tháng (Month) 04 Năm (Year) 2023

Mã cơ quan thuế cấp: 004F1F32A1D2C842B4892DEB13C8FB278F

Họ tên người mua hàng (Buyer): Công ty TNHH giao nhận hàng hoá XNK Rồng Vàng

Địa chỉ (Address): 1/9A KP Bình Đức I, P.Bình Hoà, TP.Thuận An, T.Bình Dương

Mã số thuế (Tax Code): 3700593336

Mã khách hàng(*Cuscode*): RONGVANG

Hình thức thanh toán (*Payment Method*): TM/CK/CẦN TRỪ

Đơn vị tiền tệ(Currency): VND

Số tài khoản (Account No):

Tỷ giá(Rate): 1

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	T.Giấy vụn, ống giấy	Kg	1.203,00	1.545	1.858.635
2	T.Carton phế liệu	Kg	131,00	1.818	238.158
3	Nylon phế liệu	Kg	112,00	7.273	814.576
Cộng tiền hàng (Total):					2.911.369
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 10 %					Tiền thuế GTGT (VAT Amount): 291.137
Tổng tiền thanh toán (Grand Total):					3.202.506

Số tiền viết bằng chữ (*Amount in words*): Ba triệu hai trăm lẻ hai ngàn năm trăm lẻ sáu đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY
MẶC BÌNH DƯƠNG

Ký ngày: 05/04/2023

Trang tra cứu: <https://eInv.rosySoft.vn:8386> Mã tra cứu: A01040000190874

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công ty Cổ phần Phần mềm Rosy - MST:0305142231 - www.RosySoft.vn

Ngày: 05/12/23

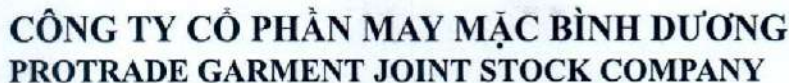
Chức năng
tỷ

Bảng vẽ
lĩnh

Thủ kho

Tổng

PTAN và
tham



65010000646837 (VND) tại BIDV - CN Bình Dương, 116000025974 (VND) tại Viettinbank - CN TP.HCM

BẢNG KIỂM NGUYÊN PHỤ LIỆU

KHÁCH HÀNG: _____

Mā hàng: _____

Ngày: 14/04/23

[illegible]

Khách hàng
Hội

Bản vẽ
dầu

They who

ptu's v
thru

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
PROTRADE GARMENT JOINT STOCK COMPANY

Mã số thuế(Tax code): 3700769438

Địa chỉ (Address): Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại(Tel): - Fax (Fax):

Số tài khoản (Bank A/C): tại

65010000646837 (VND) tại BIDV - CN Bình Dương, 116000025974 (VND) tại Viettinbank - CN TP.HCM

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C23TPR

Số (No.): 00000212

Ngày (Date) 17 Tháng (Month) 04 Năm (Year) 2023

Mã cơ quan thuế cấp: 00D214C98C35AD4E8EAB441B32354E3F16

Họ tên người mua hàng (Buyer): Công ty TNHH giao nhận hàng hoá XNK Rồng Vàng

Địa chỉ (Address): 1/9A KP Bình Đức I, P.Bình Hoà, TP.Thuận An, T.Bình Dương

Mã số thuế (Tax Code): 3700593336

Mã khách hàng(*Cuscode*): RONGVANG

Hình thức thanh toán (*Payment Method*): TM/CK/CẦN TRỪ

Đơn vị tiền tệ(Currency): VND

Số tài khoản (Account No):

Tỷ giá(Rate): 1

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Vải đầu khúc jean+kaki từ lớn hơn 1m đến nhỏ hơn 1.5m	Kg	242,00	19.091	4.620.022
2	Vải đầu khúc kate+lót túi trên mét	Kg	941,00	4.091	3.849.631
3	Vải đầu khúc ka tê+lót túi dưới 1m	Kg	412,00	1.364	561.968
4	Vải vụn	Kg	300,00	455	136.500
Cộng tiền hàng (Total):					9.168.121
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 10 %					Tiền thuế GTGT (VAT Amount): 916.812
Tổng tiền thanh toán (Grand Total):					10.084.933

Số tiền viết bằng chữ (*Amount in words*): Mười triệu không trăm tám mươi bốn ngàn chín trăm ba mươi ba đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY
MẶC BÌNH DƯƠNG

Ký ngày: 17/04/2023

Trang tra cứu: <https://eInv.rosySoft.vn:8386> Mã tra cứu: A01040000192242

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhân hóa đơn)

Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công ty Cổ phần Phần mềm Rosy - MST:0305142231 - www.RosySoft.vn

Ngày: 17/04/23

nhà hùng
#07

Pháp sẽ
nhận

Thur 11/20

~~John~~
John

प्रा. वि.
बुध

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
PROTRADE GARMENT JOINT STOCK COMPANY

Mã số thuế(Tax code): 3700769438

Địa chỉ (Address): Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại(Tel): - Fax (Fax):

Số tài khoản(*Bank A/C*): tại

65010000646837 (VND) tại BIDV - CN Bình Dương, 116000025974 (VND) tại Viettinbank - CN TP.HCM

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C23TPR

Số (No.): 00000211

Ngày (Date) 17 Tháng (Month) 04 Năm (Year) 2023

Mã cơ quan thuế cấp: 0062E8AFD015734538BFFFE2A47E14CFBF

Họ tên người mua hàng (Buyer): Công ty TNHH giao nhận hàng hoá XNK Rồng Vàng

Địa chỉ (Address): 1/9A KP Bình Đức I, P.Bình Hoà, TP.Thuận An, T.Bình Dương

Mã số thuế (Tax Code): 3 7 0 0 5 9 3 3 3 6

Mã khách hàng(Cuscode): RONGVANG

Hình thức thanh toán (*Payment Method*): TM/CK/CÁN TRƯ

Đơn vị tiền tệ(Currency): VND

Số tài khoản (Account No):

Tỷ giá(Rate): 1

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Vải đầu khúc jean từ 20cm x20cm đến nhỏ hơn 1mét.	Kg	2.353,00	4.091	9.626.123
2	Vải đầu khúc kaki từ 20cm x 20cm đến nhỏ hơn 1mét.	Kg	1.029,00	3.636	3.741.444
Cộng tiền hàng (Total):					13.367.567
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 10 %					Tiền thuế GTGT (VAT Amount): 1.336.757
Tổng tiền thanh toán (Grand Total):					14.704.324

Số tiền viết bằng chữ (*Amount in words*): Mười bốn triệu bảy trăm lẻ bốn ngàn ba trăm hai mươi bốn đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY
MẶC BÌNH DƯƠNG

Ký ngày: 17/04/2023

Trang tra cứu: <https://eInv.rosySoft.vn:8386> Mã tra cứu: A01040000192241

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công ty Cổ phần Phần mềm Rosy - MST:0305142231 - www.RosySoft.vn

Ngày: 17/04/23

Prati ver
Chok



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
PROTRADE GARMENT JOINT STOCK COMPANY

Mã số thuế(Tax code): 3700769438

Địa chỉ(Address): Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại(Tel): - Fax (Fax):

Số tài khoản(Bank A/C): tại

65010000646837 (VND) tại BIDV - CN Bình Dương, 116000025974 (VND) tại Viettinbank - CN TP.HCM

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C23TPR

Số (No.): 00000227

Ngày (Date) 19 Tháng (Month) 04 Năm (Year) 2023

Mã cơ quan thuế cấp: 0071900212580B4386B82B65D6F08CD29B

Họ tên người mua hàng (Buyer): Công ty TNHH giao nhận hàng hoá XNK Rồng Vàng

Địa chỉ (Address): 1/9A KP Bình Đức I, P.Bình Hoà, TP.Thuận An, T.Bình Dương

Mã số thuế (Tax Code): 3 7 0 0 5 9 3 3 3 6

Mã khách hàng(Cuscode): RONGVANG

Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK/CÁN TRƯ

Đơn vị tiền tệ(Currency): VND

Số tài khoản (Account No):

Tỷ giá(Rate): 1

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Vải đầu khúc jean+kaki từ lớn hơn 1m đến nhỏ hơn 1.5m	Kg	142,00	19.091	2.710.922
2	Vải đầu khúc kaki từ 20cm x 20cm đến nhỏ hơn 1mét	Kg	123,00	3.636	447.228
3	Vải đầu khúc jean từ 20cm x20cm đến nhỏ hơn 1mét	Kg	997,00	4.091	4.078.727
4	T.cà sa các loại -tồn	Kg	194,00	909	176.346
5	Vải đầu khúc kate+lót túi trên mét	Kg	168,00	4.091	687.288
6	Vải đầu khúc ka tê+lót túi dưới 1m	Kg	649,00	1.364	885.236
7	Vải vụn	Kg	201,00	455	91.455
8	T.Chỉ vụn dờ dang -tồn	Kg	1.350,00	1.818	2.454.300

Cộng tiền hàng (Total): 11.531.502

Thuế suất GTGT (VAT Rate): 10 %

Tiền thuế GTGT (VAT Amount): 1.153.150

Tổng tiền thanh toán (Grand Total): 12.684.652

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Mười hai triệu sáu trăm tám mươi bốn ngàn sáu trăm năm mươi hai đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY
MẶC BÌNH DƯƠNG

Ký ngày: 19/04/2023

Trang tra cứu: <https://eInv.rosySoft.vn:8386> Mã tra cứu: A01040000192614

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công ty Cổ phần Phần mềm Rosy - MST:0305142231 - www.RosySoft.vn

Trang 1/1

Ngày: 19/04/23

PTA. ^{vers}
Shut

BẢNG KIỂM NGUYÊN PHỤ LIỆU

KHÁCH HÀNG: _____

Mã hàng: _____

Ngày: 19/07/22

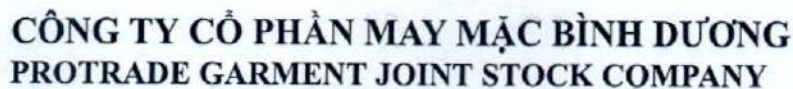
SỐ PPK	LOẠI VẢI	KHO VẢI	MÀU VẢI	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	TỔNG CỘNG	ẢNH MÀU
	Vải DK Jean + kaki hi 1m đến < 1,5m			42	33	67								142	
	Vải DK kaki hi 20x20 đến < 1m			47	43	33								123	
	Vải DK Jean hi 20x20 đến < 1m			60	50	60	56	56	57	57	57	46	32	519	
				43	39	34	38	34	38	34	37	35	32	362	
				37	37	42								116	
	Vải cá sà			28	30	44	34	58						194	
	Vải DK kaki + kaki hi > 1m			23	22	24	47	52						168	
	Vải DK kaki + kaki hi < 1m			33	28	36	34	32	40	60	33	53	62	451	
				60	75	63								198	
	Vải Xun			50	39	42	40	30						201	

Chức vụ

Họ và Tên

Thủ kho

Phải Xu



65010000646837 (VND) tại BIDV - CN Bình Dương, 116000025974 (VND) tại Viettinbank - CN TP.HCM

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
PROTRADE GARMENT JOINT STOCK COMPANY

Mã số thuế(Tax code): 3700769438

Địa chỉ (Address): Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại(Tel): - Fax (Fax):

Số tài khoản(Bank A/C): tại

65010000646837 (VND) tại BIDV - CN Bình Dương, 116000025974 (VND) tại Viettinbank - CN TP.HCM

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C23TPR

Số (No.): 00000257

Ngày (Date) 08 Tháng (Month) 05 Năm (Year) 2023

Mã cơ quan thuế cấp: 0001CE21CC869C40C58C2D24A6BA9E5E51

Họ tên người mua hàng (Buyer): Công ty TNHH giao nhận hàng hoá XNK Rồng Vàng

Địa chỉ (Address): 1/9A KP Bình Đức I, P.Bình Hoà, TP.Thuận An, T.Bình Dương

Mã số thuế (Tax Code): 3700593336

Mã khách hàng(*Cuscode*): RONGVANG

Hình thức thanh toán (*Payment Method*): TM/CK/CÁN TRƯ

Đơn vị tiền tệ (Currency): VND

Số tài khoản (Account No):

Tỷ giá(Rate): 1

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	T.Giấy vụn, ống giấy	Kg	721,00	1.545	1.113.945
2	T.Carton phế liệu	Kg	347,00	1.818	630.846
3	Nylon phế liệu	Kg	33,00	7.273	240.009
Cộng tiền hàng (Total):					1.984.800
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 10 %					Tiền thuế GTGT (VAT Amount): 198.480
Tổng tiền thanh toán (Grand Total):					2.183.280

Số tiền viết bằng chữ (*Amount in words*): Hai triệu một trăm tám mươi ba ngàn hai trăm tám mươi đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY
MẮC BÌNH DƯƠNG

Ký ngày: 08/05/2023

Trang tra cứu: <https://eInv.rosySoft.vn:8386> Mã tra cứu: A01040000194326

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công ty Cổ phần Phần mềm Rosy - MST:0305142231 - www.RosySoft.vn

BẢNG KIỂM NGUYÊN PHỤ LIỆU

KHÁCH HÀNG: _____

Mã hàng: _____

Ngày: 08/05/23

[illegible]

khách hàng
Họ

~~Prüfung~~
~~11~~
~~11/12~~

Thu' 11th

Pratiy
Shri

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
PROTRADE GARMENT JOINT STOCK COMPANY

Mã số thuế(Tax code): 3700769438

Địa chỉ (Address): Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại(Tel): - Fax (Fax):

Số tài khoản (Bank A/C): tại

65010000646837 (VND) tại BIDV - CN Bình Dương, 116000025974 (VND) tại Viettinbank - CN TP HCM

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C23TPR

Số (No.): 00000274

Ngày (Date) 16 Tháng (Month) 05 Năm (Year) 2023

Mã cơ quan thuế cấp: 00E14757419BF543689ECE1620172EF04C

Họ tên người mua hàng (*Buyer*): Công ty TNHH giao nhận hàng hoá XNK Rồng Vàng

Địa chỉ (Address): 1/9A KP Bình Đức I, P.Bình Hoà, TP.Thuận An, T.Bình Dương

Mã số thuế (Tax Code): 3700593336

Mã khách hàng(*Cuscode*): RONGVANG

Hình thức thanh toán (*Payment Method*): TM/CK/CÂN TRỪ

Đơn vị tiền tệ(Currency): VND

Số tài khoản (Account No):

Tỷ giá(Rate): 1

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	T.Giấy vụn, ống giấy	Kg	650,00	1.545	1.004.250
2	T.Carton phế liệu	Kg	155,00	1.818	281.790
3	Nylon phế liệu	Kg	131,00	7.273	952.763
Cộng tiền hàng (Total):					2.238.803
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 10 %					Tiền thuế GTGT (VAT Amount): 223.880
Tổng tiền thanh toán (Grand Total):					2.462.683

Số tiền viết bằng chữ (*Amount in words*): Hai triệu bốn trăm sáu mươi hai ngàn sáu trăm tám mươi ba đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY
MẮC BÌNH DƯƠNG

Ký ngày: 16/05/2023

Trang tra cứu: <https://eInv.rosySoft.vn:8386> Mã tra cứu: A01040000195272

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công ty Cổ phần Phần mềm Rosy - MST:0305142231 - www.RosySoft.vn

Ngày: 16/05/23

ptas me
havi

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
PROTRADE GARMENT JOINT STOCK COMPANY

Mã số thuế(Tax code): 3700769438

Địa chỉ (Address): Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại(Tel): - Fax (Fax):

Số tài khoản(Bank A/C): tại

65010000646837 (VND) tại BIDV - CN Bình Dương, 116000025974 (VND) tại Viettinbank - CN TP.HCM

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C23TPR

Số (No.): 00000295

Ngày (Date) 23 Tháng (Month) 05 Năm (Year) 2023

Mã cơ quan thuế cấp: 00328655C3987D4A26AB0BFEE7019EF18E

Họ tên người mua hàng (*Buyer*): Công ty TNHH giao nhận hàng hoá XNK Rồng Vàng

Địa chỉ (Address): 1/9A KP Bình Đức I, P.Bình Hoà, TP.Thuận An, T.Bình Dương

Mã số thuế (Tax Code): 3700593336

Mã khách hàng(*Cuscode*): RONGVANG

Hình thức thanh toán (*Payment Method*): TM/CK/CĂN TRÙ

Đơn vị tiền tệ(Currency): VND

Số tài khoản (Account No):

Tỷ giá(Rate): 1

[illegible]

Số tiền viết bằng chữ (*Amount in words*): Hai triệu không trăm năm mươi tám ngàn chín trăm sáu mươi sáu đồng

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & full name)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & full name)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY
MẶC BÌNH DƯƠNG
Ký ngày: 23/05/2023

Trang tra cứu: <https://eInv.rosySoft.vn:8386> Mã tra cứu: A01040000196233

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công ty Cổ phần Phần mềm Rosy - MST:0305142231 - www.RosySoft.vn

Ngày: 23/05/23

PTC Toad
chub



Mã số thuế(Tax code): 3700769438

Địa chỉ (Address): Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại(Tel): - Fax (Fax):

Số tài khoản(Bank A/C): tại

65010000646837 (VND) tại BIDV - CN Bình Dương, 116000025974 (VND) tại Viettinbank - CN TP.HCM

Ký hiệu (Serial): 1C23TPR

Số (No.): 00000315

Ngày (Date) 30 Tháng (Month) 05 Năm (Year) 2023

Mã cơ quan thuế cấp: 005B5EAB9D5B754778928D264CDE12EB65

Họ tên người mua hàng (Buyer): Công ty TNHH giao nhận hàng hoá XNK Rồng Vàng

Địa chỉ (Address): 1/9A KP Bình Đức I, P.Bình Hoà, TP.Thuận An, T.Bình Dương

Mã số thuế (Tax Code): 3700593336

Mã khách hàng(*Cuscode*): RONGVANG

Hình thức thanh toán (*Payment Method*): TM/CK/CẦN TRỪ

Đơn vị tiền tệ(Currency): VND

Số tài khoản (Account No):

Tỷ giá(Rate): 1

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	T.Giấy vụn, ống giấy	Kg	830,00	1.545	1.282.350
2	T.Carton phế liệu	Kg	208,00	1.818	378.144
3	Nylon phế liệu	Kg	33,00	7.273	240.009
Cộng tiền hàng (Total):					1.900.503
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 10 %					Tiền thuế GTGT (VAT Amount): 190.050
Tổng tiền thanh toán (Grand Total):					2.090.553

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Hai triệu không trăm chín mươi ngàn năm trăm năm mươi ba đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY
MẶC BÌNH DƯƠNG

Ký ngày: 30/05/2023

Trang tra cứu: <https://elny.rosySoft.vn:8386> Mã tra cứu: A01040000196942

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công ty Cổ phần Phần mềm Rosy - MST:0305142231 - www.RosySoft.vn

BẢNG KIỂM NGUYÊN PHỤ LIỆU

KHÁCH HÀNG: _____

Mã hàng: _____

Ngày: 30/05/23

SỐ PXX	LOẠI VẢI	KHO VẢI	MÀU VẢI	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	TỔNG CỘNG	ẢNH MÀU
	Chấy vụn + ống			40	36	42	38	45	50	36	39	41	40	407	
				53	40	39	42	40	38	45	49	30	35	411	
				12										12	
				(Tạm tính hệ mẫu 1kg)										830	
	Carbon phôi			33	32	44	50	39	40					208	
				(Hạt nhân 1" tạm 1kg)											
	Nylon phôi			15	18									33	
				(Hạt nhân 1" tạm 1kg)											

Khách hàng
trị

Bảo vệ
rất

Thủ kho

10/05/23
Trần Văn Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
PROTRADE GARMENT JOINT STOCK COMPANY

Mã số thuế(Tax code): 3700769438

Địa chỉ(Address): Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại(Tel): - Fax (Fax):

Số tài khoản(Bank A/C): tại

65010000646837 (VND) tại BIDV - CN Bình Dương, 116000025974 (VND) tại Viettinbank - CN TP.HCM

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C23TPR

Số (No.): 00000350

Ngày (Date) 06 Tháng (Month) 06 Năm (Year) 2023

Mã cơ quan thuế cấp: 0041900ECF212640769FC24BD26108AA39

Họ tên người mua hàng (Buyer): Công ty TNHH giao nhận hàng hoá XNK Rồng Vàng

Địa chỉ (Address): 1/9A KP Bình Đức I, P.Bình Hoà, TP.Thuận An, T.Bình Dương

Mã số thuế (Tax Code): 3 7 0 0 5 9 3 3 3 6

Mã khách hàng(*Cuscode*): RONGVANG

Hình thức thanh toán (*Payment Method*): TM/CK/CÁN TRƯ

Đơn vị tiền tệ(Currency): VND

Số tài khoản (Account No):

Tỷ giá(Rate): 1

[illegible]

Số tiền viết bằng chữ (*Amount in words*): Ba triệu bốn trăm mười sáu ngàn hai trăm bảy mươi chín đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY
MẶC BÌNH DƯƠNG

Ký ngày: 06/06/2023

Trang tra cứu: <https://eInv.rosySoft.vn:8386> Mã tra cứu: A01040000197838

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công ty Cổ phần Phần mềm Rosy - MST:0305142231 - www.RosySoft.vn

Trang 1/1

BẢNG KIỂM NGUYÊN PHỤ LIỆU

KHÁCH HÀNG: _____

Mã hàng: _____

Ngày: 06/06/23

SỐ PXX	LOẠI VẢI	KHO VẢI	MÀU VẢI	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	TỔNG CỘNG	ẢNH MÀU
	Carton nhé			56	50	53	51	58	50	57	44	51	59	526	
				56	51	50	54	54	55	54	54	56	56	540	
				54	60	68								180	
				(Một ngàn hai trăm bốn mươi lăm kg)										1246	
	phay vụn + rỗng			54	39	42	44	31	42	44	40	45	39	420	
				50	39	35								124	
				(Năm trăm bốn mươi hai kg)										544	

Chức vụ:
 Hô

Phân xưởng:
 Hô

Thủ kho

Trưởng kho
 Lưu

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
PROTRADE GARMENT JOINT STOCK COMPANY

Mã số thuế(Tax code): 3700769438

Địa chỉ (Address): Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại(Tel): - Fax (Fax):

Số tài khoản (Bank A/C): tại

65010000646837 (VND) tại BIDV - CN Bình Dương, 116000025974 (VND) tại Viettinbank - CN TP.HCM

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C23TPR

Số (No.): 00000385

Ngày (Date) 09 Tháng (Month) 06 Năm (Year) 2023

Mã cơ quan thuế cấp: 0073CE0B2354174E259258EAC4BE7A92F3

Họ tên người mua hàng (*Buyer*): Công ty TNHH giao nhận hàng hoá XNK Rồng Vàng

Địa chỉ (Address): 1/9A KP Bình Đức I, P.Bình Hoà, TP.Thuận An, T.Bình Dương

Mã số thuế (Tax Code): 3 7 0 0 5 9 3 3 3 6

Mã khách hàng(*Cuscode*): RONGVANG

Hình thức thanh toán (*Payment Method*): TM/CK/CÁN TRƯ

Đơn vị tiền tệ(Currency): VND

Số tài khoản (Account No):

Tỷ giá(Rate): 1

[illegible]

Số tiền viết bằng chữ (*Amount in words*): Sáu triệu hai trăm chín mươi tám ngàn chín trăm đồng chẵn.

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & full name)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & full name)

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY
MẶC BÌNH DƯƠNG
Ký ngày: 09/06/2023

Trang tra cứu: <https://eInv.rosySoft.vn:8386> Mã tra cứu: A01040000198313

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công ty Cổ phần Phần mềm Rosy - MST:0305142231 - www.RosySoft.vn

BẢNG KIỂM NGUYÊN PHỤ LIỆU

KHÁCH HÀNG: _____

Mã hàng: _____

Ngày: 09/06/23

SỐ PXX	LOẠI VẢI	KHO VẢI	MÀU VẢI	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	TỔNG CỘNG	ANH MÀU
	Vải cà sa			58	58	60	55	58	57	61	60	57	63	639	
				63	60	60	60	63	58	61	52	61	61	599	
				(Mỗi ngày hai lần hai muối tam ly)										1238	
	Vải DK Jean + Kaki từ lớn hơn 1m đến < 1,5m			76	77	21	67							241	
				(Hai lần bốn muối một ly)											

Khách hàng
H/S

Buổi lễ
Khai

Thủ kho

Trần

Phải có
chữ ký



Mã số thuế(Tax code): 3700769438

Địa chỉ (Address): Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại(Tel): - Fax (Fax):

Số tài khoản(Bank A/C): tại

65010000646837 (VND) tại BIDV - CN Bình Dương, 116000025974 (VND) tại Viettinbank - CN TP.HCM

Ký hiệu (Serial): 1C23TPR

Số (No.): 00000384

Ngày (Date) 09 Tháng (Month) 06 Năm (Year) 2023

Mã cơ quan thuế cấp: 0016CF51E2BD6143A6964EEA6E4CBC2803

Họ tên người mua hàng (Buyer): Công ty TNHH giao nhận hàng hoá XNK Rồng Vàng

Địa chỉ (Address): 1/9A KP Bình Đức I, P.Bình Hoà, TP.Thuận An, T.Bình Dương

Mã số thuế (Tax Code): 3700593336

Mã khách hàng(Cuscode): RONGVANG

Hình thức thanh toán (*Payment Method*): TM/CK/CẢN TRÙ

Đơn vị tiền tệ(Currency): VND

Số tài khoản (Account No):

Tỷ giá(Rate): 1

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Vải đầu khúc jean từ 20cm x20cm đến nhỏ hơn 1mét	Kg	1.914,00	4.091	7.830.174
2	Vải đầu khúc kaki từ 20cm x 20cm đến nhỏ hơn 1mét	Kg	221,00	3.636	803.556
3	Vải đầu khúc ka tê+lót túi dưới 1m	Kg	184,00	1.364	250.976
4	Vải vụn	Kg	203,00	455	92.365
Cộng tiền hàng (Total):					8.977.071
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 10 %					Tiền thuế GTGT (VAT Amount): 897.707
Tổng tiền thanh toán (Grand Total):					9.874.778

Số tiền viết bằng chữ (*Amount in words*): Chín triệu tám trăm bảy mươi bốn ngàn bảy trăm bảy mươi tám đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY
MẮC BÌNH DƯƠNG

Ký ngày: 09/06/2023

Trang tra cứu: <https://eInv.rosySoft.vn:8386> Mã tra cứu: A01040000198312

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhân hóa đơn)

Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công ty Cổ phần Phần mềm Rosy - MST:0305142231 - www.RosySoft.vn

BẢNG KIỂM NGUYÊN PHỤ LIỆU

KHÁCH HÀNG: _____

Mã hàng: _____

Ngày: 09/06/23

SỐ PXX	LOẠI VẢI	KHO VẢI	MÀU VẢI	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	TỔNG CỘNG	ẢNH MÀU
	Vải PK Jean từ 20x20 đến < 100			45	41	38	38	39	42	39	41	41	39	403	
				39	46	37	42	39	36	39	40	35	32	385	
				31	46	46	48	52	48	54	50	45	53	473	
				53	44	47	52	46	49	55	45	52	50	493	
				53	57	50								160	
				(Một ngàn chín trăm mười bốn kg)										1914	
	Vải PK kaki từ 20x20 đến < 100			46	53	40	36	46						221	
				(Hai trăm hai mươi hai kg)											
	Vải PK kaki + lạt từ dưới 100			35	28	35	57	39						184	
				(Một trăm tám mươi bốn kg)											
R	Vải Vải			50	53	38	32	30						203	
				(Hai trăm lẻ ba kg)											

Chức năng
trợ

Bảng vẽ
11/11/23

Thời kho

Trình duyệt



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
PROTRADE GARMENT JOINT STOCK COMPANY

Mã số thuế(Tax code): 3700769438

Địa chỉ(Address): Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại(Tel): - Fax (Fax):

Số tài khoản(Bank A/C): tại

65010000646837 (VND) tại BIDV - CN Bình Dương, 116000025974 (VND) tại Viettinbank - CN TP.HCM

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C23TPR

Số (No.): 00000413

Ngày (Date) 13 Tháng (Month) 06 Năm (Year) 2023

Mã cơ quan thuế cấp: 007B8253EBE8024F82B7B819CC0A2B86F8

Họ tên người mua hàng (Buyer): Công ty TNHH giao nhận hàng hoá XNK Rồng Vàng

Địa chỉ (Address): 1/9A KP Bình Đức I, P.Bình Hoà, TP.Thuận An, T.Bình Dương

Mã số thuế (Tax Code): 3 7 0 0 5 9 3 3 6

Mã khách hàng(Cuscode): RONGVANG

Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK/CÁN TRÙ

Đơn vị tiền tệ(Currency): VND

Số tài khoản (Account No):

Tỷ giá(Rate): 1

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	T.Giấy vụn, ống giấy	Kg	840,00	1.545	1.297.800
2	T.Carton phế liệu	Kg	250,00	1.818	454.500
Cộng tiền hàng (Total):					1.752.300
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 10 %			Tiền thuế GTGT (VAT Amount):		175.230
Tổng tiền thanh toán (Grand Total):					1.927.530

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Một triệu chín trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm ba mươi đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY
MẶC BÌNH DƯƠNG

Ký ngày: 13/06/2023

Trang tra cứu: <https://eInv.rosySoft.vn:8386> Mã tra cứu: A01040000198837

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công ty Cổ phần Phần mềm Rosy - MST:0305142231 - www.RosySoft.vn

Trang 1/1

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
PROTRADE GARMENT JOINT STOCK COMPANY

Mã số thuế(Tax code): 3700769438

Địa chỉ(Address): Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại(Tel): - Fax (Fax):

Số tài khoản (Bank A/C): tại

65010000646837 (VND) tại BIDV - CN Bình Dương, 116000025974 (VND) tại Viettinbank - CN TP HCM

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C23TPR

Số (No.): 00000475

Ngày (Date) 19 Tháng (Month) 06 Năm (Year) 2023

Mã cơ quan thuế cấp:

Họ tên người mua hàng (*Buyer*): Công ty TNHH giao nhận hàng hoá XNK Rồng Vàng

Địa chỉ (Address): 1/9A KP Bình Đức I, P.Bình Hoà, TP.Thuận An, T.Bình Dương

Mã số thuế (Tax Code): 3700593336

Mã khách hàng(Cuscode): RONGVANG

phương thức thanh toán (*Payment Method*): TM/CK/CẦN TRỪ

Đơn vị tiền tệ(Currency): VND

Số tài khoản (Account No):

Tỷ giá(Rate): 1

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	T.Giấy vụn, ống giấy	Kg	502,00	1.545	775.590
2	T.Carton phế liệu	Kg	138,00	1.818	250.884
3	Nylon phế liệu	Kg	76,00	7.273	552.748
Cộng tiền hàng (Total):					1.579.222
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 10 %					Tiền thuế GTGT (VAT Amount): 157.922
Tổng tiền thanh toán (Grand Total):					1.737.144

Số tiền viết bằng chữ (*Amount in words*): Một triệu bảy trăm ba mươi bảy ngàn một trăm bốn mươi bốn đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Document No Sign

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY
MẮC BÌNH DƯƠNG

Trang tra cứu: <https://eInv.rosySoft.vn:8386> Mã tra cứu: A01040000199447

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công ty Cổ phần Phần mềm Rosy - MST:0305142231 - www.RosySoft.vn

BẢNG KIỂM NGUYÊN PHỤ LIỆU

KHÁCH HÀNG: _____

Mã hàng: _____

Ngày: 19/06/23

[illegible]

khách hàng
Huy

Phân tích

Three Khos

PTW: 10/1



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
PROTRADE GARMENT JOINT STOCK COMPANY

Mã số thuế(Tax code): 3700769438

Địa chỉ(Address): Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại(Tel): - Fax (Fax):

Số tài khoản (*Bank A/C*): tại

65010000646837 (VND) tại BIDV - CN Bình Dương, 116000025974 (VND) tại Viettinbank - CN TP.HCM

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C23TPR

Số (No.): 00000567

Ngày (Date) 29 Tháng (Month) 06 Năm (Year) 2023

Mã cơ quan thuế cấp: 002EEE90CB8DC046099D4409F01BFBF343

Họ tên người mua hàng (Buyer): Công ty TNHH giao nhận hàng hoá XNK Rồng Vàng

Địa chỉ (Address): 1/9A KP Bình Đức I, P.Bình Hoà, TP.Thuận An, T.Bình Dương

Mã số thuế (Tax Code): 3700593336

Mã khách hàng(Cuscode): RONGVANG

Hình thức thanh toán (*Payment Method*): TM/CK/CẦN TRỪ

Đơn vị tiền tệ(Currency): VND

Số tài khoản (*Account No*):

Tỷ giá(Rate): 1

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	T.Giấy vụn, ống giấy	Kg	779,00	1.545	1.203.555
2	T.Carton phế liệu	Kg	121,00	1.818	219.978
3	Nylon phế liệu	Kg	31,00	7.273	225.463
Cộng tiền hàng (Total):					1.648.996
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 10 %					Tiền thuế GTGT (VAT Amount): 164.900
Tổng tiền thanh toán (Grand Total):					1.813.896

Số tiền viết bằng chữ (*Amount in words*): Một triệu tám trăm mười ba ngàn tám trăm chín mươi sáu đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY
MẮC BÌNH DƯƠNG

Ký ngày: 29/06/2023

Trang tra cứu: <https://eInv.rosySoft.vn:8386> Mã tra cứu: A01040000200493

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công ty Cổ phần Phần mềm Rosy - MST:0305142231 - www.RosySoft.vn

BẢNG KIỂM NGUYÊN PHỤ LIỆU

KHÁCH HÀNG: _____

Mã hàng: _____

Ngày: 29/06/23

SỐ PXX	LOẠI VẢI	KHO VẢI	MÀU VẢI	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	TỔNG CỘNG	ẢNH MÀU
	Giấy vụn tổng			50	42	40	38	42	41	44	39	42	46	424	
				39	49	52	39	42	41	43	50			385	
				(hủy trắng hủy chéo kg)										719	
	Carton phi			34	30	30	27							121	
				(Hủy trắng hủy chéo mỗi mặt kg)											
	Bao Nylon phi			10	10	11								31	
				(Hủy chéo mỗi mặt kg)											

Khách hàng
trở

Bảo vệ
M

Thời kho

Trần
Đạt
Trần

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
PROTRADE GARMENT JOINT STOCK COMPANY

Mã số thuế(Tax code): 3700769438

Địa chỉ(Address): Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại(Tel): - Fax (Fax):

Số tài khoản(Bank A/C): tại

65010000646837 (VND) tại BIDV - CN Bình Dương, 116000025974 (VND) tại Viettinbank - CN TP.HCM

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C23TPR

SỐ (No.): 00000654

Ngày (Date) 07 Tháng (Month) 07 Năm (Year) 2023

Mã cơ quan thuế cấp: 007022C96A37DF4FCCA378EEA975412C12

Họ tên người mua hàng (Buyer): Công ty TNHH giao nhận hàng hoá XNK Rồng Vàng

Địa chỉ (Address): 1/9A KP Bình Đức I, P.Bình Hoà, TP.Thuận An, T.Bình Dương

Mã số thuế (Tax Code): 3 7 0 0 5 9 3 3 3 6

Mã khách hàng(Cuscode): RONGVANG

Hình thức thanh toán (*Payment Method*): TM/CK/CÁN TRƯ

Đơn vị tiền tệ(Currency): VND

Số tài khoản (Account No):

Tỷ giá(Rate): 1

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	T.Giấy vụn, ống giấy	Kg	876,00	1.574	1.378.824
2	T.Carton phế liệu	Kg	202,00	1.852	374.104
3	Nylon phế liệu	Kg	43,00	7.407	318.501
Cộng tiền hàng (Total):					2.071.429
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 8 %					Tiền thuế GTGT (VAT Amount): 165.714
Tổng tiền thanh toán (Grand Total):					2.237.143

Số tiền viết bằng chữ (*Amount in words*): Hai triệu hai trăm ba mươi bảy ngàn một trăm bốn mươi ba đồng

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & full name)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & full name)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY
MẶC BÌNH DƯƠNG

Ký ngày: 07/07/2023

Trang tra cứu: <https://eInv.rosySoft.vn:8386> Mã tra cứu: A01040000201499

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công ty Cổ phần Phần mềm Rosy - MST:0305142231 - www.RosySoft.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
PROTRADE GARMENT JOINT STOCK COMPANY

Mã số thuế(Tax code): 3700769438

Địa chỉ(Address): Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại(Tel): - Fax (Fax):

Số tài khoản(Bank A/C): tại

65010000646837 (VND) tại BIDV - CN Bình Dương, 116000025974 (VND) tại Viettinbank - CN TP.HCM

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C23TPR

Số (No.): 00000716

Ngày (Date) 15 Tháng (Month) 07 Năm (Year) 2023

Mã cơ quan thuế cấp: 00B876B7417FF54929B8CB721564268770

Họ tên người mua hàng (Buyer): Công ty TNHH giao nhận hàng hoá XNK Rồng Vàng

Địa chỉ (Address): 1/9A KP Bình Đức I, P.Bình Hoà, TP.Thuận An, T.Bình Dương

Mã số thuế (Tax Code): 3 7 0 0 5 9 3 3 3 6

Mã khách hàng(Cuscode): RONGVANG

Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK/CÁN TRÙ

Đơn vị tiền tệ(Currency): VND

Số tài khoản (Account No):

Tỷ giá(Rate): 1

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	T.Giấy vụn, ống giấy	Kg	651,00	1.574	1.024.674
2	T.Carton phế liệu	Kg	187,00	1.852	346.324
3	Nylon phế liệu	Kg	54,00	7.407	399.978

Cộng tiền hàng (Total): 1.770.976

Thuế suất GTGT (VAT Rate): 8 %

Tiền thuế GTGT (VAT Amount): 141.678

Tổng tiền thanh toán (Grand Total): 1.912.654

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Một triệu chín trăm mười hai ngàn sáu trăm năm mươi bốn đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY
MẶC BÌNH DƯƠNG

Ký ngày: 15/07/2023

Trang tra cứu: <https://eInv.rosySoft.vn:8386> Mã tra cứu: A01040000202245

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công ty Cổ phần Phần mềm Rosy - MST:0305142231 - www.RosySoft.vn

BẢNG KIỂM NGUYÊN PHỤ LIỆU

KHÁCH HÀNG: _____

Mã hàng: _____

Ngày: 15/07/23

[illegible]

khách hàng
Hợp

hãy vẽ
1 hình

That who

1000

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
PROTRADE GARMENT JOINT STOCK COMPANY

Mã số thuế(Tax code): 3700769438

Địa chỉ (Address): Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại(Tel): - Fax (Fax):

Số tài khoản (*Bank A/C*): tại

65010000646837 (VND) tại BIDV - CN Bình Dương, 116000025974 (VND) tại Viettinbank - CN TP.HCM

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C23TPR

Số (No.): 00000785

Ngày (Date) 24 Tháng (Month) 07 Năm (Year) 2023

Mã cơ quan thuế cấp: 009A93E6CCFA824E9890C7E311DA59970C

Họ tên người mua hàng (*Buyer*): Công ty TNHH giao nhận hàng hoá XNK Rồng Vàng

Địa chỉ (Address): 1/9A KP Bình Đức I, P.Bình Hoà, TP.Thuận An, T.Bình Dương

Mã số thuế (Tax Code): 3 7 0 0 5 9 3 3 3 6

Mã khách hàng(*Cuscode*): RONGVANG

Hình thức thanh toán (*Payment Method*): TM/CK/CẦN TRỪ

Đơn vị tiền tệ(Currency): VND

Số tài khoản (Account No):

Tỷ giá(Rate): 1

[illegible]

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Hai triệu sáu trăm bảy mươi sáu ngàn bốn trăm mười sáu đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY
MẮC BÌNH DƯƠNG

Ký ngày: 24/07/2023

Trang tra cứu: <https://eInv.rosySoft.vn:8386> Mã tra cứu: A01040000203157

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công ty Cổ phần Phần mềm Rosy - MST:0305142231 - www.RosySoft.vn

Ngày: 24/07/23

P. T. Vay
Shukla



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
PROTRADE GARMENT JOINT STOCK COMPANY

Mã số thuế(Tax code): **3700769438**

Địa chỉ(Address): Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại(Tel): - Fax (Fax):

Số tài khoản(Bank A/C): tại

65010000646837 (VND) tại BIDV - CN Bình Dương, 116000025974 (VND) tại Viettinbank - CN TP.HCM

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): **1C23TPR**

Số (No.): **00000830**

Ngày (Date) 28 Tháng (Month) 07 Năm (Year) 2023

Mã cơ quan thuế cấp: 00580E550721094C90A26326599DC7244D

Họ tên người mua hàng (Buyer): Công ty TNHH giao nhận hàng hoá XNK Rồng Vàng

Địa chỉ (Address): 1/9A KP Bình Đức I, P.Bình Hoà, TP.Thuận An, T.Bình Dương

Mã số thuế (Tax Code): 3 7 0 0 5 9 3 3 3 6

Mã khách hàng(Cuscode): RONGVANG

Phương thức thanh toán (Payment Method): TM/CK/CÁN TRƯ

Đơn vị tiền tệ(Currency): VND

Số tài khoản (Account No):

Tỷ giá(Rate): 1

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	T.Giấy vụn, ống giấy	Kg	451,00	1.574	709.874
2	Thùng carton phế liệu	Cái	106,00	1.852	196.312
Cộng tiền hàng (Total):					906.186
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 8 %			Tiền thuế GTGT (VAT Amount):		72.495
Tổng tiền thanh toán (Grand Total):					978.681

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Chín trăm bảy mươi tám ngàn sáu trăm tám mươi một đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY
MẶC BÌNH DƯƠNG

Ký ngày: 28/07/2023

Trang tra cứu: <https://eInv.rosySoft.vn:8386> Mã tra cứu: A01040000203676

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công ty Cổ phần Phần mềm Rosy - MST:0305142231 - www.RosySoft.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
PROTRADE GARMENT JOINT STOCK COMPANY

Mã số thuế(Tax code): **3700769438**

Địa chỉ(Address): Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại(Tel): - Fax (Fax):

Số tài khoản(Bank A/C): tại

65010000646837 (VND) tại BIDV - CN Bình Dương, 116000025974 (VND) tại Viettinbank - CN TP.HCM

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): **1C23TPR**

Số (No.): **00000896**

Ngày (Date) 07 Tháng (Month) 08 Năm (Year) 2023

Mã cơ quan thuế cấp: 00CB23DF8D5626481786FC3798F73B2EE0

Họ tên người mua hàng (Buyer): Công ty TNHH giao nhận hàng hoá XNK Rồng Vàng

Địa chỉ (Address): 1/9A KP Bình Đức I, P.Bình Hoà, TP.Thuận An, T.Bình Dương

Mã số thuế (Tax Code): 3 7 0 0 5 9 3 3 3 6

Mã khách hàng(Cuscode): RONGVANG

Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK/CÁN TRÙ

Đơn vị tiền tệ(Currency): VND

Số tài khoản (Account No):

Tỷ giá(Rate): 1

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	T.Giấy vụn, ống giấy	Kg	1.114,00	1.574	1.753.436
2	T.Carton phế liệu	Kg	251,00	1.852	464.852
3	Nylon phế liệu	Kg	75,00	7.407	555.525
4	T.Chỉ vụn dờ dăng -tồn	Kg	544,00	1.852	1.007.488

Cộng tiền hàng (Total): **3.781.301**

Thuế suất GTGT (VAT Rate): **8 %**

Tiền thuế GTGT (VAT Amount): **302.504**

Tổng tiền thanh toán (Grand Total): **4.083.805**

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Bốn triệu không trăm tám mươi ba ngàn tám trăm lẻ năm đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY
MẶC BÌNH DƯƠNG

Ký ngày: 07/08/2023

Trang tra cứu: <https://eInv.rosySoft.vn:8386> Mã tra cứu: A01040000204805

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công ty Cổ phần Phần mềm Rosy - MST:0305142231 - www.RosySoft.vn

BẢNG KIỂM NGUYÊN PHỤ LIỆU

KHÁCH HÀNG: _____

Mā hàng: _____

Ngày: 07/08/23

[illegible]

khách hàng
trả

hầu về
Định

That the

PTA's very



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
PROTRADE GARMENT JOINT STOCK COMPANY

Mã số thuế(Tax code): **3700769438**

Địa chỉ(Address): Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại(Tel): - Fax (Fax):

Số tài khoản(Bank A/C): tại

65010000646837 (VND) tại BIDV - CN Bình Dương, 116000025974 (VND) tại Viettinbank - CN TP.HCM

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): **1C23TPR**

Số (No.): **00000959**

Ngày (Date) 15 Tháng (Month) 08 Năm (Year) 2023

Mã cơ quan thuế cấp: 00D26BA4C2BDDDB45DE96C5CA0C7BC174F0

Họ tên người mua hàng (Buyer): Công ty TNHH giao nhận hàng hoá XNK Rồng Vàng

Địa chỉ (Address): 1/9A KP Bình Đức I, P.Bình Hoà, TP.Thuận An, T.Bình Dương

Mã số thuế (Tax Code): 3 7 0 0 5 9 3 3 3 6

Mã khách hàng(Cuscode): RONGVANG

Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK/CÁN TRƯ

Đơn vị tiền tệ(Currency): VND

Số tài khoản (Account No):

Tỷ giá(Rate): 1

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	T.Giấy vụn, ống giấy	Kg	466,00	1.574	733.484
2	T.Carton phế liệu	Kg	127,00	1.852	235.204
3	Nylon phế liệu	Kg	45,00	7.407	333.315

Cộng tiền hàng (Total): **1.302.003**

Thuế suất GTGT (VAT Rate): **8 %**

Tiền thuế GTGT (VAT Amount): **104.160**

Tổng tiền thanh toán (Grand Total): **1.406.163**

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Một triệu bốn trăm lẻ sáu ngàn một trăm sáu mươi ba đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & full name)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY
MẶC BÌNH DƯƠNG

Ký ngày: 15/08/2023

Trang tra cứu: <https://eInv.rosySoft.vn:8386> Mã tra cứu: A01040000205737

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công ty Cổ phần Phần mềm Rosy - MST:0305142231 - www.RosySoft.vn

Trang 1/1

Ngày: 25/08/23

PTA's are

Ngày: 25/08/23

PTA's very
Chair



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
PROTRADE GARMENT JOINT STOCK COMPANY

Mã số thuế(Tax code): 3700769438

Địa chỉ(Address): Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại(Tel): - Fax (Fax):

Số tài khoản(Bank A/C): tại

65010000646837 (VND) tại BIDV - CN Bình Dương, 116000025974 (VND) tại Viettinbank - CN TP.HCM

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C23TPR

Số (No.): 00001074

Ngày (Date) 31 Tháng (Month) 08 Năm (Year) 2023

Mã cơ quan thuế cấp: 0027F6EB67AF6B48098764B4A4A53E96C5

Họ tên người mua hàng (Buyer): Công ty TNHH giao nhận hàng hoá XNK Rồng Vàng

Địa chỉ (Address): 1/9A KP Bình Đức I, P.Bình Hoà, TP.Thuận An, T.Bình Dương

Mã số thuế (Tax Code): 3 7 0 0 5 9 3 3 3 6

Mã khách hàng(Cuscode): RONGVANG

Phương thức thanh toán (Payment Method): TM/CK/CÁN TRƯ

Đơn vị tiền tệ(Currency): VND

Số tài khoản (Account No):

Tỷ giá(Rate): 1

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	T.Giấy vụn, ống giấy	Kg	499,00	1.574	785.426
2	T.Carton phế liệu	Kg	1.361,00	1.852	2.520.572
3	Nylon phế liệu	Kg	117,00	7.407	866.619

Cộng tiền hàng (Total): 4.172.617

Thuế suất GTGT (VAT Rate): 8 %

Tiền thuế GTGT (VAT Amount): 333.809

Tổng tiền thanh toán (Grand Total): 4.506.426

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Bốn triệu năm trăm lẻ sáu ngàn bốn trăm hai mươi sáu đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY
MẶC BÌNH DƯƠNG

Ký ngày: 31/08/2023

Trang tra cứu: <https://eInv.rosySoft.vn:8386> Mã tra cứu: A01040000207620

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công ty Cổ phần Phần mềm Rosy - MST:0305142231 - www.RosySoft.vn

BẢNG KIỂM NGUYÊN PHỤ LIỆU

KHÁCH HÀNG: _____

Mã hàng: _____

Ngày: 31/08/23

SỐ PPK	LOẠI VẢI	KHO VẢI	MÀU VẢI	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	TỔNG CỘNG	ÁNH MÀU
	Giấy sun + ống			40	44	39	42	44	31	42	48	50	30	410	
				30	30	20								89	
														499	
				(Chín trăm chín mươi chín)											
	Carbon phôi			52	64	59	56	60	50	50	50	39	34	514	
				36	42	48	40	34	34	33	46	48	38	399	
				38	80	50	50	20	54	34	56	33	50	448	
				(Một ngàn bốn trăm sáu mươi tám)										1.361	
	Nylon			24	24	22	21	26						117	
				(Một trăm mười bảy)											

Khách hàng
Hồng

Hải Vĩ
Phụ

Thái Thảo

Tùng

Phạm Văn

TỈNH / THÀNH PHỐ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 372 /2023 /1-2-3-4-5-6.028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743. 542. 906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 02743. 543. 644

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 02743. 542. 907

2. Chủ CS DV XLCTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
Số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, P. Bình Hòa
Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương
MST: 3700769438

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng bóng lưu trữ	✓			130106	1	TH
2	Bóng đèn	✓			160106	16	HR
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							
10							

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 01H 07346

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1:

Ký:

Ngày:

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:

Ký:

Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

....., ngày tháng năm



TRƯỞNG PHÒNG HC-QUẢN TRỊ

Nguyễn Thị Kim Nguyễn

@ Liên số

1 ☐2 ☐3 ☒4 ☐

Ghi chú: [ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT]

TỈNH / THÀNH PHỐ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 372 /2023 /1-2-3-4-5-6. P.28.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743. 542. 906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 02743. 543. 644

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 02743. 542. 907

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng: ĐT:

Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Mã số QLCTNH: 19.000.924.T

Địa chỉ văn phòng: ĐT:

Địa chỉ cơ sở: ĐT:

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
Số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, P. Bình Hòa
Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương
MST: 3700769438

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bong bóng kim loại	✓			BCTKH	1	TH
2	Bong bóng	✓			BCTKH	1	TH
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							
10							

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 01H 0240

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Lê Hồng An Ký: An Ngày: 09/10/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Thuan An ngày 09 tháng 11 năm 2023



TRƯỞNG PHÒNG HC-QUẢN TRỊ

Nguyễn Thị Kim Nguyễn

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Thuan An ngày 11 tháng 11 năm 2023

Bà Thanh Phi
Phó Giám ĐốcGhi chú: 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒

Ghi chú: [ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT]

TỈNH / THÀNH PHỐ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1126 /202 3 /1-2-3-4-5-6.028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

ĐT: 02743. 542. 906

ĐT: 02743. 543. 644

ĐT: 02743. 542. 907

2. Chủ CS DV XLCTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
Số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, P. Bình Hòa
Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương
MST: 3700769438

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bong bóng kim tiêm	✓			130101	01	TH
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							
10							

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61H-07340

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1:

Nguyễn Lê Hoàng An

Ký:

Ngày:

20/10/23

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:

Ký:

Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Thuận An, ngày 30 tháng 01 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG HC-QUẢN TRỊ

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

, ngày , tháng , năm



Nguyễn Thị Kim Nguyễn

Liên số

1

2

3

4

Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1126 /2023 /1-2-3-4-5-6.028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743. 542. 906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 02743. 543. 644

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 02743. 542. 907

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng: ĐT:

Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Mã số QLCTNH: 71.000.934.T

Địa chỉ văn phòng: ĐT:

Địa chỉ cơ sở: ĐT:

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
Số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, P. Bình Hòa
Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương
MST: 3700769438

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bong bóng lun hien	✓			130101	01	TH
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							
10							

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 614-07240

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Lê Hoàng tu Ký: 1n Ngày: 20/01/23

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Thụ 3700769 ngày 30 tháng 01 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG HC-QUẢN TRỊ



Nguyễn Thị Kim Nguyễn

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

BC, ngày 1 tháng 2 năm 2023

Bà Thanh Phi
Phó Giám Đốc

⑩ Liên số

1 ☐2 ☐3 ☐4 ☒

Ghi chú: [ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT]

TỈNH / THÀNH PHỐ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1632 /2023 /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

ĐT: 02743. 542. 906

ĐT: 02743. 543. 644

ĐT: 02743. 542. 907

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng: ĐT:

Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Mã số QLCTNH: 71.000.334.5

Địa chỉ văn phòng: ĐT:

Địa chỉ cơ sở: ĐT:

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
Số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, P. Bình Hòa
Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương
MST: 3700769438

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng bóng kim loại	✓			130101	01	TD
2	Bóng đèn	✓			160106	05	HR
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							
10							

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: CH 0124.01

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Lê Hoàng An Ký: An Ngày: 06/08/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Thuan An ngày 06 tháng 08 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG HC-QUẢN TRỊ



Nguyễn Thị Kim Nguyễn

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

BC ngày 08 tháng 02 năm 2023



Bà Thanh Phi

⑩ Liên số

1 ☐2 ☐3 ☐

Phó Giám Đốc

4 ☒

Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1943 /2023 /1-2-3-4-5-6. 076 VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743. 542. 906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 02743. 543. 644

Địa chỉ cơ sở: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 02743. 542. 907

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng: ĐT:

Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Mã số QLCTNH: 74.000.934.5

Địa chỉ văn phòng: ĐT:

Địa chỉ cơ sở: ĐT:

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
Số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, P. Bình Hòa
Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương
MST: 3700769438

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bông bông kim loại	✓			120101	1	TD
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							
10							

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 0111 03340

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Lê Hoàng An Ký: An Ngày: 13/02/23

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Thuan ngày 13 tháng 02 năm 2023



TRƯỞNG PHÒNG HC-QUẢN TRỊ

Nguyễn Thị Kim Nguyễn

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

B.C. ngày 15 tháng 02 năm 2023

Bà Thanh Phi
Phó Giám Đốc

li Liên số 1 2 3 4

Ghi chú: [ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT]

TỈNH / THÀNH PHỐ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 2351 /2023 /1-2-3-4-5-6. 028 VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

ĐT: 02743. 542. 906

ĐT: 02743. 543. 644

ĐT: 02743. 542. 907

2. Chủ CS DV XLCTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải:

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
Số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, P. Bình Hòa
Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương
MST: 3700769438

Mã số QLCTNH:

74.000.994.T

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bong bóng kim tiêm	✓			130101	01	TH
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							
10							

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/dóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 64H-0740

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1:

Nguyễn Lê Hoàng An

Ký:

An

Ngày:

20/02/23

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:

Ký:

Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

BC, ngày 22 tháng 2 năm 2023

Thuận An, ngày 20 tháng 02 năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG HC-QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
TP. THUẬN AN - T. BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Thị Kim Nguyễn

CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG TX. BẾN CÁT - T. BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đã Liên số

1 ☐2 ☐3 ☐4 ☒

Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 2701 /202 3 /1-2-3-4-5-6. 028 VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743. 542. 906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 02743. 543. 644

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 02743. 542. 907

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng: ĐT:

Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Mã số QLCTNH: 74.000534.T

Địa chỉ văn phòng: ĐT:

Địa chỉ cơ sở: ĐT:

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
Số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, P. Bình Hòa
Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương
MST: 3700769438

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bong bóng kim loại	✓			BC101	CL	TH
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							
10							

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: KH 0740

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Lê Hồng An Ký: An Ngày: 27/02/23

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Thụ ngày 27 tháng 02 năm 2023

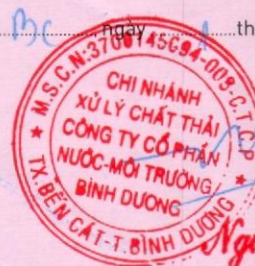


TRƯỞNG PHÒNG HC-QUẢN TRỊ

Nguyễn Thị Kim Nguyễn

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Mc ngày 27 tháng 02 năm 2023

Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC⑧ Liên số 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒

Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 3351 /2023.../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trĩ, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương

DT: 0273. 542. 906

DT: 0273. 542. 644

DT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Mã số QLCTNH: 74 000 924,1

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

[illegible]

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TB (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kết); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng..... Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Lê Hoàng An Ký: An Ngày 06/12/23

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:Ký:.....Ngày.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Thủ trưởng ngày 26 tháng 03 năm 2023

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

.....BC....., ngày 06 tháng 03 năm 2023.....

@ Liên số

10

2□

3 ☐4 ☒

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTT)

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Sd:/2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

DT: 0273. 542. 906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

DT: 0273. 542. 644

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2:Mã số QLCTNH:.....

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẮC BÌNH DƯƠNG Mã số QLCTNH: 74.000.934.T

Địa chỉ văn Phòng: DT:

Địa chỉ cơ sở: **Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương** ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

[illegible]

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Lê Hồng An Ký: AN Ngày 13/5/23

7.2. Họ tên người nhận thay mắt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Be ngày 13 tháng 3 năm 2023



TRƯỞNG PHÒNG HC-QUẢN TRỊ

Nguyễn Thị Kim Nguyên



Nguyễn Hoàng Lân

PHÓ GIÁM ĐỐC

SỐ

10

2□

3 ☐4 ☒

(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH)

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 4032 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

DT: 0273. 542. 906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Tri, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

DT: 0273. 542. 644

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương

DT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG** Mã số QLCTNH: **74.000.34.1**

Địa chỉ văn Phòng: Số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, P. Bình HòaĐT:

Địa chỉ cơ sở: Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình DươngĐT:

MST: 3 7 0 0 7 6 9 4 3 8

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

[illegible]

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kết); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Lê Hoàng An Ký: An Ngày: 20/3/23

7.2. Họ tên người nhận thay mắt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

BC ngày 20 tháng 3 năm 2023



TRƯỞNG PHÒNG HC-QUẢN TRỊ

Nguyễn Thị Kim Nguyên



Nguyễn Hoàng Lân

PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số

10

2□

3 ☐4 ☒

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH)

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

№: 4553 /2023.../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

DT: 0273. 542. 906

Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương**

DT: 0273. 542. 644

ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẮC BÌNH DƯƠNG** Mã số QLCTNH: **74.000.934.T**

Địa chỉ văn Phòng: Số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, P. Bình HòaĐT:

Địa chỉ cơ sở: **Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương** ĐT:

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
Số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, P. Bình Hòa
Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương
MST: 3700769438

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

[illegible]

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kết); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảnh:..... Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Lê Hoàng An Ký: An Ngày: 27/3/23

7.2. Ho tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Thủ Đức, ngày 03 tháng 03 năm 2023



Nguyễn Thị Kim Nguyên

8. **Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận** đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

BC 4568 ngày 29 tháng 3 năm 2023



Nguyễn Hoàng Lâm
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH)

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 5045 /2023. /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Tri, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**

DT: 0273. 542. 906

Địa chỉ cơ sở/dại lý: **Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương**

DT: 0273. 542. 644

ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Mã số QLCTNH: 34.000.934T

Địa chỉ văn Phòng: **CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG** DT:

Địa chỉ cư sở: **Số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, P.Bình Hòa**ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

[illegible]

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảnh: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mắt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Lê Hồng An Ký: An Ngày 03/04/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Ngày 03 tháng 04 năm 2023

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

BC, ngày 3 tháng 4 năm 2023



TRƯỞNG PHÒNG HC-QUẢN TRỊ

Nguyễn Thị Kim Nguyên



Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTT)

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 5287 /2023. /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Tri, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 0273. 542. 906

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 0273. 542. 644

DT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÂY MÀC BÌNH DƯƠNG** Mã số QLCTNH: **74.000.934.T.**

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở: MST: 3700769438 DT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

[illegible]

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kết); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảnh: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mắt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Lê Hoàng An Ký: An Ngày: 10/4/23

7.2. Họ tên người nhận thay mắt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Thị trấn 00769 ngày 10 tháng 04 năm 2023.

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

36 ngày 12 tháng 4 năm 2023



TRƯỞNG PHÒNG HC-QUẢN TRỊ

Nguyễn Thị Kim Nguyên



Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số

1□

2 ☐3 ☐4 ☒

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTT)

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

S6: 5745 /2023. /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương

DT: 0273. 542. 906

DT: 0273. 542. 644

ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty Cổ phần May Mặc Bình Dương Mã số QLCTNH: 74 000 934.T

Địa chỉ văn Phòng: Số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, P. Bình Hòa ĐT:

Địa chỉ cơ sở: **Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương** ĐT:

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
Số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, P. Bình Hòa
Thị trấn Thuận An, Tỉnh Bình Dương
MST: 3700769438

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

[illegible]

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kết); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng..... Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Namphê Lê Hoàng An Ký: an Ngày: 17/04/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mắt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Thủ tục ngày 17 tháng 04 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG HC-QUẢN TRỊ



Nguyễn Thị Kim Nguyên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

BC, ngày 17 tháng 4 năm 2023



Nguyễn Hoàng Lân

PHÓ GIÁM ĐỐC ☒

@ Liên số

1□

2 ☐

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH)

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 604/2023/1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**

ĐT: 0273. 542. 906

Địa chỉ cơ sở/dại lý: **Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương**

DT: 0273. 542. 644

ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ HẠC BÌNH DƯƠNG** Mã số QLCTNH: **74.000.934.1**

Địa chỉ văn Phòng: Số 74/28 Khu Phố Bình Đức 1 - P. Bình HòaĐT: 090 300 300 300

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

[illegible]

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mắt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Lê Hoàng An Ký: An Ngày 24/04/23

7.2. Họ tên người nhận thay mắt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

ngày 15 tháng 4 năm 2023

CHI NHANH



TRƯỞNG PHÒNG HC-QUẢN TRỊ

Nguyễn Thị Kim Nguyên



Nguyễn Hoàng Lân

PHÓ GIÁM ĐỐC

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 60-4 /2023 /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

DT: 0273. 542. 906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

DT: 0273. 542. 644

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG Mã số QLCTNH: 74.000.934.1

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở: **Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương** ĐT:

4. **Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)**

[illegible]

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kết); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng..... Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Lê Hoàng Anh Ký: Anh Ngày: 24/04/22

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn tài xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

..... ngày tháng năm



TRƯỞNG PHÒNG HC-QUẢN TRỊ

Nguyễn Thị Kim Nguyên

@ Liên số 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐
Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 6964 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 0273. 542. 906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 0273. 542. 644

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2:Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

3. Chủ nguồn thải:Mã số QLCTNH: 674.000.934.5

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
Số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, P. Bình Hòa
Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương
MST: 3700769438

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
	Bong bóng kim tiêm	✓			130101	01	TH
	Bong đèn	✓			160106	09	HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 073110

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Lê Hồng An Ký: An Ngày 28/05/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Thụ nhận: 07 ngày 08 tháng 05 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG HC-QUẢN TRỊ



Nguyễn Thị Kim Nguyễn

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Thụ nhận: 07 ngày 08 tháng 05 năm 2023



Nguyễn Hoàng Lân

PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số

1 ☐

2 ☐

3 ☐

4 ☒

Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH)

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 6964 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 0273. 542. 906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trĩ, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

DT: 0273. 542. 644

Địa chỉ cơ sở/dại lý: **Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương**

ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Mã số QLCTNH: 674.000.934.5

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

[illegible]

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kết); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 07340

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Lê Hồng An Ký: An Ngày 29/6/2018

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Ngày 08 tháng 05 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG HC-QUẢN TRI

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

..... ngày..... tháng..... năm.....



Nguyễn Thị Kim Nguyên

@ Liên số 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH)

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Sđ: 7427 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương

DT: 0273. 542. 906

DT: 0273. 542. 644

DT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Mã số QLCTNH: 74.000.934.7

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở: DT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

[illegible]

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 073410

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Lê Hồng An Ký: An Ngày 15/05/23

7.2. Họ tên người nhận thay mắt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Thư này được lập ngày 15 tháng 05 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG HC-QUẢN TRỊ

Nguyễn Thị Kim Nguyên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

BC ngày 14 tháng 5 năm 2023

Nguyễn Hoàng Lân

PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ PHO GIAM ĐO

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1004 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

Địa chỉ cơ sở/dại lý: **Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương**

DT: 0273. 542. 906

DT: 0273. 542. 644

ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

3. Chủ nguồn thải:..... Mã số QLCTNH: 74.000 944.1

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
Số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, P.Bình Hòa
Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương
MST: 3700769438

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

[illegible]

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kết); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng..... Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mắt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Lê Hoàng An Ký: AN Ngày: 22/03/22

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Thuộc số 076 ngày 22 tháng 05 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG HC-QUẢN TRI

Nguyễn Thị Kim Nguyên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

ngày 22 tháng 5 năm 2017

Nguyễn Hoàng Lân

PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số

10

2□

3 ☐4 ☒

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTT)

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1004 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 0273. 542. 906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trĩ, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

DT: 0273. 542. 644

Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương**

ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẮC BÌNH DƯƠNG Mã số QLCTNH: 74.000.934.1

Địa chỉ văn Phòng: DT:

Địa chỉ cơ sở: **Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương** ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

[illegible]

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng.....Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 073/110

7.1. Họ tên người nhận thay mắt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Lê Hồng An Ký: An Ngày: 21/05/23

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Huấn luyện ngày 22 tháng 05 năm 2023



TRƯỞNG PHÒNG HC-QUẢN TRỊ

Nguyễn Thị Kim Nguyên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

..... ngày 22 tháng 5 năm 2025



Nguyễn Hoàng Lâm

PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số

10

2□

3 ☒4 ☐

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTT)

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 8400 /2023 /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

DT: 0273. 542. 906

DT: 0273. 542. 644

ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Mã số QLCTNH: 4.000.334.1

Địa chỉ văn Phòng: Số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, P. Bình HòaĐT:

Địa chỉ cơ sở: Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình DươngĐT:

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
Số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, P. Bình Hòa
Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương
MST: 3700769438

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

[illegible]

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng..... Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61H-013.41

7.1. Họ tên người nhận thay mắt CS DV XL CTNH 1: Nhuyễn Lê Hồng An Ký: An Ngày 07/3/20

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

ngày 29 tháng 05 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG HC-QUẢN TRỊ

Nguyễn Thị Kim Nguyên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

ngày 31 tháng 5 năm 2023

ban tất cả CTNH bằng các ph
ngày...
M.S.C.N: 3700145694-005 CT.C.T.C.P
CHI NHÁNH
XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CP
TỔNG CÔNG TY
NƯỚC-MÔI TRƯỜNG
BÌNH DƯƠNG
TX. BẾN CÁT-T. BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Hoàng Lân

PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số

1□

2□

3 ☐

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTT)

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 400 / 2023 / 1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 0273. 542. 906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

DT: 0273. 542. 644

Địa chỉ cơ sở/dại lý: **Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương**

ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Mã số QLCTNH: 24.000.334.5

Địa chỉ văn Phòng: Số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, P. Bình HòaĐT:

Địa chỉ cơ sở: **Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương** ĐT:

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HẮC BÌNH DƯƠNG
Số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, P.Bình Hòa
Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương
MST: 3700769438

4. **Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)**

[illegible]

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kết); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảnh:..... Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 6111-072/10

7.1. Họ tên người nhận thay mắt CS DV XL CTNH 1: Nhuận Lê Hồng An Ký: An Ngày: 07/3/20

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Thuận An 2076 ngày 19 tháng 05 năm 2023

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

..... ngày tháng năm



TRƯỞNG PHÒNG HC-QUẢN TRỊ

Nguyễn Thị Kim Nguyên

@ Liên số

10

2□

3 ☒

4□

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTT)

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 9135 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trĩ, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương

DT: 0273. 542. 906

DT: 0273. 542. 644

DT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2:Mã số QLCTNH:.....

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở: **Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương** ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

[illegible]

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng.....Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Lê Hoàng An Ký: An Ngày: 16/2/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:Ký:.....Ngày.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

..... ngày tháng năm 2023

TRƯỜNG PHÒNG HC-QUẢN

CÔNG TY
CỔ PHẦN
MAY MẶC
BÌNH DƯƠNG

M.S.D.N: 370... S.C.T.C.P

TP. THUAN AN-T. BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Thị Kim Nguyễn

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

ngày 14 tháng 6 năm 2023

CHI NHÃN
XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CP
TỔNG CÔNG TY
NƯỚC-MÔI TRƯỜNG
BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số

10

2□

3 ☐4 ☒

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH)

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Sđ: 8850 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

DT: 0273. 542. 906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

DT: 0273. 542. 644

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương

DT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG** Mã số QLCTNH: **740009341**

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

[illegible]

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng..... Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Vương Quỳnh Hoa Ký: lrm Ngày: 05/06/23

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:Ký:Ngày.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Thủ trưởng, ngày 05 tháng 06 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG HC-QUẢN TRI

Nguyễn Thị Kim Nguyên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

BC ngày 7 tháng 6 năm 2022

Nguyễn Hoàng Lân

PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số

10

2□

3

4✓

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTT)

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

№...../2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Địa chỉ cơ sở đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 0273. 542. 906

DT: 0273. 542. 644

ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Mã số QLCTNH: 74.000.934.1

Địa chỉ văn Phòng: **Số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, P.Bình Hòa**ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

[illegible]

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kết); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Trần Anh Quốc Ký: (Chữ ký) Ngày: 24/07/2021

7.2. Họ tên người nhận thay mắt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Thuận ngày 24 tháng 07 năm 2023

W:3700769438-C.T. TRƯỞNG PHÒNG HC-QUẢN TRỊ

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
MAY MẶC
BÌNH DƯƠNG**

Nguyễn Thị Kim Nguyên

@ Liên số

1□

2 3 ☐4 ☒

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

BC ngày 26 tháng 07 năm 2023

Nguyễn Hoàng Lân

PHÓ GIÁM ĐỐC 4/5

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

№: 12223 /2023. /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHANH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

DT: 0273. 542. 906

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương

DT: 0273. 542. 644

ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Mã số QLCTNH: 74000 9341

Địa chỉ văn Phòng: **Số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, P. Bình Hòa** DT:

Địa chỉ cơ sở: Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

[illegible]

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TB (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kết); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảnh:..... Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mắt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Lê Hồng An Ký: An Ngày 21/12/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mắt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Thuận An, ngày 21 tháng 08 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG HC-QUẢN TRỊ

Nguyễn Thị Kim Nguyên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

ngày 21 tháng 8 năm 2023

XU LY CHAT THAI
CÔNG TY CP
TỔNG CÔNG TY
NƯỚC-MÔI TRƯỜNG
BÌNH DƯƠNG
TX. BẾN CÁT-T. BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Hoàng Lân

PHÓ GIÁM ĐỐC ⁴☒

@ Liên số

10

2□

3 ☐4 ☒

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTT)

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

\$6: 1364 / 2023 / 1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

DT: 0273, 542, 906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Tri, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

DT: 0273. 542. 644

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương

DT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty Cổ phần may mặc Bình Dương Mã số QLCTNH: 74000934T

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở: **Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương**ĐT:

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
Số 71/20 Khu Phố Bình Đức 1, P. Bình Hòa
Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương
MST: 3700769438

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

[illegible]

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kết); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng..... Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Lê Hoàng An Ký: h Ngày 28/8/2021

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Thuận An, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Ngày 28 tháng 8 năm 2023



TRƯỞNG PHÒNG HC-QUẢN TRỊ

Nguyễn Thị Kim Nguyên



Nguyễn Hoàng Lâm

@ Liên số

10

2□

3 ☐

45 ✓

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH)

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 13769 /2023 /1-2-3-4-5-6. 028.VX

CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trĩ, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

DT: 0273. 542. 906

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương

DT: 0273. 542. 644

ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Mã số QLCTNH: 24000 934/T

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở: DT:

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
Số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, P. Bình Hòa
Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương
MST: 3700769438

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

[illegible]

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Namun Lê Hồng An Ký: An Ngày 04/09/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

ngày 14 tháng 9 năm 2024

XỬ LÝ CHẤT THẢI

M.S. CÔNG TY CP C.P.

TỔNG CÔNG TY
NƯỚC-MÔI TRƯỜNG

TX. BÌNH DƯƠNG

ĐƠN CẤT T RÌNH Đ

10 2 10 50

Namien Hoàng Lâm

Young Lady's Sun

3 ☐ PHÓ GIÁM ĐỐC 4 ☒

ong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ C

@ Liên số: 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ **PHÓ GIÁM ĐỐC** 4 ☒
Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lộ CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH)

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTT)

Số: 14506 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lỗ CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTT)

kử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp là CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 15659/2023/1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX
ĐT: 0273. 542. 906
ĐT: 0273. 542. 644
ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2:Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn Phòng:ĐT:
Địa chỉ cơ sở:ĐT:

3. Chủ nguồn thải:Mã số QLCTNH: 74.000.934/T
Địa chỉ văn Phòng:ĐT:
Địa chỉ cơ sở:ĐT:

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
Số 7128 Khu Phố Bình Đức 1, P. Bình Hòa
Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương
MST: 3700769438

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
	Rác y tế				150101	01	TD

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/dóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện:Ngày xuất cảng:Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4
Số hiệu phương tiện vận chuyển: 610 01340

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Văn Hùng.....Ký: An.....Ngày: 21/10/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:Ký:Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
Thuan An, ngày 02 tháng 10 năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG HC-QUẢN TRỊ
Nguyễn Thị Kim Nguyễn

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
Be, ngày 02 tháng 10 năm 2023
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
TX. BẾN CÁT-TỈNH BÌNH DƯƠNG

@ Liên số 1 2 3
Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH)

Ngô Chí Hoàng
GIAM ĐỐC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 16113 /2023. /1-2-3-4-5-6. 028.VX

CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHANH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

Địa chỉ cơ sở đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương

DT: 0273. 542. 906

DT: 0273. 542. 644

DT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: Mã số QLCTNH: 74.000.994T

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Mã số QLCTNH: 74.000.984.1

Địa chỉ văn Phòng: **Số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, P. Bình Hòa** DT:

Địa chỉ cơ sở: **Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương** DT:

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
Số 7/123 Khu Phố Bình Đức 1, P.Bình Hòa
Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương
MST: 3700769438

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

[illegible]

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kết); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảnh:..... Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Lê Hoàng An Ký: An Ngày 09/10/20

7.2. Họ tên người nhận thay mắt CS DV XL CTNH 2: Namken Lê Hoàng An Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Huân ~~chức~~ ngày 09 tháng 10 năm 2023

TRƯỜNG PHÒNG HC-QUẢN TRỊ

Nguyễn Thị Kim Nguyên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Bc ngày 09 tháng 10 năm 2023

ban tất cả CTNH bằng các phi
ngày



Ngô Chí Thắng

GIÁM ĐỐC 4 ☒

@ Liên số

1 ☒

2□

3 ☐

47

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTT)

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 16580 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 0273. 542. 906

DT: 0273. 542. 644

DT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Mã số QLCTNH: 74.000 334.1

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

4. **Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)**

[illegible]

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Namien Lê Hoàng An Ký: An Ngày: 16/10/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mắt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn tài xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Thỏa thuận ngày 10 tháng 10 năm 2023

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

CHÍNH NGÀY 10 tháng 10 năm 2023



TRƯỞNG PHÒNG HC-QUẢN TRỊ

Nguyễn Thị Kim Nguyên



Ngô Chi Thăng
GIÁM ĐỐC

@ Liên số

10

2□

3 ☐4 ☒

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 17002 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 0273. 542. 906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trĩ, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

DT: 0273. 542. 644

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: Mã số QLCTNH: ~~74LON-934T~~

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

3. Chủ nguồn tài: Mã số QLCTNH: 74 000 9345

Địa chỉ văn Phòng: **Số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, P. Bình Hòa** ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

[illegible]

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kết); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảnh:..... Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Văn Hoàng An Ký: An Ngày 22/10/2022

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Thị trấn 100769 ngày 23 tháng 10 năm 2023

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
MAY MẶC
BÌNH DƯƠNG**

M.S.D.N. ... C.T.C.P.
TP. THUAN AN-T. BÌNH DƯƠNG

TRƯỞNG PHÒNG HC-QUẢN TRỊ

Nguyễn Thị Kim Nguyễn

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Ngày 23 tháng 10 năm 2025

CHI NHANH
XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CP
TỔNG CÔNG TY
NƯỚC-MÔI TRƯỜNG
BÌNH DƯƠNG
TX. BẾN CÁT-T. BÌNH DƯƠNG

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CTNH)

Sd'...../2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX
ĐT: 0273. 542. 906
ĐT: 0273. 542. 644
ĐT: 0273. 542. 907

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

[illegible]

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kết); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Lê Hoàng An Ký: An Ngày: 20/11/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Thuận 11/6 ngày 20 tháng 11 năm 2023

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

BC ngày 20 tháng 11 năm 2023

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lỗi CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 18311/2023/1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1:

CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

ĐT: 0273. 542. 906

ĐT: 0273. 542. 644

ĐT: 0273. 542. 907

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

2. Chủ xử lý CTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty Cổ phần May Mặc Bình Dương

Mã số QLCTNH:

74000934T

Địa chỉ văn Phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Số 71/28, Khu phố Bình An 1, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, B.D

ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
	Rối y tế	✓			130101	01	TH
	Bóng đèn huỳnh quang	✓			160106	13	HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61H 07340

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Lê Hồng An

Ký:

Ngày:

13/11/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:

Ký:

Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

ngày 13 tháng 11 năm 2023

ngày 13 tháng 11 năm 2023



TRƯỞNG PHÒNG HC-QUẢN TRỊ

Nguyễn Thị Kim Nguyễn



Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số

1 ☐

2 ☐

3 ☐

4 ☒

Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH)

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

S6: 17818 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1

**CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI**

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

DT: 0273. 542. 906

DT: 0273. 542. 644

ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty Cổ phần May Mặc Bình Dương Mã số QLCTNH: 74000934T

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở: 807/128, Khu phố Bình An 1, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, B.D. DT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

[illegible]

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mắt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Lê Hoàng An Ký: Ngày: 6/11/2023

7.2. Họ tên người phân thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Thuận An ngày 06 tháng 11 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG HC-QUẢN TRỊ

Nguyễn Thị Kim Nguyên

8. CHỦ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

BC ngày 06 tháng 11 năm 2023

Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số

10

2□

3 ☐4 ☒

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTT)

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 19552 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XU LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

DT: 0273. 542. 906

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương

DT: 0273. 542. 644

DT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Mã số QLCTNH: 740009347

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở: DT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

[illegible]

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kết); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng..... Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Lê Hồng An Ký: _____ Ngày: 01/12/23

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

OC, ngày 6 tháng 12 năm 2023



TRƯỞNG PHÒNG HC-QUẢN TRỊ

Nguyễn Thị Kim Nguyên



Nguyễn Hoàng Lân

PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số

10

2□

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH)

Sd: 20977 /2023. /1-2-3-4-5-6. 028.VX

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

DT: 0273. 542. 906

DT: 0273. 542. 644

2. Chủ xử lý CTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Mã số QLCTNH: 1410001934711

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở: MST: 3700769438ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TP (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kết); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng..... Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Lê Hồng An Ký: An Ngày: 25/12/2021

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Ngày 16/03/2023, ngày 25 tháng 12 năm 2023.

TRƯỞNG PHÒNG HC-QUẢN TRỊ

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
MAY MẶC
BÌNH DƯƠNG**

Nguyễn Thị Kim Nguyễn

@ Liên số

10

2 ☐4 ☒

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTT)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

BC ngày 25 tháng 12 năm 2013

Nguyễn Hoàng Lâm
PHÓ GIÁM ĐỐC

TỈNH / THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG		CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số:.....20499...../2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX			
1. Chủ CS DV XLCTNH 1: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG				Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX ĐT: 0273. 542. 906 ĐT: 0273. 542. 644 ĐT: 0273. 542. 907			
Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương							
2. Chủ xử lý CTNH 2:				Mã số QLCTNH:			
Địa chỉ văn Phòng:				ĐT:			
Địa chỉ cơ sở:				ĐT:			
3. Chủ nguồn thải:.....				Mã số QLCTNH: 711000 9311T			
Địa chỉ văn Phòng:.....				ĐT:			
Địa chỉ cơ sở:.....				ĐT:			
CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG Số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, P.Bình Hòa Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương MST: 3700769438							
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)							
Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
	Rối y tế	✓			13010L	01	TH
	Bong đèn huỳnh quang thải	✓			160100	29	HR
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đóng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/dóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: GH 013410							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Lê Hoàng An Ký: An Ngày: 18/12/2023							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Thuan An ngày 18 tháng 12 năm 2023 CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG TP. THUẬN AN - T. BÌNH DƯƠNG Nguyễn Thị Kim Nguyễn				8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 BC ngày 20 tháng 12 năm 2023 CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG TX. BẾN CÁT - T. BÌNH DƯƠNG Nguyễn Hoàng Lân			
@ Liên số 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒							
Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý qua 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH							

Số: 20133 /2023 /1-2-3-4-5-6. 028.VX

ĐT: 0273. 542. 907

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

Địa chỉ cơ sở: **Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương** ĐT:

@ Liên số: 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ **PHÓ GIÁM ĐỐC** 4 ☒

Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lỗi CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CTNH)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY

NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 524/2023/1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1:

CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

ĐT: 0273. 542. 906

ĐT: 0273. 542. 636 Giấy phép môi trường:

ĐT: 0273. 542. 907 539/GPMT-BTNMT

2. Chủ xử lý CTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải:

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ văn Phòng: Số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, P. Bình Hòa

Địa chỉ cơ sở: Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

MST: 3700769438

Mã số QLCTNH: 740009311T

ĐT:

ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Rác y tế	✓			130101	01	TD
2	Bóng đèn huỳnh quang	✓			160106	18	HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: GH-07340

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1:

Nguyễn Lê Hoàng An

Ký: Ngày: 08/01/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:

Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Thủ trưởng HC-QUẢN TRỊ

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

ngày: tháng: năm: 2024



TRƯỞNG PHÒNG HC-QUẢN TRỊ

Nguyễn Thị Kim Nguyễn



Nguyễn Hoàng Lân

@ Liên số

1

2

3

PHÓ GIÁM ĐỐC

Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH)

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số:/2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

ĐT: 0273. 542. 906

ĐT: 0273. 542. 644

DT: 0273, 542, 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Mã số QLCTNH: 74000934T

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

[illegible]

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đống xử lý); TP (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mắt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Lê Hoàng An Ký: [Signature] Ngày: 15/09/24

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

ngày 15 tháng 01 năm 2021

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
MAY MẶC
BÌNH DƯƠNG**

TRƯỞNG PHÒNG HC-QUẢN TRỊ

Nguyễn Thị Kim Nguyên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

..... ngày 15 tháng 1 năm 2024

Nguyễn Hoàng Lân

PHÓ GIÁM ĐỐC 4 ☒

@ Liên số

10

2□

3 ☐4 ☒

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTT)

TỈNH / THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG		CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số:..... Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX			
1. Chủ CS DV XLCTNH 1: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương				Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX ĐT: 0273. 542. 906 ĐT: 0273. 542. 644 ĐT: 0273. 542. 907			
2. Chủ xử lý CTNH 2: Địa chỉ văn Phòng: Địa chỉ cơ sở:				Mã số QLCTNH: ĐT: ĐT:			
3. Chủ nguồn thải: Địa chỉ văn Phòng: Địa chỉ cơ sở:				Mã số QLCTNH: ĐT: ĐT:			
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)							
Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
	Hạt y tế	✓			B0101	4	15TB
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/dóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập: Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: GH-7840							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Lê Hoàng An Ký: An Ngày 22/01/2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Ngày: 22 tháng 01 năm 2024				8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Ngày: 22 tháng 01 năm 2024			
CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG TP. THUẬN AN-T.BÌNH DƯƠNG TRƯỞNG PHÒNG HC-QUẢN TRỊ Nguyễn Thị Kim Nguyễn				CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG TP. BẾN CÁT-T.BÌNH DƯƠNG PHÓ GIÁM ĐỐC Nguyễn Hoàng Lân			
@ Liên số 1□ 2□ 3□ Ghi chú:(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH							



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Thuận An - Số TK: 0031000648003 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 01 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THC

Số (No): 78385

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương

Mã số thuế (Tax code): 3700769438

Địa chỉ (Address): Số 7/128, KP. Bình Đức 1, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04030002639

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 1 năm 2024 từ ngày 01/01/2024 đến ngày 10/01/2024	kWh	72.100	-	141.226.900
	(kèm theo bảng kê số 1342441850 ngày 11 tháng 01 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					141.226.900
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			11.298.152
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			152.525.052
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm năm mươi hai triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn không trăm năm mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 11/ 01/ 2024 15:13:58



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Thuận An - Số TK: 0031000648003 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 01 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THC

Số (No): 96367

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương

Mã số thuế (Tax code): 3700769438

Địa chỉ (Address): Số 7/128, KP. Bình Đức 1, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04030002639

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 1 năm 2024 từ ngày 11/01/2024 đến ngày 20/01/2024	kWh	79.800	-	155.301.300
	(kèm theo bảng kê số 1344007166 ngày 21 tháng 01 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					155.301.300
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			12.424.104
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			167.725.404
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm sáu mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn bốn trăm linh bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH
DƯƠNG
Ngày ký: 21/ 01/ 2024 13:31:08



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Thuận An - Số TK: 0031000648003 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 02 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THC

Số (No): 96629

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương

Mã số thuế (Tax code): 3700769438

Địa chỉ (Address): Số 7/128, KP. Bình Đức 1, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04030002639

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 1 năm 2024 từ ngày 21/01/2024 đến ngày 31/01/2024	kWh	82.000	-	160.247.000
	(kèm theo bảng kê số 1352098113 ngày 03 tháng 02 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					160.247.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			12.819.760
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			173.066.760
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm bảy mươi ba triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm sáu mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH
DƯƠNG
Ngày ký: 03/ 02/ 2024 12:38:04



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Thuận An - Số TK: 0031000648003 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 15 tháng (month) 02 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THC

Số (No): 174233

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương

Mã số thuế (Tax code): 3700769438

Địa chỉ (Address): Số 7/128, KP. Bình Đức 1, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04030002639

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 2 năm 2024 từ ngày 01/02/2024 đến ngày 10/02/2024	kWh	21.100	-	40.955.000
	(kèm theo bảng kê số 1352921059 ngày 15 tháng 02 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					40.955.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			3.276.400
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			44.231.400
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi bốn triệu hai trăm ba mươi một nghìn bốn trăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH
DƯƠNG
Ngày ký: 15/02/2024 13:46:50



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Thuận An - Số TK: 0031000648003 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 02 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THC

Số (No): 192698

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương

Mã số thuế (Tax code): 3700769438

Địa chỉ (Address): Số 7/128, KP. Bình Đức 1, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04030002639

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 2 năm 2024 từ ngày 11/02/2024 đến ngày 20/02/2024	kWh	20.100	-	38.632.500
	(kèm theo bảng kê số 1354460944 ngày 21 tháng 02 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					38.632.500
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			3.090.600
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			41.723.100
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi một triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn một trăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH
DƯƠNG
Ngày ký: 21/ 02/ 2024 11:01:20



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Thuận An - Số TK: 0031000648003 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THC

Số (No): 244407

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương

Mã số thuế (Tax code): 3700769438

Địa chỉ (Address): Số 7/128, KP. Bình Đức 1, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04030002639

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 2 năm 2024 từ ngày 21/02/2024 đến ngày 29/02/2024	kWh	72.900	-	142.134.900
	(kèm theo bảng kê số 1362701724 ngày 03 tháng 03 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					142.134.900
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			11.370.792
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			153.505.692
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm năm mươi ba triệu năm trăm linh năm nghìn sáu trăm chín mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH
DƯƠNG
Ngày ký: 03/ 03/ 2024 23:37:07



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Thuận An - Số TK: 0031000648003 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THC

Số (No): 271521

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương

Mã số thuế (Tax code): 3700769438

Địa chỉ (Address): Số 7/128, KP. Bình Đức 1, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04030002639

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 3 năm 2024 từ ngày 01/03/2024 đến ngày 10/03/2024	kWh	73.200	-	142.719.500
	(kèm theo bảng kê số 1363654841 ngày 11 tháng 03 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					142.719.500
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			11.417.560
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			154.137.060
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm năm mươi bốn triệu một trăm ba mươi bảy nghìn không trăm sáu mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH
DƯƠNG
Ngày ký: 11/ 03/ 2024 19:59:00



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Thuận An - Số TK: 0031000648003 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THC

Số (No): 289176

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương

Mã số thuế (Tax code): 3700769438

Địa chỉ (Address): Số 7/128, KP. Bình Đức 1, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04030002639

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 3 năm 2024 từ ngày 11/03/2024 đến ngày 20/03/2024	kWh	86.000	-	169.837.200
	(kèm theo bảng kê số 1365110515 ngày 21 tháng 03 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					169.837.200
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			13.586.976
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			183.424.176
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm tám mươi ba triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn một trăm bảy mươi sáu đồng.					

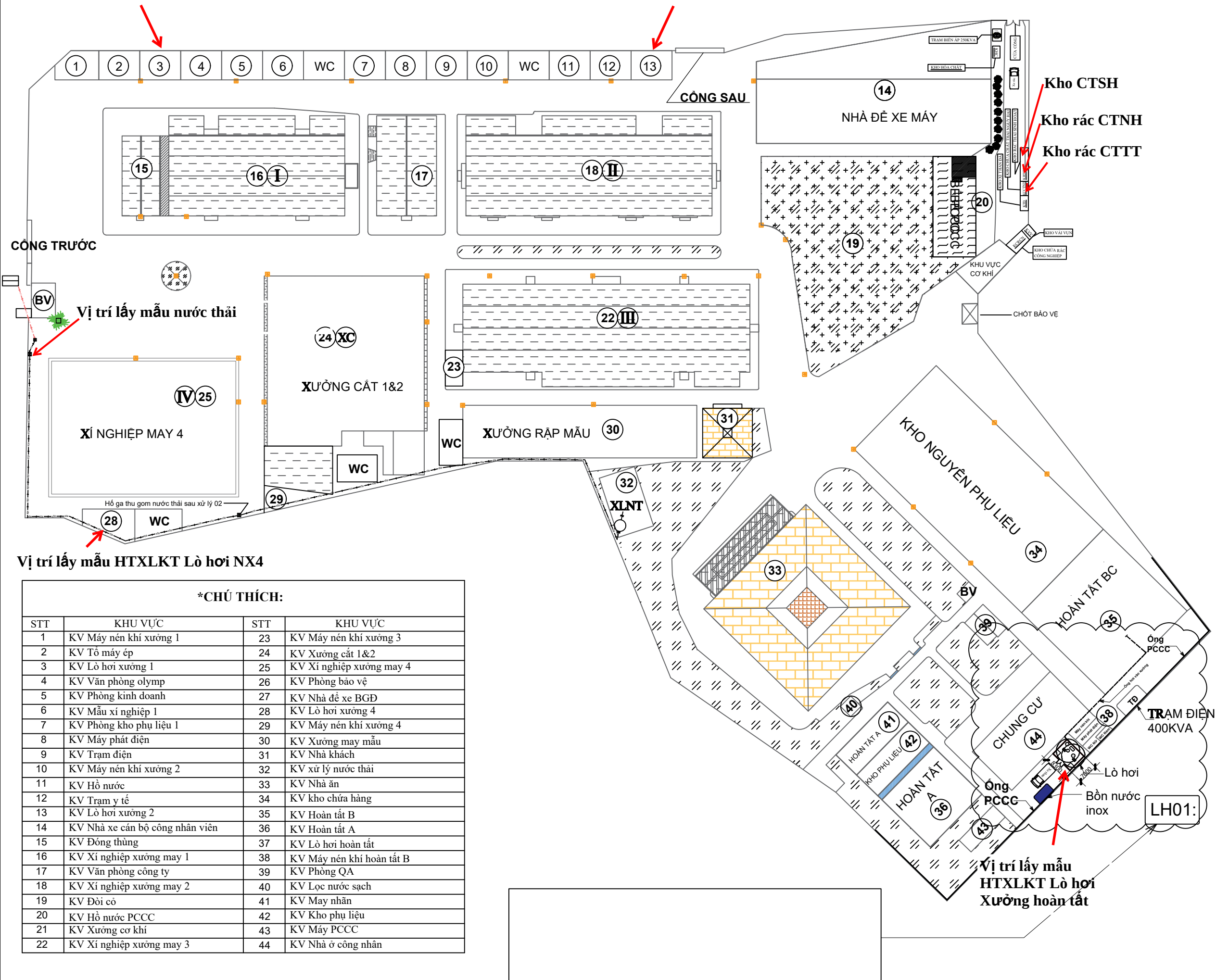
Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH
DƯƠNG
Ngày ký: 21/ 03/ 2024 11:29:49

Vị trí lấy mẫu HTXLKT Lò hơi NX1

Vị trí lấy mẫu HTXLKT Lò hơi NX2



CÔNG TRÌNH / PROJECT:

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC
BÌNH DƯƠNG**

Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ & THI CÔNG

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

SƠ ĐỒ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

THIẾT KẾ/DESIGN BY:

KS. HỒ QUANG HẬU

VĚ / DRAWING BY:

KS. HỒ QUANG HẬU

KIỂM TRA / CHECKED BY:

KS. HỒ QUANG HẬU

NGÀY HOÀN THÀNH:
DATE:

05 / 2024

DRAWING No:

LH-01

TỈ LỆ / SCALE:

1/100

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / PURPOSE OF ISSUE

T.K . CƠ SỞ



PRELIMINARY DESIGN

T.K . THI CÔNG



CONSTRUCTION DESIGN

ĐIỀU CHỈNH



DESCRIPTION OF REVISION

ĐIỀU CHỈNH / DESCRIPTION OF REVISION

NGƯỜI CHỈNH /
REVISED BY

A1:

BẢN VẼ CHI TIẾT ĐOẠN ỐNG LUỒN TRONG CỐNG NƯỚC MƯA

CÔNG TRÌNH / PROJECT:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC
BÌNH DƯƠNG

BÌNH DƯƠNG

Số 7/12/KL-UBND-DTĐC-L, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh
Bình Dương, Việt Nam

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ & THI CÔNG

TNHH
XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI
DỊCH VỤ

TIỀN PHÁT TÀI

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

CHI TIẾT ĐOẠN ỐNG ĐI LUỒN CÔNG

THIẾT KẾ/DESIGN BY:

KS. HỒ QUANG HẬU

VE / DRAWING BY:

KS. HỒ QUANG HẬU

KIỂM TRA / CHECKED BY:

KS. HỒ QUANG HẬU

NGÀY HOÀN THÀNH:
DATE:

05 / 2024

DRAWING No:

XLNT-02

TỈ LỆ / SCALE:

1/100

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / PURPOSE OF ISSUE

T.K. CƠ SỞ



PRELIMINARY DESIGN

T.K. THI CÔNG



CONSTRUCTION DESIGN

ĐIỀU CHỈNH / DESCRIPTION OF REVISION

NGƯỜI CHỈNH
REVISED BY

GHI CHÚ:

Tường rào công ty

Đường ống xả nước thải đã qua xử lý làm mới đi âm

Đường ống xả nước thải đã qua xử lý làm mới đi nổi

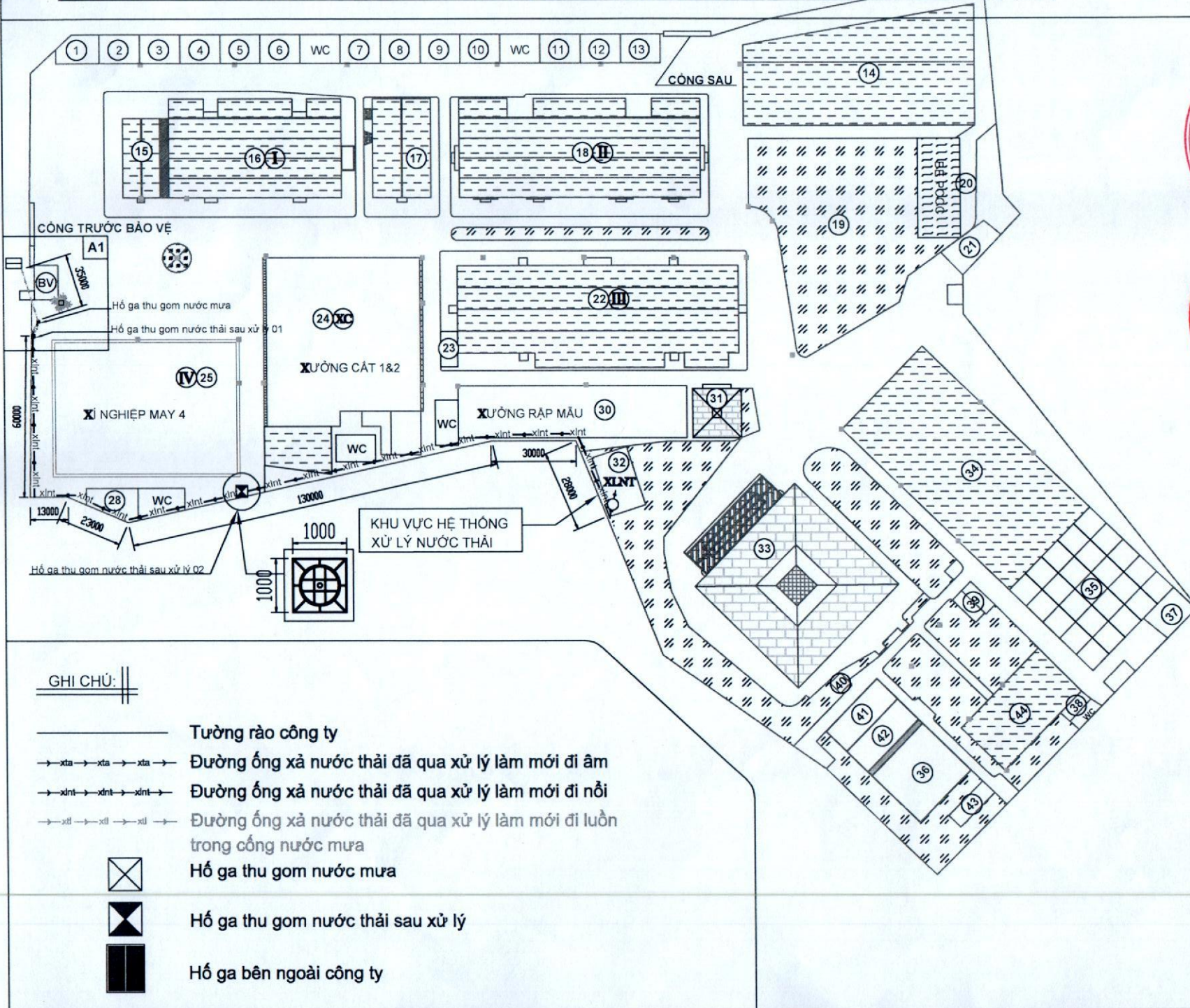
Đường ống xả nước thải đã qua xử lý làm mới đi luôn trong công nước mưa

Hồ ga thu gom nước mưa

Hồ ga thu gom nước thải sau xử lý

Hồ ga bên ngoài công ty

BẢN VẼ MẶT BẰNG TỔNG THỂ ĐƯỜNG ỐNG XẢ NƯỚC THẢI ĐÃ QUA XỬ LÝ



CÔNG TRÌNH / PROJECT:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC
MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
BÌNH DƯƠNG

Số 2023/Kinh phí xây dựng Công trình Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

ĐƠN VỊ CÔNG TRÌNH & THI CÔNG

TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI

DỊCH VỤ

TIỀN PHÁT TÀI

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

MẶT BẰNG TỔNG THỂ
ĐƯỜNG ỐNG XỬ LÝ NƯỚC
THẢI

THIẾT KẾ/DESIGN BY:

KS. HỒ QUANG HẠ

VẼ / DRAWING BY:

KS. HỒ QUANG HẠ

KIỂM TRA / CHECKED BY:

KS. HỒ QUANG HẠ

NGÀY HOÀN THÀNH:

DATE:

05 / 2024

DRAWING No:

XLNT-01

TỈ LỆ / SCALE:

1 / 100

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / PURPOSE OF ISSUE

T.K. CƠ SỞ



PRELIMINARY DESIGN

T.K. THI CÔNG



CONSTRUCTION DESIGN

ĐIỀU CHỈNH



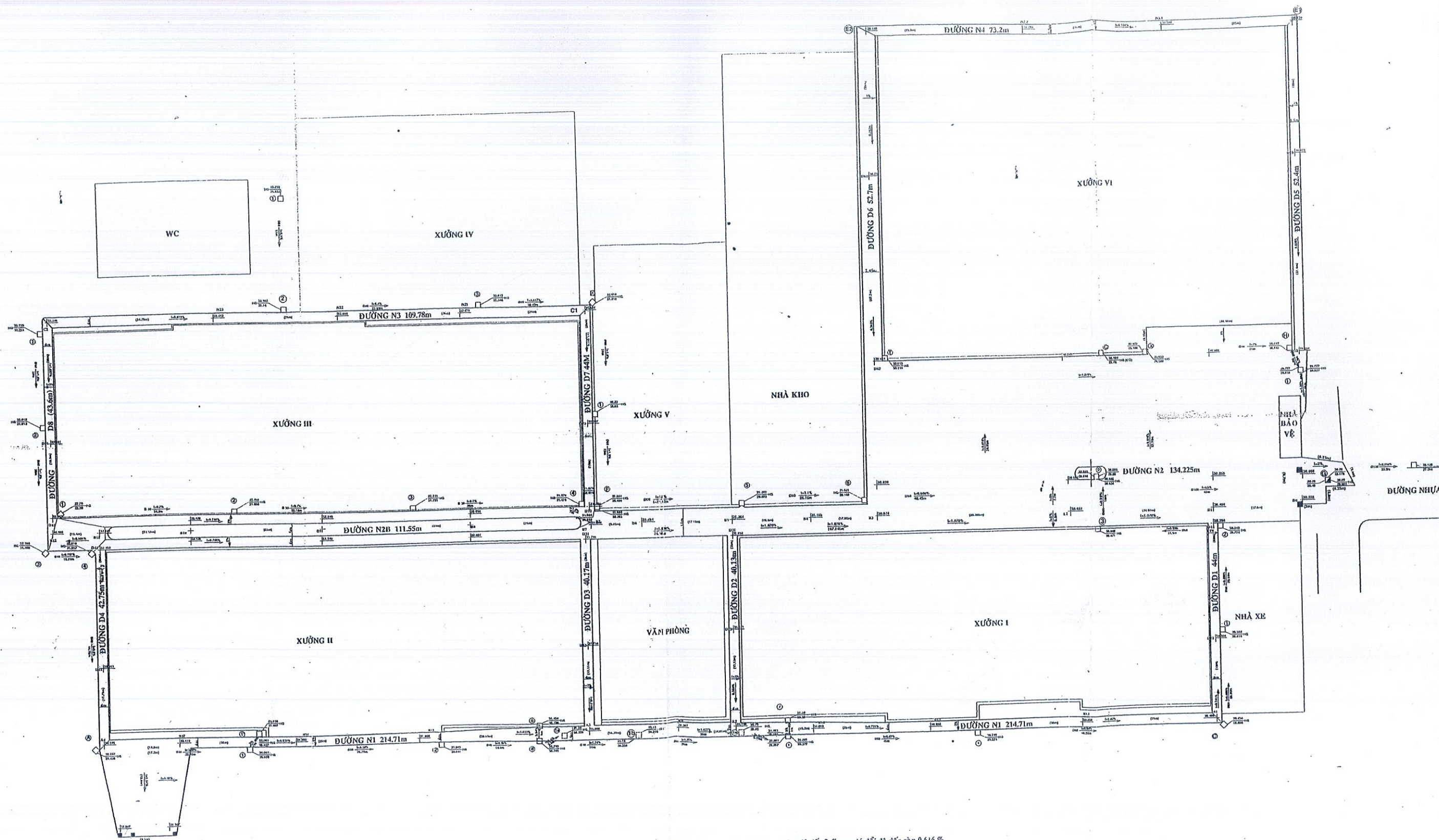
DESCRIPTION OF REVISION

ĐIỀU CHỈNH / DESCRIPTION OF REVISION

NGƯỜI CHỈNH /

REVISED BY

MẶT BẰNG THI CÔNG ĐƯỜNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA



GHI CHÚ:

- Tất cả mặt cắt ngang đường một mái và hai mái đều lấy 2 %
- Bản vẽ mặt cắt ngang được lấy theo bản vẽ thiết kế ban đầu được duyệt
- Rãnh đường D1 mặt cắt ngang 4 m, đường D6 mặt cắt ngang 7.45m (1mái, 1 %)
- Cấu tạo hố ga theo bản vẽ thiết kế ban đầu được duyệt.

- Bãi đậu xe đối dốc so với thiết kế ban đầu: độ dốc 2 múi 2 % theo đường N2, tiếp theo phía xuống VI 2.2m độ dốc 2 % sau đó đối dốc còn 0.616 %
- Đường D5 & D6 đối ngược độ dốc so với thiết kế ban đầu được duyệt
- Bổ sung thêm các hố ga 1a, 1b, 1c hố ga chìm BTCT, 1': 1a': 1c' xây gạch tường 20cm
- Các cống nổi 1 - 1', B - B', 3 - 3' cống chịu lực ĐK30.

- ☐ Cao độ mặt hố ga — HG
- ☐ Cao độ đáy cống
- ☐ Hố ga có miệng thu nước
- ☐ Hố ga không miệng thu nước

TK — Cao độ mặt đường hoàn thiện

CÔNG TY SẢN XUẤT & XNK BÌNH DƯƠNG

DUYỆT

KT. GIÁM ĐỐC
CÔNG TY THI CÔNG CƠ GIỚI

THỰC HIỆN	THÁI ĐẠI THẮNG
VỀ	NGUYỄN VĂN TÀI
KIỂM TRA	ĐOÀN HỮU TRÁC

BẢN VẼ THIẾT KẾ
MẶT BẰNG THI CÔNG
ĐƯỜNG & HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC
MƯA

TỶ LỆ	1:500
KÝ HIỆU	
SỐ BẢN VẼ	01
NGÀY XUẤT	19-06-2003

BREM

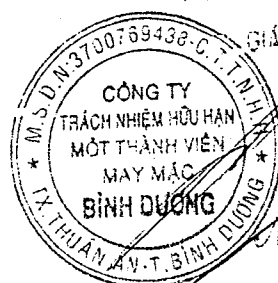
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

ĐỊA CHỈ : 26 HUỖNH VĂN NGHỆ, PHƯỜNG PHÚ LỢI, THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG
ĐT. THOẠI : (84.0650) - 3824753 FAX : (84.0650) - 3824753

BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG

TÊN DỰ ÁN : HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT 200M³/NGÀY.ĐÊM
ĐỊA ĐIỂM : CÔNG TY TNHH MTV MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ : TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH DƯƠNG
ĐỊA CHỈ : 26 HUỖNH VĂN NGHỆ, PHƯỜNG PHÚ LỢI, THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT,
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH MTV
MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

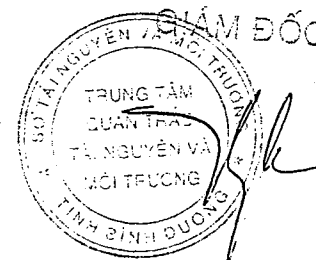


GIÁM ĐỐC NHẬT SỰ HÀNH CHÍNH

Nguyễn Hồng Anh

BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
Ngày... tháng... năm 2015	
CĐT/ĐƠN VỊ GIÁM SÁT	ĐƠN VỊ THI CÔNG
 CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG THỦ DẦU MỘT - TP. HỒ CHÍ MINH Nguyễn Lâm Nhật	 SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH DƯƠNG Trần Thanh Quang

ĐƠN VỊ THI CÔNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH DƯƠNG



7

VỊ TRÍ HỆ THỐNG XỬ LÝ
NƯỚC THẢI

8

Cây xanh

CHỦ ĐẦU TƯ:
INVESTOR:

CÔNG TY TNHH MTV
MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

ĐỊA CHỈ:
ADDRESS:

GIÁM ĐỐC:
DIRECTOR:
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN
MAY MẶC
BÌNH DƯƠNG

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:
CONTRACTOR:

NGUYỄN HỒNG ANH

BREM TRUNG TÂM QUAN TRẮC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

ĐỊA CHỈ: 26 HUYNH VĂN NGHỆ, P. PHÚ LỢI, TP. THỦ DẦU MỘT, T. BÌNH DƯƠNG
Đ. THOẠI: 0650 3897628 FAX: 0650 3824753

GIÁM ĐỐC:
DIRECTOR:
TRUNG TÂM
QUAN TRẮC
TÀI NGUYÊN VÀ
MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

NGUYỄN HỒNG NGUYỄN

THIẾT KẾ: DESIGNED BY:	NGUYỄN MINH TẤN	
KIỂM: CHECKED BY:	HOÀNG ĐỨC THỊNH	
VẼ: DRAWN BY:	LÊ TRUNG HIẾU	

TÊN CÔNG TRÌNH:
PROJECT NAME:
**HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
CÔNG SUẤT: 200 M3/NGÀY**

ĐỊA ĐIỂM:
LOCATION:

TÊN BẢN VẼ:
NAME DRAWING:

MB. VỊ TRÍ HỆ THỐNG XỬ LÝ

☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ PRELIMINARY DESIGNED	☒ THIẾT KẾ CHI TIẾT DETAIL DESIGNED
☒ TRÌNH DUYỆT APPROVED	☐ HOÀN CÔNG FINALIZATION

TỶ LỆ:
SCALE: ##

NGÀY:
DATE: 07/2014

KÝ HIỆU:
DRAWING No.:

BR-NT-TT: 02

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày... tháng... năm 2015

CĐT/ĐƠN VỊ GIÁM SÁT

ĐƠN VỊ THI CÔNG

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN
XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG
BÌNH DƯƠNG
ĐỨC - TP. HỒ CHÍ MINH

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM
QUAN TRẮC
TÀI NGUYÊN VÀ
MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Trần Thanh Quang

Trần Thanh Quang

BỂ TÁCH DẦU MỠ

ĐÀI NƯỚC

HỒ BƠM

HỒ GA HIỆN HỮU

KÝ HIỆU:

HỒ GA THU GOM

ĐOẠN ỐNG ĐI TRONG ĐẤT

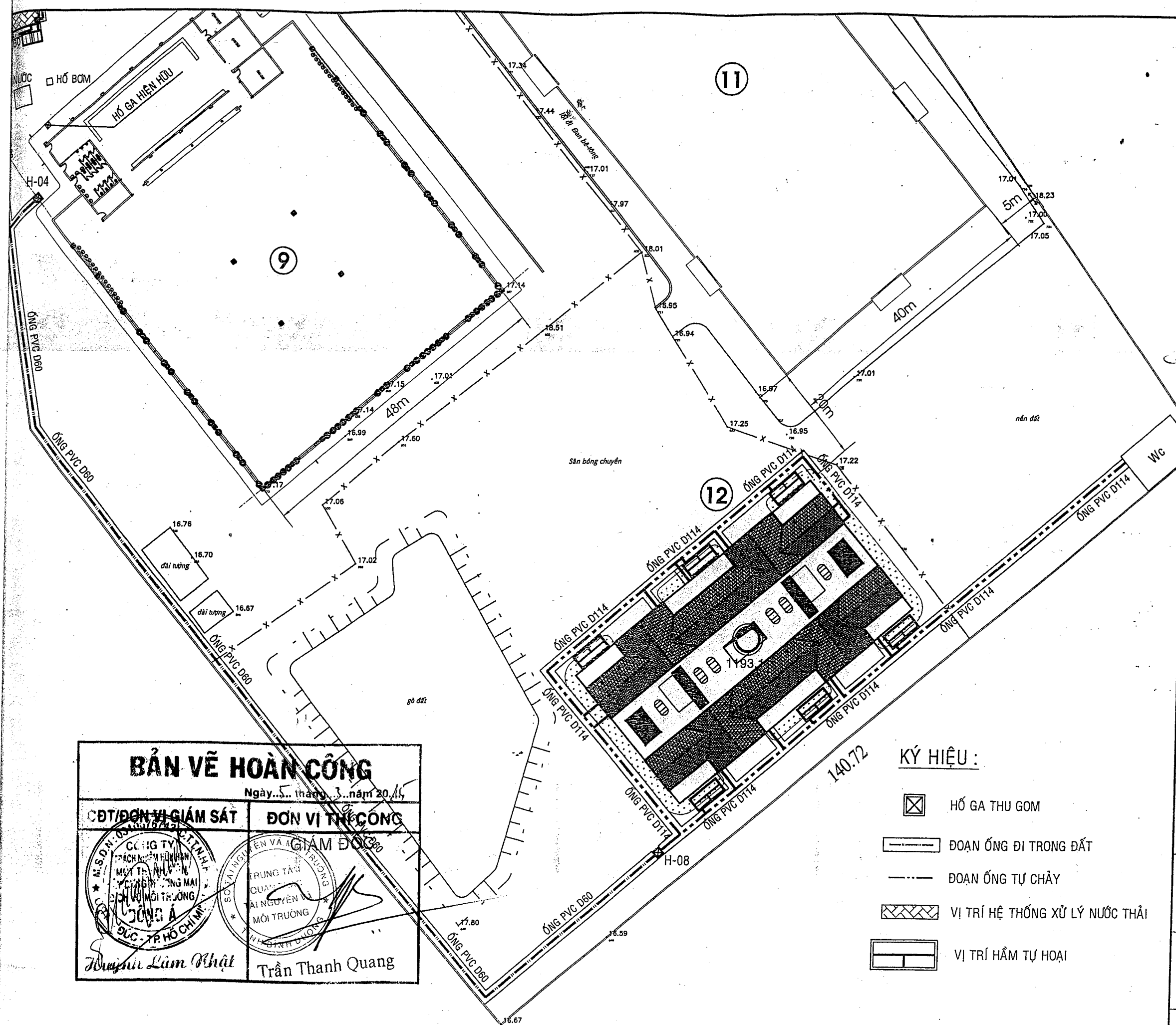
ĐOẠN ỐNG ĐI TRONG MƯƠNG

ĐOẠN ỐNG TỰ CHẢY

+0.00 / -0.50 CHỈ SỐ CỐT NẮP HỒ GA (TRÊN)

-0.50 CHỈ SỐ CỐT ĐÁY ỐNG (DƯỚI)

MB. VỊ TRÍ HỆ THỐNG XỬ LÝ TL:1/1000



CHỦ ĐẦU TƯ:
INVESTOR:

CÔNG TY TNHH MTV
MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

ĐỊA CHỈ:
ADDRESS:

GIÁM ĐỐC: 0769438-G.T.T.M. **GIÁM ĐỐC NHÂN SỰ-HÀNH CHÍNH**
DIRECTOR: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
NGUYỄN HỒNG SĨNH

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:
CONTRACTOR:

BREM TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

ĐỊA CHỈ: 26 HUỖNH VĂN NGHỆ, P. PHÚ LỢI, TP. THỦ DẦU MỘT, T. BÌNH DƯƠNG
Đ. THOẠI: 0650 3897628 FAX: 0650 3824753

GIÁM ĐỐC: TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH DƯƠNG
NGUYỄN HỒNG NGUYỄN

THIẾT KẾ: DESIGNED BY:	NGUYỄN MINH TẤN	<i>[Signature]</i>
KIỂM: CHECKED BY:	HOÀNG ĐỨC THỊNH	<i>[Signature]</i>
VẼ: DRAWN BY:	LÊ TRUNG HIẾU	<i>[Signature]</i>

TÊN CÔNG TRÌNH:
PROJECT NAME:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT: 200 M3/NGÀY

ĐỊA ĐIỂM:
LOCATION:

TÊN BẢN VẼ:
NAME DRAWING:

MB. ĐƯỜNG ỐNG THU GOM KHU NHÀ Ở CÔNG NHÂN

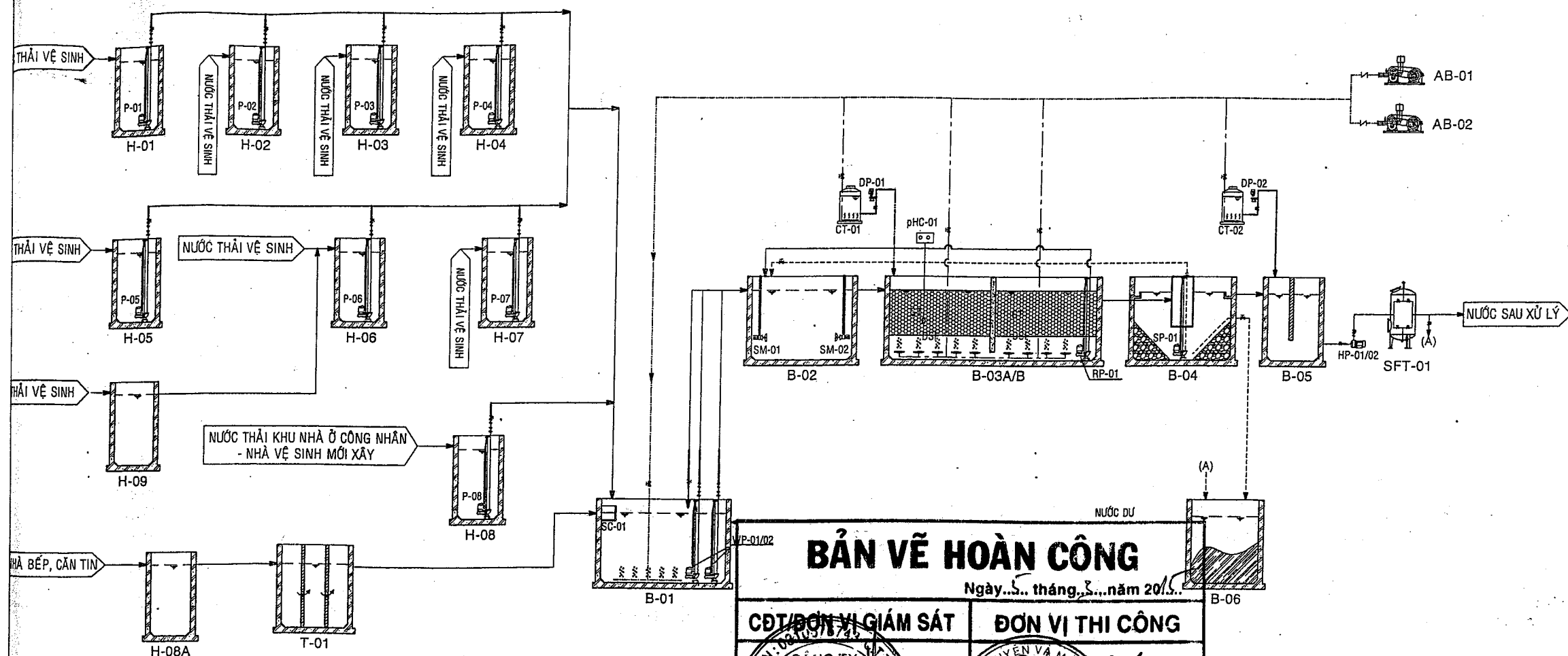
☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ PRELIMINARY DESIGNED	☒ THIẾT KẾ CHI TIẾT DETAIL DESIGNED
☒ TRÌNH DUYỆT APPROVED	☐ HOÀN CÔNG FINALIZATION

TỶ LỆ: **KÝ HIỆU:**
SCALE: **DRAWING No.:**

NGÀY: 07/2014 **BR-NT-TT: 03**
DATE:

MB. ĐƯỜNG ỐNG THU GOM KHU NHÀ Ở CÔNG NHÂN TL:1/1000

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT = 200 M3/NGÀY

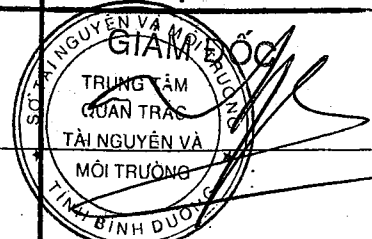
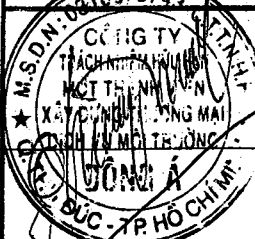


BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày... tháng... năm 201...

CĐT/ĐƠN VỊ GIÁM SÁT

ĐƠN VỊ THI CÔNG



GHI CHÚ :

H-01/.../07/08 : HỒ THU GOM
H-08A : HỒ THU GOM (HIỆN HỮU)
H-09 : HỒ TRUNG CHUYỂN NƯỚC THẢI
T-01 : BỂ TÁCH DẦU MỠ
B-01 : BỂ ĐIỀU HÒA NƯỚC THẢI
B-02 : BỂ ANOXIC
B-03A/B : BỂ SINH HỌC FBR
B-04 : BỂ LẮNG
B-05 : BỂ KHỬ TRÙNG
B-06 : BỂ CHỨA BÙN

SC-01 : SONG CHẤN RÁC
P-01/.../08 : BƠM NƯỚC HỒ THU
WP-01/02 : BƠM NƯỚC THẢI
SM-01/02 : MÁY KHUẤY CHÌM
RP-01 : BƠM TUẦN HOÀN
SP-01 : BƠM BÙN BỂ LẮNG
AB-01/02 : MÁY THỔI KHÍ

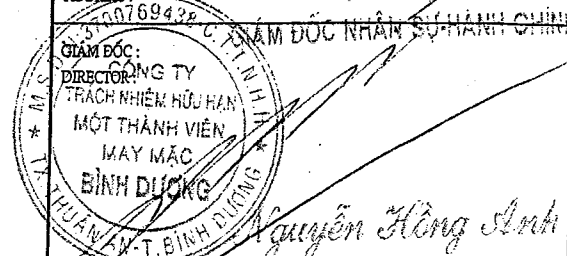
DP-01/02 : BƠM ĐỊNH LƯỢNG DD HÓA CHẤT
DSF : HỆ THỐNG PHÂN PHỐI KHÍ
GT : GIÁ THỂ VI SINH
HP-01 : BƠM LỌC NƯỚC THẢI
SFT-01 : THIẾT BỊ LỌC ÁP LỰC
pHC-01 : ĐẦU DÒ pH

— : ĐƯỜNG NƯỚC
— : ĐƯỜNG NƯỚC DƯ
--- : ĐƯỜNG KHÍ
--- : ĐƯỜNG BÙN
--- : ĐƯỜNG HÓA CHẤT

CHỦ ĐẦU TƯ:
INVESTOR:

CÔNG TY TNHH MTV
MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

ĐỊA CHỈ:
ADDRESS:



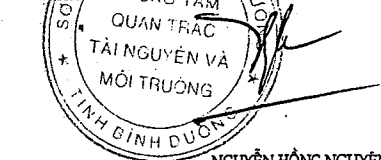
ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:
CONTRACTOR:



TRUNG TÂM QUAN TRẮC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

ĐỊA CHỈ : 26 HUỖNH VĂN NGHỆ , P. PHÚ LỢI, TP. THỦ DẦU MỘT, T. BÌNH DƯƠNG
ĐT: 0650 3897628 FAX: 0650 3824753

GIÁM ĐỐC:
DIRECTOR:



NGUYỄN HỒNG NGUYỄN

THIẾT KẾ: DESIGNED BY:	NGUYỄN MINH TẤN	
KIỂM: CHECKED BY:	HOÀNG ĐỨC THỊNH	
VẼ: DRAWN BY:	LÊ TRUNG HIẾU	

TÊN CÔNG TRÌNH:
PROJECT NAME:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
CÔNG SUẤT : 200 M3/NGÀY

ĐỊA ĐIỂM:
LOCATION:

TÊN BẢN VẼ:
NAME DRAWING:

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ

☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ PRELIMINARY DESIGNED	☒ THIẾT KẾ CHI TIẾT DETAIL DESIGNED
☒ TRÌNH DUYỆT APPROVED	☐ HOÀN CÔNG FINALIZATION

TỶ LỆ:

SCALE: #

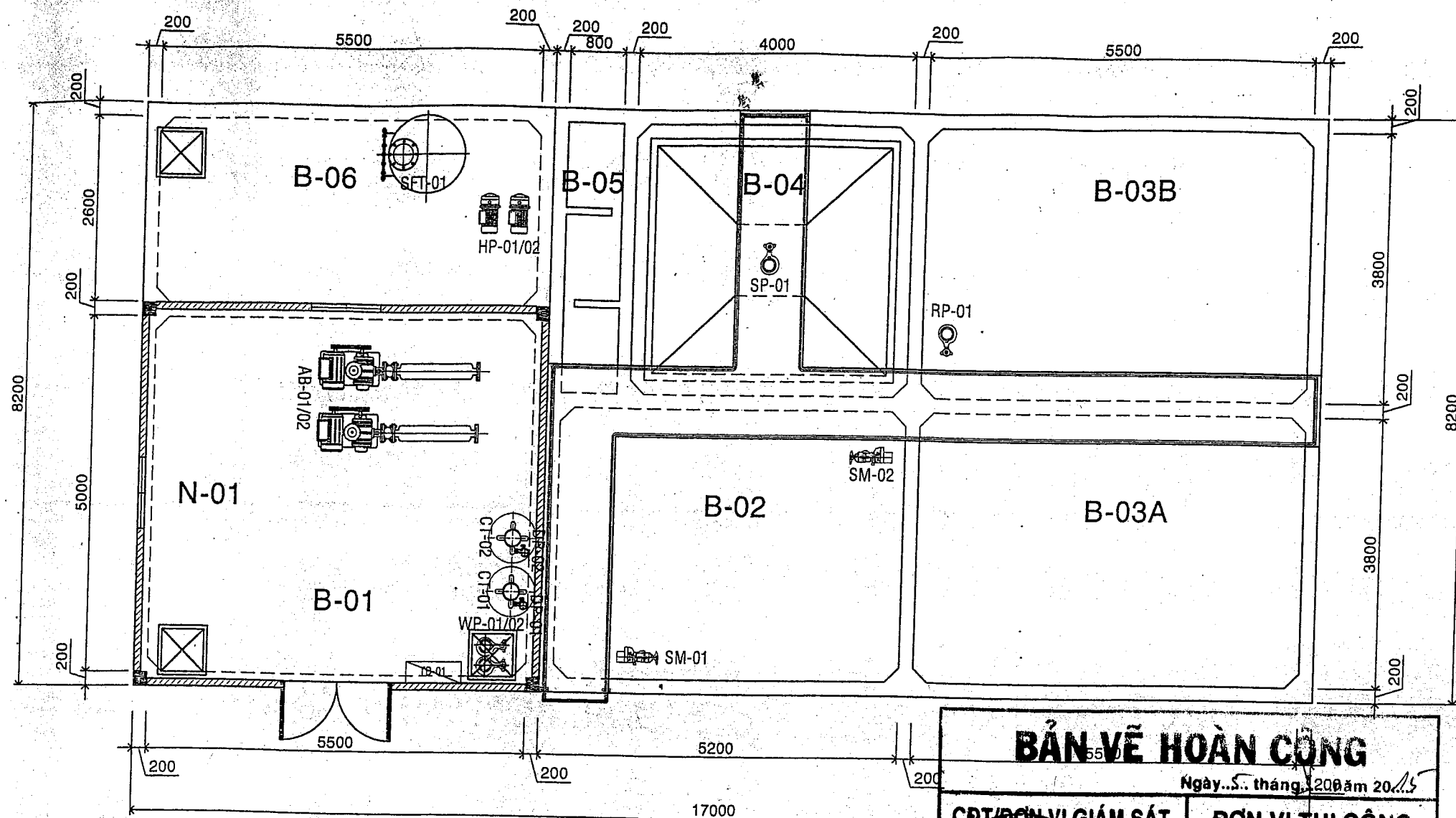
KÝ HIỆU:

DRAWING No.:

NGÀY:

DATE: 07/2014

BR/NT-CN : 01



MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ

BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
Ngày... tháng... năm 2015	
CDT/ĐƠN VỊ GIÁM SÁT	ĐƠN VỊ THI CÔNG
Huỳnh Lâm Nhật	Trần Thanh Quang

GHI CHÚ :

- | | | |
|------------------------------|---------------------------|---------------------------------------|
| B-01 : BỂ ĐIỀU HÒA NƯỚC THẢI | WP-01/02 : BƠM NƯỚC THẢI | CT-01/02 : BỒN PHA CHẾ DD HÓA CHẤT |
| B-02 : BỂ KHỬ NITƠ (ANOXIC) | SM-01/02 : MÁY KHUẤY CHÌM | DP-01/02 : BƠM ĐỊNH LƯỢNG DD HÓA CHẤT |
| B-03A/B : BỂ SINH HỌC FBR | RP-01 : BƠM TUẦN HOÀN | HP-01/02 : BƠM LỌC NƯỚC THẢI |
| B-04 : BỂ LẮNG | SP-01 : BƠM BÙN BỂ LẮNG | SFT-01 : THIẾT BỊ LỌC ÁP LỰC |
| B-05 : BỂ KHỬ TRÙNG | AB-01/02 : MÁY THỔI KHÍ | TĐ-01 : TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN |
| B-06 : BỂ CHỨA BÙN | | N-01 : NHÀ ĐIỀU HÀNH |

CHỦ ĐẦU TƯ:
INVESTOR:

CÔNG TY TNHH MTV
MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

ĐỊA CHỈ:
ADDRESS:

GIÁM ĐỐC:
DIRECTOR: CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN
MAY MẶC
BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hồng Anh

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:
CONTRACTOR:

BREM TRUNG TÂM QUAN TRẮC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

ĐỊA CHỈ : 26 HUỖNH VĂN NGHỆ , P. PHÚ LỢI, TP. THỦ DẦU MỘT, T. BÌNH DƯƠNG
ĐT: 0650 3897628 FAX: 0650 3824753

GIÁM ĐỐC:
DIRECTOR: TRUNG TÂM
QUAN TRẮC
TÀI NGUYÊN VÀ
MÔI TRƯỜNG
NGUYỄN HỒNG NGUYỄN

THIẾT KẾ: DESIGNED BY:	NGUYỄN MINH TẤN
KIỂM: CHECKED BY:	HOÀNG ĐỨC THỊNH
VẼ: DRAWN BY:	LÊ TRUNG HIẾU

TÊN CÔNG TRÌNH:
PROJECT NAME:
**HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
CÔNG SUẤT : 200 M3/NGÀY**

ĐỊA ĐIỂM:
LOCATION:

TÊN BẢN VẼ:
NAME DRAWING:

MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ

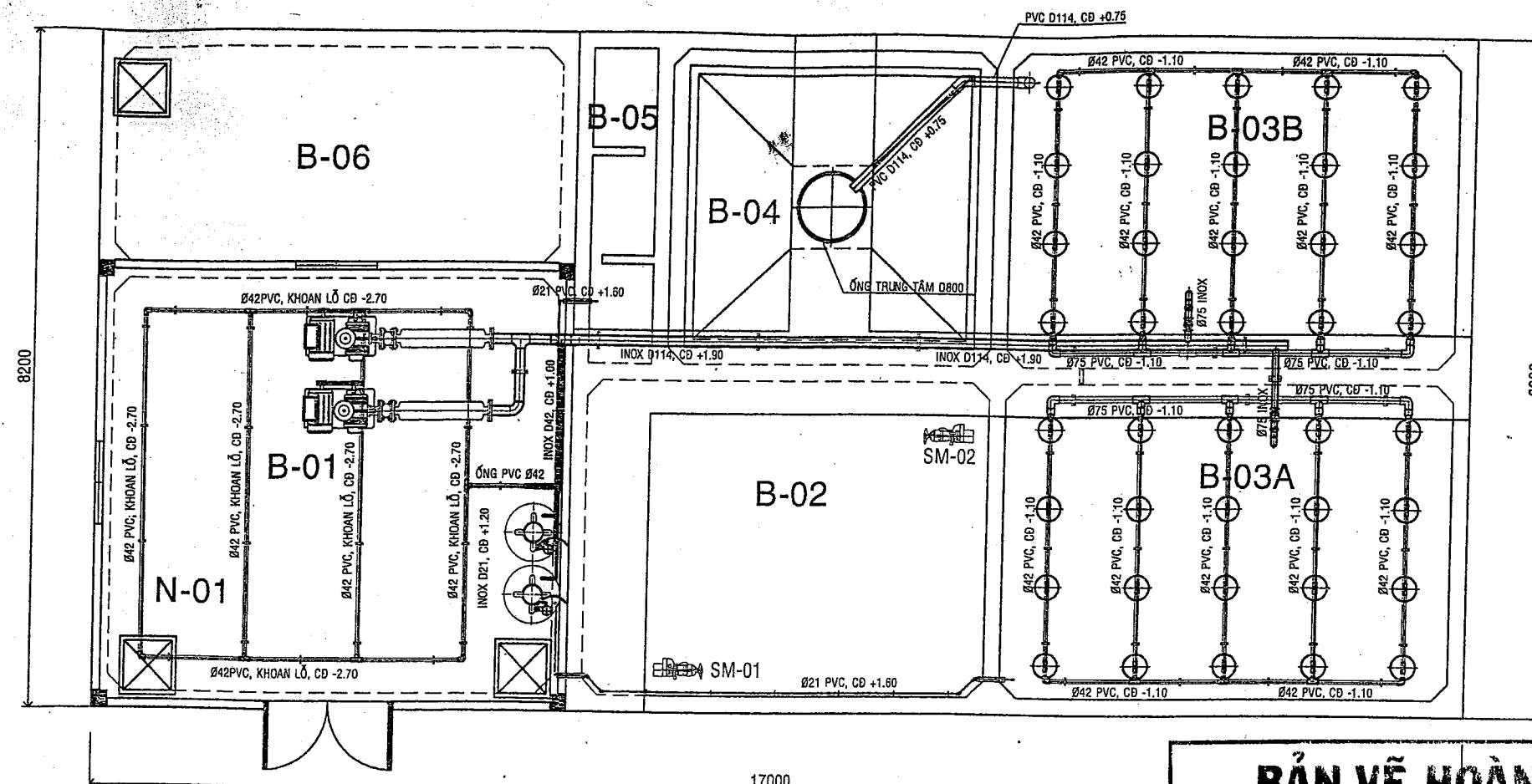
☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ PRELIMINARY DESIGNED	☒ THIẾT KẾ CHI TIẾT DETAIL DESIGNED
☒ TRÌNH DUYỆT APPROVED	☐ HOÀN CÔNG FINALIZATION

TỶ LỆ:
SCALE: #

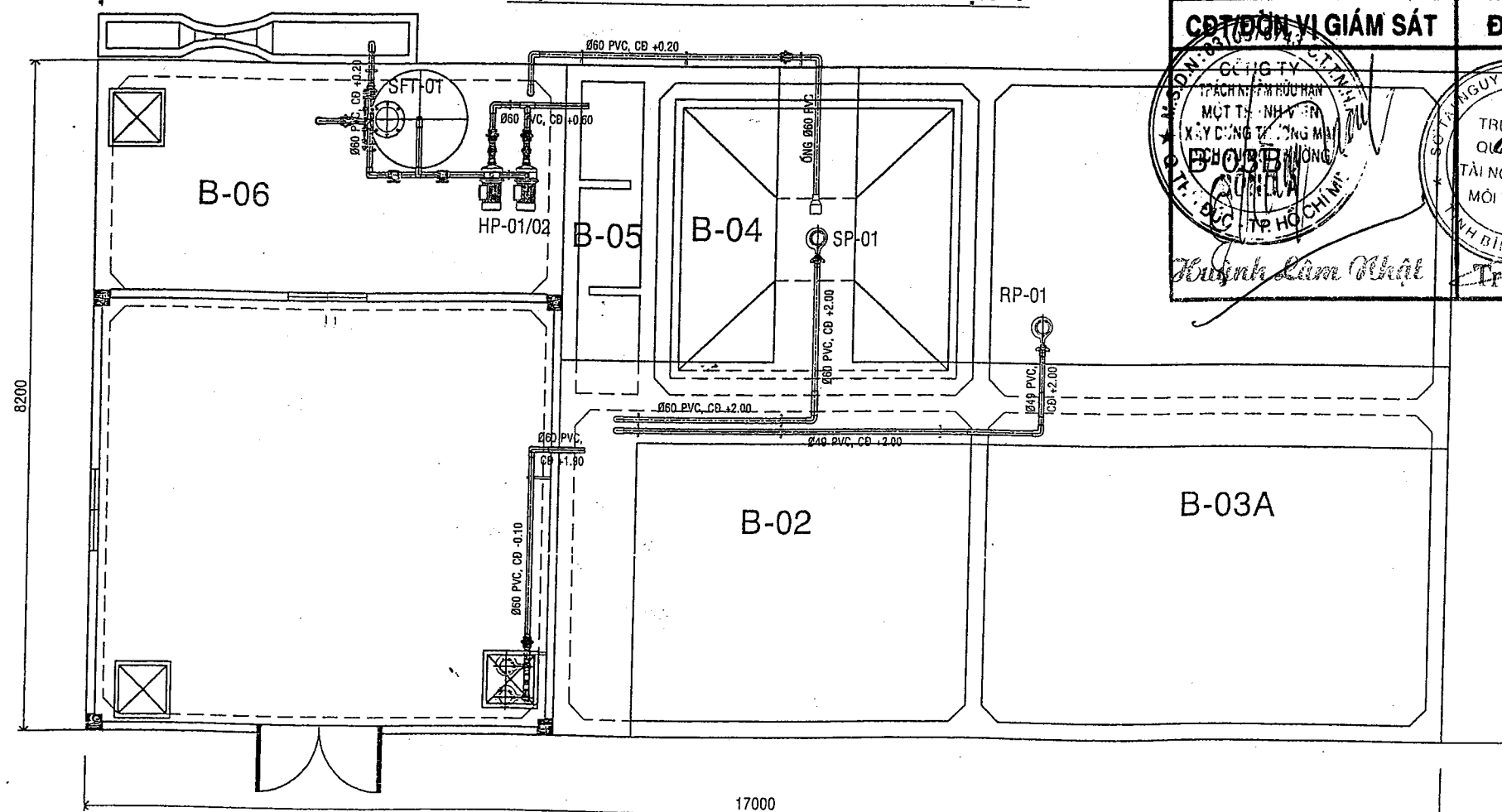
KÝ HIỆU:
DRAWING No.:

NGÀY:
DATE: 07/2014

BR-NT-TB : 01



MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG KỸ THUẬT 1



MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG KỸ THUẬT

BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
Ngày... tháng... năm 2015	
CHỖ ĐƠN VỊ GIÁM SÁT	ĐƠN VỊ THI CÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ: INVESTOR: CÔNG TY TNHH MTV MAY MẶC BÌNH DƯƠNG		
ĐỊA CHỈ: ADDRESS: GIÁM ĐỐC: DIRECTOR: TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG NGUYỄN HỒNG ANH		
ĐƠN VỊ THỰC HIỆN: CONTRACTOR: BREM TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH DƯƠNG		
ĐỊA CHỈ : 26 HUỖNH VĂN NGHỆ , P. PHÚ LỢI, TP. THỦ DẦU MỘT, T. BÌNH DƯƠNG Đ. THOẠI : 0650 3827628 FAX: 0650 3824753		
GIÁM ĐỐC: DIRECTOR: TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH DƯƠNG NGUYỄN HỒNG NGUYỄN		
THIẾT KẾ: DESIGNED BY:	NGUYỄN MINH TẤN	
KIỂM: CHECKED BY:	HOÀNG ĐỨC THỊNH	
VẼ: DRAWN BY:	LÊ TRUNG HIẾU	
TÊN CÔNG TRÌNH: PROJECT NAME: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT : 200 M3/NGÀY		
ĐỊA ĐIỂM: LOCATION:		
TÊN BẢN VẼ: NAME DRAWING: MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG KỸ THUẬT		
☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ PRELIMINARY DESIGNED		
☒ THIẾT KẾ CHI TIẾT DETAIL DESIGNED		
☒ TRÌNH DUYỆT APPROVED		
☐ HOÀN CÔNG FINALIZATION		
TỶ LỆ: SCALE:	#	KÝ HIỆU: DRAWING No.:
NGÀY: DATE:	07/2014	BR-NT-ĐD : 01

CHỦ ĐẦU TƯ:
INVESTOR:

CÔNG TY TNHH MTV
MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

ĐỊA CHỈ:
ADDRESS:

GIÁM ĐỐC:
DIRECTOR:

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN
MAY MẶC
BÌNH DƯƠNG

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:
CONTRACTOR:

BREM

TRUNG TÂM QUAN TRẮC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

ĐỊA CHỈ: 26 HUỖNH VĂN NGHỆ, P. PHÚ LỢI, TP. THỦ DẦU MỘT, T. BÌNH DƯƠNG
ĐT: 0650 3897628 FAX: 0650 3824753

GIÁM ĐỐC:
DIRECTOR:

TRUNG TÂM
QUAN TRẮC
TÀI NGUYÊN VÀ
MÔI TRƯỜNG

NGUYỄN HỒNG NGUYỄN

THIẾT KẾ:
DESIGNED BY:

NGUYỄN MINH TẤN

KIỂM:
CHECKED BY:

HOÀNG ĐỨC THỊNH

VẼ:
DRAWN BY:

LÊ TRUNG HIẾU

TÊN CÔNG TRÌNH:
PROJECT NAME:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
CÔNG SUẤT: 200 M3/NGÀY

ĐỊA ĐIỂM:
LOCATION:

TÊN BẢN VẼ:
NAME DRAWING:

MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ

☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ
PRELIMINARY DESIGNED

☒ THIẾT KẾ CHI TIẾT
DETAIL DESIGNED

☒ TRÌNH DUYỆT
APPROVED

☐ HOÀN CÔNG
FINALIZATION

TỶ LỆ:
SCALE:

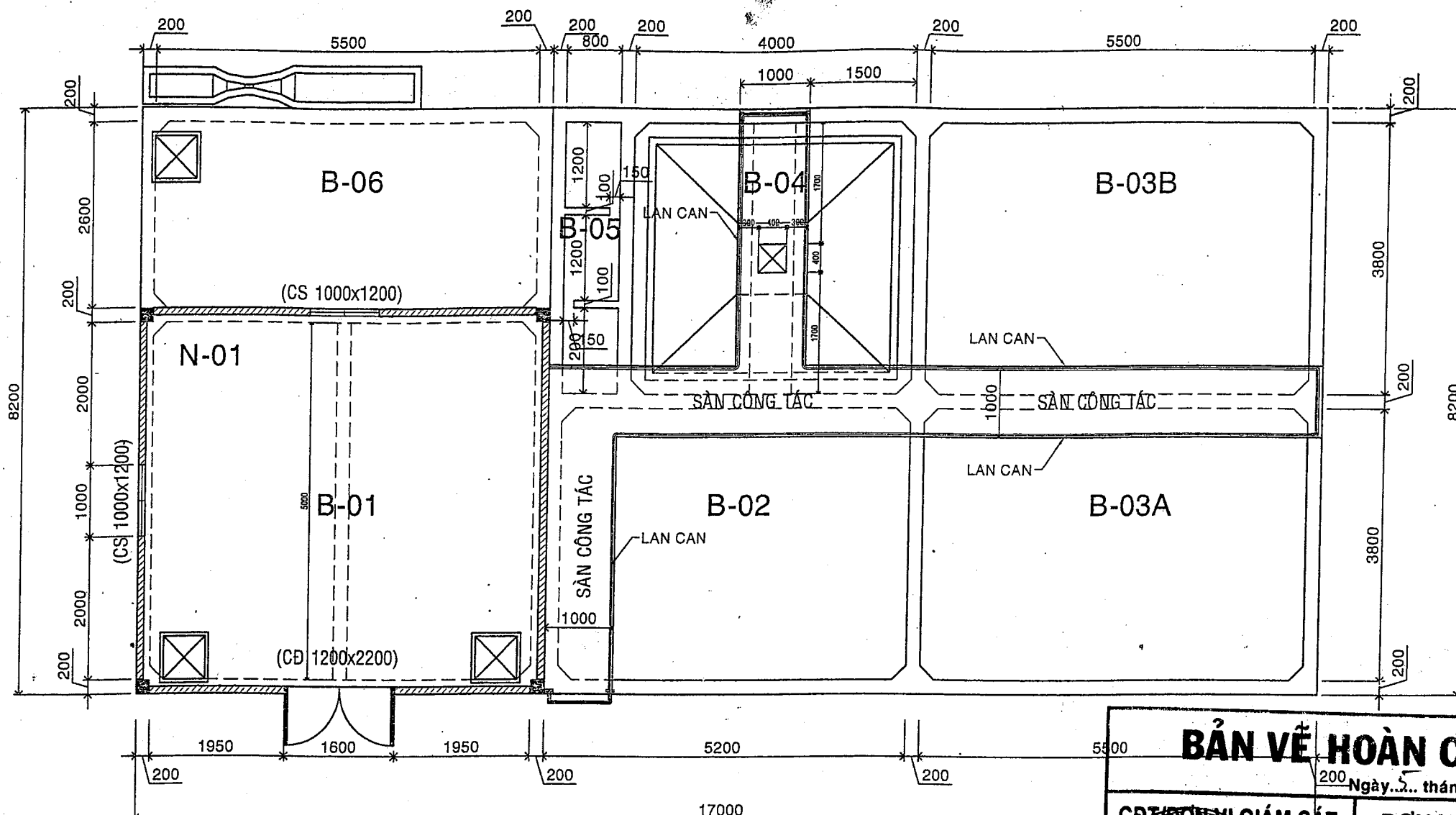
#

NGÀY:
DATE:

07/2014

KÝ HIỆU:
DRAWING No.:

BR-NT-XD: 01

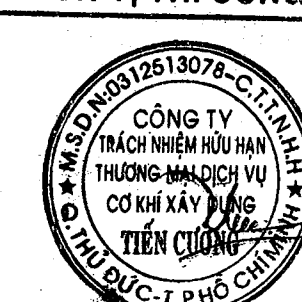
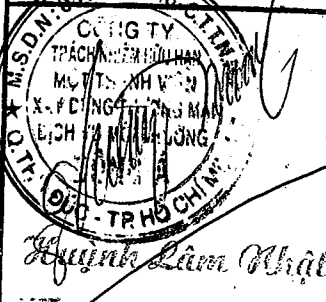


BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày... tháng... năm 2015

CƠ QUAN GIÁM SÁT

ĐƠN VỊ THI CÔNG



MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

GHI CHÚ:

- B-01 : BỂ ĐIỀU HÒA NƯỚC THẢI
- B-02 : BỂ KHỬ NITƠ (ANOXIC)
- B-03A/B : BỂ SINH HỌC FBR
- B-04 : BỂ LẮNG
- B-05 : BỂ KHỬ TRÙNG
- B-06 : BỂ CHỨA BÙN
- N-01 : NHÀ ĐIỀU HÀNH

GHI CHÚ:

- Qui ước cốt ±0.00 là mặt nền đài nước
- Bản vẽ chỉ thể hiện phần xây dựng của bể khi thi công cần kết hợp với bản vẽ công nghệ để đặt ống cho chính xác
- Tất cả ống qua thành bể phải đặt trước khi đổ bê tông
- BT lót móng đá 4x6, M150
- BTCT cột, sàn nhà, dáy, thành bể, đà giằng, lối đi bể đá 1x2 #250 có phụ gia chống thấm.
- Cốt thép $\varnothing \geq 10$, AII, Ra = 2900 kg/cm²
- Cốt thép $\varnothing < 10$, AI, Ra = 2300 kg/cm²
- Bên trong bể quét một lớp sika chống thấm
- Tường nhà điều hành xây gạch ống 8x8x18, vữa M75, trát hai mặt vữa M75 dày 1cm, bả matic sơn nước màu xanh nhạt. Cửa đi và cửa sổ bằng sắt sơn chống rỉ và sơn màu + kiếng trắng 5 lly
- Cầu thang, lan can bể bằng ống inox SUS 304
- Vách ngăn hướng dòng trong bể B05 xây gạch thẻ 4x8x18, vữa M75, trát hai mặt vữa M75 dày 1cm

CHỦ ĐẦU TƯ:
INVESTOR:

CÔNG TY TNHH MTV
MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

ĐỊA CHỈ:
ADDRESS:

GIÁM ĐỐC:
DIRECTOR:

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN
MAY MẶC
BÌNH DƯƠNG

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:
CONTRACTOR:

BREM

TRUNG TÂM QUAN TRẮC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

ĐỊA CHỈ : 26 HUỖNH VĂN NGHỆ , P. PHÚ LỢI, TP. THỦ DẦU MỘT, T. BÌNH DƯƠNG
Đ. THOẠI : 0650 3827628 FAX: 0650 3824753

GIÁM ĐỐC:
DIRECTOR:

TRUNG TÂM
QUAN TRẮC
TÀI NGUYÊN VÀ
MÔI TRƯỜNG

NGUYỄN HỒNG NGUYỄN

THIẾT KẾ:
DESIGNED BY:

NGUYỄN MINH TẤN

KIỂM:
CHECKED BY:

HOÀNG ĐỨC THỊNH

VẼ:
DRAWN BY:

LÊ TRUNG HIẾU

TÊN CÔNG TRÌNH:
PROJECT NAME:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
CÔNG SUẤT : 200 M3/NGÀY

ĐỊA ĐIỂM:
LOCATION:

TÊN BẢN VẼ:
NAME DRAWING:

MẶT CẮT A-A, B-B HỆ THỐNG XỬ LÝ

☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ
PRELIMINARY DESIGNED

☒ THIẾT KẾ CHI TIẾT
DETAIL DESIGNED

☒ TRÌNH DUYỆT
APPROVED

☐ HOÀN CÔNG
FINALIZATION

TỶ LỆ:

SCALE:

##

KÝ HIỆU:

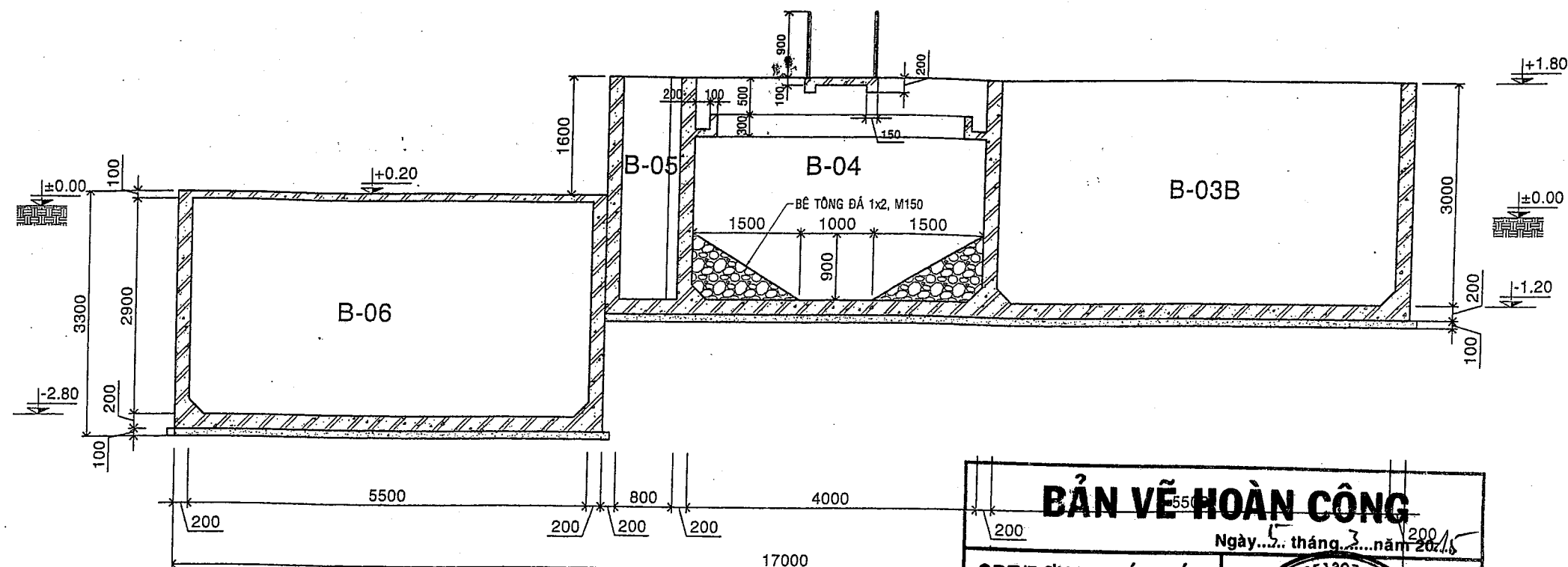
DRAWING No.:

NGÀY:

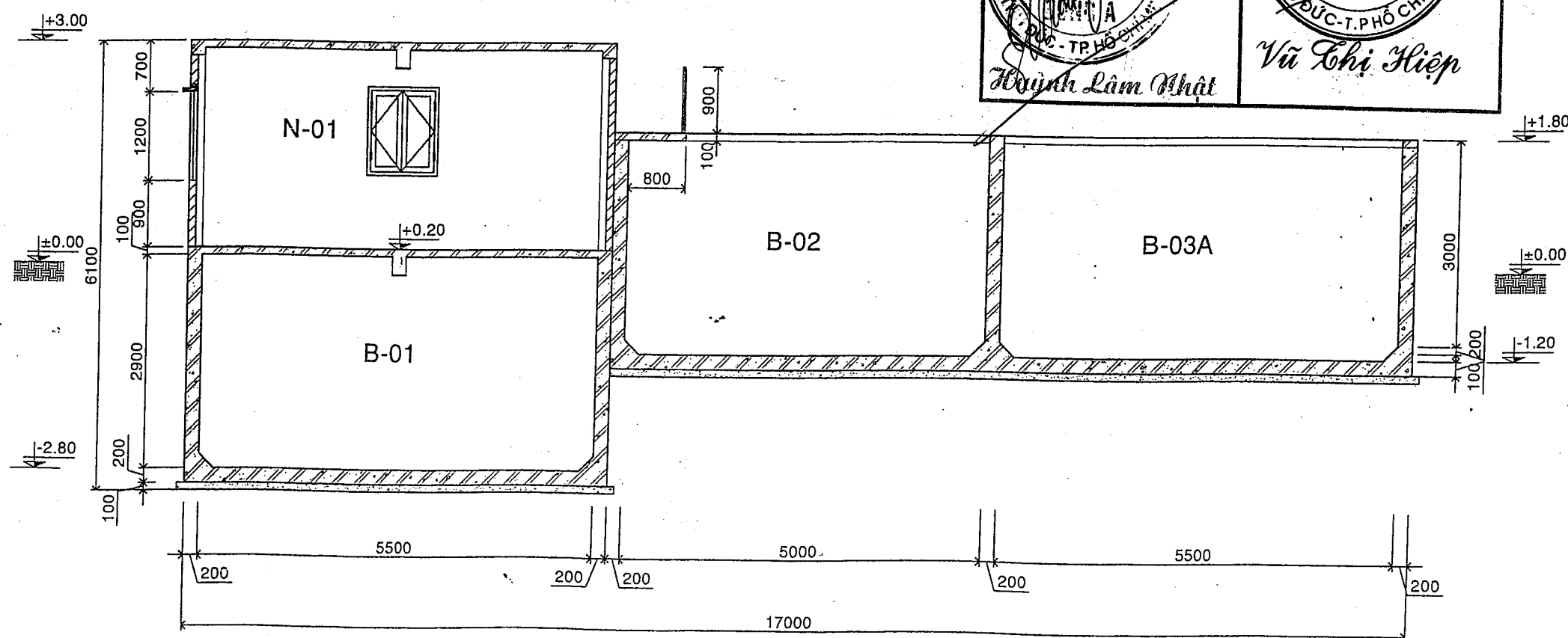
DATE:

07/2014

BR-NT-XD : 02



MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày... tháng... năm 2015

CĐT/ĐƠN VỊ GIÁM SÁT

ĐƠN VỊ THI CÔNG

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
CƠ KHÍ XÂY DỰNG
TP. HỒ CHÍ MINH
Nguyễn Lâm Nhật

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
CƠ KHÍ XÂY DỰNG
TP. HỒ CHÍ MINH
Vũ Thị Hiệp

CHỦ ĐẦU TƯ:
INVESTOR:

CÔNG TY TNHH MTV
MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

ĐỊA CHỈ:
ADDRESS:

GIÁM ĐỐC:
DIRECTOR:

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN
MAY MẶC
BÌNH DƯƠNG

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:
CONTRACTOR:

BREM

TRUNG TÂM QUAN TRẮC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

ĐỊA CHỈ : 26 HUỖNH VĂN NGHỆ , P. PHÚ LỢI, TP. THỦ DẦU MỘT, T. BÌNH DƯƠNG
ĐT/THOẠI : 0650 3897628 FAX: 0650 3824753

GIÁM ĐỐC:
DIRECTOR:

TRUNG TÂM
QUAN TRẮC
TÀI NGUYÊN VÀ
MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

THIẾT KẾ:
DESIGNED BY:

NGUYỄN MINH TẤN

KIỂM:
CHECKED BY:

HOÀNG ĐỨC THỊNH

VẼ:
DRAWN BY:

LÊ TRUNG HIẾU

TÊN CÔNG TRÌNH:
PROJECT NAME:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
CÔNG SUẤT : 200 M3/NGÀY

ĐỊA ĐIỂM:
LOCATION:

TÊN BẢN VẼ:
NAME DRAWING:

MẶT CẮT C-C, D-D, E-E
MẶT BẰNG NHÀ ĐIỀU HÀNH

☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ
PRELIMINARY DESIGNED

☒ THIẾT KẾ CHI TIẾT
DETAIL DESIGNED

☒ TRÌNH DUYỆT
APPROVED

☐ HOÀN CÔNG
FINALIZATION

TỶ LỆ:

##

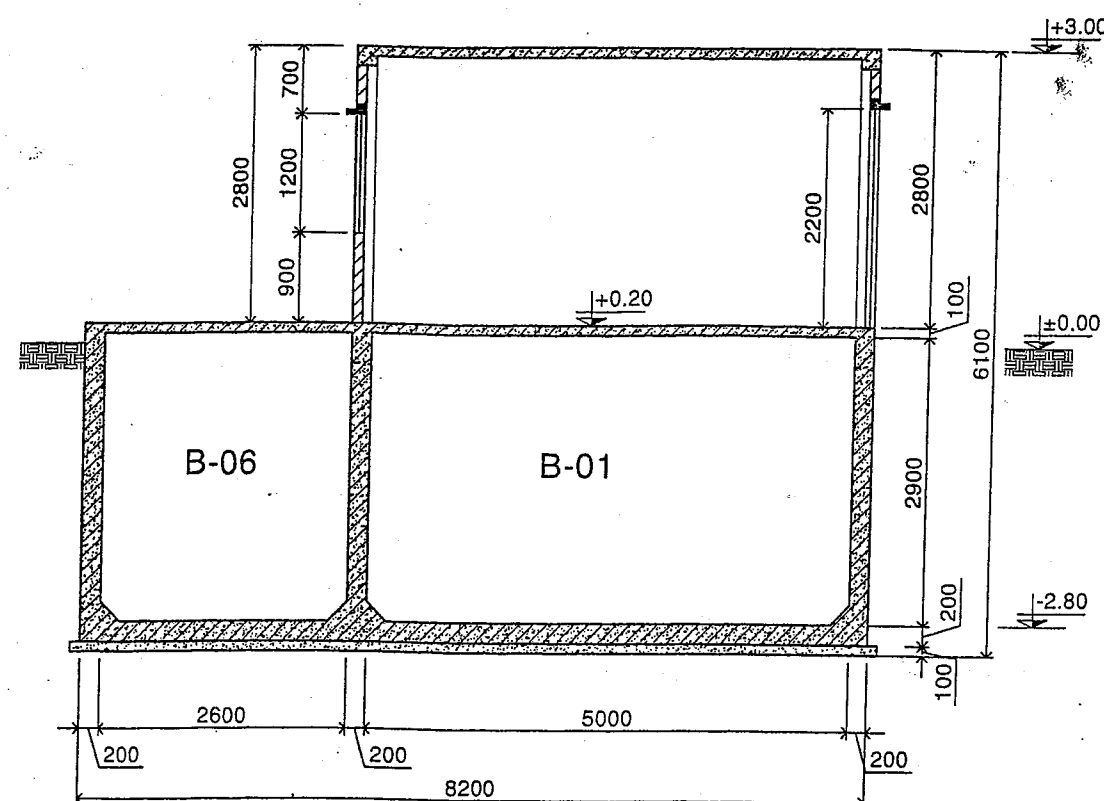
KÝ HIỆU:

DRAWING No.:

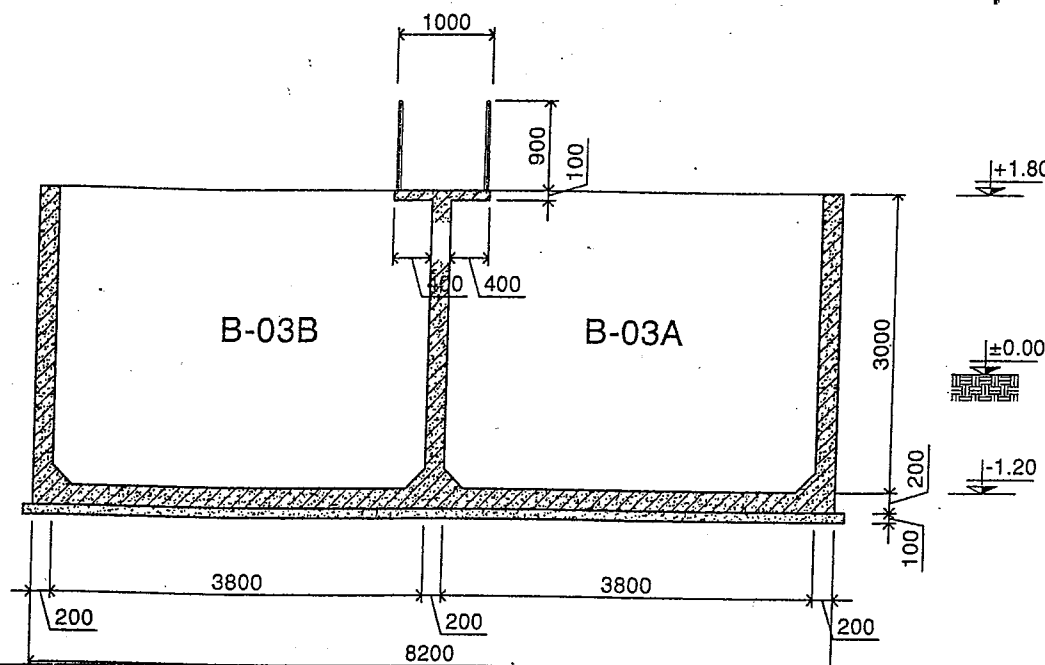
NGÀY:

07/2014

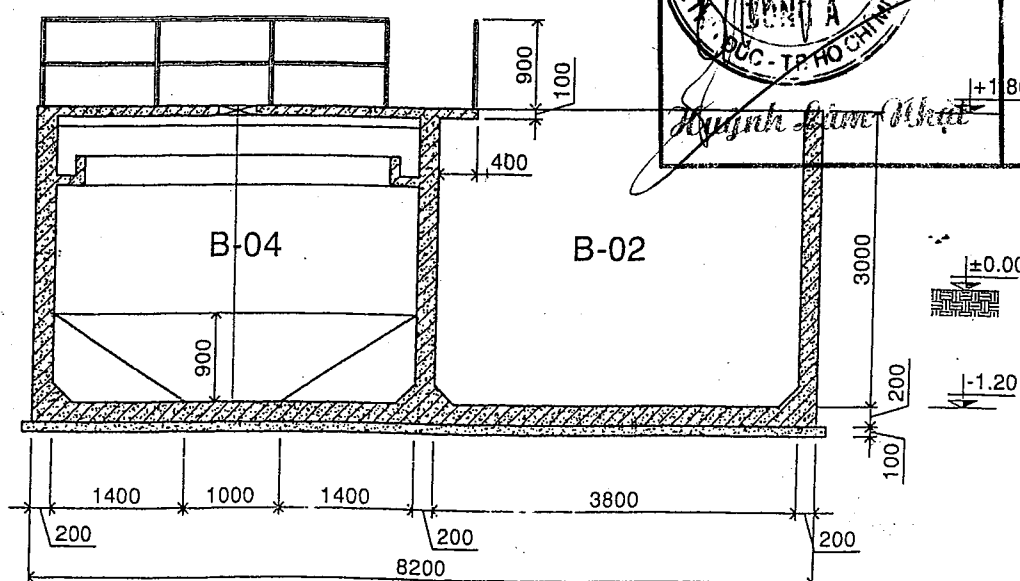
BR-NT-XD : 03



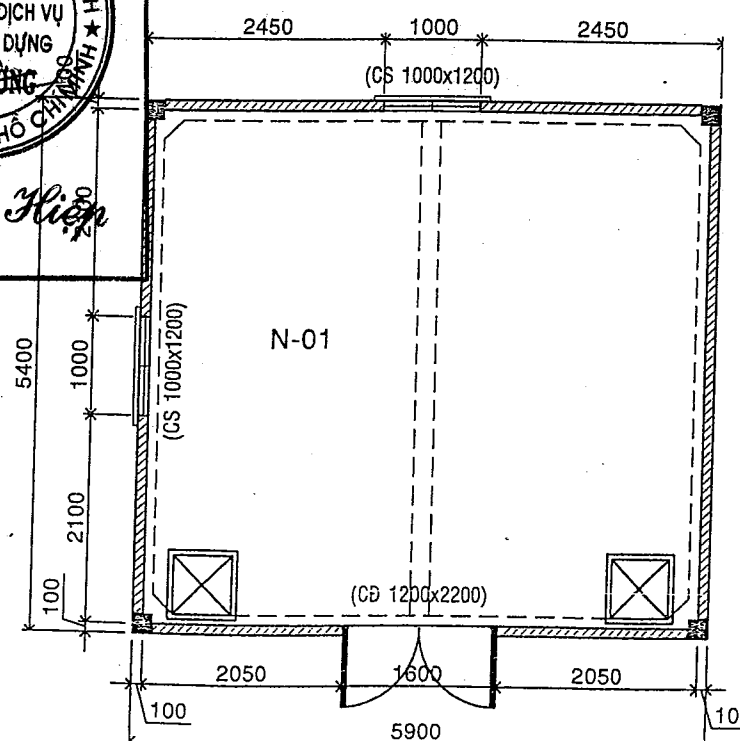
MẶT CẮT C-C



MẶT CẮT E-E



MẶT CẮT D-D



MẶT BẰNG NHÀ ĐIỀU HÀNH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày... tháng... năm 2014

CPT/ĐƠN VỊ GIÁM SÁT

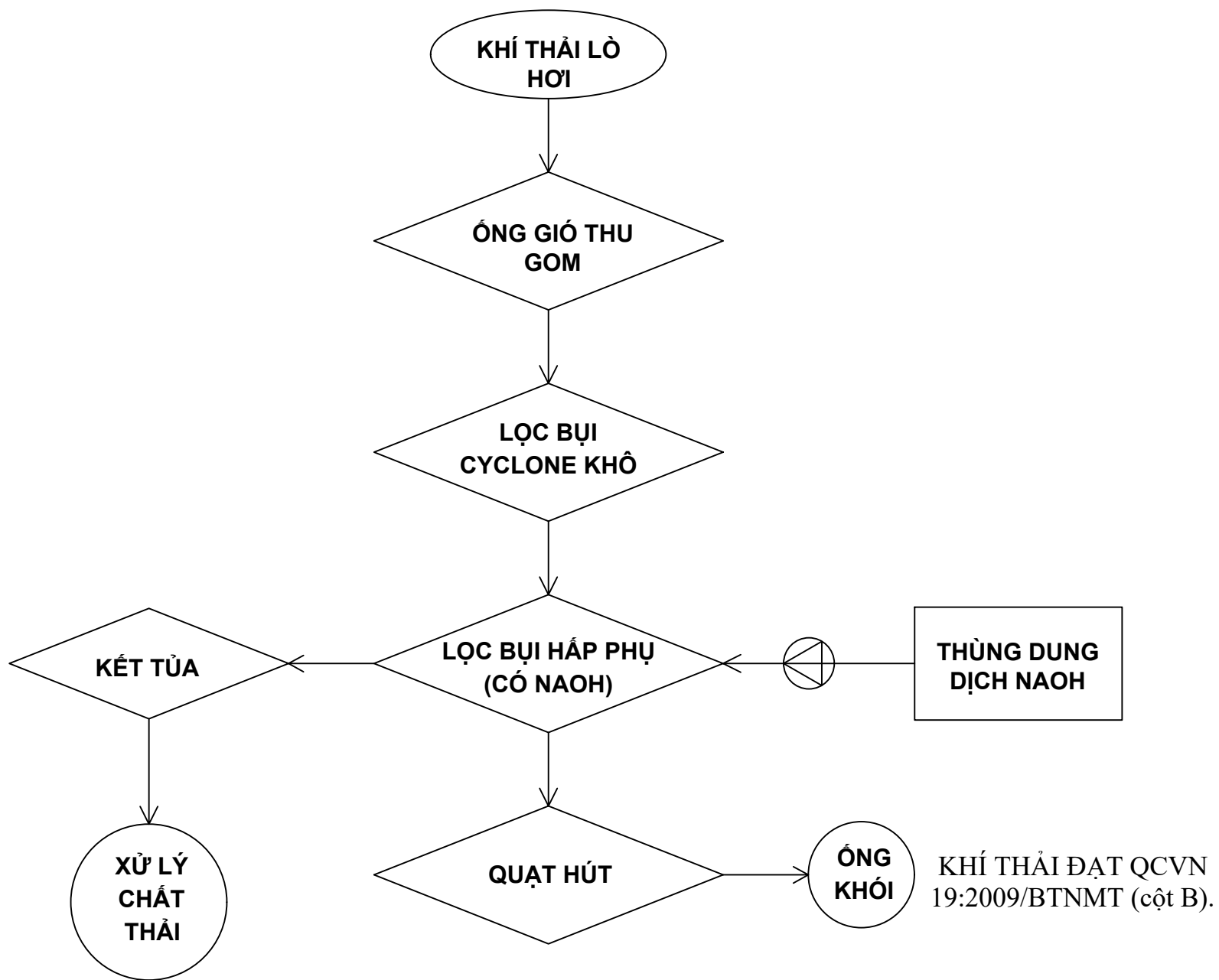
ĐƠN VỊ THI CÔNG

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
CÔNG TY TNHH MTV
MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
CÔNG TY TNHH MTV
MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
CÔNG XÂY DỰNG
TIỀN QUANG
CÔNG TY TNHH MTV
MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Vũ Thị Hiệp

Nguyễn Văn Nhật



HƯNG LỢI				CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG			
CN	TÊN	KÝ	NGÀY	Hệ thống xử lý khí thải	S. LƯỢNG	K. LƯỢNG	TỶ LỆ
TKV					01	...	1:60
KSV							
TPKT				SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ	Tờ số:		Số tờ:
TPSX	N.T.V.VŨ				HL-KM/TLK.00.00		
GD	N.T. PHONG						



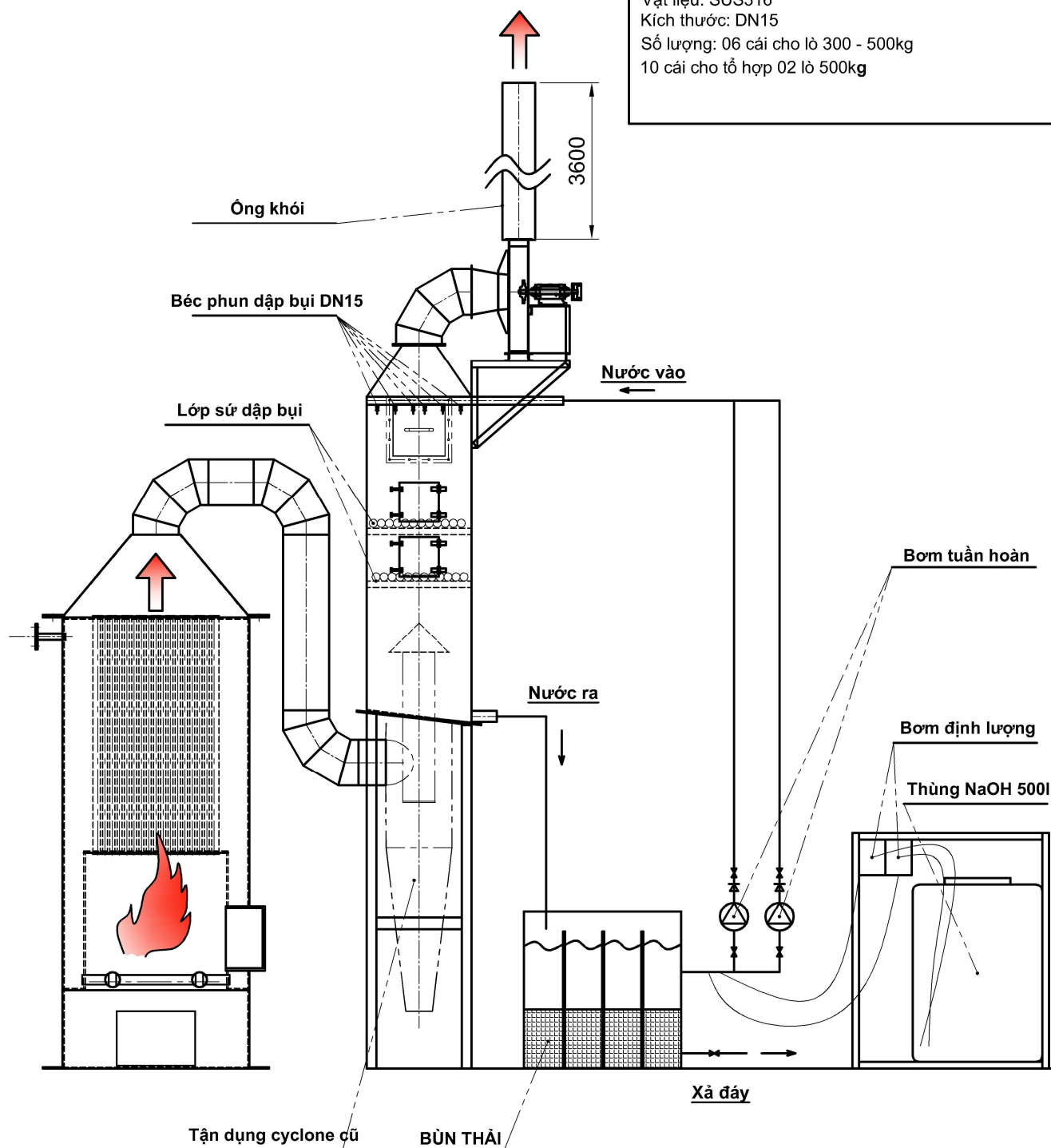
Mẫu béc phun dập bụi

Vật liệu: SUS316

Kích thước: DN15

Số lượng: 06 cái cho lò 300 - 500kg

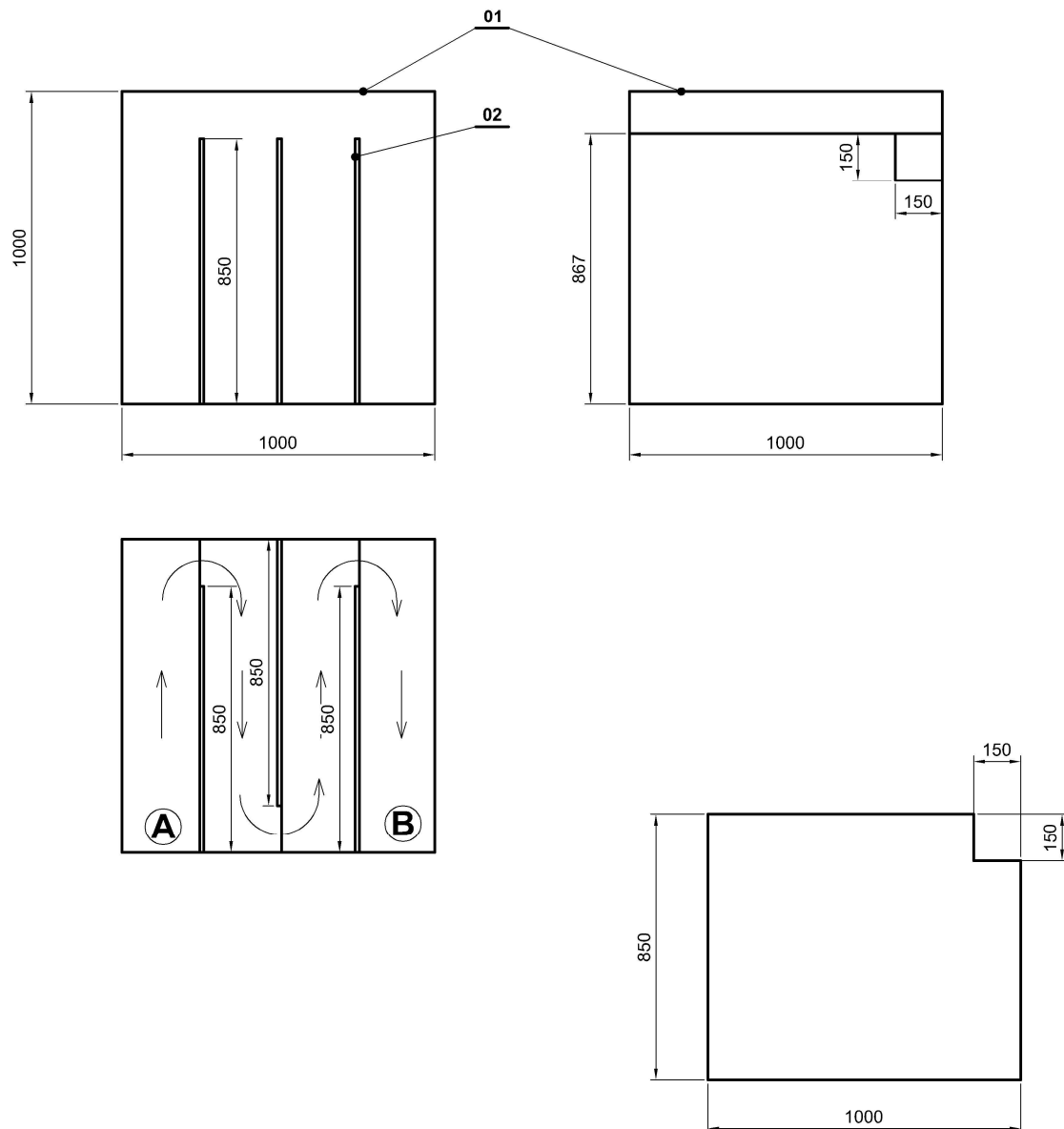
10 cái cho tổ hợp 02 lò 500kg



HUNG LOI

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

CN	TÊN	KÝ	NGÀY	XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI			S. LƯỢNG	K. LƯỢNG	TỶ LỆ
TKV	N.T.PHÚC						04	...	1:40
KSV	N.V.TRƯỜNG								
TPKT	N.T.V.VŨ								
TPSX									
GD	N.T.PHONG								
				BẢN VẼ NGUYÊN LÝ			HL-XLKT/HT.00		



Ghi chú:

Nước chứa bụi từ tháp hấp thụ được cấp xuống vị trí A.
 Sau khi đi qua 01 vách zigzag, bụi được lắng trong các ngăn đến vị trí B.
 Tại B: nước được tiếp tục hút đi hấp thụ khí thải bằng bơm tuần hoàn.
 Vận hành: người vận hành vệ sinh bể lắng định kỳ 01 lần/ tháng.

02		Chi tiết 02	03		INOX304	
01		Tấm INOX 304 1000x1000x2mm (phủ bì)	05		INOX304	
TT	KÝ HIỆU	TÊN GỌI - QUY CÁCH	S.LG	K.LG	V.LIỆU	GHI CHÚ
HUNG LOI			CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG			
CN	TÊN	KÝ	NGÀY	XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI		
TKV	N.T.PHÚC					
KSV	N.V.TRƯỜNG			BẢN VẼ NGUYÊN LÝ THÙNG LỌC BỤI		
TPKT	N.T.V.VŨ					
TPSX				Tờ số: 01 Số tờ: 01 HL-XLKT/HT.00		
GĐ	N.T.PHONG					